

QUYÊN 3

(Quyên Năm-Uẩn)

(KHANDHA-VAGGA)

VỀ BẢN DỊCH SN

- Bản dịch Việt này dựa vào phiên bản Pāli-Anh của nhà sư Tỳ Kheo Bồ-Đề (*Bhikkhu Bodhi*, đại trưởng lão, học giả, dịch giả uyên thâm, nhà từ thiện). Có nhiều chỗ tham chiếu với các phiên bản của nhà sư Ajahn Sujato và PTS.

- Để quý vị hình dung nhanh: Bộ Kinh SN này có 05 *QUYỂN* lớn (Vagga); mỗi *QUYỂN* lớn được đặt tên theo tên của *CHƯƠNG đầu tiên* của nó (cũng là chương lớn nhất). Toàn bộ kinh có 56 *CHƯƠNG*. Mỗi chương là đồng nghĩa với một *LIÊN-KẾT* (tương ứng) theo một chủ-đề chính nào đó (ví dụ: liên-kết Nhân Duyên, liên-kết Ca-Diếp, liên-kết Gia Chủ Citta...). Trong nhiều chương lại có các *NHÓM kinh* (vagga, phạm). Bản dịch Việt này đánh số *CHƯƠNG* trùng với số *LIÊN-KẾT* luôn.

- Các giải thích trong ngoặc tròn (...) là của người dịch, chỉ để làm rõ thêm nghĩa của câu hay chữ chỗ đó.

- Các giải thích, diễn dịch, và cả những phân chú thích cuối sách, trong ngoặc vuông [...] là của thầy Tỳ Kheo Bồ-Đề (có chỗ ghi luôn [TKBĐ]).

- Các chú giải thuộc các giảng luận (như **Spk**, **Spk-Pṭ**...) thì đã được ghi rõ ngay đầu câu.

- Có những số hiệu và thông tin của các kinh được TKBĐ dẫn ra trong các chú thích để chỉ ra sự trùng lặp, so sánh, đối chiếu... là theo các số hiệu của PTS (như đã giải thích trong “*BẢNG VIẾT TẮT*” ở cuối sách). Người dịch Việt cũng cố gắng đưa ra những số hiệu kinh tương ứng trong bản dịch Pāli-Anh của TKBĐ (như các bản dịch Việt) khi có thể.

- Cuối mỗi chú thích của bản dịch Việt có ghi một số trong ngoặc tròn, ví dụ: (8), (241) ... , đó là số của các chú thích trong phiên bản Pāli-Anh của TKBĐ. Mục đích để cho những người đọc muốn đối chiếu chúng với những chú thích tiếng Việt.

- Một số chữ Hán-Việt đã rất quen dùng bởi các Phật tử Việt Nam thì được người dịch mở ngoặc ghi thêm, ví dụ: sự tạo-tác cố-ý (hành), những hiện-tượng (các pháp), nhận-thức (tưởng), điều-kiện (duyên) ...

+ Lời nhắn gửi của người dịch: *người tu học nên lần lượt đọc hết những lời dạy của Phật*, một cách không mấy khó khăn. Mỗi ngày dành ít thời gian đọc một *liên-kết* (chương) dài hay vài *liên-kết* ngắn, thì trong số ít ngày quý vị sẽ đọc hết bộ kinh. Số kinh tóm-lược là rất nhiều, nhưng quý vị chỉ cần nhìn lướt qua. Bản dịch Việt này ai cũng có thể đọc hiểu được. Đọc qua các kinh sẽ có một cách-nhìn bao quát hơn mà sâu sắc và đúng đắn hơn về đạo Phật, nhìn thấy những giáo lý đích thực của Phật để tu hành.

Do bộ kinh có nhiều liên-kết các chủ-đề khác nhau nên quý vị có thể chọn bất kỳ quyển nào hoặc trong một quyển đó có thể chọn những chủ-đề nào mình quan tâm để đọc trước. Ví dụ, nếu quý vị muốn đọc về các phẩm-chất để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu thì có thể đọc liên-kết ‘Nhập-lưu’, về Mục-kiền-liên thì đọc liên-kết ‘Mục-kiền-liên’ ...

+ Nên *đọc một bài kinh từ đầu đến cuối* để nắm được nghĩa chính của kinh, ngay cả khi có chữ nào khó hiểu. Vì nếu cứ dừng lại để tra chú thích những chữ đó thì người đọc có thể bị lạc khỏi chủ đề của kinh, do tâm trí chúng ta hay chuyền nhảy qua các chủ đề và liên tưởng khác khi đọc các chú thích này nọ. Nếu có câu nào, chữ nào, hay thuật ngữ nào không hiểu thì nên đọc chú thích để hiểu. Nếu đã đọc và hiểu nghĩa các câu chữ thì không cần phải tra cứu chú thích, vì đa phần những chú thích chỉ là những diễn dịch và giải thích của các giảng luận sau kinh.

+ Là phước lành lớn lao nhất trong muôn vàn kiếp, người dịch đã gặp gỡ và hưởng dụng đại công trình dịch thuật tận tâm và kỹ càng nhất của Ngài Tỳ Kheo Bò-Đề từ Tạng Kinh Pāli, dựa vào đó dịch các bộ kinh ra tiếng Việt phổ thông. Mãi mãi biết ơn và cảm niệm công đức như thái dương của thầy.

*Nhà Bè, Mùa mưa 2018 (PL 2562)
(hiệu đính và in 2020)*

MỤC LỤC

Về Bản Dịch SN	v
Chương 22. Liên Kết UẨN	1
PHẦN I. ‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’	3
NHÓM 1. NHÓM ‘NAKULAPITĀ’ (Nakulapitā-vagga).....	3
1 (1) Gia Chủ Nakulapitā.....	3
2 (2) Ở Devadaha	8
3 (3) Gia Chủ Hāliddakāni (1).....	12
4 (4) Gia Chủ Hāliddakāni (2).....	16
5 (5) Sự Định Tâm.....	17
6 (6) Sự Ẩn Dật (sự tách ly, ẩn cư, ẩn tu).....	19
7 (7) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (1)	20
8 (8) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (2)	22
9 (9) Vô-Thường Trong Ba Thời.....	23
10 (10) Khổ Trong Ba Thời	24
11 (11) Vô-Ngã Trong Ba Thời	24
NHÓM 2. NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’ (Anicca-vagga)	26
12 (1) Vô-Thường	26
13 (2) Khổ	26
14 (3) Vô-Ngã	27
15 (4) Thứ Gì Vô-Thường.....	27
16 (5) Thứ Gì Khổ	27
17 (6) Thứ Gì Vô-Ngã	28
18 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân	29

19	(8) <i>Khổ Là Có Nguyên Nhân</i>	29
20	(9) <i>Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân</i>	29
21	(10) <i>Ānanda</i>	30
NHÓM 3. NHÓM ‘GÁNH NẶNG’ (<i>Bhāra-vagga</i>)		32
22	(1) <i>Gánh Nặng</i>	32
23	(2) <i>Hoàn-Toàn Hiểu</i>	33
24	(3) <i>Trực-Tiếp Biết</i>	34
25	(4) <i>Tham Muốn và Nhục Dục</i>	34
26	(5) <i>Sự Thỏa Thích... (1)</i>	35
27	(6) <i>Sự Thỏa Thích... (2)</i>	36
28	(7) <i>Sự Thỏa Thích... (3)</i> (nếu không có)	37
29	(8) <i>Khoái-lạc</i> (sự khoái thích)	38
30	(9) <i>Sự Khởi Sinh</i> (của sự khổ)	38
31	(10) <i>Gốc Rễ Của Sự Thống Khổ</i>	39
32	(11) <i>Sự Mong Manh</i>	39
NHÓM 4. NHÓM ‘KHÔNG PHẢI LÀ CỦA-TA’ (<i>Natumhāka-</i>		
<i>vagga</i>)		41
33	(1) <i>Không Phải Là ‘Của-Ta’ (1)</i>	41
34	(2) <i>Không Phải Là ‘Của-Ta’ (2)</i>	42
35	(3) <i>Một Tỳ Kheo Nọ (1)</i>	42
36	(4) <i>Một Tỳ Kheo Nọ (2)</i>	44
37	(5) <i>Ānanda (1)</i>	45
38	(6) <i>Ānanda (2)</i>	46
39	(7) <i>Đúng Theo Giáo Pháp (1)</i>	48
40	(8) <i>Đúng Theo Giáo Pháp (2)</i>	48
41	(9) <i>Theo Đúng Giáo Pháp (3)</i>	49

42	(10) Theo Đúng Giáo Pháp (4)	49
NHÓM 5. NHÓM ‘CHÍNH MÌNH LÀ HÒN ĐẢO’ (Attadīpa-		
vagga)50		
43	(1) Lấy Chính Mình Là Hòn Đảo	50
44	(2) Cách Nhìn Nhận	51
45	(3) Vô-Thường (1)	52
46	(4) Vô-Thường (2)	53
47	(5) Những Cách Nhìn Nhận Các Thứ	54
48	(6) Các Uẩn	56
49	(7) Soṇa (1)	57
50	(8) Soṇa (2)	59
51	(9) Tiêu Diệt Khoái Lạc (1)	60
52	(10) Tiêu Diệt Khoái Lạc (2)	60
PHẦN II. ‘NĂM MƯƠI KINH GIỮA’63		
NHÓM 1. NHÓM ‘NAKULAPITĀ’ (Upaya-vagga)63		
53	(1) Sự Dính Lúu	63
54	(2) Mầm Giống (chủng tử)	64
55	(3) Lời Cảm Hứng Nói Ra (tự thuyết)	66
56	(4) Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn	70
57	(5) Bảy Trường Hợp	75
58	(6) Bạc Toàn Giác	79
59	(7) Đặc Tính Vô-Ngã (vô ngã tướng)	81
60	(8) Mahāli	83
61	(9) Bốc Cháy	85
62	(10) Những Đường Chử Nghĩa	86
NHÓM 2. NHÓM ‘A-LA-HÁN’ (Arahanta-vagga)88		

63	(1) <i>Khi Dính Chấp</i>	88
64	(2) <i>Khi Suy Tưởng</i>	89
65	(3) <i>Khi Tìm Cầu Khoái-lạc (Sự Vui Thú)</i>	91
66	(4) <i>Vô-Thường</i>	92
67	(5) <i>Khổ</i>	93
68	(6) <i>Vô-Ngã</i>	93
69	(7) <i>Thứ Không Thuộc Về ‘Ta’</i>	93
70	(8) <i>Thứ Có Vẻ Khiêu Gợi</i>	93
71	(9) <i>Rādhā</i>	94
72	(10) <i>Surādhā</i>	95
NHÓM 3. NHÓM ‘ĐANG BỊ NHAI NUỐT’ (<i>Khajjanīya-vagga</i>)		
.....		97
73	(1) <i>Sự Thỏa Thích...</i>	97
74	(2) <i>Nguồn Gốc... (1)</i>	97
75	(3) <i>Nguồn Gốc... (2)</i>	98
76	(4) <i>Những A-la-hán (1)</i>	98
77	(5) <i>Những A-la-hán (2)</i>	100
78	(6) <i>Sư Tử</i>	100
79	(7) <i>Đang Bị Nhai Nuốt</i>	102
80	(8) <i>Người Khất Thực (xin ăn)</i>	107
81	(9) <i>Ở Pārileyya</i>	111
82	(10) <i>Đêm Rằm</i>	116
NHÓM 4. NHÓM ‘CÁC TRƯỞNG LÃO’ (<i>Thera-vagga</i>)		123
83	(1) <i>Ngài Ānanda</i>	123
84	(2) <i>Ngài Tissa</i>	124
85	(3) <i>Ngài Yamaka</i>	127

86	(4) Ngài A-nậu-lâu-đà.....	135
87	(5) Ngài Vakkali	137
88	(6) Ngài Assaji	143
89	(7) Ngài Khemaka	144
90	(8) Ngài Channa	149
91	(9) Ngài Rāhula (1)	152
92	(10) Ngài Rāhula (2)	153
NHÓM 5. NHÓM ‘HOA’ (Puppha-vagga).....		154
93	(1) Dòng Sông.....	154
94	(2) Hoa	155
95	(3) Bọt Nước... ..	156
96	(4) Phân Bò.....	160
97	(5) Móng Tay	163
98	(6) Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản).....	165
99	(7) Dây Xích (1)	165
100	(8) Dây Xích (2).....	166
101	(9) Cán Rìu (hay Con Thuyền).....	168
102	(10) Nhận Thức Về Sự Vô-Thường.....	171
PHẦN III. ‘NĂM MƯƠI KINH CUỐI’		175
NHÓM 1. NHÓM ‘CÁC PHẦN’ (Anta-vagga)		175
103	(1) Các Phần	175
104	(2) Khổ.....	176
105	(3) Danh Tính	177
106	(4) Nên Được Hiểu Hoàn-Toàn.....	177
107	(5) Các Tu Sĩ (1).....	178
108	(6) Các Tu Sĩ (Sa-môn) (2).....	178

109	(7) <i>Người Nhập-Lưu</i>	179
110	(8) <i>A-la-hán</i>	179
111	(9) <i>Đẹp Bỏ Tham Muốn (1)</i>	180
112	(10) <i>Đẹp Bỏ Tham Muốn (2)</i>	180
NHÓM 2. NHÓM ‘NGƯỜI THUYẾT PHÁP’ (<i>Dhammakathika-</i>		
<i>vagga</i>)		181
113	(1) <i>Vô Minh</i>	181
114	(2) <i>Sự Hiểu Biết Đích Thực (minh)</i>	181
115	(3) <i>Người Thuyết Pháp (1)</i>	182
116	(4) <i>Người Thuyết Pháp (2)</i>	183
117	(5) <i>Sự Ràng Buộc</i>	183
118	(6) <i>Chất Vấn (1)</i>	184
119	(7) <i>Chất Vấn (2)</i>	185
120	(8) <i>Những Thứ Gông Cùm</i>	186
121	(9) <i>Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp Vào Đó</i>	186
122	(10) <i>Có Giới Hạnh</i>	187
123	(11) <i>Đã Được Chỉ Dạy</i>	189
124	(12) <i>Kappa (1)</i>	189
125	(13) <i>Kappa (2)</i>	190
NHÓM 3. NHÓM ‘VÔ MINH’ (<i>Avijjā-vagga</i>)		191
126	(1) <i>Thuộc Tính Khởi Sinh (1)</i>	191
127	(2) <i>Thuộc Tính Khởi Sinh (2)</i>	192
128	(3) <i>Thuộc Tính Khởi Sinh (3)</i>	193
129	(4) <i>Sự Thỏa Thích... (1)</i>	193
130	(5) <i>Sự Thỏa Thích... (2)</i>	193
131	(6) <i>Sự Khởi Sinh... (1)</i>	194

132	(7) <i>Sự Khởi Sinh... (2)</i>	194
133	(8) <i>Ngài Câu-hi-la (Kotṭhita) (1)</i>	195
134	(9) <i>Ngài Câu-hi-la (Kotṭhita) (2)</i>	195
135	(10) <i>Ngài Câu-hi-la (Kotṭhita) (3)</i>	195
NHÓM 4. NHÓM ‘THAN CHÁY ĐỎ’ (Kukkuḷa-vagga).....		197
136	(1) <i>Than Cháy Đỏ</i>	197
137	(2) <i>Vô-Thường (1)</i>	197
138	(3) <i>Vô-Thường (2)</i>	198
139	(4) <i>Vô-Thường (3)</i>	198
140	(5) <i>Khổ (1)</i>	198
141	(6) <i>Khổ (2)</i>	198
142	(7) <i>Khổ (3)</i>	198
143	(8) <i>Vô-Ngã (1)</i>	199
144	(9) <i>Vô-Ngã (2)</i>	199
145	(10) <i>Vô-Ngã (3)</i>	199
146	(11) <i>Thảm Nhuận Trong Sự Ghê-Sợ</i>	199
147	(12) <i>Quán Xét Sự Vô-Thường</i>	200
148	(13) <i>Quán Xét Sự Khổ</i>	200
149	(14) <i>Quán Xét Sự Vô-Ngã</i>	200
NHÓM 5. NHÓM ‘CÁCH NHÌN’ (Ditṭhi-vagga).....		202
150	(1) <i>Ở Bên Trong</i>	202
151	(2) <i>Đây Là “Của-Ta”</i>	203
152	(3) <i>Cái ‘Ta’</i>	204
153	(4) <i>Nếu Điều Đó Không Là Vậy Đối Với Ta</i>	205
154	(5) <i>Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến)</i>	206
155	(6) <i>Cách Nhìn Danh Tính (thân kiến)</i>	207

156	(7) <i>Cách Nhìn Cái ‘Ta’</i> (ngã kiến)	207
157	(8) <i>Sự Cố Chấp</i> (1)	207
158	(9) <i>Sự Cố Chấp</i> (2)	208
159	(10) <i>Ānanda</i>	208
Chương 23. Liên Kết RĀDHA		211
NHÓM 1. NHÓM ‘MA-VƯƠNG THỨ NHẤT’ (<i>Paṭhama-Māra-</i>		
<i>vagga</i>)		213
1	(1) <i>Ma Vương</i>	213
2	(2) <i>Một Chúng Sinh</i>	214
3	(3) <i>Đường Dẫn Tới Sự Hiện-Hữu</i>	215
4	(4) <i>Nên Được Hiểu Hoàn Toàn</i>	216
5	(5) <i>Tu Sĩ (Sa-môn)</i> (1)	216
6	(6) <i>Tu Sĩ (Sa-môn)</i> (2)	216
7	(7) <i>Bậc Nhập-Lưu</i>	216
8	(8) <i>Bậc A-la-hán</i>	216
9	(9) <i>Tham-Dục</i> (1)	216
10	(10) <i>Tham-Dục</i> (2) - (SN 23:04—23:10)	216
NHÓM 2. NHÓM ‘MA-VƯƠNG THỨ HAI’ (<i>Dutiya-Māra-</i>		
<i>vagga</i>)		217
11	(1) <i>Ma Vương</i>	217
12	(2) <i>Sẽ Bị Ma Vương</i>	217
13	(3) <i>Vô Thường</i>	218
14	(4) <i>Thuộc Bản Chất Vô Thường</i>	218
15	(5) <i>Khổ</i>	219
16	(6) <i>Thuộc Bản Chất Khổ</i>	219
17	(7) <i>Vô-Ngã</i>	220

18	(8) <i>Thuộc Bản Chất Vô-Ngã</i>	220
19	(9) <i>Sẽ Bị Hoại Diệt</i>	221
20	(10) <i>Sẽ Bị Biến Mất</i>	221
21	(11) <i>Sẽ Có Khởi Sinh</i>	222
22	(12) <i>Sẽ Bị Chấm Dứt</i>	222
NHÓM 3. NHÓM ‘YÊU CẦU’ (<i>Āyācana-vagga</i>)		224
23	(1) <i>Ma Vương</i>	224
24	(2) <i>Sẽ Bị Ma Vương</i>	224
25	(3) <i>Vô Thường</i>	224
26	(4) <i>Thuộc Bản Chất Vô Thường</i>	224
27	(5) <i>Khổ</i>	225
28	(6) <i>Thuộc Bản Chất Khổ</i>	225
29	(7) <i>Vô Ngã</i>	225
30	(8) <i>Thuộc Bản Chất Vô Ngã</i>	225
31	(9) <i>Sẽ Bị Hoại Diệt</i>	225
32	(10) <i>Sẽ Bị Biến Mất</i>	225
33	(11) <i>Sẽ Có Khởi Sinh</i>	225
34	(12) <i>Sẽ Bị Chấm Dứt</i> - (SN 23:24—23:34)	225
NHÓM 4. NHÓM ‘NGỒI BÊN CẠNH’ (<i>Upanisinna-vagga</i>)		226
35	(1) <i>Ma Vương</i>	226
36	(2) <i>Sẽ Bị Ma Vương</i>	226
37	(3) <i>Vô Thường</i>	226
38	(4) <i>Thuộc Bản Chất Vô Thường</i>	226
39	(5) <i>Khổ</i>	226
40	(6) <i>Thuộc Bản Chất Khổ</i>	226
41	(7) <i>Vô Ngã</i>	226

42	(8) <i>Thuộc Bản Chất Vô Ngã</i>	226
43	(9) <i>Sẽ Bị Hoại Diệt</i>	226
44	(10) <i>Sẽ Bị Biến Mất</i>	226
45	(11) <i>Sẽ Có Khởi Sinh</i>	226
46	(12) <i>Sẽ Bị Châm Dứt - (SN 23-36—23:46)</i>	227
Chương 24. Liên Kết CÁCH-NHÌN		229
NHÓM 1. NHÓM ‘NHẬP-LƯU’ (Sotāpatti-vagga).....		231
1	(1) <i>Gió...</i>	231
2	(2) <i>Đây Là ‘Của-Ta’</i>	232
3	(3) <i>Đây Là Cái ‘Ta’ (ngã, bản ngã)</i>	233
4	(4) <i>Điều Đó Đã Không Là Vây Đối Với Ta</i>	234
5	(5) <i>Không Có</i>	234
6	(6) <i>Hành Động (nghiệp)</i>	236
7	(7) <i>Nguyên Nhân (nhân)</i>	237
8	(8) <i>Cách Nhìn Lớn Lao (đại tà kiến)</i>	238
9	(9) <i>Thế Giới Là Bất Diệt</i>	240
10	(10) <i>Thế Giới Là Không Bất Diệt</i>	241
11	(11) <i>Thế Giới Là Hữu Hạn</i>	241
12	(12) <i>Thế Giới Là Vô Hạn</i>	241
13	(13) <i>Linh Hồn và Thể Xác Là Một</i>	242
14	(14) <i>Linh Hồn và Thể Xác Là Khác Nhau</i>	242
15	(15) <i>Như Lai Còn Hiện Hữu</i>	243
16	(16) <i>Như Lai Không Còn Hiện Hữu</i>	243
17	(17) <i>Như Lai Vừa Hiện Hữu Vừa Không Hiện Hữu</i>	244
18	(18) <i>Như Lai Không Còn Hiện Hữu Cũng Không Phải Không Còn Hiện Hữu</i>	244

NHÓM 2. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG HAI’ (Dutiya-Gamana-vagga)	247
19 (1) Gió... ..	247
20 (2) Đây Là ‘Của Ta’ — cho tới kinh 36 (18)	248
37 (19) Một Cái ‘Ta’ Gồm Có Thân-Sắc	248
38 (20) Cái ‘Ta’ Là Vô Sắc	248
39 (21) Cái ‘Ta’ Vừa Có Thân-Sắc Vừa Không Có Thân-Sắc 249	
40 (22) Cái ‘Ta’ Không Có Thân-Sắc Cũng Không Phải Không Có Thân-Sắc	249
41 (23) Chỉ Có Sương... ..	249
42 (24) Chỉ Có Khổ	250
43 (25) Có Khổ và Sương	250
44 (26) Không Sương, Không Khổ	250
NHÓM 3. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BA’ (Tatiya-Gamana-vagga)	251
45 (1) Gió... ..	251
46 (2) Đây Là “Của-Ta” — cho đến 70 (26)	252
NHÓM 4. NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BỐN’ (Catuttha-Gamana-vagga)	253
71 (1) Gió... ..	253
72 (2) Đây là ‘Của-Ta’ — cho đến 96 (26)	254
Chương 25. Liên Kết NHẬP-VÀO	255
1 Mắt... ..	257
2 Những Hình-Sắc... ..	258
3 Thức	258

4	<i>Tiếp-Xúc</i>	259
5	<i>Cảm-Giác</i>	259
6	<i>Nhận-Thức</i>	260
7	<i>Sự Cố-Ý</i> (tư)	260
8	<i>Dục-Vọng</i> (ái)	260
9	<i>Các Yếu-Tố</i> (giới)	261
10	<i>Các Uẩn</i>	261
Chương 26. Liên Kết KHỞI-SINH.....		263
1	<i>Mắt</i>	265
2	<i>Những Hình-Sắc</i>	265
3	<i>Thức</i>	266
4	<i>Tiếp-Xúc</i>	266
5	<i>Cảm-Giác</i>	266
6	<i>Nhận-Thức</i>	267
7	<i>Sự Cố-Ý</i> (tư)	267
8	<i>Dục-Vọng</i> (ái)	268
9	<i>Các Yếu-Tố</i> (giới)	268
10	<i>Các Uẩn</i>	269
Chương 27. Liên Kết Ô-NHIỄM		271
1	<i>Mắt</i>	273
2	<i>Những Hình-Sắc</i>	273
3	<i>Thức</i>	273
4	<i>Tiếp-Xúc</i>	274
5	<i>Cảm-Giác</i>	274
6	<i>Nhận-Thức</i>	274
7	<i>Sự Cố-Ý</i> (tư)	275

8	<i>Dục-Vọng</i> (tư).....	275
9	<i>Các Yếu-Tố</i> (giới).....	276
10	<i>Các Uẩn</i>	276
Chương 28. Liên Kết XÁ-LỢI-PHÁT.....		277
1	<i>Được Sinh Ra Từ Sự Tách-Ly ...</i> (Nhất thiên).....	279
2	<i>Không Còn Ý-Nghĩ (tâm)...</i> (Nhị thiên).....	280
3	<i>Sự Hoan-Hỷ (hỷ)...</i> (Tam thiên).....	280
4	<i>Sự Buông-Xả (xả)...</i> (Tứ thiên).....	281
5	<i>Cảnh Xứ Vô Biên Của Không-Gian</i> (không vô biên xứ) ...	282
6	<i>Cảnh Xứ Vô Biên Của Thức</i> (thức vô biên xứ).....	282
7	<i>Cảnh Xứ Trống-Không</i> (vô sở hữu xứ).....	283
8	<i>Cảnh Xứ Không Có Nhận-Thức Cũng Không Phải Không Còn Nhận-Thức</i> (phi tướng phi phi tướng xứ).....	283
9	<i>Chứng Đắc Sự Chấm-Dứt</i> (diệt thọ tướng).....	284
10	<i>Nữ Du Sĩ Sucimukhī</i>	285
Chương 29. Liên Kết RỒNG NĀGA.....		287
1	<i>Bản Kinh Tóm Gọn</i> (đơn giản).....	289
2	<i>Tốt Hơn</i>	289
3	<i>Uposatha (Bố-tát) (1)</i>	289
4	<i>Uposatha (Bố-tát) (2)</i>	290
5	<i>Uposatha (Bố-tát) (3)</i>	290
6	<i>Uposatha (Bố-tát) (4)</i>	290
7	<i>Ngươi Đó Đã Nghe (1)</i>	290
8	<i>Ngươi Đó Đã Nghe (2)</i>	291
9	<i>Ngươi Đó Đã Nghe (3)</i>	291
10	<i>Ngươi Đó Đã Nghe (4)</i>	291

11 — 20	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (1)</i> (mà tái sinh...)	291
21 — 50	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (2), (3), (4)</i> (mà tái sinh...)	292
Chương 30. Liên Kết CHIM-THẦN		293
1	<i>Bản Kinh Tóm Gọn</i> (đơn giản)	295
2	<i>Chúng Gặp Rồng Naga</i>	295
3	<i>Lấn Lộn Thiện-Ác (1)</i>	295
4 — 6	<i>Lấn Lộn Thiện-Ác (2), (3), (4)</i>	296
7 — 16	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (1)</i> (mà tái sinh...)	296
17 — 46	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (2), (3), (4)</i> (mà tái sinh...)	297
Chương 31. Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ		299
1	<i>Bản Kinh Tóm Gọn</i> (đơn giản)	301
2	<i>Hành Vi Thiện</i>	301
3	<i>Người Bồ Thí (1)</i>	302
4 — 12	<i>Người Bồ Thí (2)...(10)</i>	303
13 — 22	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (1)</i> (mà tái sinh...)	303
23 — 112	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (2)</i> (mà tái sinh...)	304
Chương 32. Liên Kết THIÊN THẦN MÂY		305
1	<i>Bản Kinh Tóm Gọn</i> (đơn giản)	307
2	<i>Hành Vi Thiện</i>	307
3 — 12	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (1)</i> (mà tái sinh...)	307
13 — 52	<i>Nhờ Sự Bồ-Thí (2)</i> (mà tái sinh...)	307
53	<i>Các Thiên Thần Mây-Mát</i>	308
54	<i>Các Thiên Thần Mây-Ấm</i>	308
55	<i>Các Thiên Thần Mây-Bão</i>	309
56	<i>Các Thiên Thần Mây-Gió</i>	309

57	<i>Các Thiên Thân Mây-Mưa</i>	309
Chương 33. Liên Kết VACCHAGOTTA		311
1	<i>Do Không Hiểu-Biết (1)</i>	313
2	<i>Do Không Hiểu-Biết (2)</i>	313
3	<i>Do Không Hiểu-Biết (3)</i>	314
4	<i>Do Không Hiểu-Biết (4)</i>	314
5	<i>Do Không Hiểu-Biết (5)</i>	314
6 — 10	<i>Do Không Nhìn-Thấy (năm uẩn)</i>	315
11 — 15	<i>Do Không Đột-Phá Vào (năm uẩn)</i>	315
16 — 20	<i>Do Không Nắm-Rõ (năm uẩn)</i>	315
21 — 25	<i>Do Không Thâm-Nhập Vào</i>	316
26 — 30	<i>Do Không Nhận-Thấy Được</i>	316
31 — 35	<i>Do Không Phân-Biệt Ra [đối xử]</i>	316
36 — 40	<i>Do Không Phân-Biệt [sự khác nhau]</i>	316
41 — 45	<i>Do Không Soi-Xét</i>	316
46 — 50	<i>Do Không Soi-Xét Kỹ Càng</i>	316
51 — 55	<i>Do Không Trực Tiếp Nhận-Biết</i>	316
Chương 34. Liên Kết THIÊN-ĐỊNH		317
1	<i>Chứng-Đắc tương quan với Định-Tâm</i>	319
2	<i>Duy-Trì tương quan với Định-Tâm</i>	319
3	<i>Thoát-Ra tương quan với Định-Tâm</i>	320
4	<i>Mềm-Dẻo tương quan với Định-Tâm</i>	321
5	<i>Đối-Tượng tương quan với Định-Tâm</i>	321
6	<i>Phạm-Vi tương quan với Định-Tâm</i>	321
7	<i>Quyết-Tâm tương quan với Định-Tâm</i>	321

8	<i>Chu-Đáo tương quan với Định-Tâm</i>	321
9	<i>Kiên-Trì tương quan với Định-Tâm</i>	321
10	<i>Thích-Hợp tương quan với Định-Tâm</i>	322
11	<i>Duy-Trì tương quan với Chứng-Đắc</i>	322
12	<i>Thoát-Ra tương quan với Chứng-Đắc</i>	323
13	<i>Mềm-Dẻo tương quan với Chứng-Đắc</i>	323
14	<i>Đối-Tượng tương quan với Chứng-Đắc</i>	323
15	<i>Phạm-Vi tương quan với Chứng-Đắc</i>	323
16	<i>Quyết-Tâm tương quan với Chứng-Đắc</i>	324
17	<i>Chu-Đáo tương quan với Chứng-Đắc</i>	324
18	<i>Kiên-Trì tương quan với Chứng-Đắc</i>	324
19	<i>Thích-Hợp tương quan với Chứng-Đắc</i>	324
20	<i>Thoát-Ra tương quan với Duy-Trì</i>	324
21 — 27	<i>Mềm Dẻo tương quan với Duy-Trì</i>	325
28	<i>Mềm-Dẻo tương quan với Thoát-Ra</i>	325
29 — 34	<i>Đối-Tượng tương quan với Thoát-Ra</i>	326
35	<i>Đối-Tượng tương quan với Mềm-Dẻo</i>	326
36 — 40	<i>Phạm-Vi tương quan với Mềm-Dẻo</i>	327
41	<i>Phạm-Vi tương quan với Đối-Tượng</i>	327
42 — 45	<i>Quyết-Tâm tương quan với Đối-Tượng</i>	328
46	<i>Quyết-Tâm tương quan với Phạm-Vi</i>	328
47 — 49	<i>Chu-Đáo tương quan với Phạm-Vi</i>	329
50	<i>Chu-Đáo tương quan với Quyết Tâm</i>	329
51 — 52	<i>Chu-Đáo tương quan với Phạm-Vi</i>	329
53	<i>Kiên-Trì tương quan với Chu-Đáo</i>	330
54	<i>Thích-Hợp tương quan với Chu-Đáo</i>	330

<i>55 Thích-Hợp tương quan với Kiên-Trì.....</i>	<i>331</i>
BẢNG VIẾT TẮT	333
CHÚ THÍCH	339
.....	

*Kính lễ Đức Thế Tôn,
bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác!*

Chương 22

Liên Kết UẨN

(22 *Khandha-saṃyutta*)

(22 *Tương ưng Uẩn*)

PHẦN I

‘NĂM MƯƠI KINH GỐC’

NHÓM 1

NHÓM ‘NAKULAPITĀ’

(*Nakulapitā-vagga*)

1 (1) *Gia Chủ Nakulapitā*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân Bhagga ở vùng Sumsumāragira, ở khu Vườn Nai, trong Khu Rừng Bhesakaḷā. Rồi gia chủ tên Nakulapitā đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào¹ đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:²

“Thưa Thế Tôn, con nay đã già, đã nhiều tuổi, đã gánh nặng năm tháng, đã tiến xa trong tuổi đời, bước vào giai đoạn cuối, khổ đau trong thân, thường bệnh yếu. Con hiếm khi có dịp gặp được đức Thế Tôn và các Tỷ kheo đáng kính. Vậy thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn khởi xướng (giáo giới) cho con, mong đức Thế Tôn chỉ dạy con, vì điều đó sẽ dẫn tới phúc lợi và hạnh phúc lâu dài cho con.”

“Đúng vậy, này gia chủ, đúng là vậy! Thân này của ông bị đau đớn, bị sụt cân, khó nhọc. Nếu có ai vác thân này đi xung quanh và nói nó khỏe mạnh được phút chốc nào, thì điều đó khác gì sự ngu xuẩn? Do vậy, này gia chủ, ông nên tu tập bản thân như vậy: ‘Dù ta bị khổ đau trong thân, tâm ta không bị khổ đau.’ Ông nên tu tập bản thân như vậy.”

Rồi gia chủ Nakulapitā, sau khi thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, cúi chào đức Thế Tôn, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, (và đi về); sau đó ông đến gặp

Ngài Xá-lợi-phất. Sau khi kính chào thầy Xá-lợi-phất, ông ngồi xuống một bên, và thầy Xá-lợi-phất đã nói với ông:

“Này gia chủ, các giác quan của chú tĩnh lặng, da mặt chú trong và sáng. Hôm nay chú đã được đích thân nghe đức Thế Tôn nói chuyện Giáo Pháp phải không?”

“Tại sao không, thưa thầy? Con mới vừa được đức Thế Tôn ‘xức tẩm’ bằng loại thuốc trường sanh là bài Pháp thoại.”

“Loại Pháp thoại nào là thuốc trường sanh mà đức Thế Tôn đã xức tẩm cho chú, này gia chủ?”

“Ở đây, thưa thầy, con đã đến gặp đức Thế Tôn....”

[*Gia chủ Nakulapitā đã lặp lại cuộc nói chuyện của ông và Phật như trên, và nói tiếp:*]

“Thưa thầy, chính thứ thuốc trường sanh là bài Pháp thoại đó đức Thế Tôn đã xức tẩm cho con.”

“Nhưng, này gia chủ, tại sao câu hỏi này không nảy sinh thêm với gia chủ, rằng: theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân và bị khổ đau trong tâm, và theo cách nào là một người bị khổ đau trong thân nhưng không bị khổ đau trong tâm?”

“Thưa thầy, thì chúng con đi đường xa đến đây là để học hiểu ý nghĩa của điều đó từ Ngài Xá-lợi-phất. Cho nên sẽ tốt lành nếu được thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, tôi sẽ nói”

“Dạ, thưa thầy”, gia chủ Nakulapitā đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

(I) (i) “Này gia chủ, theo cách nào một người *bị khổ đau trong thân và trong tâm*? Ở đây, này gia chủ, một người phạm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không

thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *cứ* coi thân-sắc (*sắc*) là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thân-sắc, thân-sắc là ‘của-ta’.³ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thân-sắc người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì [khi] (nhìn thấy) thân-sắc thay đổi và biến đổi, nên [thì] khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(ii) “Người đó *cứ* coi cảm-giác (*thọ*) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc nghĩ cảm-giác là ở trong cái ‘ta’ hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, cảm-giác của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì cảm-giác luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iii) “Người đó *cứ* coi nhận-thức (*tưởng*) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nghĩ nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, nhận-thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì nhận-thức luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iv) “Người đó *cứ* coi những sự tạo-tác cố-ý (*hành*) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác cố-ý, hoặc nghĩ những sự tạo-tác cố-ý là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác cố-ý. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác cố-ý, những sự tạo-tác cố-ý là ‘của ta’.” Trong khi người đó sống bị

ám muội bởi những quan-niệm đó, những sự tạo-tác cố-ý của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì những sự tạo-tác cố-ý luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(v) “Người đó *cứ* coi thức (*thức*) là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của ta.’’ Trong khi người đó sống bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Vì thức luôn thay đổi và biến đổi, nên khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân và khổ đau trong tâm.

(II) (i) “Và, này gia chủ, theo cách nào thì một người *bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm*? Ở đây, này gia chủ, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thân-sắc, thân-sắc là ‘của ta.’’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thân-sắc của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi (nhìn thấy) thân-sắc luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(ii) Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu cảm-giác, hoặc nghĩ cảm-giác là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong cảm-giác. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’

là cảm-giác, cảm-giác là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, cảm-giác của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi cảm-giác luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iii) Người đó *không* coi nhận-thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu nhận-thức, hoặc nghĩ nhận-thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong nhận-thức. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là nhận-thức, nhận-thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, nhận-thức của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi nhận-thức luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(iv) Người đó *không* coi những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu những sự tạo-tác cố-ý, hoặc nghĩ những sự tạo-tác cố-ý là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong những sự tạo-tác cố-ý. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là những sự tạo-tác cố-ý, những sự tạo-tác cố-ý là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, những sự tạo-tác cố-ý của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi những sự tạo-tác cố-ý luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

(v) Người đó *không* coi thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm: ‘Ta’ là thức, thức là ‘của ta’.’ Trong khi người đó sống *không* bị ám muội bởi những quan-niệm đó, thức của người đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức luôn thay đổi và biến đổi, vẫn *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này gia chủ, chính theo cách như vậy là một người bị khổ đau trong thân, nhưng không bị khổ đau trong tâm.

Đây là điều thầy Xá-lợi-phất đã nói. Gia chủ Nakulapitā thấy hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất.

(SN 22:01)

2 (2) Ở *Devadaha*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa xứ dân xứ Thích-Ca, trong một thị trấn của họ có tên là Devadaha; (Devadaha là quê mẹ của Đức Phật). Rồi một số Tỳ kheo đang hướng đi miền tây đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, chúng con muốn đến tỉnh lỵ phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó.” ([cho ba tháng an cư mùa mưa])

“Các thầy đã xin phép thầy Xá-lợi-phất về việc ra đi này chưa?”

“Chưa, thưa Thế Tôn.”

“VẬY HÃY TỚI XIN PHÉP THẦY XÁ-LỢI-PHẤT VỀ VIỆC RA ĐI, NÀY CÁC TỶ KHEO. XÁ-LỢI-PHẤT LÀ TRÍ KHÔN, THẦY ẤY LÀ NGƯỜI TRỢ GIÚP CÁC HUYNH ĐỆ TRONG ĐỜI SỐNG THÁNH THIỆN.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Bấy giờ, vào lúc đó thầy Xá-lợi-phất đang ngồi không xa chỗ đức Thế Tôn, trong chỗ bụi cây ba đậu.⁴ Rồi các Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời nói của đức Thế Tôn, họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và kính chào đức Thế Tôn. Rồi, giữ hướng đức Thế Tôn ở bên phải mình, (và đi ra); rồi họ đến gặp thầy Xá-lợi-phất. Họ chào hỏi với thầy Xá-lợi-phất, và sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Đạo hữu Xá-lợi-phất, chúng tôi muốn đi về tinh lý phía tây để chọn nơi trú ngụ ở đó. Chúng tôi mới xin phép Sư Thầy (tức Phật) rồi.”

“Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ trí khôn, họ thường vẫn hỏi một Tỳ kheo vừa xuất ngoại qua đó—⁵ bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sư thầy của quý vị nói gì, sư thầy dạy những gì?’ Tôi hy vọng các quý thầy đã học hiểu thấu đáo những giáo lý, đã nắm bắt chúng thấu đáo, đã chú tâm chúng thấu đáo, đã quán chiếu (suy xét) chúng thấu đáo, và đã thâm nhập chúng thấu đáo bằng trí tuệ, nhờ đó khi trả lời quý thầy sẽ nói ra điều đã được nói bởi đức Thế Tôn và không trình bày sai lời của đức Thế Tôn bằng những gì trái với điều sự thật (mà đức Thế Tôn đã nói); nhờ đó quý thầy sẽ giảng bày đúng theo Giáo Pháp, và để sau đó không tạo ra cơ sở có lý nào để (người nghe) phê bình.”⁶

“Này đạo hữu, chúng tôi đã đi đường xa tới đây là để học hiểu ý nghĩa của điều này từ Ngài Xá-lợi-phất. Sẽ thực sự tốt lành nếu thầy Xá-lợi-phất làm rõ ý nghĩa của điều này.”

“VẬY HÃY LẮNG NGHE VÀ CHÚ TÂM KỸ CÀNG, NÀY CÁC ĐẠO HỮU, TA SẼ NÓI.”

“Vâng, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Thầy Xá-lợi-phất đã nói điều này:

- “Này các đạo hữu, ở đó có những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn, những bà-la-môn trí khôn, những gia chủ trí khôn, và những tu sĩ trí khôn, họ thường vẫn hỏi một Tỳ kheo vừa xuất ngoại qua đó— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sư thầy của quý vị nói gì, sư thầy dạy những gì?’ Khi được hỏi như vậy, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, Sư Thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục.’

- “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm

nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘ Sư thầy của các bạn chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cái gì?’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, sư thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức.’ (năm uẩn)

- “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sau khi đã nhìn thấy sự nguy-hại gì mà sư thầy của các bạn chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức?’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với thân-sắc, thì khi thân-sắc thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Nếu người không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, thì khi thức thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy sự nguy-hại này, sư thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức.’

- “Này các đạo hữu, sau khi các thầy trả lời như vậy, có thể những người giai cấp chiến-sĩ trí khôn ... những tu sĩ trí khôn sẽ còn hỏi thêm nữa— bởi vì, này các đạo hữu, những người trí khôn thường tra hỏi: ‘Sau khi nhìn thấy lợi-ích gì mà sư thầy của các bạn chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ...

thức?’ Khi được hỏi như vậy, này các đạo hữu, các thầy nên trả lời rằng: ‘Này các bạn, người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với thân-sắc, thì khi thân-sắc thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Nếu người không-có nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, thì khi thức thay đổi và biến đổi sẽ không khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Sau khi nhìn thấy lợi-ích này, sư thầy của chúng tôi chỉ dạy sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc, sự trừ bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức.’

- “Này các đạo hữu, nếu người ta chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái (tâm) *bất thiện* mà có thể được sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị phiền bức, tuyệt vọng và cơn sốt (khô não), và nếu, khi thân này tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (được tái sinh trong) một nơi đến tốt lành, thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy để làm gì. Nhưng bởi vì, nếu một người chứng nhập và thường trú giữa những trạng thái bất thiện thì sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự phiền bức, tuyệt vọng và cơn sốt, và bởi vì người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) một nơi đến thấp xấu khi thân tan rã, sau khi chết, cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự trừ bỏ những trạng thái bất thiện như vậy.

- “Này các bạn, nếu người ta chứng nhập và an trú giữa những trạng thái (tâm) *thiện lành* mà bị sống trong khổ đau ngay trong kiếp này, với sự phiền bức, tuyệt vọng và cơn sốt, và nếu, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó có thể trông đợi (bị tái sinh trong) một nơi đến thấp xấu, thì đức Thế Tôn đã không đề cao sự có-được (sở hữu, tích tạo) những trạng thái thiện lành để làm gì. Nhưng bởi vì, nếu một người chứng nhập và

an trú trong những trạng thái thiện lành thì được sống một cách hạnh phúc ngay trong kiếp này, không bị sự phiền bức, tuyệt vọng và cơn sốt, và bởi vì người đó có thể trông đợi (được tái sinh) trong một nơi đến tốt lành khi thân tan rã, sau khi chết, cho nên đức Thế Tôn mới đề cao sự có-được những trạng thái thiện lành.”

Đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Các Tỷ kheo hài lòng và vui mừng với lời nói của thầy Xá-lợi-phất.

(SN 22:02)

3 (3) *Gia Chủ Hāliddakāni (1)*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa xứ dân xứ Avantī, trên Núi Papāta ở vùng Kuraraghara. Rồi gia chủ tên Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính chào thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, đức Thế Tôn đã nói điều này trong phần “*Những Câu Hỏi của Māgandiya*” của chương *Aṭṭhakavagga* (Chương Tám):

‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư,
Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai,
Bỏ hết những khoái-lạc giác-quan, không cầu vọng,
Cũng không tranh cãi gì với ai.’

Thưa thầy, điều này đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn; ý nghĩa của nó nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

(1) “Này gia chủ, yếu-tố thân-sắc là nhà của thức; người có thức bị gông cùm bởi ‘nhục-dục đối với yếu-tố thân-sắc’ thì được gọi là người đi lang thang trong-nhà.⁷ Yếu-tố cảm-giác là nhà của thức ... Yếu-tố nhận-thức là nhà của thức ... Yếu-tố những sự tạo-tác cố-ý là nhà của thức;⁸ người có thức bị gông cùm bởi ‘nhục-dục đối với yếu-tố

thân-sắc' thì được gọi là *người đi lang thang trong-nhà*. Chính theo cách như vậy là người đi lang thang trong nhà.

(2) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *một người đi lang thang không-nhà*? Tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với yếu-tố thân-sắc: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ nên chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không-nhà*. Tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với yếu-tố cảm-giác ... yếu-tố nhận-thức ... yếu-tố những sự tạo-tác cố-ý ... yếu-tố thức;⁹ những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ nên chúng không còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không-nhà*. Chính theo cách như vậy là người đi lang thang không nhà.

(3) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đi lang thang trong một nơi trú-xứ*? Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu (hình tướng) những hình-sắc, nên người đó được gọi là *người đi lang thang trong một nơi trú-xứ*. Do sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm-thanh ... dấu hiệu những mùi-hương ... dấu hiệu những mùi-vị ... dấu hiệu những đối-tượng chạm xúc ... dấu hiệu những hiện-tượng thuộc tâm, nên người đó được gọi là *người đi lang thang trong một nơi trú-xứ*.

(4) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đi lang thang không trú-xứ*? Sự phát rộng (của những ô-nhiễm) và sự trói buộc (của chúng) trong một trú xứ [có chứa] dấu hiệu những hình-sắc: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ, cho nên chúng không thể còn khởi sinh trong tương lai.

Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không trú-xứ*. Sự phát rộng và sự trói buộc trong trú xứ [có chứa] dấu hiệu những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm: những thứ này đã bị Như Lai trừ bỏ, cắt bỏ tận gốc, đã bị làm thành như gốc chết cây cọ, đã bị xóa sổ, cho nên chúng không thể còn khởi sinh trong tương lai. Do vậy, Như Lai được gọi là *người đi lang thang không trú-xứ*. Chính theo cách như vậy là người đi lang thang không trú-xứ.

(5) “Và, này gia chủ, theo cách nào là người có *thân tình* (với người khác) ở *trong làng*? Ở đây, này gia chủ, có người tu sống có liên hệ với những người tại gia: người đó vui chung với họ và sầu chung với họ, người đó vui khi họ vui và buồn khi họ buồn, và người đó dính líu vào những chuyện riêng và phận sự của họ.¹⁰ Chính theo cách như vậy là người có thân tình trong làng.

(6) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không thân tình* (với ai) *trong làng*? Ở đây, này gia chủ, một Tỳ kheo không sống có liên hệ với những người tại gia. Người đó không vui chung với họ hay sầu chung với họ, người đó không vui khi họ vui hay buồn khi họ buồn, và người đó không dính líu bản thân vào những chuyện riêng và bổn phận của họ. Chính theo cách như vậy là người không thân tình trong làng.

(7) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người chưa hết những khoái-lạc giác-quan* (dục lạc)? Ở đây, này gia chủ, có người tu không tránh bỏ nhục dục, tham muốn, cảm tình (luyến ái), sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng đối với những khoái-lạc giác-quan. Theo cách như vậy là người chưa hết khoái-lạc giác-quan.

(8) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người đã bỏ hết những khoái-lạc giác-quan*? Ở đây, này gia chủ, có người tu đã không còn nhục dục, tham muốn, cảm tình, sự thèm khát, sự đam mê, và dục-vọng

đổi với những khoái-lạc giác-quan. Theo cách như vậy là người đã bỏ hết khoái-lạc giác-quan.

(9) “Và, này gia chủ, làm thế nào là *người nuôi dưỡng những cầu vọng*? Ở đây, có người cứ nghĩ: ‘Cầu cho ta có được thân-sắc như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được cảm-giác như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được nhận-thức như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được những sự tạo-tác cố-ý như vậy như vậy trong tương lai! Cầu cho ta có được thức như vậy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là người nuôi dưỡng những cầu vọng.

(10) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không có những cầu vọng*? Ở đây, này gia chủ, người không nghĩ: ‘Cầu cho ta có được thân-sắc như vậy như vậy trong tương lai!... Cầu cho ta có thức như vậy như vậy trong tương lai!’ Chính theo cách như vậy là người không có cầu vọng.

(11) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người dính vào tranh cãi với người ta*? Ở đây, này gia chủ, có người dính vào kiểu nói chuyện như vậy:¹¹ ‘Bạn không hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này. Tôi hiểu rõ Giáo Pháp và Giới Luật này. Cái gì, bạn mà hiểu được Giáo Pháp và Giới Luật này sao! Bạn đang tu tập sai lạc, tôi đang tu tập đúng đắn. Điều nên được nói trước thì bạn lại nói sau; điều nên được nói sau thì bạn lại nói trước. Tôi nhất quán trước sau, bạn không nhất quán. Điều bạn nghĩ lâu mới ra đã bị bác bỏ. Luận thuyết của bạn đã bị bác bỏ. Bạn thua rồi, đi mà cứu lấy luận thuyết của bạn, hoặc tự gỡ rối cho mình, nếu bạn có thể.’ Chính theo cách như vậy là người dính vào sự tranh cãi với người khác.

(12) “Và, này gia chủ, theo cách nào là *người không dính vào tranh cãi với người ta*? Ở đây, này gia chủ, có người không dính vào kiểu nói chuyện như vậy: [*y hết như đoạn kể trên*] ... nếu bạn có thể.’

Chính theo cách như vậy là người không dính vào sự tranh cãi với người khác.

“Như vậy đó, này gia chủ, khi đức Thế Tôn nói điều này trong phần “*Những Câu Hỏi của Māgandiya*” của chương *Aṭṭhakavagga* (Chương Tám):

‘Sau khi bỏ nhà đi, lang thang không gia cư,
Trong làng mạc người tu sĩ không thân tình với ai,
Bỏ hết những khoái-lạc giác-quan, không cầu vọng,
Cũng không tranh cãi gì với ai.’

, thì ý nghĩa của điều này, đã được đức Thế Tôn nói ra một cách ngắn gọn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách như vậy”

(SN 22:03)

4(4) *Gia Chủ Hāliddakāni* (2)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần Ngài Đại Ca-chiên-diên (Mahākaccāna) đang sống giữa xứ dân Avantī, trên Núi Papāta ở vùng Kuraraghara. Rồi gia chủ Hāliddakāni đến gặp thầy Đại Ca-chiên-diên, kính chào thầy, ngồi xuống một bên, và thưa:

“Thưa thầy, điều này được nói bởi đức Thế Tôn trong phần ‘*Những Câu Hỏi của Vua Trời Đế-thích (Sakka)*’: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào được giải-thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng là những người đã đạt tới đích-đến tột cùng, sự an-toàn tột cùng thoát khỏi mọi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử), đời-sống thánh-thiện tột cùng, mục-tiêu tột cùng, và họ là bậc nhất trong các thiên thần và loài người.’ Thưa thầy, ý nghĩa của điều này, đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, nên được hiểu một cách chi tiết theo cách nào?”

- “Này gia chủ, thông qua sự phá bỏ, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ, những sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với yếu-tố *thân-sắc*, thì tâm được cho là đã được giải-thoát một cách khéo léo.

“Thông qua sự phá bỏ, sự phai biến, sự chấm dứt, sự buông bỏ, và sự từ bỏ tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ, những sự cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với yếu-tố *cảm-giác* ... yếu-tố *nhận-thức* ... yếu-tố *những sự tạo-tác cố-ý* ... yếu-tố *thức*, thì tâm được cho là đã được giải-thoát một cách khéo léo.

“Như vậy đó, này gia chủ, khi điều này được nói bởi đức Thế Tôn trong phần ‘*Những Câu Hỏi của Vua Trời Đế-thích*’: ‘Những tu sĩ và bà-la-môn nào được giải thoát trong sự tắt ngấm dục-vọng là những người đã đạt tới đích-đến tốt cùng, sự an-toàn tốt cùng thoát khỏi mọi sự trói-buộc (với thế gian, sinh tử), đời-sống thánh-thiện tốt cùng, mục-tiêu tốt cùng, và họ là bậc nhất trong các thiên thần và loài người.’, thì ý nghĩa của điều này, đã được nói một cách ngắn gọn bởi đức Thế Tôn, nên được hiểu một cách chi tiết như vậy”

(SN 22:04)

5 (5) *Sự Định Tâm*

Tôi nghe như vậy. Ở Sāvattihī Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này: “Này các Tỳ kheo, hãy tu tập sự định-tâm. Một Tỳ kheo đạt định sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Nguồn gốc và sự phai biến của thân-sắc; nguồn gốc và sự phai biến của cảm-giác; nguồn

gốc và sự phai biến của nhận-thức; nguồn gốc và sự phai biến của những sự tạo-tác cố-ý; nguồn gốc và sự phai biến của thức.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc của thân-sắc? Cái gì là nguồn gốc của cảm-giác? Cái gì là nguồn gốc của nhận-thức? Cái gì là nguồn gốc của những sự tạo-tác cố-ý? Cái gì là nguồn gốc của thức?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người tìm kiếm khoái-lạc, người đón tiếp, người ôm giữ. Và người tìm kiếm khoái-lạc trong cái gì, người đón tiếp cái gì, người ôm giữ cái gì? (Đó là) người tìm kiếm khoái-lạc trong thân-sắc, đón tiếp nó, và ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc khởi sinh. Khoái-lạc trong thân-sắc là sự dính-chấp. Do có sự dính-chấp là điều kiện (duyên) nên có [sinh ra] sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều kiện nên có sự-sinh; do có sự sinh-ra là điều kiện nên có sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Người tìm kiếm khoái-lạc trong cảm-giác ... trong nhận-thức ... trong những sự tạo-tác cố-ý ... trong thức, đón tiếp nó, và ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc khởi sinh.... Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, đây là nguồn gốc của thân-sắc; đây là nguồn gốc của cảm-giác; đây là nguồn gốc của nhận-thức; đây là nguồn gốc của những sự tạo-tác cố-ý; đây là nguồn gốc của thức.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phai biến của thân-sắc? Cái gì là sự phai biến của cảm-giác? Cái gì là sự phai biến của nhận-thức? Cái gì là sự phai biến của những sự tạo-tác cố-ý? Cái gì là sự phai biến của thức?

“Ở đây, này các Tỳ kheo, người không tìm kiếm khoái-lạc, người không đón tiếp, người không ôm giữ. Và người không tìm kiếm khoái-lạc trong cái gì, người không đón tiếp cái gì, người không ôm giữ cái gì? (Đó là) người không tìm kiếm khoái-lạc trong thân-sắc, không đón

tiếp nó, và không ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc không khởi sinh. Khoái-lạc trong thân-sắc chấm dứt. Do có sự chấm dứt khoái-lạc nên chấm dứt sự dính-chấp; khi chấm dứt sự dính-chấp thì chấm dứt sự hiện-hữu; khi dính-chấp sự hiện-hữu thì sự-sinh; khi chấm dứt sự sinh-ra thì chấm dứt (đâu còn) sự già-chết, sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“Người không tìm kiếm khoái-lạc trong cảm-giác... trong nhận-thức ... trong những sự tạo-tác cố-ý ... trong thức, không đón tiếp nó, và không ôm giữ nó. Rồi hậu quả là, khoái-lạc chấm dứt.... Đó là *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự phai biến của thân-sắc; đây là sự phai biến của cảm-giác; đây là sự phai biến của nhận-thức; đây là sự phai biến của những sự tạo-tác cố-ý; đây là sự phai biến của thức.”

(SN 22:05)

6(6) *Sự Ẩn Dật* (sự tách ly, ẩn cư, ẩn tu)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy nỗ lực (tu tập) ở nơi ẩn dật (sống tách ly để thiền tập).¹² Một Tỳ kheo sống ẩn dật sẽ hiểu được mọi sự đúng như chúng thực là.

“Và người đó hiểu cái gì đúng như nó thực là? Nguồn gốc và sự phai biến của thân-sắc; nguồn gốc và sự phai biến của cảm-giác; nguồn gốc và sự phai biến của nhận-thức; nguồn gốc và sự phai biến của những sự tạo-tác cố-ý; nguồn gốc và sự phai biến của thức.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn gốc của thân-sắc?...” [*Tiếp tục phần còn lại giống hết lời trong kinh kể trên.*]

(SN 22:06)

7 (7) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (1)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu-lo [và khích động] do có sự dính-chấp, và sự không âu-lo [và không khích động] nhờ sự không còn dính-chấp.¹³ Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có *sự âu-lo do có sự dính-chấp*? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Mà thân-sắc của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thân-sắc thay đổi và biến đổi, thức của người đó bị bận tâm [chiếm ngự] bởi sự thay đổi của thân-sắc. Sự âu-lo và một mớ những trạng thái tâm bị sinh ra từ sự ‘bận tâm với sự thay đổi của thân-sắc’ vẫn cứ ám muội trong tâm trí người đó.¹⁴ Bởi vì tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và vì có sự dính-chấp đó nên người đó bị âu-lo và khích động.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó bị bận tâm với sự thay đổi của thức. Sự âu-lo và một mớ những trạng thái tâm bị sinh ra từ sự ‘bận tâm với sự thay

đôi của thức’ vẫn cứ ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó bị ám muội, nên người đó sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và vì có sự dính-chấp đó nên người đó bị âu-lo và khích động.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy nên có sự âu-lo [và khích động] do có sự dính-chấp.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là *không có sự không âu-lo do không còn dính-chấp*? Ở đây, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Thân-sắc của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thân-sắc thay đổi và biến đổi, thức của người đó *không* bị bận tâm bởi sự thay đổi của thân-sắc. *Không có sự* âu-lo và *không có* một mớ trạng thái tâm bị sinh ra từ sự ‘bận tâm với sự thay đổi và biến đổi của thân-sắc’ ám muội tâm trí người đó. Bởi vì tâm người đó *không* bị ám muội, nên người đó *không* sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và nhờ sự *không còn dính-chấp* nên người đó không bị âu-lo và khích động.

“Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì thức của người đó *không* bị bận tâm với sự thay đổi của thức. *Không có sự* âu-lo và *không có* một mớ những trạng thái tâm được sinh ra từ sự bận tâm với sự thay đổi của thức ám muội trong tâm trí của người đó. Do tâm người đó *không* bị ám muội, nên người đó *không* sợ hãi, buồn phiền, và lo lắng, và nhờ sự *không còn dính-chấp* nên người đó *không* bị âu-lo và khích động.

“Này các Tỳ kheo, theo cách như vậy nên *không* có sự âu-lo nhờ sự không còn dính-chấp.

(SN 22:07)

8 (8) Sự Âu Lo Vì Dính Chấp (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự âu-lo [và khích động] do có sự dính-chấp, và sự không âu-lo [và không khích động] nhờ sự không còn dính-chấp. Hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng....

(1) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là có sự âu-lo [và khích động] do có sự dính-chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người phạm phu không được chỉ dạy *cứ* coi thân-sắc như vậy: “Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’”. Mà thân-sắc của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thân-sắc thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác như vậy: ... nhận-thức như vậy: ... những sự tạo-tác cố-ý như vậy: ... thức như vậy: “Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’”. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy nên có sự âu-lo [và khích động] do có sự dính-chấp đó.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào là *không* có sự âu-lo [và không khích động] do không còn dính-chấp? Ở đây, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy *không* coi thân-sắc như vậy: “Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’”. Thân-sắc của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thân-sắc thay đổi và biến

đổi, thì *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *không* coi cảm-giác như vậy: ... nhận-thức như vậy: ... những sự tạo-tác cố-ý như vậy: ... thức như vậy: “Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’”. Mà thức của người đó thì luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì *không* khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy nên không có sự âu-lo [và khích động] nhờ sự không-còn sự dính-chấp.”

(SN 22:08)

9 (9) Vô-Thường Trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với thân-sắc của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thân-sắc của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (chán chê, quay lưng) đối với thân-sắc của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ... Thức là vô thường ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức của hiện

tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:09)

10 (10) Khổ Trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là khổ, cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với thân-sắc của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thân-sắc của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (chán chê, quay lưng) đối với thân-sắc của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Cảm-giác là khổ ... Nhận-thức là khổ ... Những sự tạo-tác cố-ý là khổ ... Thức là khổ ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:10)

11 (11) Vô-Ngã Trong Ba Thời

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô ngã (không có ‘bản ngã’, không phải là cái ‘ta’ hay ‘của-ta’), cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan (vô tư, buông xả) đối với

thân-sắc của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thân-sắc của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ (chánh chê, quay lưng) đối với thân-sắc của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

“Cảm-giác là vô ngã ... Nhận-thức là vô ngã ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã ... Thức là vô ngã ... cả trong quá khứ và tương lai, chứ không chỉ nói trong hiện tại. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy chỉ bàng-quan đối với thức của quá khứ; người đó cũng không tìm khoái-lạc trong thức của tương lai; và người đó tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với thức của hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.”

(SN 22:11)

NHÓM 2

NHÓM ‘VÔ THƯỜNG’

(*Anicca-vagga*)

12 (1) Vô-Thường

Tôi nghe như vậy. Ở Sāvattthī.... Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác cố-ý là vô thường, thức là vô thường. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ (chán chê, quay lưng) đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, không còn quay lại (tái sinh) trạng thái hiện hữu này nữa.’”

(SN 22:12)

13 (2) Khổ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là khổ, cảm-giác là khổ, nhận-thức là khổ, những sự tạo-tác cố-ý là khổ, thức là khổ. Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:13)

14 (3) Vô-Ngã

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã, thức là vô ngã. Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:14)

15 (4) Thứ Gì Vô-Thường

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:15)

16 (5) Thứ Gì Khổ

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’ ta.

“Cảm-giác là khổ ... Nhận-thức là khổ ... Những sự tạo-tác cố-ý là khổ ... Thức là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã thì nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’ ta.

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:16)

17 (6) Thứ Gì Vô-Ngã

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Cảm-giác là vô ngã ... Nhận-thức vô ngã ... Những sự tạo-tác cố-ý vô ngã ... Thức vô ngã ... Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:17)

18 (7) Vô-Thường Là Có Nguyên Nhân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh thân-sắc cũng là vô thường. Khi thân-sắc bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?”

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ... Thức là vô thường. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là vô thường. Khi thức bắt nguồn từ thứ vô thường, thì làm sao nó không là vô thường?”

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:18)

19 (8) Khổ Là Có Nguyên Nhân

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh thân-sắc cũng là khổ. Khi thân-sắc bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó là sướng?”

“Cảm-giác là khổ ... Nhận-thức là khổ ... Những sự tạo-tác cố-ý là khổ ... Thức là khổ. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là khổ. Khi thức bắt nguồn từ thứ khổ, thì làm sao nó là sướng?”

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:19)

20 (9) Vô-Ngã Là Có Nguyên Nhân

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện (nhân-duyên) làm khởi sinh thân-sắc cũng là vô ngã. Khi thân-sắc bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó là bản ngã?”

“Cảm-giác là vô ngã ... Nhận-thức là vô ngã ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã ... Thức là vô ngã. Nguyên-nhân và điều-kiện làm khởi sinh thức cũng là vô ngã. Khi thức bắt nguồn từ thứ vô ngã, thì làm sao nó là bản ngã?”

Sau khi đã nhìn thấy như vậy ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:20)

21 (10) *Ānanda*

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói: ‘sự chấm-dứt, sự chấm-dứt’. Do chấm dứt những thứ gì mà nói tới sự chấm-dứt?”

“Này Ānanda, thân-sắc là vô thường, là có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi), là sẽ bị hoại diệt, bị biến mất, bị phai biến, bị chấm dứt. Do có sự chấm-dứt của nó, nên nói tới sự chấm-dứt.

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ... Thức là vô thường, là khởi-sinh tùy thuộc, là sẽ bị hoại diệt, bị biến mất, bị phai biến, bị chấm dứt. Do có sự chấm-dứt của nó, nên nói tới sự chấm-dứt.

“Này Ānanda, chính do có sự chấm-dứt của những thứ đó, nên nói tới sự chấm-dứt.”

(SN 22:21)

NHÓM 3

NHÓM ‘GÁNH NẶNG’

(*Bhāra-vagga*)

22 (1) *Gánh Nặng*

Ở Sāvattthī.... Ở đó, đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về gánh nặng, người mang gánh nặng,¹⁵ sự gánh gánh nặng, và sự đặt xuống gánh nặng. Hãy lắng nghe điều đó....

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là gánh nặng? Nên nói nó là: năm uẩn (tập hợp, đồng) bị dính-chấp (chấp thủ). Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính chấp (*sắc thủ uẩn*), uẩn cảm-giác bị dính chấp (*thọ thủ uẩn*), uẩn nhận-thức bị dính chấp (*tương thủ uẩn*), uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp (*hành thủ uẩn*), uẩn thức bị dính chấp (*thức thủ uẩn*). Đây được gọi là gánh nặng.¹⁶

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là người mang gánh nặng? Nên nói đó là: một cá nhân, là người [vị] có họ có tên là vậy là vậy; ([Đó không phải là năm uẩn, nhưng cũng không khác năm uẩn]). Đây được gọi là người mang gánh nặng.¹⁷

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự mang gánh nặng? Đó là dục-vọng này dẫn tới sự tái hiện-hữu (tái sinh), có đi kèm với sự khoái-thích (khoái lạc) và nhục dục, tìm kiếm sự khoái-thích chỗ này chỗ nọ; đó là: dục-vọng khoái-lạc giác-quan, dục-vọng muốn được hiện-hữu, và dục-vọng muốn bị hủy-diệt. Đây được gọi là sự mang gánh nặng.¹⁸

(4) Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự đặt xuống gánh nặng? Đó là sự phai-biến sạch sẽ [không còn tàn dư] và sự chấm-dứt của dục-vọng

đó, là sự buông bỏ và sự từ bỏ nó, sự tự do khỏi nó, sự không còn lệ thuộc nó. Đây được gọi là sự đặt xuống gánh nặng.”¹⁹

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành,²⁰ vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Năm-uẩn đích thực là gánh nặng,
Kẻ mang năm-uẩn là con ‘người’.
Sự mang gánh nặng là ‘khổ đau’ trong thế giới,
Đặt xuống gánh nặng là ‘chân hạnh phúc’.
Sau khi đã đặt xuống gánh nặng,
Không mang thêm gánh nặng nào nữa,
Sau khi đã bứng bỏ dục-vọng sạch gốc rễ,
Người được tự do khỏi cơn đói thèm,
Đã giải xong cơn khát.”²¹

(SN 22:22)

23 (2) Hoàn-Toàn Hiểu

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ nên được hoàn-toàn hiểu (đầy đủ, trọn vẹn, toàn diện, thấu suốt) và cả sự hoàn-toàn hiểu. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ nên được hoàn-toàn hiểu? Này các Tỳ kheo, thân-sắc là thứ nên được hiểu hoàn toàn; cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là thứ nên được hoàn-toàn hiểu. Đó là những thứ nên được hoàn-toàn hiểu.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hoàn-toàn hiểu? (đó là) Sự tiêu diệt tham, sự tiêu diệt sân, sự tiêu diệt si. Đây được gọi là sự hoàn-toàn hiểu.”²²

(SN 22:23)

24 (3) *Trực-Tiếp Biết*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, nếu không trực-tiếp biết và không hoàn-toàn hiểu thân-sắc, không trở nên chán-bỏ đối với nó và không từ-bỏ nó, thì một người không thể tiêu diệt được sự khổ. Nếu không trực-tiếp biết và không hoàn-toàn hiểu cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, không trở nên chán-bỏ đối với nó và không từ-bỏ nó, thì một người không thể tiêu diệt được sự khổ.

“Này các Tỳ kheo, bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu thân-sắc, bằng cách trở nên chán-bỏ đối với nó và bằng cách từ-bỏ nó, thì một người có thể tiêu diệt được khổ đau. Bằng cách trực-tiếp biết và hoàn-toàn hiểu cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, bằng cách trở nên chán-bỏ đối với nó và bằng cách từ-bỏ nó, thì một người có thể tiêu diệt được khổ đau.”²³

(SN 22:24)

25 (4) *Tham Muốn và Nhục Dục*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, hãy dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc. Như vậy thân-sắc đó sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.

“Hãy dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức. Như vậy

thì thức đó sẽ được dẹp bỏ, bị cắt bỏ, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh trong tương lai.”

(SN 22:25)

26 (5) *Sự Thỏa Thích... (I)*

Ở Sāvathī.

- “Này các Tỳ kheo, trước khi ta giác ngộ [trước khi sự giác ngộ của ta], khi ta còn là một bò-tát, chưa giác ngộ hoàn toàn, điều này đã xảy đến với ta: ‘Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc? Cái gì là sự thỏa-thích, cái gì là sự nguy-hại, cái gì là sự thoát-khỏi đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức?’²⁴

“Rồi, này các Tỳ kheo, điều này đã xảy đến với ta: ‘Sự sướng và vui khởi-sinh tùy thuộc vào thân-sắc: đây là sự thỏa-thích trong thân-sắc. Mà thân-sắc đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thân-sắc. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc: đây chính là sự thoát-khỏi thân-sắc.

‘Sự sướng và vui khởi-sinh tùy thuộc vào cảm-giác ... tùy thuộc vào nhận-thức ... tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố-ý ... tùy thuộc vào thức: đây là sự thỏa-thích trong thức. Mà thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây là chính sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thức: đây chính là sự thoát-khỏi thức.’

- Chừng nào, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm-uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn), thì ta vẫn không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này

có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.

“Trí-biết và tâm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của-tâm của ta là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh nữa.’”

(SN 22:26)

27 (6) Sự Thỏa Thích... (2)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong thân-sắc. Mọi sự thỏa-thích trong thân-sắc— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thỏa-thích trong thân-sắc với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự nguy-hại trong thân-sắc. Mọi sự nguy-hại trong thân-sắc— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự nguy-hại trong thân-sắc với xa tới mức nào.

“Ta đã quyết tâm đi tìm sự thoát-khỏi khỏi thân-sắc. Mọi sự thoát-khỏi khỏi thân-sắc— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã nhìn thấy rõ ràng sự thoát-khỏi khỏi thân-sắc với xa tới mức nào.”

“Này các Tỳ kheo, ta đã quyết tâm đi tìm sự thỏa-thích trong ... sự nguy-hại trong ... sự thoát-khỏi khỏi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức. Mọi sự giải thoát-khỏi khỏi thức— ta đã tìm ra. Bằng trí tuệ, ta đã rõ ràng nhìn thấy sự thoát-khỏi khỏi thức với xa tới mức nào.

- Chừng nào, này các Tỳ kheo, khi ta còn chưa trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn

bị dính-chấp, thì ta vẫn không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả những điều đó, đúng như chúng thực là, thì ta mới tuyên bố mình đã thức tỉnh tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có các thiên thần ... các thiên thần và loài người.

“Trí-biết và tầm-nhìn đã khởi sinh trong ta như vậy: ‘Sự giải-thoát của-tâm của ta là không thể lay chuyển; đây là lần sinh cuối cùng của ta; từ đây không còn tái sinh nữa.’”

(SN 22:27)

28 (7) *Sự Thỏa Thích... (3)* (nếu không có)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỷ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong thân-sắc, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong thân-sắc, nên chúng sinh bị say-mê với nó. Nếu mà không có sự nguy-hại trong thân-sắc, thì chúng sinh sẽ không ghê-sợ với nó; nhưng vì có sự nguy-hại trong thân-sắc, nên chúng sinh ghê-sợ với nó. Nếu không có sự thoát-khỏi khỏi thân-sắc, thì chúng sinh sẽ không thoát-khỏi nó; nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi nó, nên chúng sinh (có thể) thoát-khỏi nó.

“Này các Tỷ kheo, nếu mà không có sự thỏa-thích trong cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, thì chúng sinh sẽ không bị say-mê với nó; nhưng vì có sự thỏa-thích trong thức, nên chúng sinh bị say-mê với nó ... nhưng vì có sự thoát-khỏi khỏi thức, nên chúng sinh (có thể) thoát-khỏi nó.

- Chừng nào, này các Tỳ kheo, chúng sinh đã không trực-tiếp biết sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp, đúng như chúng thực là, nên họ đã chưa thoát-khỏi thế giới này có các thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, khỏi thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và bà-la-môn, các thiên thần và loài người; họ chưa thoát-ly được khỏi nó, chưa được giải-thoát khỏi nó, và họ cũng chưa được sống với một cái tâm ‘không-còn những rào-cản’. Nhưng khi họ đã trực-tiếp biết tất cả điều này, đúng như chúng thực là, thì họ đã thoát-khỏi thế giới này ... có các thiên thần và loài người; họ đã được thoát-ly được khỏi nó, được giải-thoát khỏi nó, và họ cũng được sống với một cái tâm ‘không-còn những rào-cản’.”²⁵

(SN 22:28)

29 (8) *Khoái-lạc* (sự khoái thích)

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, ai tìm kiếm khoái-lạc trong thân-sắc là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì (người đó) không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì không thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.

- “Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong thân-sắc trong thức là không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau. Ai không tìm kiếm khoái-lạc trong sự khổ đau thì thoát khỏi khổ đau, ta nói như vậy.”

(SN 22:29)

30 (9) *Sự Khởi Sinh* (của sự khổ)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của thân-sắc là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là sự khởi sinh của sự khổ đau, sự liên tục của căn bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lắng lặn, và sự phai biến của thân-sắc ... thức là sự chấm dứt của khổ đau, sự lắng lặn của căn bệnh, sự phai biến của sự già-chết.”

(SN 22:30)

31 (10) Gốc Rễ Của Sự Thống Khổ

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự thống-khổ²⁶ và gốc rễ của sự thống-khổ. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự thống khổ? Thân-sắc là sự thống khổ; cảm-giác là sự thống khổ; nhận-thức là sự thống khổ; những sự tạo-tác cố-ý là sự thống khổ; thức là sự thống khổ. Đây được gọi là sự thống khổ.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là gốc rễ của sự thống khổ? Chính là dục-vọng này dẫn tới tái sinh, đi kèm với khoái-lạc và nhục dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là: dục-vọng khoái-lạc giác-quan, dục-vọng muốn được hiện-hữu, dục-vọng muốn bị hủy-diệt. Đây là gốc rễ của sự thống khổ.”

(SN 22:31)

32 (11) Sự Mong Manh

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ mong manh ([sẽ bị tan rã; thuộc tính vô thường])²⁷ và những thứ không mong manh. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ mong manh, và cái gì là thứ không mong manh? Thân-sắc là thứ mong manh; sự chấm dứt, sự lắng lặn, sự biến mất của nó là thứ (sự) không mong manh. Cảm-giác là thứ mong manh ... Nhận-thức là thứ mong manh ... Những sự tạo-tác cố-ý là thứ mong manh ... Thức là thứ mong manh ...; sự chấm dứt, sự lắng lặn, sự biến mất của nó là thứ không mong manh.”

(SN 22:32)

NHÓM 4

NHÓM ‘KHÔNG PHẢI LÀ CỦA-TA’

(*Natumhāka-vagga*)

33 (1) Không Phải Là ‘Của-Ta’ (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thứ gì không phải là ‘của-ta’ [của các thầy], hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích-ợi và hạnh-phúc cho các thầy.²⁸ Và, này các Tỳ kheo, cái gì không phải là ‘của-ta’? Thân-sắc không phải là ‘của-ta’: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích-ợi và hạnh-phúc của các thầy. Cảm-giác không phải là ‘của-ta’ ... Nhận-thức không phải là ‘của-ta’ ... Những sự tạo-tác cố-ý không phải là ‘của-ta’ ... Thức không phải là ‘của-ta’: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích-ợi và hạnh-phúc cho các thầy.

“Này các Tỳ kheo, giả sử người ta dọn hết cỏ, cây, cành, lá trong cả Khu Vườn này của Thái tử Jeta, hoặc đốt chúng đi, hoặc xử lý chúng theo ý họ. Vậy các thầy có nghĩ (điều đó có đồng nghĩa rằng): ‘Người ta đang dọn chúng ta đi, hoặc đang đốt hết chúng ta, hoặc đang xử lý chúng ta theo ý họ?’”

“Không, thưa Thế Tôn. Vì lý do gì? Bởi vì, thưa Thế Tôn, (cỏ, cây, cành, lá) đó đâu phải là chúng ta hay thuộc về chúng ta.”

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, thân-sắc không phải là ‘của-ta’ ... thức không phải là ‘của-ta’: hãy dẹp bỏ nó. Sau khi các thầy đã dẹp bỏ nó, điều đó sẽ dẫn tới ích-ợi và hạnh-phúc của các thầy.”

(SN 22:33)

34 (2) Không Phải Là ‘Của-Ta’ (2)

[Giống hết bài kinh **SN 22:33** kể trên, chỉ khác là kinh này không có phần ví dụ.]

(SN 22:34)

35 (3) Một Tỳ Kheo Nọ (1)

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để cho, sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, con có thể sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên)²⁹ đối với thứ gì, thì người đó được quy theo nó (tức theo khuynh-hướng tiềm-ẩn đó). Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thứ gì, thì người đó không được quy theo nó.

“Dạ, con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn?”

(1) “Thưa Thế Tôn, nếu ai có khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với *thân-sắc*, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với *cảm-giác*, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với *nhận-thức*, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với *những sự tạo-tác cố-ý*, thì người

đó được quy theo nó. Nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với *thức*, thì người đó được quy theo nó.

(2) “Thưa Thế Tôn, nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc, thì người đó không được quy theo nó. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức, thì người đó không được quy theo nó.

“Chính theo cách như vậy, thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành rằng thầy hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều đã được ta nói một cách ngắn gọn. Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc ... [*Phật lặp lại giống hệt như hai đoạn (1) và (2) ở trên*]. ... Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào, giữ hướng đức Thế Tôn bên phải mình, và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó, đã sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nhờ sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đả rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp biết: “Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.”

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:35)

36 (4) Một Tỳ Kheo Nọ (2)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, để cho, sau khi nghe được từ đức Thế Tôn, con có thể sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thứ gì, thì người đó *được đo lường theo nó*; nếu ai được đo lường theo thứ gì, thì người đó *được quy theo nó*. Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thứ gì, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo thứ gì, thì người đó không được quy theo nó.”

“Dạ, con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn?”

(1) “Thưa Thế Tôn, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc, thì người đó được đo lường theo nó; nếu ai được đo lường theo nó, thì người đó được quy theo nó. Nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức, thì người đó được đo lường theo nó; nếu ai được đo lường theo nó, thì người đó được quy theo nó.

(2) “Thưa Thế Tôn, nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo nó, thì người đó không được quy theo nó.

Nếu ai không có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức, thì người đó không được đo lường theo nó; nếu ai không được đo lường theo nó, thì người đó không được quy theo nó.

“Chính theo cách như vậy, thưa Thế Tôn, con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành rằng thầy hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn. Này Tỳ kheo, nếu ai có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc ... [*Phật lặp lại giống hệt như hai đoạn (1) và (2) ở trên*]... Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:36)

37 (5) *Ānanda (1)*

Ở Sāvathī.

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn.... Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda sau khi thầy ấy đã ngồi xuống một bên:

“Này Ānanda, nếu người ta hỏi thầy: ‘Này đạo hữu Ānanda, những thứ nào mà sự khởi-sinh (sinh) của chúng được nhận thấy, sự biến-mất (diệt) của chúng được nhận thấy, một sự biến-đổi (tàn hoại) của chúng khi (chúng) đang tồn tại (đang trụ, đang có mặt) được nhận thấy?’³⁰— sau khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?’³¹

“Thưa Thế Tôn, nếu người ta hỏi như vậy, con sẽ trả lời như vậy: ‘Này các bạn, đó là *thân-sắc*, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, một sự biến-đổi của nó khi (nó) đang tồn tại được nhận thấy. Đó là *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang tồn tại được nhận thấy.’ Khi được hỏi như vậy, thưa Thế Tôn, con sẽ trả lời theo cách như vậy.”

“Tốt, tốt, này Ānanda! Đó là *thân-sắc*, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang tồn tại được nhận thấy. Đó là *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, sự khởi-sinh của nó được nhận thấy, sự biến-mất của nó được nhận thấy, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại được nhận thấy. Này Ānanda, đó là những thứ mà sự khởi-sinh của chúng được nhận thấy, sự biến-mất của chúng được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi (chúng) đang tồn tại được nhận thấy. Khi được hỏi như vậy, thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 22:37)

38 (6) Ānanda (2)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn.... Rồi đức Thế Tôn đã nói với ngài Ānanda sau khi thầy ấy đã ngồi xuống một bên:

“Này Ānanda, nếu người ta hỏi thầy:—

‘Này đạo hữu Ānanda, những thứ nào mà sự khởi-sinh (sinh) của chúng được nhận thấy, sự biến-mất (diệt) của chúng được nhận thấy, sự biến-đổi (tàn hoại) của chúng khi (chúng) đang tồn tại (đang trụ, đang có mặt) được nhận thấy?’

‘Những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng sẽ được nhận thấy, sự biến-mất của chúng sẽ được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi đang tồn tại sẽ được nhận thấy?’

‘Những thứ nào mà sự khởi-sinh của chúng đã được nhận thấy, sự biến-mất của chúng đã được nhận thấy, sự biến-đổi của chúng khi đang tồn tại đã được nhận thấy?’

— sau khi được hỏi như vậy, thầy sẽ trả lời ra sao?’

- “Thưa Thế Tôn, nếu người ta hỏi con điều này, con sẽ trả lời như vậy: ‘Này bạn hữu, đó là *thân-sắc*, mọi thể-sắc đã *biến qua*, đã chấm dứt, đã hoại diệt, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang tồn tại đã được nhận thấy. Mọi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, đã qua, đã chấm dứt, đã hoại diệt, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại đã được nhận thấy. Đó là những thứ mà đối với chúng sự khởi-sinh, sự biến-mất, và sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại đã được nhận thấy.

- ‘Mọi thể-sắc *chưa được sinh ra* và *chưa xuất hiện*, (thì) sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang tồn tại sẽ được nhận thấy. Mọi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức *chưa* được sinh ra và *chưa* xuất hiện, (thì) sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại sẽ được nhận thấy. Đó là những thứ mà đối với chúng sự khởi-sinh, sự biến-mất, và sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại sẽ được nhận thấy.

- ‘Mọi thể-sắc *đã được sinh ra* và *đã xuất hiện*, (thì) sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi (nó) đang tồn tại được nhận thấy. Mọi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức *đã* được sinh ra và *đã* xuất hiện, sự khởi-sinh của nó, sự biến-mất của nó, sự biến-đổi của nó khi đang tồn tại được nhận thấy.’ Khi được hỏi như vậy, con sẽ trả lời theo theo cách như vậy.’”

“Tốt, tốt, này Ānanda. [*Phật lặp lại toàn bộ câu trả lời như trên của thầy Ānanda*]. Này Ānanda, khi được hỏi như vậy, thầy nên trả lời theo cách như vậy.”

(SN 22:38)

39 (7) *Đúng Theo Giáo Pháp (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập theo Giáo Pháp, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó *nên sống thấm nhuần* (miên man, miên mật) *trong sự ghê-sợ đối với* thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Người đó *sống thấm nhuần trong sự ghê-sợ đối với* thân-sắc ... thức, hoàn-toàn hiểu thân-sắc ... thức. Ai hoàn-toàn hiểu thân-sắc ... thức thì được thoát khỏi chúng. Người đó thoát khỏi sinh, già, và chết; thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:39)

40 (8) *Đúng Theo Giáo Pháp (2)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo đang tu tập theo Giáo Pháp, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó *nên sống suy xét* (quán niệm, thiền quán) *tính vô-thường trong* thân-sắc ... thức. Người đó *sống suy xét tính vô-thường trong* thân-sắc ... thức, hoàn-toàn hiểu thân-sắc thì được thoát khỏi chúng ... (*như trên*) ... thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:40)

41 (9) Theo Đúng Giáo Pháp (3)

... : người đó nên sống suy xét (quán niệm, thiền quán) sự khổ-đau trong thân-sắc ... thức. Người đó sống suy xét sự khổ-đau trong thân-sắc ... thức, hoàn-toàn hiểu thân-sắc thì được thoát khỏi chúng ... (như trên) ... thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:41)

42 (10) Theo Đúng Giáo Pháp (4)

... : người đó nên sống suy xét (quán niệm, thiền quán) tính vô-ngã trong thân-sắc ... thức. Người đó sống suy xét tính vô-ngã trong thân-sắc ... thức, hoàn-toàn hiểu thân-sắc thì được thoát khỏi chúng ... (như trên) ... thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:42)

NHÓM 5

NHÓM ‘CHÍNH MÌNH LÀ HÒN ĐẢO’

(*Attadīpa-vagga*)

43 (1) *Lấy Chính Mình Là Hòn Đảo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy sống với chính mình là hòn đảo, với chính mình là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác; với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác.³² Khi các thầy sống với chính mình là hòn đảo, với chính mình là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác; với Giáo Pháp là hòn đảo, với Giáo Pháp là nơi nương tựa, không nương tựa chỗ khác, thì căn-bản chính nó nên được điều tra (một cách kỹ càng) như vậy:³³ ‘Từ cái gì mà sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra? Theo cách nào chúng được tạo ra?’

- “Và, này các Tỳ kheo, từ cái gì sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được sinh ra? Theo cách nào chúng được tạo ra? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *cứ* coi thân-sắc là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Mà thân-sắc đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi [vì] thân-sắc thay đổi và biến đổi, thì [nên] khởi sinh trong người đó sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là ‘ta’ ... thức là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Mà thức đó luôn thay đổi và biến đổi. Khi thức thay đổi và biến đổi, thì khởi sinh trong người đó sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, khi ai đã hiểu được tính vô-thường của thân-sắc, sự thay đổi của nó, sự phai biến, và sự chấm dứt của nó, và khi người đó nhìn thấy nó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Trong quá khứ cũng như bây giờ, tất cả mọi thể-sắc (vật chất, hình sắc, thân...) đều là vô-thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được dẹp bỏ. Với sự dẹp bỏ chúng, người đó không còn bị khích-động ([âu lo, bận tâm]). Khi không còn bị khích-động, nên người đó sống một cách hạnh-phúc. Một Tỳ kheo mà sống một cách hạnh phúc như vậy thì được cho là đã hết-dục [hết thèm khát, tắt lửa dục, niết-bàn] về phương diện đó.³⁴

“Khi ai đã hiểu được tính vô-thường của cảm-giác ... của nhận-thức ... của những sự tạo-tác cố-ý ... của thức, sự thay đổi của nó, sự phai biến và chấm dứt của nó, và khi người đó nhìn thấy nó đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Trong quá khứ cũng như trong hiện tại, tất cả mọi cảm-giác ... thức đều là vô-thường, khổ, và luôn bị thay đổi’, thì sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng được dẹp bỏ. Với sự dẹp bỏ chúng, người đó không còn bị khích-động. Khi không còn bị khích-động, nên người đó sống một cách hạnh-phúc. Một Tỳ kheo mà sống một cách hạnh phúc như vậy thì được cho là đã hết-dục về phương diện đó.”

(SN 22:43)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về cái cách dẫn tới sự phát-sinh của danh-tính (cái ‘ta’) và cách dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính. Hãy lắng nghe điều đó....

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách dẫn tới sự phát-sinh danh-tính? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy ... *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ hoặc nghĩ cái ‘ta’ là ở trong thức. Này các Tỳ kheo, điều này được gọi là cách dẫn tới sự phát-sinh danh-tính. Khi nói ‘cách dẫn tới sự phát-sinh danh tính’ thì nó có nghĩa: đó là một cách nhìn-nhận các thứ (những hiện-tượng, mọi sự, mọi pháp...) làm dẫn đến sự phát-sinh khổ đau.

- “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là cách dẫn tới sự chấm-dứt của danh-tính? Ở đây, người đệ tử thánh thiện ... *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay cảm-giác là cái ‘ta’ ... hay nhận-thức là cái ‘ta’ ... hay những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... hay thức là cái ‘ta’ hay cái ‘ta’ ở trong thức. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là cách dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính. Khi nói ‘cách dẫn tới sự chấm-dứt danh-tính’ thì nó có nghĩa: đó là một cách nhìn-nhận các thứ (những hiện-tượng, mọi sự, mọi pháp...) làm/giúp dẫn đến sự chấm-dứt khổ đau.”

(SN 22:44)

45 (3) Vô-Thường (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. Khi một

người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.³⁵

“Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’. Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, thì tâm sẽ trở nên chán-bỏ và được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.

“Này các Tỳ kheo, nếu tâm một người đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố thân-sắc, thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp. Nếu tâm đã trở nên chán-bỏ đối với yếu tố cảm-giác ... đối với yếu tố nhận-thức ... đối với yếu tố những sự tạo-tác cố-ý ... đối với yếu tố thức, thì nó được giải thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.

“Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”³⁶

(SN 22:45)

46 (4) Vô-Thường (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường ... Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô

thường ... Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Khi một người nhìn thấy điều này như vậy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, thì người đó không còn dính chấp (chấp thủ) những quan-điểm này nọ (tà kiến) liên quan quá khứ. Khi một người không còn dính chấp những quan-điểm này nọ liên quan quá khứ, thì người đó không còn dính chấp những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai. Khi một người không còn dính chấp những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai, thì người đó không còn sự dính-chấp dai dẳng (= sự cố chấp, sự bảo thủ, sự chấp thủ dai dẳng, tà-kiến nặng đô khó bỏ) nào nữa.³⁷ Khi người đó không còn sự chấp-thủ dai dẳng nào nữa, thì tâm trở nên chán-bỏ đối với thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, và nó được giải-thoát khỏi những ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.

“Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị kích-động. Nhờ nó không bị kích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:46)

47 (5) *Những Cách Nhìn Nhận Các Thứ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào coi (nhìn nhận) [bất cứ thứ gì là] cái ‘ta’ theo những cách khác nhau, thì tất cả họ đều

coi năm-uẩn bị dính-chấp, hay một uẩn nào trong đó, là cái ‘ta’. Năm đó là gì?

- “Ồ đây, này các Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy, người không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những; không phải là người nhìn thấy những bậc thiện nhân, không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của bậc thượng nhân; *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc ở trong ‘ta’ hay cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức ở trong cái ‘ta’ hay ‘ta’ ở trong thức.

“Như vậy, cách nhìn-nhận các thứ như vậy và [quan niệm] cái ‘ta-là’ (cái ‘ta’, tự ngã) chưa biến mất khỏi/trong (tâm) người đó. Khi cái ‘ta-là’ chưa biến mất, thì chỗ đó tạo ra góc-gác của năm căn (giác quan)—của căn mắt, căn tai, căn mũi, căn lưỡi, căn thân.³⁸ Này các Tỳ kheo, có tâm, có các hiện-tượng thuộc tâm (pháp), có yếu tố vô-minh. Khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc bởi một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì cái sự ‘ta-là’ xảy ra với người đó; cái sự ‘ta là này là nọ’ xảy ra với người đó, và sự ‘ta sẽ gồm có thân-sắc’ và sự ‘ta sẽ không có thân-sắc (vô sắc)’ và sự ‘ta sẽ là có nhận-thức’ và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức’ và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức cũng không phải không-còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng)’—những sự đó xảy ra với người đó.³⁹

- “Năm giác-quan vẫn có ngay đây, này các Tỳ kheo, nhưng đối với chúng, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy dẹp bỏ sự vô-minh và phát khởi trí-biết đích thực (minh, chân trí). Với sự phai biến vô-minh và sự khởi sinh trí-biết đích thực, thì cái sự ‘ta là’ không xảy ra với người đó; cái sự ‘ta là này là nọ’ không xảy ra với người đó; và sự ‘ta sẽ gồm có thân-sắc’ và sự ‘ta sẽ không có thân-sắc (vô sắc)’ và sự

‘ta sẽ là có nhận-thức’ và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức’ và sự ‘ta sẽ là không-có nhận-thức cũng không phải không-còn nhận-thức (phi tương phi phi tương)’ — những sự đó không xảy ra với người đó.”

(SN 22:47)

48 (6) Các Uẩn

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về năm-uẩn và năm-uẩn bị dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm uẩn? Mọi thể-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là đồng (tập hợp) thể-sắc (sắc uẩn). Mọi cảm-giác ... được gọi là đồng cảm-giác (thọ uẩn). Mọi nhận-thức ... được gọi là đồng nhận-thức (tưởng uẩn). Mọi sự-tạo tác cố-ý ... được gọi là đồng những sự tạo-tác cố-ý (hành uẩn). Mọi thức ... được gọi là đồng thức (thức uẩn). Này các Tỳ kheo, đó được gọi là năm-uẩn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là năm uẩn bị dính-chấp (năm thủ uẩn)? Mọi thể-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần, nó bị ô nhiễm, (ta, tâm) có thể bị dính chấp (chấp thủ) theo: đây được gọi là đồng sắc bị dính-chấp (sắc-uẩn chấp thủ). Mọi cảm-giác dù là loại gì ... nó bị ô nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là đồng cảm-giác bị dính chấp (thọ-uẩn chấp thủ). Mọi nhận-thức dù là loại gì ... nó bị ô nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là đồng nhận-thức bị dính chấp (tưởng-uẩn chấp thủ). Những sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... nó bị ô nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây được gọi là đồng những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp (hành-uẩn chấp thủ). Mọi thức dù là loại gì ... nó bị ô nhiễm, có thể bị dính chấp theo: đây

được gọi là đồng thức bị dính chấp (thức-uẩn chấp thủ). Nay các Tỷ kheo, đó được gọi là năm-uẩn bị dính-chấp.”

(SN 22:48)

49 (7) Soṇa (I)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn.... Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau:

(1) “Này Soṇa, khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở thân-sắc—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*cứ* coi chính mình là này nọ như: ‘Ta tốt hơn’ (người khác), hay ‘Ta bằng’, hay ‘Ta kém hơn’ ([đây là ba dạng của sự ‘tự-ta’ (ngã mạn)]),⁴⁰ như vậy họ đâu là ai khác hơn một người không nhìn thấy các thứ đúng như chúng thực là?

“Khi bất cứ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác ... dựa trên cơ sở nhận-thức ... dựa trên cơ sở những sự tạo-tác cố-ý ... dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*cứ* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ đâu là ai khác hơn một người không nhìn thấy các thứ đúng như chúng thực là?

(2) “Khi bất kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở thân-sắc—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—*không* coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ là ai khác hơn một người *nhìn thấy* các thứ đúng như chúng thực là?

“Khi bất kỳ tu sĩ và bà-la-môn nào, dựa trên cơ sở cảm-giác ... dựa trên cơ sở nhận-thức ... dựa trên cơ sở những sự tạo-tác cố-ý ... dựa trên cơ sở thức—vốn là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi—không coi chính mình là này nọ như vậy: ‘Ta tốt hơn’, hoặc ‘Ta bằng’, hoặc ‘Ta kém hơn’, như vậy họ là ai khác hơn một người *nhìn thấy* các thứ đúng như chúng thực là?”

(2) “Này Soṇa, anh nghĩ thân-sắc là vô thường hay thường hằng?”
– “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”
– “Khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? ... Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường hay thường hằng? ... Thức là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

- “Do vậy, này Soṇa, mọi thể-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi thể-sắc đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.

“Mọi cảm-giác ... mọi nhận-thức ... mọi sự tạo tác cố ý ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần, tất cả mọi thức đều nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’.

- “Này Soṇa, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi (tâm) được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:49)

50 (8) Soṇa (2)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó có Soṇa, con trai của một gia chủ, đã đến gặp đức Thế Tôn.... Đức Thế Tôn đã nói với Soṇa, con trai gia chủ, như sau:

(1) “Này Soṇa, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được thân-sắc, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; ai không hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó: những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chưa chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.

(2) “Nhưng, này Soṇa, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được thân-sắc, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; ai hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-

tác cố-ý ... thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó: những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong số bà-la-môn, và những vị đó, do đã tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này chúng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 22:50)

51 (9) Tiêu Diệt Khoái Lạc (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo nhìn thấy thân-sắc vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn (chánh kiến) của người đó. Sau khi nhìn thấy một cách đúng đắn như vậy, người đó trải nghiệm sự ghê-sợ. Với sự tiêu diệt khoái-lạc [sự thích thú, sự khoái thích, sự vui thú] nên có sự tiêu diệt nhục-dục; với sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc. Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.⁴¹

“Một Tỳ kheo nhìn thấy cảm-giác vô thường ... nhận-thức vô thường ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường ... thức vô thường đúng như nó thực chất là vô thường: đó là cách-nhìn đúng-đắn của người đó Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.”

(SN 22:51)

52 (10) Tiêu Diệt Khoái Lạc (2)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, hãy chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý) tới thân-sắc. Hãy nhận thấy tính vô thường của thân-sắc đúng như nó thực là. Khi một Tỳ kheo chú-tâm kỹ càng tới thân-sắc và nhận thấy tính vô thường của thân-sắc đúng như nó thực là, thì người đó trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc. Với sự tiêu diệt khoái-lạc nên có sự tiêu diệt nhục-dục; với sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc. Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.

“Này các Tỳ kheo, hãy chú tâm kỹ càng tới cảm-giác ... tới nhận-thức ... tới những sự tạo-tác cố-ý ... tới thức Với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục nên tâm được giải-thoát và được cho là đã được giải-thoát một cách thiện khéo.”

(SN 22:52)

PHẦN II

‘NĂM MƯƠI KINH GIỮA’

NHÓM 1

NHÓM ‘NAKULAPITĀ’

(*Upaya-vagga*)

53 (1) *Sự Dính Lúu*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, người còn dính lúu⁴² ([còn dính năm-uẩn theo cách của dục-vọng, sự tự-ta, tà-kiến]) thì không được giải thoát; người không còn dính lúu thì được giải thoát. Này các Tỳ kheo, thức, khi đang tồn tại (đang có mặt, đang trụ) có thể tồn tại dính lúu với *thân-sắc*, được dựa trên thân-sắc, được thiết lập trên thân-sắc, (và khi) được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang tồn tại có thể tồn tại [dính lúu với *cảm-giác* ... dính lúu với *nhận-thức* ...] dính lúu với *những sự tạo-tác cố-ý*; được dựa trên những sự tạo-tác cố-ý, được thiết lập trên những sự tạo-tác cố-ý, được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.⁴³

“Này các Tỳ kheo, dù có ai nói: ‘Ngoài thân-sắc, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố-ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó’— thì điều đó là không thể.

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố thân-sắc, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức.⁴⁴ Nếu người đó đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác ... yếu tố nhận-thức ... yếu tố những sự tạo-tác cố-ý ... đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức.

“Khi thức đó không-được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát.⁴⁵ Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:53)

54 (2) *Mầm Giống* (chùng tử)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm loại mầm-giống. Năm đó là gì? Giống rễ, giống cành, giống ghép, giống chiết, và giống mầm là thứ năm.⁴⁶ Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), được gieo cấy một cách an toàn (không bị phá hoại), nhưng ở đó *không* có đất hay nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), nhưng

không được gieo cây một cách an toàn (không bị phá hoại), nhưng ở đó có đất và nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Nếu năm loại giống không bị sút mẻ, không hư hỏng, không bị hư hại bởi nắng gió, có khả năng sinh nở (không bị trơ, lép), được gieo cây một cách an toàn (không bị phá hoại), và ở đó có đất và nước, thì liệu năm loại giống đó có (mọc lên) tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng hay không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Này các Tỳ kheo, bốn trạm-trú của thức⁴⁷ nên được nhìn thấy như yếu-tố đất. Còn sự khoái-lạc và nhục-dục nên được nhìn thấy như yếu-tố nước. Thức cùng với những dưỡng chất của nó nên được nhìn thấy giống như năm loại mầm giống đó.⁴⁸

“Này các Tỳ kheo, thức, khi đang tồn tại (có mặt, đang trụ) có thể tồn tại dính líu với thân-sắc; được dựa trên thân-sắc, được thiết lập trên thân-sắc, được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng. Hoặc thức, khi đang tồn tại, có thể tồn tại dính líu với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý; được dựa trên những sự tạo-tác cố-ý, được thiết lập trên những sự tạo-tác cố-ý, được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì có thể đi đến tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.

“Này các Tỳ kheo, cho dù ai nói rằng: ‘Ngoài thân-sắc, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố-ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó— thì điều đó là không thể.

“Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố thân-sắc, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở [hay đối tượng] bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức.⁴⁹ Nếu người đó đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác ... yếu tố nhận-thức ... yếu tố những sự tạo-tác cố-ý ... đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở bị cắt bỏ: thì đâu còn một trợ-giúp nào cho sự lập thành của thức.

“Khi thức đó không-được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát. Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:54)

55 (3) *Lời Cảm Hứng Nói Ra* (tự thuyết)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó đức Thế Tôn đã tự mình nói ra điều này: “‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’: một Tỳ kheo thiết lập (chủ tâm, quyết tâm, giải quyết) như vậy thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử).”⁵⁰

Khi điều này được nói ra, một Tỳ kheo đã thưa với đức Thế Tôn:

“Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một Tỳ kheo có thể thiết lập như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’, thì có thể cắt bỏ được năm gông-cùm thấp hơn?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân ... *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay ‘ta’ ở trong thức’.

a- “Người đó không hiểu được thân-sắc *vô thường* là ‘thân-sắc vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

b- “Người đó không hiểu được thân-sắc *khổ đau* là ‘thân-sắc khổ đau ... cảm-giác khổ đau là ‘cảm-giác khổ đau’ ... nhận-thức khổ đau là ‘nhận-thức khổ đau’ ... những sự tạo-tác cố-ý khổ đau là ‘những sự tạo-tác cố-ý khổ đau’ ... thức khổ đau là ‘thức khổ đau’, đúng như nó thực là.

c- “Người đó không hiểu được thân-sắc *vô ngã* là ‘thân-sắc vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

d- “Người đó không hiểu được thân-sắc *là có điều-kiện* (hữu-vi) là ‘thân-sắc có điều-kiện ... cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ ... nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ ... những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện’ ... thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là.

e- “Người đó không hiểu được thân-sắc *là sẽ bị hủy diệt* là ‘thân-sắc sẽ bị hủy diệt’ ... cảm-giác là sẽ bị hủy diệt là ‘cảm-giác sẽ bị hủy diệt’ ... nhận-thức là sẽ bị hủy diệt là ‘nhận-thức sẽ bị hủy diệt’ ... những sự tạo-tác cố-ý là sẽ bị hủy diệt là ‘những sự tạo-tác cố-ý sẽ bị hủy diệt’ ... thức là sẽ bị hủy diệt là ‘thức sẽ bị hủy diệt’, đúng như nó thực là.⁵¹

(2) “Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân ... thì *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay ‘ta’ ở trong thức.

a- “Người đó hiểu được thân-sắc *vô thường* là ‘thân-sắc vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

b- “Người đó hiểu được thân-sắc *khổ đau* là ‘thân-sắc khổ đau ... cảm-giác khổ đau là ‘cảm-giác khổ đau’ ... nhận-thức khổ đau là ‘nhận-thức khổ đau’ ... những sự tạo-tác cố-ý khổ đau là ‘những sự tạo-tác cố-ý khổ đau’ ... thức khổ đau là ‘thức khổ đau’, đúng như nó thực là.

c- “Người đó hiểu được thân-sắc *vô ngã* là ‘thân-sắc vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

d- “Người đó hiểu được thân-sắc *là có điều-kiện* (hữu-vi) là ‘thân-sắc có điều-kiện ... cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ ... nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ ... những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện’ ... thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là.

e- “Người đó hiểu được thân-sắc *là sẽ bị hủy diệt* là ‘thân-sắc sẽ bị hủy diệt’ ... cảm-giác sẽ bị hủy diệt là ‘cảm-giác sẽ bị hủy diệt’ ... nhận-thức sẽ bị hủy diệt là ‘nhận-thức sẽ bị hủy diệt’ ... những sự tạo-tác cố-ý sẽ bị hủy diệt là ‘những sự tạo-tác cố-ý sẽ bị hủy diệt’ ... thức sẽ bị hủy diệt là ‘thức sẽ bị hủy diệt’, đúng như nó thực là.

- “Với sự hủy diệt ([chấm-dứt hoàn toàn]) của thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, vị Tỳ kheo đó, sau khi thiết lập như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với

ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’, thì có thể cắt bỏ năm công-cùm thấp hơn.”

(3) “Thưa Thế Tôn, khi thiết lập như vậy, thì một Tỳ kheo có thể cắt bỏ năm công-cùm thấp hơn. Nhưng, theo cách nào người tu thấy, theo cách nào người tu biết, để có thể xảy ra sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm?”⁵²

a- “Ở đây, này Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy *bị* sợ-hãi với một vấn đề không có lý làm sợ-hãi. Vì điều đó làm sợ-hãi người phạm phu không được chỉ dạy (khi người đó nghĩ rằng): ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, điều đó sẽ không xảy ra; [và] nó sẽ không xảy ra với ta’. Nhưng người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì *không bị* sợ-hãi với một vấn đề không có lý làm sợ hãi. Vì nó *không* làm sợ-hãi người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy (khi người đó nghĩ rằng): ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta, [và] điều đó sẽ không xảy ra; nó không xảy ra với ta’.

b- “Này các Tỳ kheo, thức, khi đang tồn tại (có mặt, đang trụ) có thể tồn tại dính líu với thân-sắc ... dính líu với cảm-giác ... dính líu với nhận-thức ... dính líu với những sự tạo-tác cố-ý ... dính líu với thức; được dựa trên những sự tạo-tác cố-ý, được thiết lập trên những sự tạo-tác cố-ý, khi được rưới thêm ít nhiều khoái-lạc, thì nó có thể tăng trưởng, gia tăng, và nhân rộng.

c- “Này các Tỳ kheo, cho dù ai nói rằng: ‘Ngoài thân-sắc, ngoài cảm-giác, ngoài nhận-thức, ngoài những sự tạo-tác cố-ý, tôi sẽ (có thể) mô tả (chỉ ra, cho thấy) sự đến và sự đi của thức, sự biến qua và sự tái sinh của nó, sự tăng trưởng, sự gia tăng, và sự nhân rộng của nó— thì điều đó là không thể.

d- “Này các Tỳ kheo, nếu một Tỳ kheo đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố thân-sắc, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở ([hay đối tượng]) bị cắt bỏ: thì đâu còn sự trợ-duyên nào cho sự lập thành của

thức⁵³. Nếu người đó đã dẹp bỏ nhục-dục đối với yếu tố cảm-giác ... yếu tố nhận-thức ... yếu tố những sự tạo-tác cố-ý ... đối với yếu tố thức, khi đã dẹp bỏ nhục-dục thì cái cơ sở bị cắt bỏ: thì đâu còn sự trợ-duyên nào cho sự lập thành của thức.

e- “Khi thức đó không được lập thành, không đi đến tăng trưởng, không tạo phát này nọ, thì nó được giải-thoát.⁵⁴ Nhờ nó được giải-thoát, nên nó ổn định; nhờ được ổn định, nên nó hài lòng; nhờ được hài lòng, nên người tu không bị khích-động. Nhờ nó không bị khích-động, nên người đó tự mình chứng ngộ Niết-bàn. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

“Này Tỳ kheo, theo cách như vậy một người tu biết, theo cách như vậy người tu thấy, thì có thể xảy ra sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm.”

(SN 22:55)

56 (4) Những Giai Đoạn Chuyển Biến Của Các Uẩn

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn (tập hợp, đồng, khối) bị dính chấp. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp.

“Chùng nào ta chưa trực-tiếp biết rõ năm uẩn bị dính chấp theo bốn giai đoạn,⁵⁵ đúng như chúng thực là, thì ta không tuyên bố rằng ta đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có những thiên thần, Ma Vương, và trời Brahmā, trong thế hệ chúng sinh này có các tu sĩ và các bà-la-môn, các thiên thần và loài người. Nhưng khi ta đã trực-tiếp biết tất cả điều đó, đúng như chúng thực là, ta mới

tuyên bố mình đã tỉnh thức tới sự giác-ngộ toàn thiện tối thượng trong thế giới này có ... các thiên thần và loài người.

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào có bốn giai đoạn đó? Ta trực-tiếp biết thân-sắc (sắc), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Ta trực tiếp biết cảm-giác (thọ) ... nhận-thức (tưởng) ... những sự tạo-tác cố-ý (hành) ... thức (thức), nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó.

(1) “Và này các Tỳ kheo, cái gì là *thân-sắc*? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó. Đây được gọi là sắc. Khi có khởi sinh ‘dưỡng chất’ là khởi sinh thân-sắc. Khi chấm dứt ‘dưỡng chất’ là chấm dứt thân-sắc. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt thân-sắc; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn, ý-định đúng đắn, lời-nói đúng đắn, hành-động đúng đắn, sự mưu-sinh đúng đắn, sự nỗ-lực đúng đắn, sự chú-tâm đúng đắn, và sự định-tâm đúng đắn.

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với thân-sắc, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ-đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.⁵⁶

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết như vậy về *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với thân-sắc, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp, họ được giải thoát một cách thiện khéo. Những người khéo được giải thoát là những người toàn-vẹn (hoàn thiện, hoàn thành). Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân

hồi nào để mô tả họ. (tức, họ không còn tái sinh, không còn hiện thị trong thế gian nữa).⁵⁷

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác*? Cảm giác có sáu dạng như vậy: (a) cảm giác có từ mắt tiếp xúc, (b) cảm giác có từ tai tiếp xúc, (c) cảm giác có từ mũi tiếp xúc, (d) cảm giác có từ lưỡi tiếp xúc, (e) cảm giác có từ thân chạm xúc, (f) cảm giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có ‘tiếp xúc’ thì khởi sinh cảm-giác. Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ thì chấm dứt cảm-giác. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn và sự định-tâm đúng đắn.

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực tiếp-biết như vậy về *cảm-giác*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết như vậy về *cảm-giác*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp ... Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *nhận-thức*? Nhận thức có sáu dạng như vậy: (a) nhận thức về những hình-sắc, (b) nhận thức về những âm-thanh, (c) nhận thức về những mùi-hương, (d) nhận thức về những mùi-vị, (e) nhận thức về những đối-tượng chạm xúc, (f) nhận thức về những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là nhận-thức. Khi có ‘tiếp xúc’ là có khởi sinh nhận-thức. Khi chấm dứt ‘tiếp xúc’ là chấm dứt

nhận-thức. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... và sự định-tâm đúng đắn.

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *nhận-thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với nhận-thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết như vậy về *nhận-thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với nhận-thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp ... Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác cố-ý*? Sự cố-ý (hành) có sáu dạng:⁵⁸ (i) sự cố-ý đối với những hình-sắc, (ii) sự cố-ý đối với những âm-thanh, (iii) sự cố-ý đối với những mùi-hương, (iv) sự cố-ý đối với những mùi-vị, (v) sự cố-ý đối với những đối-tượng chạm xúc, (vi) sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm (các pháp). Những sự này được gọi là những sự tạo-tác cố-ý (các hành). Khi có ‘sự tiếp-xúc’ là có khởi sinh ‘những sự tạo-tác cố-ý’. Khi chấm dứt ‘sự tiếp-xúc’ là chấm dứt ‘những sự tạo-tác cố-ý’. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm-dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... và sự định-tâm đúng đắn.

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác cố-ý*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một

cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác cố-ý*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp ... Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức*? Thức có sáu dạng như vậy: (i) thức mắt, (ii) thức tai, (iii) thức mũi, (iv) thức lưỡi, (v) thức thân, (vi) thức tâm. Đây được gọi là thức. Khi có phần ‘danh-sắc’ là có khởi sinh thức. Khi chấm dứt phần ‘danh-sắc’ là chấm dứt thức. Bát Thánh Đạo là đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... và sự định-tâm đúng đắn.⁵⁹

(a) “Những tu sĩ nào hay bà-la-môn nào đã trực-tiếp biết như vậy về *thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, là họ đang tu tập để đạt tới sự ghê-sợ đối với thức, để đạt tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo là họ đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

(b) “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực tiếp biết như vậy về *thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó, thông qua sự ghê-sợ đối với thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, họ được giải thoát bởi sự không còn dính-chấp ... Đối với những người toàn-vẹn như vậy, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(SN 22:56)

57 (5) Bảy Trường Hợp

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, là người thiện khéo trong bảy (07) trường hợp và là người điều tra tìm hiểu theo ba (03) cách, thì được gọi, trong Giáo Pháp và Giới Luật này, là một người toàn-vẹn (toàn thiện), người đã sống đời sống thánh thiện một cách tròn đầy, là loại người tối thượng (cao nhất)”.

(I) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là thiện khéo trong bảy trường hợp? Ở đây, một Tỳ kheo hiểu được thân-sắc, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; người đó hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc.

“Người đó hiểu được cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; người đó hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thức.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thân-sắc*? Bốn yếu-tố lớn (tứ đại) và những thể sắc phái sinh từ bốn yếu-tố lớn đó: đây được gọi là thân-sắc. Khi khởi sinh ‘dưỡng chất’ thì có khởi sinh thân-sắc. Khi chấm dứt ‘dưỡng chất’ là chấm dứt thân-sắc. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt thân-sắc; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào thân-sắc: đây chính là sự thỏa-thích trong thân-sắc. Mà thân-sắc đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thân-sắc. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với thân-sắc: đây chính là sự thoát-khỏi thân-sắc.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *thân-sắc*, đang tu tập với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt của nó, là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Và những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó; sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] *thân-sắc*, thông qua sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó (nên) được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp, là họ được giải thoát một cách thiện khéo. Những ai được giải thoát một cách thiện khéo là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ. (tức, họ không còn tái sinh nữa).

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *cảm-giác*? Có sáu dạng cảm-giác: cảm-giác có từ mắt tiếp xúc ... [*trong tự đoạn này trong kinh kể trên*] ... cảm-giác có từ tâm tiếp xúc. Đây được gọi là cảm-giác. Khi có ‘tiếp-xúc’ thì khởi sinh cảm-giác. Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ là chấm dứt cảm-giác. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt cảm-giác; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào cảm-giác: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác. Mà cảm-giác đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong cảm-giác. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với cảm-giác: đây chính là sự thoát-khỏi cảm-giác.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *cảm-giác* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *cảm-giác* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác ... là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *nhận-thức*? Có sáu dạng nhận-thức: nhận thức về thân-sắc ... nhận thức về các hiện-tượng thuộc tâm (các pháp). Đây được gọi là nhận-thức. Khi có ‘tiếp-xúc’ thì khởi sinh nhận-thức. Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ là chấm dứt nhận-thức. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt nhận-thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào nhận-thức: đây chính là sự thỏa-thích trong nhận-thức. Mà nhận-thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong nhận-thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với nhận-thức: đây chính là sự thoát-khỏi nhận-thức.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *nhận-thức* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] nhận-thức ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *nhận-thức* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] nhận-thức ... là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *những sự tạo-tác cố-ý*? Sự cố-ý có sáu dạng: sự cố-ý đối với thân-sắc ... sự cố-ý đối với những hiện-tượng thuộc tâm. Đây được gọi là những sự tạo-tác cố-ý. Khi có ‘tiếp-xúc’ thì khởi sinh những sự tạo-tác cố-ý. Khi chấm dứt ‘tiếp-xúc’ là chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt những sự tạo-tác cố-ý; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố-ý: đây chính là sự thỏa-thích trong những sự tạo-tác cố-ý. Mà những sự tạo-tác cố-ý đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong những sự tạo-tác cố-ý. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với những sự tạo-tác cố-ý: đây chính là sự thoát-khỏi những sự tạo-tác cố-ý.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác cố-ý* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những sự tạo-tác cố-ý ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *những sự tạo-tác cố-ý* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] những sự tạo-tác cố-ý ... là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *thức*? Có sáu dạng thức: thức mắt ... thức-tâm. Đây được gọi là thức. Khi có phần ‘danh-sắc’ thì khởi sinh thức. Khi chấm dứt phần ‘danh-sắc’ là chấm dứt thức. Bát Thánh Đạo là con đường dẫn tới sự chấm dứt thức; đó gồm (tám phần tu tập): cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn.

“Sự khoái thích và vui thích khởi-sinh tùy thuộc vào thức: đây chính là sự thỏa-thích trong thức. Mà thức đó là vô thường, khổ, và luôn

bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với thức: đây chính là sự thoát-khỏi thức.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *thức* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thức ... là họ đang tu tập một cách thiện khéo. Những ai đang tu tập một cách thiện khéo thì đã có-được một chỗ đứng trong Giáo Pháp và Giới Luật này.

- “Những tu sĩ và bà-la-môn nào, sau khi đã trực-tiếp biết như vậy về *thức* ... sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thức ... là những người toàn-vẹn (toàn thiện). Đối với những người toàn-vẹn, thì không còn vòng luân hồi nào để mô tả họ.

“Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy thì một Tỳ kheo là thiện khéo trong bảy (07) trường hợp.

(II) “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một Tỳ kheo là người điều tra tìm hiểu ba cách? Ở đây, này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo điều tra tìm hiểu (1) theo cách các yếu-tố (giới) [như toàn chương **SN 14**], (2) theo cách sáu cơ-sở cảm-nhận (xứ) [như toàn chương **SN 35**], và (3) theo cách của ‘sự khởi-sinh tùy-thuộc’ (lý duyên khởi) [như toàn chương **SN 12**]. Theo cách như vậy thì một Tỳ kheo là người điều tra tìm hiểu ba cách.⁶⁰

“Này các Tỳ kheo, một Tỳ kheo, là người thiện khéo trong bảy trường hợp và là người điều tra tìm hiểu theo ba cách, thì được gọi, trong Giáo Pháp và Giới Luật này, là một người toàn-vẹn (toàn thiện), người đã sống đời sống thánh thiện một cách tròn đầy, là loại người tối thượng.”

(SN 22:57)

58 (6) *Bậc Toàn Giác*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, Như Lai [Tathāgata], bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác [bậc Giác Ngộ Toàn Thiện], được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với thân-sắc, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Giác Ngộ Toàn Thiện. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ, được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với thân-sắc, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là người được giải thoát nhờ trí-tuệ.⁶¹

“Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là một bậc Giác Ngộ Toàn Thiện. Một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ, được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... thức, thông qua sự phai biến và chấm dứt của nó, thì được gọi là người được giải thoát nhờ trí-tuệ.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, cái gì là sự phân biệt, cái gì sự khác biệt, cái gì là sự khác nhau giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con được bắt rễ từ Thế Tôn, được hướng dẫn bởi Thế Tôn, được nhờ dựa theo Thế Tôn. Sẽ tốt lành nếu Thế Tôn làm rõ ý nghĩa của điều đó. Sau khi lắng nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

“Vậy hãy lắng nghe và chú tâm kỹ càng, này các Tỳ kheo, ta sẽ nói.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói điều này:

“Này các Tỳ kheo, Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác, là người phát khởi con-đường (đạo) chưa được khởi sinh trước đó, là người tạo ra con-đường chưa được tạo ra trước đó, là người tuyên bố con-đường chưa được tuyên bố trước đó. Bậc ấy là người hiểu-biết con-

đường, là người khám-phá ra con-đường, là người thiện-khéo trong con-đường. Và những người đệ tử của bậc ấy giờ đang đi theo con-đường đó và sau đó sẽ có-được [sở hữu] con-đường đó.

“Này các Tỳ kheo, đây là sự phân biệt, sự không tương đồng, sự khác biệt giữa Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác (tức một vị Phật) với một Tỳ kheo được giải thoát nhờ trí-tuệ.”

(SN 22:58)

59 (7) *Đặc Tính Vô-Ngã* (vô ngã tướng)⁶²

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang cư trú ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Ở đó đức Thế Tôn nói với nhóm năm Tỳ kheo: “Này các Tỳ kheo!”

“Dạ, thưa Thế Tôn!”, các Tỳ kheo đáp lại. Đức Thế Tôn đã nói như vậy:

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc không phải là ‘ta’. Bởi nếu thân-sắc là ta, này các Tỳ kheo, thì thân-sắc này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Thân-sắc của ta phải như vậy; thân-sắc của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì thân-sắc không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Thân-sắc của ta phải như vậy; thân-sắc của ta không được như vậy.’

“Cảm-giác không phải là ‘ta’ ... Nhận-thức không phải là ‘ta’ ... Những sự tạo-tác cố-ý không phải là ‘ta’ ... Thức không phải là ‘ta’. Bởi nếu thức là ‘ta’, này các Tỳ kheo, thì thức này đâu dẫn tới khổ đau, và ta có thể quyết định: ‘Thức của ta phải như vậy; thức của ta không được như vậy.’ Nhưng bởi vì thức không phải là ‘ta’, cho nên tự nó dẫn tới khổ đau, và ta không thể nào quyết định: ‘Thức của ta phải như vậy; thức của ta không được như vậy.’

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”—“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

“Cảm-giác là thường hằng hay vô thường? ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường? ... Những sự tạo-tác cố-ý là thường hằng hay vô thường? ... Thức là thường hằng hay vô thường?”—“Là vô thường, thưa Thế Tôn”, —“Mà thứ gì vô thường là khổ hay là sướng?”—“Là khổ, thưa Thế Tôn”,—“Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?”—“Không, thưa Thế Tôn”.

“Do vậy, mọi thân-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—tất cả thân-sắc nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’”.

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... mọi sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—tất cả cảm-giác ... thức nên được nhìn thấy đúng như chúng thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải ‘của ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’”.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được

giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống tâm linh đã được sống, những gì cần phải làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Đó là lời đức Thế Tôn đã nói. Các Tỳ kheo hài lòng và hoan hỷ với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Và trong khi bài kinh này đang được nói, tâm của năm vị Tỳ kheo đó đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.

(SN 22:59)

60 (8) *Mahāli*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Rồi ông Mahāli người Licchavi đã đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, (giáo sĩ) Pūraṇa Kassapa nói như vậy: ‘Không có nguyên nhân hay điều kiện (nhân duyên) nào tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm không vì nhân hay duyên nào cả. Không có nguyên nhân hay điều kiện nào làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được trong sạch không vì nhân hay duyên nào cả.’ Đức Thế Tôn nói sao về điều này?”⁶³

“Này Mahāli, có nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm là (do) có nhân và duyên (tạo ra). Có nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được trong sạch là (do) có nhân và duyên (làm nên).”

(1) “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là có nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh bị ô nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện?”

“Này Mahāli, nếu thân-sắc này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị đăm mê với nó. Nhưng bởi vì thân-sắc là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, cho nên chúng sinh bị mới đăm mê với nó.⁶⁴ Do bị đăm mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô nhiễm. Này Mahāli, đây là một nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện.

“Này Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn khổ ... Nếu nhận-thức này ... những sự tạo-tác cố-ý này ... thức này chỉ (có) toàn khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự sướng, thì chúng sinh đâu bị đăm mê với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác ... thức là (có) sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, chứ nó không phải chỉ chìm ngập trong sự khổ, cho nên chúng sinh bị mới đăm mê với nó. Do bị đăm mê với nó nên họ bị lôi cuốn bởi nó, và do bị lôi cuốn bởi nó nên họ bị ô nhiễm. Này Mahāli, đây cũng là một nguyên-nhân và điều-kiện tạo ra sự ô-nhiễm của chúng sinh; chính theo cách như vậy chúng sinh bị ô nhiễm vì có nguyên-nhân và điều-kiện.

(2) “Nhưng, thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh? Theo cách nào mà chúng sinh được thanh lọc nhờ có nguyên-nhân và điều-kiện?”

“Này Mahāli, nếu thân-sắc này chỉ (có) toàn sướng, chìm đắm trong sự sướng, chìm ngập trong sự sướng, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì thân-sắc là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sự sướng, nên chúng sinh trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Sau

khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh lọc (trong sạch). Đây Mahāli, đây là một nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh lọc nhờ có Nguyên-nhân và điều-kiện.

“Đây Mahāli, nếu cảm-giác này chỉ (có) toàn sutherland ... Nếu nhận-thức này ... Nếu những sự tạo-tác cố-ý này ... Nếu thức này chỉ (có) toàn sutherland, chìm đắm trong sự sutherland, chìm ngập trong sự sutherland, và nếu nó [cũng] không chìm ngập trong sự khổ, thì chúng sinh đâu trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Nhưng bởi vì cảm-giác ... thức là (có) khổ, chìm đắm trong sự khổ, chìm ngập trong sự khổ, và nó không [chỉ] chìm ngập trong sự sutherland, nên chúng sinh trải nghiệm (cảm thấy) sự ghê-sợ đối với nó. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, họ trở nên chán-bỏ, và thông qua sự chán-bỏ họ được thanh lọc (trong sạch). Đây Mahāli, đây cũng là một nguyên-nhân và điều-kiện làm nên sự trong-sạch của chúng sinh; chính theo cách như vậy mà chúng sinh được thanh lọc nhờ có nguyên-nhân và điều-kiện.”

(SN 22:60)

61 (9) Bốc Cháy

Ở Sāvattihī.⁶⁵

“Đây các Tỳ kheo, thân-sắc đang bốc cháy, cảm-giác đang bốc cháy, nhận-thức đang bốc cháy, những sự tạo-tác cố-ý đang bốc cháy, thức đang bốc cháy. Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời

sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa”.

(SN 22:61)

62 (10) Những Đường Chữ Nghĩa

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, này có ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả,⁶⁶ nó không bị pha tạp, đã chưa từng bị pha tạp, đang không bị pha tạp, và sẽ không bị pha tạp, không bị chê trách bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí. Ba đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, mọi thể-sắc *đã* biến qua, đã chấm dứt, đã thay đổi: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đã*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘sẽ’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố-ý ... Mọi thức *đã* biến qua, đã chấm dứt, đã thay đổi: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đã*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘sẽ’.

“Này các Tỳ kheo, mọi thể-sắc *chưa* được sinh ra, chưa hiện thành (chưa thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*sẽ*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘đã’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi những sự tạo-tác cố-ý ... chưa được sinh ra, chưa hiện thành: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*sẽ*” được dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đang’ hay chữ ‘đã’.

“Này các Tỳ kheo, mọi thể-sắc *đã* được sinh ra, đã hiện thành (thể hiện, hiện thị, xuất hiện): thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “*đang*” (đang có mặt) dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đã’ hay chữ ‘sẽ’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi những sự tạo-tác cố-ý ... đã được sinh ra, đã hiện thành: thì chữ, sự chỉ định, và sự mô tả “đang” (đang có mặt) dùng để chỉ nó, không dùng chữ ‘đã’ hay chữ ‘sẽ’.

“Này các Tỳ kheo, đây là ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả, chúng không bị pha tạp, chưa từng bị pha tạp, đang không bị pha tạp, sẽ không bị pha tạp, không bị chê trách bởi những tu sĩ và bà-la-môn có trí.

“Này các Tỳ kheo, ngay cả Vassa và Bañña ở xứ Ukkalā, là những người chủ trương không có nhân-duyên tác động (phi nhân quả), không có nghiệp tác động (phi nghiệp quả), và chủ trương tư tưởng ‘mọi thứ đều bị hủy diệt’, nhưng họ cũng không nghĩ ba đường chữ-nghĩa, là ba đường chỉ-định, ba đường mô-tả này nên bị khinh miệt hay chỉ trích. Vì lý do gì? Vì họ sợ bị chê trách, bị công kích, và bị lên án.”⁶⁷

(SN 22:62)

NHÓM 2

NHÓM ‘A-LA-HÁN’

(*Arahanta-vagga*)

63 (1) *Khi Dính Chấp*

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống tại Sāvathī (Xá-vệ), trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Tỳ kheo, khi dính-chấp [trong sự chấp-thủ], người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp, người ta tự do khỏi Ác Ma đó.”⁶⁸

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa Thế Tôn!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều mới được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi dính-chấp theo *thân-sắc*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi dính-chấp theo *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được đức Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi dính-chấp theo *thân-sắc*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lập lại giống hệt như trên*] ... bằng cách không dính-chấp theo nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó, đã sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định, nhờ sự tự mình chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp, ngay trong kiếp này đã chứng nhập và an trú trong mục-tiêu tối thượng của đời sống thánh thiện, mà vì mục-tiêu đó những người họ tộc đã đứng đắn rời bỏ gia đình để đi vào đời sống xuất gia tu hành. Thầy ấy đã trực-tiếp hiểu rằng: “Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:63)

64 (2) Khi Suy Tưởng

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn” (*giống tương tự kinh trên*)

“Này Tỳ kheo, khi suy-tưởng, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không suy-tưởng, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi suy tưởng *thân-sắc*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không suy-tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi suy tưởng *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không bị suy tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi suy tưởng *thân-sắc*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lập lại giống hệt như trên*] ... bằng cách không suy tưởng nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:64)

65 (3) Khi Tìm Cầu Khoái-lạc (Sự Vui Thú)

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn” (*giống tương tự kinh trên*)

“Này Tỳ kheo, khi tìm cầu khoái-lạc, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, khi tìm cầu khoái-lạc trong *thân-sắc*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Khi tìm cầu khoái-lạc trong *cảm-giác* ... trong *nhận-thức* ... trong *những sự tạo-tác cố-ý* ... trong *thức*, người ta bị trói buộc bởi Ma-vương; bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. Này Tỳ kheo, khi tìm cầu khoái-lạc trong *thân-sắc*, nên người ta bị trói buộc bởi Ma-vương ... [*Phật lặp lại giống hệt như trên*] ... bằng cách không tìm cầu khoái-lạc trong nó, người ta được tự do khỏi Ác Ma đó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Rồi vị Tỳ kheo đó, sau khi đã hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và sau khi kính chào đức Thế Tôn, giữ đức Thế Tôn ở hướng bên phải mình và đi ra.

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:65)

66 (4) Vô-Thường

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn” (*giống tương tự kinh trên*)

“Này Tỳ kheo, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với mọi thứ là vô thường.”

“Dạ con đã hiểu, thưa Thế Tôn! Con đã hiểu, thưa bậc Phúc Lành!”

“Này Tỳ kheo, theo cách nào thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta mới nói ra một cách ngắn gọn như vậy?”

“Thưa Thế Tôn, *thân-sắc* là vô thường; con nên dẹp bỏ tham muốn và nhục dục đối với nó. *Cảm-giác* là vô thường ... *Nhận-thức* là vô thường ... *Những sự tạo-tác cố-ý* là vô thường ... *Thức* là vô thường; con nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó.

“Thưa Thế Tôn, chính theo cách như vậy con hiểu một cách chi tiết ý nghĩa của điều được Thế Tôn mới nói ra một cách ngắn gọn.”

“Tốt, tốt, này Tỳ kheo! Thật tốt lành thầy hiểu được một cách chi tiết điều được ta nói ra một cách ngắn gọn như vậy. *Thân-sắc* là vô thường ... *Thức* là vô thường; thầy nên dẹp bỏ tham muốn đối với nó. Chính theo cách như vậy, ý nghĩa của điều được ta nói ra một cách ngắn gọn nên được hiểu một cách chi tiết như vậy.”

Sau đó, vị Tỳ kheo đó sống tu một mình....

Và vị Tỳ kheo đó đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:66)

67 (5) *Khổ*

[Giống kinh **SN 22:66** kể trên, chỉ khác chữ “vô thường” được thay bằng chữ “khổ”.]

(SN 22:67)

68 (6) *Vô-Ngã*

[Giống kinh **SN 22:66** kể trên, chỉ khác chữ “vô thường” được thay bằng chữ “vô ngã”.]

(SN 22:68)

69 (7) *Thứ Không Thuộc Về ‘Ta’*

[Giống kinh **SN 22:66** kể trên, chỉ khác chữ “vô thường” được thay bằng chữ “không thuộc về ‘ta’”.]

(SN 22:69)

70 (8) *Thứ Có Về Khiêu Gợi*

[Giống kinh **SN 22:66** kể trên, chỉ khác chữ “vô thường” được thay bằng chữ “có vẻ khiêu gợi”.]

(SN 22:70)

71 (9) Rādha

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Rādha đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:⁶⁹

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo ra sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta đây) không còn xảy ra ở bên trong?”

“Này Rādha, mọi *thân-sắc* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi *thân-sắc* đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Mọi *cảm-giác* ... Mọi *nhận-thức* ... Mọi *sự tạo-tác cố-ý* ... Mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi *cảm-giác* ... mọi *thức* đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Này Rādha, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài: cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự ‘tự-ta’ không còn xảy ra ở bên trong.”

Sau đó thầy Rādha sống tu một mình....

Và thầy ấy đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:71)

72 (10) *Surādha*

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Surādha đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn:⁷⁰

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm hết-sạch cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta (ngã mạn, ta-đây), đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?”

“Này Surādha, mọi *thân-sắc* dù là loại gì, thuộc quá khứ, hay tương lai hay hiện tại, thô tế hay vi tế, thấp nhược hay cao siêu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Mọi *cảm-giác* ... Mọi *nhận-thức* ... Mọi *sự tạo-tác cố-ý* ... Mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’, thì tâm được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp.

“Này Surādha, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài: tâm hết-

sạch cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự tự-ta, (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo.”

Sau đó thầy Surādha sống tu một mình....

Và thầy ấy đã trở thành một trong những vị A-la-hán.

(SN 22:72)

NHÓM 3

NHÓM ‘ĐANG BỊ NHAI NUỐT’

(*Khajjanīya-vagga*)

73 (1) *Sự Thỏa Thích...*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy không hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:73)

74 (2) *Nguồn Gốc... (1)*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy không hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.

“Nhưng, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:74)

75 (3) Nguồn Gốc... (2)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được nguồn-gốc và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức, đúng như nó thực là.”

(SN 22:75)

76 (4) Những A-la-hán (1)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Cảm-giác là vô thường ... Nhận-thức là vô thường ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ... Thức là vô thường. Thứ gì vô thường là khổ. Thứ gì khổ là vô ngã. Thứ gì là vô ngã nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Sau khi được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’.

Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’

“Này các Tỳ kheo, dù tới tận đâu có các cõi sống của chúng sinh, ngay cả tới cõi cao nhất của sự hiện-hữu,⁷¹ thì những bậc này là hàng đầu trong thế gian, những bậc này là tốt nhất trong thế gian, đó là những bậc A-la-hán.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, nói thêm như vậy:

“Hạnh phúc thay những bậc A-la-hán!
Không còn dục-vọng bên trong họ.
Sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây) đã bị cắt bỏ’,
Lưới vô-minh đã bị phá bung.

“Họ đã đạt tới trạng thái bất-động,⁷²
Tâm trí họ rõ ràng minh mẫn;
Họ không còn bị dính nhiễm trong thế gian—
Những bậc thánh thiện, không-còn ô nhiễm.

“Sau khi đã hiểu được năm-uẩn,
Dựa vào bảy phẩm-hạnh,⁷³
Những bậc thượng nhân đáng tôn vinh đó,
Là những người Phật tử đích thực.

“Được trao cho bảy châu-báu,
Đã tu xong ba-phần tu-tập,⁷⁴
Những vị đại anh hùng đó đi khắp nơi,
Với sự sợ hãi và run sợ đã dẹp bỏ.

“Được phú đủ mười yếu-tố,⁷⁵
Những con-rồng lớn đó, tâm đạt định,

Là những chúng sinh tốt nhất trong thế gian:
Dục-vọng đã không còn bên trong họ.

“Hiểu-biết tinh thông đã khởi sinh trong họ:”
‘Thân này là thân cuối cùng ta mang.’
Về cốt lõi của đời sống tâm linh,
Họ không còn phụ thuộc ai khác.

“Không còn bị lay động với ba sự phân-biệt,⁷⁶
Họ đã thoát khỏi sự tái-sinh.
Đã đạt tới giai đoạn của bậc đã tu-thành,
Họ là những người chiến thắng trong thế gian.

“Trên, dưới, dọc, ngang,
Sự khoái-thích không còn bên trong họ.
Họ ngang nhiên cất lên tiếng gầm sư tử:
‘Những bậc giác-ngộ là tối thượng trong thế gian.’”

(SN 22:76)

77 (5) *Những A-la-hán (2)*

[Giống hết bài kinh kể trên, chỉ bỏ đi phần thi kệ.]

(SN 22:77)

78 (6) *Sư Tử*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, vào buổi cuối chiều, sư tử, vua của các loài thú, đi ra khỏi hang ổ. Rồi nó rướn mình, dò xét hết bốn hướng xung quanh, và rống lên tiếng gầm sư tử ba lần, sau đó nó bắt đầu đi săn mồi.

“Khi con sư tử, vua của các loài thú, rống lên tiếng gầm sư tử, hầu hết những thú vật xung quanh nghe tiếng gầm đều cảm thấy đầy sợ-hãi, một sự cảm thấy sự cấp-bách và sự khiếp-sợ. Những con vật sống trong lỗ hang thì chui vào lỗ hang; những con sống dưới nước thì lặn xuống nước; những con sống trong rừng rậm thì bỏ chạy vô rừng rậm; và chim thì bay lên trời. Ngay cả những con voi đực lớn của hoàng gia, đang bị cột bởi những sợi dây da to chắc trong các ngôi làng, thị trấn và các đô thị, cũng cố bứt phá và bứt đứt dây cột; cũng khiếp đảm, té đái và té phân, cuống chạy khắp nơi. Nay các Tỳ kheo, sư tử thật là oai hùng giữa những loài thú, là vua của những loài thú, thật uy dũng và hùng mạnh.

“Cũng giống như vậy, nay các Tỳ kheo, khi Như Lai xuất hiện trong thế giới này, là một bậc A-la-hán, đã giác ngộ hoàn toàn, đã hoàn thiện về trí-biết đích thực và đức-hạnh, là bậc phúc lành, người hiểu biết thế gian, người dẫn dắt tối cao của những người cần được thuần phục, thầy của các thiên thần và loài người, bậc Toàn Giác, bậc Thế Tôn, bậc ấy giảng dạy Giáo Pháp như vậy: ‘Này là thân-sắc, này là sự khởi sinh của thân-sắc, này là sự biến diệt của thân-sắc; này là cảm-giác ... này là nhận-thức ... này là những sự tạo-tác cố-ý ... này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức.’⁷⁷

“Rồi, nay các Tỳ kheo, những thiên thần được sống đại thọ, đẹp đẽ, tràn đầy hạnh phúc, đang sống rất lâu trong những thiên cung tiên bồng, khi họ nghe thấy giáo lý của Như Lai, hầu hết họ cảm thấy đầy sự sợ-hãi, sự cảm nhận cấp-bách, và sự khiếp-sợ, [nên họ nói rằng]: ‘Coi chừng chúng ta là vô-thường, mặc dù chúng ta nghĩ mình là thường hằng; coi chừng chúng ta là không chắc-chắn, mặc dù chúng ta nghĩ mình là chắc chắn; coi chừng chúng ta sẽ bị hoại-diệt, mặc dù chúng ta nghĩ mình là bất diệt. Thưa các ngài, coi chừng chúng ta là vô-thường, không chắc-chắn, sẽ bị hoại-diệt, bị nằm trong cái danh-tính này.’⁷⁸ Nay các Tỳ kheo, Như Lai thật là oai hùng trong khắp thế gian này có những thiên thần, Như Lai thật là uy dũng và uy lực.”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi đã nói điều này, đức Thế Tôn, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Khi Đức Phật, từ sự hiểu-biết đích-thực (chân trí),
Thiết lập chuyển động bánh xe Giáo Pháp,
Trong thế giới này có những thiên thần,
Vị Sư Thầy vô song đã tuyên thuyết [điều này]:

“Sự chầm dứt danh-tính
Và nguồn gốc của danh-tính,
Và con đường Bát Thánh Đạo
Dẫn tới sự lắng lặn khổ đau.

“Rồi những thiên thần có tuổi siêu đại thọ,
Đẹp đẽ, chói lợi trong hào quang,
Đều cảm thấy sợ hãi, đầy kinh sợ,
Giống như những loài thú khi nghe tiếng gầm sư tử.

“Chúng ta chưa vượt qua khỏi danh-tính;
Ôi thưa quý ngài, dường như chúng ta cũng vô-thường’,
[Họ thốt lên như vậy] sau khi nghe lời tuyên thuyết
của bậc A-la-hán, bậc An Định đã được giải thoát.”

(SN 22:78)

79 (7) *Đang Bị Nhai Nuốt*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào nhớ lại nhiều cõi sống trong quá khứ của họ thì tất cả đều nhớ lại năm-uẩn bị dính chấp, hoặc một trong năm uẩn đó. Năm đó là gì?

“Này các Tỳ kheo, khi nhớ lại như vậy: ‘Mình đã có thân-sắc như vậy trong quá khứ’, đó chính là thân-sắc mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình đã có cảm-giác như vậy trong quá khứ’, đó chính là cảm-giác mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có nhận-thức như vậy trong quá khứ’, đó chính là nhận-thức mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có những sự tạo-tác cố-ý như vậy trong quá khứ’, đó chính là những sự tạo-tác cố-ý mà người đó nhớ lại. Khi nhớ lại: ‘Mình có thức như vậy trong quá khứ’, đó chính là thức mà người đó nhớ lại.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *thân-sắc* (hình dạng, thân thể)?⁷⁹ Này các Tỳ kheo, nó bị biến dạng ([biến sắc, biến thể, biến tướng]) nên nó được gọi là dạng thân-sắc.⁸⁰ Biến dạng bởi gì? Bị biến dạng bởi lạnh, bị biến dạng bởi nóng, bị biến dạng bởi đói, bị biến dạng bởi khát, bị biến dạng bởi tiếp xúc với ruồi, muỗi, gió, nắng, và rắn rít. ‘Nó bị biến dạng’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là dạng thân-sắc.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *cảm-giác*? Này các Tỳ kheo, ‘nó cảm nhận’ nên nó được gọi là cảm-giác.⁸¹ ([chính cái cảm-giác nó cảm nhận, không phải ‘ai’ hay ‘người nào’ cảm nhận.]). Và nó cảm nhận cái gì? Nó cảm nhận sướng, nó cảm nhận khổ, nó cảm nhận trung tính (không sướng không khổ). ‘Nó cảm nhận’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là cảm-giác.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *nhận-thức*? Này các Tỳ kheo, ‘nó nhận thức’, nên nó được gọi là sự nhận-thức. Và nó nhận thức cái gì? Nó nhận thức màu xanh, nó nhận thức màu vàng, nó nhận thức màu đỏ, nó nhận thức màu trắng. ‘Nó nhận thức’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là nhận-thức.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *những sự tạo-tác cố-ý*? Này các Tỳ kheo, ‘chúng tự tạo tác những thứ/sự có điều-kiện (hữu vi) nên chúng được gọi là những sự tạo-tác cố-ý.⁸² Và chúng tạo

tác những gì có điều-kiện? Chúng tạo tác thân-sắc có điều-kiện (hữu vi) là thân-sắc;⁸³ chúng tạo tác cảm-giác có điều-kiện là cảm-giác; chúng tạo tác những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện là những sự tạo-tác cố-ý; chúng tạo tác thức có điều-kiện là thức. ‘Chúng tạo tác những thứ/sự có điều-kiện’, này các Tỳ kheo, nên chúng được gọi là những sự tạo-tác cố-ý.

(5) “Và, này các Tỳ kheo, vì sao các thầy gọi nó là *thức*? Này các Tỳ kheo, ‘nó nhận biết’ nên nó được gọi là thức. Và nó nhận biết cái gì? Nó nhận biết chua, nó nhận biết đắng, nó nhận biết cay, nó nhận biết ngọt, nó nhận biết vị nặng, nó nhận biết vị nhẹ, nó nhận biết mặn, nó nhận biết nhạt; (tám vị). ‘Nó nhận biết’, này các Tỳ kheo, nên nó được gọi là thức.⁸⁴

- “Trong đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy biết suy xét (quán xét, quán niệm) như vậy: ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt (bị ăn, bị ngấu nghiến, bị dày vò, bị khổ sở) bởi *thân-sắc*.⁸⁵ Trong quá khứ ta cũng bị nhai nuốt bởi *thân-sắc* theo cách y như vậy, giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *thân-sắc* hiện tại. Nếu ta tìm khoái-lạc trong *thân-sắc* tương lai, thì trong tương lai ta cũng bị nhai nuốt bởi *thân-sắc* theo cách y hệt như giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *thân-sắc* hiện tại.’ Sau khi đã suy xét như vậy, người đó trở nên bàng-quan (không quan tâm) đối với *thân-sắc* quá khứ, người đó không tìm khoái-lạc trong *thân-sắc* tương lai, và người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thân-sắc* hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

- “[Người đó suy xét như vậy:] ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *cảm-giác*.’ ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *nhận-thức*.’ ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *những sự tạo-tác cố-ý*.’ ... ‘Giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *thức*.’ Trong quá khứ ta cũng bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* theo cách y như vậy, giờ ta đang bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* hiện tại. Nếu ta tìm khoái-lạc trong *cảm-giác* ... *thức* tương lai, thì trong tương lai ta cũng bị nhai nuốt bởi *cảm-giác* ... *thức* theo cách y hệt như giờ ta

đang bị nhai nuốt bởi cảm-giác ... thức hiện tại.’ Sau khi suy xét như vậy, người đó trở nên bàng-quan (không quan tâm) đến cảm-giác ... thức quá khứ, người đó không tìm khoái-lạc trong cảm-giác ... thức tương lai, và người đó đang tu tập để dẫn tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... thức hiện tại, để dẫn tới sự phai biến và chấm dứt nó.

- “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là vô thường hay thường hằng? ... Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? ... Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường hay thường hằng? ... Thức là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Bởi vậy, này các Tỳ kheo, mọi thân-sắc dù là loại gì ... mọi cảm-giác dù là loại gì ... mọi nhận-thức dù là loại gì ... mọi sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: tất cả thân-sắc ... tất cả thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

(a) “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một đệ tử thánh thiện là người (đang) phá-bỏ (vòng luân-hồi) chứ không tạo-dựng (nó); là người dẹp-bỏ chứ không dính-chấp; là người giải-tán chứ không tích-đồng; là người dập-tắt chứ không môi-lửa. (chỉ bậc học-nhân)⁸⁶

- “Và người đó phá-bỏ chứ không tạo-dựng cái gì? Người đó phá bỏ *thân-sắc* chứ không tạo dựng nó. Người đó phá bỏ *cảm-giác* ... *nhận-thức* ... *những sự tạo-tác cố-ý* ... *thức* chứ không tạo dựng nó.

- “Và người đó dẹp-bỏ chứ không dính-chấp vào cái gì? Người đó dẹp bỏ thân-sắc chứ không dính chấp vào nó. Người đó dẹp bỏ cảm-

giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức chứ không dính chấp vào nó.

- “Và người đó giải-tán chứ không tích-đồng cái gì? Người đó giải tán thân-sắc chứ không tích đồng nó. Người đó giải tán cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức chứ không tích đồng nó.

- “Và người đó dập-tắt chứ không mồi-lửa cái gì? Người đó dập tắt thân-sắc chứ không mồi lửa nó. Người đó dập tắt cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức chứ không mồi lửa nó.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi đã trải nghiệm như vậy, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải-thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.

(b) “Này các Tỳ kheo, đây được gọi là một đệ tử thánh thiện là người không còn phá-bỏ hay tạo-dựng (vòng luân hồi), mà người đó chỉ an trú sau khi đã phá-bỏ (nó); là người không còn dẹp-bỏ hay dính-chấp, mà người đó chỉ an trú sau khi đã dẹp-bỏ; là người không còn giải-tán hay tích-đồng, mà người đó chỉ an trú sau khi đã giải-tán; là người không còn dập-tắt hay mồi-lửa, mà người đó chỉ an trú sau khi đã dập-tắt. (chỉ bậc A-la-hán)⁸⁷

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn phá-bỏ hay tạo-dựng cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã phá-bỏ nó? Người đó không còn phá bỏ hay tạo dựng *thân-sắc* mà chỉ an-trú sau khi đã phá bỏ nó. Người đó không còn phá-bỏ hay tạo-dựng *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* mà chỉ an-trú sau khi đã phá-bỏ nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn dẹp-bỏ hay dín-chấp cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã dẹp-bỏ nó? Người đó không còn dẹp bỏ hay dín chấp thân-sắc mà chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó. Người đó không còn dẹp bỏ hay dín chấp cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức mà chỉ an-trú sau khi đã dẹp bỏ nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn giải-tán hay tích-đồng cái gì mà giờ được an-trú sau khi đã giải-tán nó? Người đó không còn giải tán hay tích đồng thân-sắc mà chỉ an-trú sau khi đã giải tán nó. Người đó không còn giải tán hay tích đồng cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức mà chỉ an-trú sau khi đã giải tán nó.

- “Và, này các Tỳ kheo, người đó không còn dập-tắt hay môi-lửa cho cái gì mà giờ chỉ an-trú sau khi đã dập-tắt nó? Người đó không còn dập tắt hay môi lửa cho thân-sắc mà chỉ an-trú sau khi đã dập tắt nó. Người đó không còn dập tắt hay môi lửa cho cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức mà chỉ an-trú sau khi đã dập tắt nó.

“Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo được giải-thoát trong tâm như vậy, thì các thiên thần cùng với vị trời Indra, là vua của các vị trời, và vị trời Brahmā, và vị trời Pajāpati cũng kính lễ từ xa (như vậy):

‘Kính chào ngài, hỡi người đã thuần hóa toàn thiện!
Kính chào ngài, hỡi người cao nhất giữa loài người!
Bản thân chúng tôi không trực-tiếp biết được
Theo như những gì ngài đã thiên tập (để đạt như vậy).’⁸⁸

(SN 22:79)

80 (8) *Người Khất Thực* (xin ăn)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống giữa những người dân Thích-Ca ở Kapilavatthu (Ca-tỳ-la-vệ) trong Tịnh Xá Cây Banyan (cây đa, nigrodha).⁸⁹

Rồi đức Thế Tôn, sau thời gian đã từ bỏ các Tỳ kheo vì một lý do rõ ràng, sáng hôm đó mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kapilavatthu để khát thực, và trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn đi đến khu Rừng Lớn (Đại Lâm) để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vô khu Rừng Lớn đó, đức Thế Tôn ngồi xuống dưới gốc một cây *beluva* nhỏ để an trú qua ngày.⁹⁰

Lúc đó, trong khi đang ở một mình ở chỗ cách ly, một sự suy xét (quán chiếu) đã khởi lên trong tâm đức Thế Tôn như vậy:⁹¹

“Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bị ta từ bỏ (hở rày). (nhưng) Có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. *Giống như* con bò con không gặp bò mẹ thì trong tâm ý nó có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ; cũng giống như vậy, có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. *Giống như* những cây giống nhỏ không gặp nước thì bên trong chúng có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ; cũng giống như vậy, có những Tỳ kheo mới được thụ giới, mới xuất gia, mới đến với Giáo Pháp và Giới Luật này. Nếu họ không được gặp ta thì trong tâm ý của họ có thể xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Vậy giờ ta nên hộ giúp Tăng Đoàn các Tỳ kheo, như ta đã từng hộ giúp (độ) họ trước giờ.”

Rồi vị Trời Sahampati, với tâm của mình sau khi biết được điều suy xét trong tâm của đức Thế Tôn, nhanh chóng như một người khỏe mạnh duỗi phất cái tay đang co hay co cái tay đang duỗi, liền biến mất khỏi cõi trời, và hiện ra trước mặt đức Thế Tôn. Vị trời chỉnh xếp y trên một bên vai, chấp tay kính lễ đức Thế Tôn, và thưa với đức Thế Tôn:

“Đúng nên như vậy, thưa Thế Tôn! Thật đúng nên như vậy, thưa bậc Phúc Lành! Tăng Đoàn các Tỳ kheo đã bị đức Thế Tôn từ bỏ (hở

rày). (nhưng) Có những Tỳ kheo mới được thụ giới ... *[như đoạn trên, gồm cả ví dụ]* ... Nếu họ không gặp được đức Thế Tôn có thể trong tâm ý họ xảy ra thay đổi hay biến đổi này nọ. Thưa Thế Tôn, mong đức Thế Tôn hãy vui lòng với Tăng Đoàn các Tỳ kheo! Mong Đức Thế Tôn hãy chào đón Tăng Đoàn trở lại! Đức Thế Tôn hãy hộ giúp Tăng Đoàn như đức Thế Tôn đã hộ giúp họ trước giờ.”

Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng. Rồi vị Trời Sahampati, sau khi hiểu được đức Thế Tôn đã đồng ý, kính chào đức Thế Tôn, và giữ đức Thế Tôn bên hướng phải của mình, vị Trời biến mất ngay tại đó.

Rồi vào buổi cuối chiều, đức Thế Tôn ra khỏi chỗ ẩn cư và đi đến khu Vườn Cây Đa Đề. Đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã dọn sẵn và thực hiện một chiêu thức thần thông để các Tỳ kheo đi đến chỗ đức Thế Tôn, đi một mình và đi thành cặp, một cách rụt rè bẽn lễn (nhút nhát, xấu hổ).⁹² Rồi các Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, đi một mình và đi thành cặp, một cách rụt rè bẽn lễn. Sau khi đã đến, họ kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với họ:

“Này các Tỳ kheo, đây là hình thức kiếm sống thấp hèn nhất, đó là, việc đi xin ăn. Trong thế gian đây là một chữ mang tính sĩ nhục:⁹³ ‘Đồ ăn mày; đồ vất vưởng lang thang tay cầm bát ăn xin!’ Và, nhưng mà, này các Tỳ kheo, những người họ tộc quyết định chọn cách sống đó là có lý do chính đáng. Họ chọn (cách sống khát thực) như vậy không phải do vua chúa bắt ép, không phải do phường trộm cướp bắt ép, cũng không phải do bị nợ nần, không phải do sợ hãi, cũng không phải làm vậy như một nghề kiếm sống. Nhưng họ làm vậy với ý nghĩ rằng: ‘Mình đang chìm đắm trong sự sinh, già, chết; trong sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng. Mình đang chìm đắm trong sự khổ đau, đang bị áp bức trong sự khổ đau. Mong rằng sẽ có ngày chấm dứt được toàn bộ đống khổ này!’. Này các Tỳ kheo, chính theo cách như vậy mà một người họ tộc đã xuất gia tu hành.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, giờ người đó vẫn còn thèm khát, còn bị cháy trong *tham*-dục khoái-lạc giác-quan (nhục dục), với cái tâm đầy *sân* hận, với những ý định (tư duy) bị lụn bại bởi sự thù-ghét, với cái tâm lãng-xăng rồi mù (thất niệm), thiếu sự rõ-biết, tâm không đạt-định, đầu óc phân tán, lơ là lơ lửng các giác-quan. Giống như một khúc gỗ trong giàn thiêu xác đã bị cháy ở hai đầu và dính phân dơ ở khúc giữa: nó không thể được dùng như gỗ mộc ở trong làng hay trong rừng; cũng theo cách như vậy ta nói về loại người này là: người đó đã bỏ mất những sự hưởng lạc của đời sống tại gia nhưng cũng chẳng tu thành tới mục-tiêu của đời tu sĩ. (tức: uổng một đời tu!)

- “Này các Tỳ kheo, có ba loại ý-nghĩ bất thiện: Ý nghĩ tham-dục, ý nghĩ sân-hận, ý nghĩ gây-hại. Và, này các Tỳ kheo, ở đâu ba loại ý-nghĩ bất thiện này chắm dứt sạch sẽ không còn thặng dư? Bên trong người thiên với một cái tâm được khéo thiết lập trong ‘*bốn nền tảng chánh niệm*’, hoặc bên trong người thiên tập phát triển ‘*sự định-tâm vô dấu-hiệu*’. Này các Tỳ kheo, bấy nhiêu cũng đủ lý do để tu tập phát triển ‘*sự định-tâm vô dấu-hiệu*’ (định vô-tướng).⁹⁴ Này các Tỳ kheo, khi ‘*sự định tâm vô dấu hiệu*’ được tu tập và tu dưỡng, điều đó dẫn tới kết quả và ích lợi lớn lao.

- “Này các Tỳ kheo, có hai loại cách-nhìn (quan điểm): cách-nhìn (luôn) hiện-hữu [tư tưởng bất-diệt] và cách-nhìn (sẽ bị) tận-diệt [tư tưởng diệt-vong].⁹⁵ Trong đó, này các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì biết suy xét như vậy: ‘Có thứ gì trong thế gian ta có thể bám víu vào nó mà không bị chê trách?’ Người đó hiểu được như vậy: ‘Chẳng có thứ gì trong thế gian để ta bám víu vào nó mà không bị chê trách. Bởi vì nếu ta có bám víu thì ta chỉ có *thân-sắc* để bám víu vào, ta chỉ có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* để bám víu vào. (sự bám víu hay nắm giữ là sự dính-chấp). Do có sự dính-chấp đó của ta là điều-kiện (duyên), nên có [sinh ra] sự hiện-hữu; do có sự hiện-hữu là điều-kiện, nên có sự sinh; do có sự sinh-ra là điều-

kiện, nên có sự già-chết, sự buồn sâu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng xảy ra. Đó là *nguồn-gốc* của toàn bộ đồng khổ này.⁹⁶

- “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là vô thường hay thường hằng? ... Cảm-giác là vô thường hay thường hằng? ... Nhận-thức là vô thường hay thường hằng? ... Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường hay thường hằng? ... Thức là vô thường hay thường hằng?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng để được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’ hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”⁹⁷

(SN 22:80)

81 (9) Ở Pārileyya

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Kosambī trong khu Tịnh Xá (của ông) Ghosita.

Lúc đó, vào buổi sáng, đức Thế Tôn mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Kosambī để khát thực. Sau khi đức Thế Tôn đã đi khát thực trong thành Kosambī và trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, đức Thế Tôn tự mình thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, không báo cho người hầu cận (thị giả) của mình, không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn lên đường ra đi một mình, không có ai đi cùng.⁹⁸

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn bỏ đi, một Tỳ kheo nọ đã đến gặp Ngài Ānanda và nói với thầy ấy rằng:

“Này đạo hữu Ānanda, đức Thế Tôn đã tự mình thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, không báo cho người hầu cận của mình, không báo cho Tăng Đoàn các Tỳ kheo, đức Thế Tôn lên đường ra đi một mình, không có ai đi cùng.”

“Này đạo hữu, mỗi lần đức Thế Tôn làm như vậy là đức Thế Tôn muốn ở (an trú) một mình. Trong mỗi lần như vậy đức Thế Tôn không muốn có bất cứ ai đi theo.”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đi bộ từng chặng, cuối cùng đã tới Pārileyaka. Ở Pārileyaka đức Thế Tôn đã an trú dưới gốc cây được gọi là cây sa-la điềm lành [bhadda].⁹⁹

Rồi một nhóm Tỳ kheo đã đến gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy.¹⁰⁰ Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy Ānanda:

“Này đạo hữu Ānanda, đã lâu kể từ lúc chúng tôi nghe được một bài Giáo Pháp khi có mặt đức Thế Tôn (tức: bài Giáo Pháp do chính đức Thế Tôn nói ra). Chúng tôi muốn nghe một bài như vậy, này đạo hữu Ānanda.”

Rồi thầy Ānanda cùng với số Tỳ kheo đó đã đi đến gặp đức Thế Tôn ở Pārileyaka, đang trú dưới gốc cây sa-la điềm lành. Sau khi đến, họ kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã chỉ dạy, đã khởi xướng, đã tạo cảm hứng, và làm hoan hỷ các Tỳ kheo đó bằng một bài Giáo Pháp. Bấy giờ, vào lúc đó, một sự quán chiếu đã khởi sinh trong (tâm) của một Tỳ kheo như vậy:

“Theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm xảy ra?”¹⁰¹

Đức Thế Tôn, sau khi đã bằng tâm mình chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói với các Tỳ kheo đó như vậy:

“Này các Tỳ kheo, Giáo Pháp này đã được ta chỉ dạy một cách phân giải (phân biệt).¹⁰² *Bốn nền tảng chánh niệm* (tứ niệm xứ) đã được ta chỉ dạy một cách phân giải. *Bốn sự nỗ lực đúng đắn* (tứ chánh cần) ... *Bốn cơ sở của năng lực tâm linh* (tứ thần túc) ... *Năm căn tâm linh* (ngũ căn) ... *Năm năng lực* (ngũ lực) ... *Bảy yếu-tố* (giúp) *giác ngộ* (thất giác chi) ... *Con đường Tám phần Thánh thiện* (bát thánh đạo) đã được ta chỉ dạy một cách phân giải. Này các Tỳ kheo, đối với Giáo Pháp đã được ta chỉ dạy một cách phân giải như vậy, có một sự quán chiếu đã khởi lên trong tâm của một Tỳ kheo (ở đây) như vậy: ‘Theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm xảy ra?’

“Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm xảy ra? Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy, không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; **(i) cứ coi thân-sắc là cái ‘ta’**. Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác (hành).¹⁰³ Sự tạo-tác đó—cái gì là nguồn gốc của nó, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? (trả lời) Khi người phạm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì dục-vọng khởi sinh: từ đó sự tạo-tác được sinh ra.

“Như vậy đó, này các Tỳ kheo, sự tạo-tác đó là vô thường, có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc (duyên khởi); dục-vọng đó là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; cảm-giác đó là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự tiếp-xúc đó là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự vô-minh đó là vô thường, có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc. Này các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(ii) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’, nhưng người đó *cứ coi cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc*. Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(iii) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’ hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, nhưng người đó *cứ coi thân-sắc là ở trong cái ‘ta’*. Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(iv) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, nhưng người đó *cứ coi cái ‘ta’ là ở trong thân-sắc*. Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(v) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’, hay ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hay thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hay cái ‘ta’ là ở trong thân-sắc, nhưng người đó *cứ coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’ ... cái ‘ta’ là ở trong thức*. (Mỗi uẩn đều lặp lại lời kinh giống như uẩn thân-sắc nói trên) ... Sự nhìn nhận đó là một sự tạo-tác ... [tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(vi) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’ ... hay cái ‘ta’ là ở trong thức (giống như từ (i)—(v) ở trên), nhưng người đó *nắm giữ một quan-điểm* (cách nhìn, kiến chấp) *như vậy*: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi.’¹⁰⁴ Cái quan-điểm

trường tồn bất-diệt đó là một sự tạo-tác ... [*tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:*] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(vii) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’ cũng không nắm giữ quan-điểm trường tồn bất-diệt như vậy (*giống như từ (i)—(vi) ở trên*), nhưng người đó **nắm giữ quan-điểm như vậy**: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta’.¹⁰⁵ Quan-điểm diệt-vong đó là một sự tạo-tác... [*tiếp tục: giống y lời trong đoạn ... ở trên, cho tới:*] ... Nay các Tỳ kheo, khi một người tu biết và thấy như vậy, thì sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.

(viii) “Người đó có thể không coi thân-sắc là cái ‘ta’ cũng không nắm giữ quan điểm diệt-vong như vậy (*giống như từ (i)—(v) ở trên*), nhưng người đó cứ phân vân, nghi ngờ, không nhất định (không dứt khoát, thiếu tin tưởng) đối với Giáo Pháp. Sự phân vân, sự nghi ngờ, sự không nhất định đó đối với Giáo Pháp là một sự tạo-tác. Sự tạo-tác đó—cái gì là nguồn gốc của nó, cái gì là nguyên gốc của nó, từ cái gì nó được sinh ra và tạo ra? (trả lời) Khi người phàm phu không được chỉ dạy bị tiếp xúc với một cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc (còn) vô-minh, thì dục-vọng khởi sinh: từ đó sự tạo-tác được sinh ra.¹⁰⁶

“Như vậy, nay các Tỳ kheo, sự tạo-tác đó là vô thường, là có điều-kiện (hữu vi), là khởi-sinh tùy thuộc; dục-vọng đó là vô thường, là có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự tiếp-xúc đó là vô thường, là có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc; sự vô-minh đó là vô thường, là có điều-kiện, là khởi-sinh tùy thuộc. Khi một người tu biết và thấy như vậy, nay các Tỳ kheo, thì sự lập tức tiêu-diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra.”¹⁰⁷

► (*Như vậy, bài kinh này giải thích, bằng 23 trường hợp, về sự minh-sát dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán.*)

(SN 22:81)

82 (10) Đêm Rằm

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Sāvattihī trong Khu Vườn Phía Đông, trong Lâu Đài của Mẹ của Migāra, cùng với Tăng đoàn nhiều Tỳ kheo. Bấy giờ, vào lúc đó— là ngày 15 lễ Bô-tát [Uposatha], một ngày rằm trăng tròn— đức Thế Tôn đang ngồi ngoài trời xung quanh là Tăng đoàn các Tỳ kheo.¹⁰⁸

(I) Rồi có một Tỳ kheo đứng dậy khỏi chỗ ngồi, chỉnh xếp y một bên vai, chắp hai tay hướng về đức Thế Tôn kính lễ, và nói với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, con muốn hỏi đức Thế Tôn về một điều, mong đức Thế Tôn ban cho con đặc ơn bằng cách trả lời câu hỏi của con.”

“Được rồi, này Tỳ kheo, hãy ngồi xuống và hỏi điều thầy muốn hỏi.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi thầy đó ngồi xuống chỗ ngồi và thưa với đức Thế Tôn:

(1) “Thưa Thế Tôn, có phải đây là năm uẩn bị dính chấp: đó là, uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp?”

“Này Tỳ kheo, đó là năm uẩn bị dính chấp: đó là, uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp.”

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, và hài lòng và vui mừng với lời khẳng định của đức Thế Tôn. Rồi thầy ấy đã hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

(2) “Nhưng, thưa Thế Tôn, năm uẩn bị dính chấp có gốc rễ từ đâu?”

“Này Tỳ kheo, năm uẩn bị dính chấp đó bắt rễ từ tham-muốn.”¹⁰⁹

(3) “Thưa Thế Tôn, có phải sự dính-chấp là một với năm uẩn bị dính chấp này, hay sự dính-chấp là khác với năm uẩn bị dính chấp này?”

“Này các Tỳ kheo, sự dính-chấp đó không phải là một với năm uẩn bị dính chấp này, cũng không phải khác với năm uẩn bị dính chấp này. Nhưng nói đúng hơn, sự tham-muốn và nhục-dục đối với chúng (năm uẩn) mới chính là sự dính-chấp ở đó.”¹¹⁰

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn” ... đã hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

(4) “Nhưng, thưa Thế Tôn, có khả năng có sự đa-dạng (nhiều loại, nhiều dạng) trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính chấp hay không?”

“Có khả năng đó, này Tỳ kheo”, đức Thế Tôn đã nói. “Ở đây, này Tỳ kheo, ý này có thể xảy đến với người ta: ‘Ta mong có được thân-sắc như vậy trong tương lai (kiếp sau...)! Ta mong có được cảm-giác như vậy trong tương lai! Ta mong có được nhận-thức như vậy trong tương lai! Ta mong có được những sự tạo-tác cố-ý như vậy trong tương lai! Ta mong có được thức như vậy trong tương lai!’ Như vậy đó, này Tỳ kheo, có khả năng có sự đa-dạng trong sự tham-muốn và nhục-dục đối với năm uẩn bị dính chấp.”

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn” ... đã hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

(5) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào, sự chỉ-định (sự chỉ danh, sự gọi tên) các ‘uẩn’ được áp dụng cho các uẩn?”

“Này Tỳ kheo, mọi thể-sắc (thân sắc) dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu,

xa hay gần: đó được gọi là đồng/tập hợp/uẩn thể-sắc (sắc uẩn). Mọi cảm-giác dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là đồng/tập hợp/uẩn cảm-giác (thọ uẩn). Mọi nhận-thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là đồng/ tập hợp/uẩn nhận-thức (tưởng uẩn). Những sự-tạo tác cố-ý dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là đồng/ tập hợp/uẩn những sự tạo-tác cố-ý (hành uẩn). Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần: đó được gọi là đồng/tập hợp/uẩn thức (thức uẩn). Nay Tỳ kheo, theo cách như vậy là sự chỉ-định ‘các uẩn’ đó được áp dụng cho các uẩn.”

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn” ... đã hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

(6) “Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) cho sự thể hiện (hiện thị, mô tả) của uẩn thân-sắc?¹¹¹ Cái gì là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác ... cho sự thể hiện của uẩn nhận-thức ... cho sự thể hiện của uẩn những sự tạo-tác cố-ý? ... cho sự thể hiện của uẩn thức?”

“Nay Tỳ kheo, bốn yếu-tố lớn (tứ đại) là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn thân-sắc. Sự tiếp-xúc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn cảm-giác. Sự tiếp-xúc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn nhận-thức. Sự tiếp-xúc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn những sự tạo-tác cố-ý. Phần danh-sắc là nguyên-nhân và điều-kiện cho sự thể hiện của uẩn thức.”

(7) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào mà có quan-điểm về danh-tính (thân kiến)?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *cứ* coi thân-sắc là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách dẫn tới cái quan-điểm về danh-tính.”

(8) “Nhưng, thưa Thế Tôn, theo cách nào để không có cái quan-điểm về danh-tính?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và thiện khéo và được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân; *không* coi coi thân-sắc là ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. Người đó *không* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức. Đó là cách *không* dẫn tới cái quan-điểm về danh-tính.”

(9) “Thưa Thế Tôn, cái gì là sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc? Cái gì là sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với cảm-giác ... đối với nhận-thức ... đối với những sự tạo-tác cố-ý ... đối với thức?”

“Này Tỳ kheo, sự khoái-lạc và vui-thích khởi sinh tùy thuộc vào thân-sắc: đây chính là sự thỏa-thích trong thân-sắc. (nhưng) Thân-sắc

đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thân-sắc. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thân-sắc: đây chính là sự thoát-khỏi thân-sắc.

“Sự khoái-lạc và vui-thích khởi sinh tùy thuộc vào cảm-giác ... tùy thuộc vào nhận-thức ... tùy thuộc vào những sự tạo-tác cố-ý ... tùy thuộc vào thức: đây chính là sự thỏa-thích trong cảm-giác ... thức. (nhưng) Thức đó là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: đây chính là sự nguy-hại trong thức. Sự loại bỏ và dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với thức: đây chính là sự thoát-khỏi thức.”

- Vị Tỳ kheo ấy nói: “Thật tốt lành, thưa Thế Tôn”, và hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của đức Thế Tôn. Rồi thầy ấy đã hỏi đức Thế Tôn thêm một câu hỏi:

(10) “Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người nên biết, theo cách nào một người nên thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta (ngã mạn, ta đây) không còn xảy ra ở bên trong?”

“Này Tỳ kheo, mọi thân-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— người tu nhìn thấy tất cả mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Mọi sự tạo-tác cố-ý dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— người tu nhìn thấy tất cả mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Khi người tu biết và thấy như vậy, này Tỳ kheo, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta không còn xảy ra ở bên trong.

(II) Bây giờ, vào lúc đó, một sự suy-xét như vậy đã khởi lên trong tâm một Tỳ kheo (khác): “Vậy dường như thân-sắc là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã, thức là vô ngã. Vậy thì những điều (nghiệp, hành động) được làm bởi thứ vô-ngã sẽ tác động tới cái ‘ta’ (ngã) nào?” (Ý hỏi: vậy cái ngã hay cái ‘ta’ nào nhận lãnh những nghiệp được tạo ra bởi những thứ vô-ngã?)¹¹²

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã bằng tâm mình chiếu thấy tâm của vị Tỳ kheo đó, đã nói luôn với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, có thể ở đây đang có hạng người vô tri vô giác, ngu dốt và vô minh, với tâm bị chiếm ngự bởi dục-vọng, (người đó) có thể đang nghĩ rằng ‘ta đây’ có thể qua mặt cả Giáo Lý của vị Sư Thầy (tức: biết sâu hơn cả Phật) như vậy: ‘Vậy dường như thân-sắc là vô ngã thức là vô ngã. Vậy thì, những điều (nghiệp, hành động) được làm bởi thứ vô-ngã sẽ tác động tới cái ‘ta’ (ngã) nào?’. Này các Tỳ kheo, lâu nay các thầy đã được ta chỉ dạy ‘thông qua sự vấn-đáp’ với nhiều lần khác nhau, ở những nơi khác nhau, về những vấn đề giáo lý khác nhau. (*Một ví dụ về phương pháp chỉ dạy thông qua vấn-đáp như đoạn này:*)

“Này Tỳ kheo kia, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... – “Cảm-giác là thường hằng hay vô thường?” ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường?” ... Những sự tạo-tác cố-ý là thường hằng hay vô thường?” ... Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?” – “Khổ, thưa Thế Tôn.” – “Thứ gì vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là

‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây bản thân ta’, hay không?” – “Dạ không, thưa Thế Tôn.”

“Do vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”¹¹³

Đây là mười câu hỏi,
Vị Tỳ kheo đã hỏi:
Hai câu về năm uẩn;
Có phải (năm uẩn) là một (với sự dính-chấp),
Có khả năng có (sự đa dạng);
Sự chỉ định và nguyên nhân;
Hai câu về danh-tính;
[Mỗi câu về] sự thỏa-thích,
Và về [thân này] có-thức.

(SN 22:82)

NHÓM 4

NHÓM ‘CÁC TRƯỞNG LÃO’

(*Thera-vagga*)

83 (1) Ngài Ānanda

Ở Sāvattihī.

Lúc đó Ngài Ānanda đã nói với các Tỷ kheo như vậy: “Này các đạo hữu, các Tỷ kheo!”.

“Dạ, đạo hữu!”, các Tỷ kheo đó đáp lại. Thầy Ānanda đã nói điều này:

“Này các đạo hữu, Ngài Puṇṇa Mantāniputta (Phú-lâu-na; được Phật cho là bậc đệ nhất về thuyết pháp) là rất hữu ích đối với chúng ta khi chúng ta mới được thụ giới.¹¹⁴ Thầy ấy đã khởi xướng (giáo huấn) cho chúng ta bằng sự khởi xướng sau đây:

“Này Ānanda, chính do sự dính-chấp nên có [quan niệm] cái ‘ta’ (ngã kiến), không dính chấp thì không có. Và do dính chấp vào cái gì mà có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính chấp thì không có?¹¹⁵ Chính do dính chấp vào *thân-sắc* nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính chấp thì không có. Chính do dính chấp vào *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính chấp thì không có.

“Này đạo hữu Ānanda, giả sử có một thanh nữ—hay một thanh niên—trẻ trung và thích đồ trang sức, soi nhìn mặt mình trong gương hay trong một chậu nước sạch, trong, tinh khiết: cô ấy soi nhìn vào đó với một sự dính-chấp, không dính chấp thì không soi nhìn. Cũng giống như vậy, chính do sự dính-chấp vào *thân-sắc* nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính chấp thì không có. Do sự dính-chấp vào *cảm-giác ...*

nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức nên có [quan niệm] cái ‘ta’, không dính chấp thì không có.

“Này đạo hữu Ānanda, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường”... *[tiếp tục tương tự lời hỏi-đáp này gần cuối kinh kể trên]*

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

“Này các đạo hữu, thầy Punṇa Mantāniputta là rất hữu ích cho chúng ta khi chúng ta mới được thụ giới. Thầy ấy đã khởi xướng cho chúng ta bằng sự khởi xướng đó. Và khi tôi nghe lời thuyết giảng Giáo Pháp của thầy ấy, tôi đã làm-được sự đột-phá (tức chứng ngộ) vào Giáo Pháp.” (tức chứng thánh quả Nhập-lưu)¹¹⁶

(SN 22:83)

84 (2) Ngài Tissa

Ở Sāvathī.

Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Tissa, người em họ phía cha của đức Thế Tôn (con của cô ruột Amitā; tức anh em cô cậu của Phật),¹¹⁷ đã thông báo cho một số Tỳ kheo:

“Này các đạo hữu, thân của tôi cứ như đã bị dính thuốc độc, tôi trở nên mất phương hướng, mọi thứ (các pháp) không còn rõ ràng đối với tôi.¹¹⁸ Sự lười-biếng và buồn-ngủ (hôn trầm) cứ ám muội tâm trí tôi. Tôi đang sống đời sống thánh thiện không được viên mãn, và tôi có sự nghi-ngờ về những giáo lý.”

Rồi một số Tỳ kheo đã đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại chuyện đó cho đức Thế Tôn. Rồi

đức Thế Tôn đã nói với một Tỳ kheo như vậy: “Này Tỳ kheo, hãy đến nhân danh ta nói với Tỳ kheo Tissa rằng Sư Thầy cho gọi thầy ấy.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, vị Tỳ kheo đó đáp lại và thầy đó đi tới chỗ Ngài Tissa và nói: “Sư Thầy mới cho gọi thầy, này đạo hữu Tissa.”

“Được, này đạo hữu”, thầy Tissa đáp lại, và thầy đi đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên. Rồi đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Có đúng thật không, này Tissa, rằng thầy mới báo cho các Tỳ kheo như vậy: ‘Này các đạo hữu, thân tôi dường như bị dính thuốc độc ... và tôi có sự nghi-ngờ về những giáo lý?’”

“Dạ đúng, thưa Thế Tôn.”

“Này Tissa, thầy nghĩ sao, nếu người ta không tránh bỏ nhục-dục đối với *thân-sắc*, không tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái (cảm tình), sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi thân-sắc thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, có phải vậy không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người không tránh bỏ nhục-dục đối với thân-sắc. Rồi, nếu người ta không tránh bỏ nhục-dục đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác cố-ý* ... đối với *thức*, không tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi cảm-giác ... thức thay đổi và biến đổi sẽ khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, có phải vậy không?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người không tránh bỏ nhục-dục đối với cảm giác ... thức. (nhưng) Nếu người ta tránh bỏ nhục-dục đối với *thân-sắc*, tránh bỏ tham-muốn, luyến-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi thân-sắc thay

đôi và biến đổi có còn khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người tránh bỏ nhục-dục đối với thân-sắc. (và) Nếu người ta tránh bỏ nhục dục đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác cố-y* ... đối với *thức*, tránh bỏ tham-muôn, luyện-ái, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với nó, thì khi cảm-giác ... thức thay đổi và biến đổi có khởi sinh trong tâm sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn.”

“Tốt, tốt, này Tissa! Này Tissa, đúng thật là vậy đối với một người tránh bỏ nhục-dục đối với cảm-giác ... thức. Này Tissa, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Vì vậy: Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.

- “Này Tissa, giả sử có hai người đàn ông: một người không rành rẽ trong con đường và một người rành rẽ trong con đường. Người không rành rẽ sẽ hỏi người rành rẽ một câu hỏi về con đường, và người rành rẽ sẽ nói: ‘Này, bạn tốt, đây là con đường. Cứ bước đi một chút, bạn sẽ thấy một ngã-ba trên đường. Tránh bỏ đường rẽ trái và chọn đường rẽ phải. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một đám cây-cối dày-đặc. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một đầm-lầy lớn. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một vách-núi chặn-đứng. Đi thêm chút nữa, bạn sẽ thấy một vùng bình-nguyên tuyệt-vời.’

“Này Tissa, ta đã làm ra ví dụ này để chuyển tải một ý nghĩa. Đây là ý nghĩa của nó: ‘Người không rành rẽ trong con đường (đạo)’: là ví cho người phạm phu không được chỉ dạy. ‘Người rành rẽ trong con

đường’: là ví cho Như Lai, bậc A-la-hán, bậc Toàn Giác. ‘Ngã-ba đường’: là ví cho sự (chướng ngại) nghi-ngờ. ‘Đường rẽ-trái’: là ví cho con-đường tám phần sai lạc (bát tà đạo), đó gồm: cách-nhìn sai lạc (tà kiến) ... sự định-tâm sai lạc (tà định). ‘Đường rẽ-phải’: là ví cho con-đường tám phần thánh thiện (bát thánh đạo), đó gồm: cách-nhìn đúng đắn (chánh kiến) ... sự định-tâm đúng đắn (chánh định). ‘Đám cây-cối dày-đặc’: là ví cho sự vô-minh. ‘Đầm-lầy lớn’: là ví cho những khoái-lạc giác-quan (dục lạc, sự sa lầy). ‘Vách-núi chặn-đứng’: là ví cho sự bế tắc [tuyệt vọng] do tâm sân-hận. ‘Vùng bình-nguyên tuyệt-vời’: là ví cho Niết-bàn.

“Giờ hãy vui lên, này Tissa! Hãy hoan hỷ, này Tissa! Ta ở đây là để khởi xướng (giáo huấn), ta ở đây là để hộ giúp, ta ở đây là để chỉ dạy!”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Thầy Tissa hài lòng và vui mừng với lời dạy của đức Thế Tôn. (*Và thầy Tissa đã nỗ lực tu hành, sau một thời gian cũng thành một A-la-hán.*)¹¹⁹

(SN 22:84)

85 (3) Ngài Yamaka

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống tại Sāvattthī, trong Khu Vườn của Thái tử Jeta, trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc. Bấy giờ, vào lúc đó có một quan-điểm độc hại (nguy hại, tai hại, tệ hại, tà hại) như sau đã khởi sinh trong tâm của một Tỳ kheo tên là Yamaka: “Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì (‘bản thân mình’) cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.”¹²⁰

Một số Tỳ kheo nghe được quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm Tỳ kheo Yamaka. Nên sau đó họ đến gặp Ngài Yamaka và chào hỏi thầy ấy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, sau đó họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:

“Này đạo hữu Yamaka, có đúng thật có một quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm của thầy: ‘Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’?”

“Chính xác là vậy, này các đạo hữu. Theo chỗ tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.”

“Này đạo hữu Yamaka, xin đừng nói như vậy. Đừng thay lời đức Thế Tôn một cách sai lạc như vậy. Không tốt lành nếu thay lời đức Thế Tôn một cách sai lạc như vậy. Đức Thế Tôn không nói rằng: ‘Một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’”

Nhưng, mặc dù đã được các Tỳ kheo khuyên can theo cách như vậy, thầy Yamaka vẫn cứng đầu nắm giữ cái quan-điểm độc hại đó, cố chấp nó, và cứ tuyên bố rằng: “Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.”

Do các Tỳ kheo không thể nào gỡ bỏ được cái quan-điểm độc hại đó ra khỏi tâm trí thầy Yamaka, nên họ đứng dậy khỏi chỗ ngồi, đến gặp thầy Xá-lợi-phất và kể lại toàn bộ chuyện đó cho thầy ấy nghe, và họ nói thêm rằng: “Sẽ tốt lành nếu Ngài Xá-lợi-phất đến gặp Tỳ kheo

Yamaka vì lòng bi mẫn đối với thầy ấy.” Thầy Xá-lợi-phất đồng ý trong im lặng.

Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ ẩn tu. Thầy đến gặp thầy Yamaka và chào hỏi qua lại, sau đó thầy ngồi xuống một bên và nói với thầy Yamaka:

“Này đạo hữu Yamaka, có đúng thật có một quan-điểm độc hại như vậy đã khởi sinh trong tâm của thầy: ‘Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’?”

“Chính xác là vậy, này đạo hữu.

- “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa đạo hữu.” ... “Thức là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa đạo hữu.” – “Do vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’

(1) “Đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi *thân-sắc* là *Như Lai* hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là *Như Lai* hay không?” – “Không, đạo hữu.”

(2) “Đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi *Như Lai* là ở trong *thân-sắc* hay không?” – “Không, đạo hữu” – (3) “Thầy có coi *Như Lai* là khác với *thân-sắc* hay không?” – “Không, đạo hữu” – “Thầy có coi *Như Lai* là ở trong cảm-giác hay không? *Như Lai* là khác với cảm-giác hay không? *Như Lai* là ở trong nhận-thức hay không? *Như Lai* là khác với nhận-thức hay không? *Như Lai* là ở trong những sự tạo-tác cố-ý hay không? *Như Lai* là khác với những sự tạo-tác cố-ý hay

không? Như Lai là ở trong thức hay không? Như Lai là khác với thức hay không?” – “Không, đạo hữu”.

(4) “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức [hợp lại với nhau, *năm-uẩn*] là Như Lai hay không?” – “Không, đạo hữu”.

(5) “Này đạo hữu Yamaka, thầy nghĩ sao, thầy có coi Như Lai là ‘người’ không có thân-sắc, không có cảm-giác, không có nhận-thức, không có những sự tạo-tác cố-ý, và không có thức?” – “Không, đạo hữu”.¹²¹

“Nhưng, này đạo hữu Yamaka, trong khi Như Lai không được thầy coi là có-thực và có-thật ở đây ngay trong kiếp này,¹²² (và nếu thầy đã hiểu theo kiểu như vậy) thì đâu có hợp lý khi thầy lại tuyên bố rằng: ‘Theo như tôi hiểu Giáo Pháp được dạy bởi đức Thế Tôn thì: một Tỳ kheo với mọi ô-nhiễm đã bị tiêu diệt thì cũng bị hủy diệt và tiêu hủy khi thân tan rã, và không còn hiện-hữu sau khi chết.’?”¹²³

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, trước giờ tôi ngu dại, tôi đã chấp thủ cái quan-điểm độc hại đó; nhưng giờ sau khi đã nghe lời dạy Giáo Pháp này của Ngài Xá-lợi-phất, tôi mới dẹp bỏ được cái quan-điểm độc hại đó, và tôi đã làm-được sự đột-phá (phá xuyên màn tối, chứng ngộ) vào Giáo Pháp.” (tức đã chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu)¹²⁴

(6) “Này đạo hữu Yamaka, nếu người ta hỏi thầy như vậy: ‘Này bạn hữu Yamaka, khi một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt mọi ô-nhiễm, thì điều gì sẽ xảy ra với người đó khi thân tan rã, sau khi chết?’ — khi được hỏi như vậy thì thầy sẽ trả lời ra sao?”

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, nếu họ hỏi tôi điều này, tôi sẽ trả lời họ như vậy: ‘Này các bạn, thân-sắc là vô thường; thứ gì vô thường là khổ; thứ gì khổ đã chầm dứt và phai biến. Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là vô thường; thứ gì vô thường là khổ;

thứ gì khô đã chấm dứt và phai biến.’ Khi được hỏi như vậy, này đạo hữu, tôi sẽ trả lời theo cách như vậy.”¹²⁵

(7) “Tốt, tốt, đạo hữu Yamaka! Bây giờ, này đạo hữu Yamaka, ta sẽ làm một ví dụ cho thầy để chuyển tải ý nghĩa như vậy một cách rõ ràng hơn. Này đạo hữu Yamaka, giả sử có một gia chủ [hay con trai của ông ta] là một người giàu có, có nhiều của cải và tài sản, được bảo vệ bởi một cận vệ. Rồi, có người xuất hiện muốn phá hoại ông ta, hãm hại ông ta, làm hại ông ta, lấy mạng ông ta. Kẻ đó có thể nghĩ: ‘Ông gia chủ này là một người giàu có, có nhiều của cải và tài sản, được bảo vệ bởi một cận vệ. Không dễ gì lấy mạng ông ta ngay bằng vũ lực. Vậy ta phải tiếp cận (thân cận) với ông ta và lấy mạng ông ta.’

“Rồi người đó đến gặp ông gia chủ, và nói: ‘Tôi muốn phục vụ cho ngài.’ Rồi ông gia chủ bổ nhiệm người đó làm một người hầu cận. Người đó phục vụ ông chủ, thức dậy trước chủ, ngủ nghỉ sau chủ, làm mọi điều chủ muốn, hành vi dễ mến, lời nói thân mến. Ông gia chủ tin coi người đó như bạn hữu, như bạn chí thân, và đặt niềm tin tưởng vào người đó. Nhưng, tới lúc người đó biết chắc ông gia chủ đã đặt niềm tin tưởng vào mình nên sau đó đã tìm cơ hội khi ông chủ ở một mình, người đó đã dùng dao bén lấy mạng ông chủ.

“Thầy nghĩ sao, này đạo hữu Yamaka, khi người đó đã đến gặp ông gia chủ [hoặc con trai của ông ta] và nói: ‘Tôi muốn phục vụ ngài’, có phải hẳn đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là ‘kẻ sát nhân của mình’? Và trong khi người đó đang phục vụ ông chủ, thức dậy trước chủ, ngủ nghỉ sau chủ, làm mọi điều chủ muốn, hành vi dễ mến, lời nói thân mến, có phải hẳn đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là ‘kẻ sát nhân của mình’? Và tới khi kẻ đó tấn công ông chủ khi ông đang ở một mình và dùng dao bén lấy mạng ông chủ, có phải hẳn cũng đã là ‘kẻ sát nhân’ cho dù lúc đó ông chủ không nhận ra hẳn là ‘kẻ sát nhân của mình’?

“Đúng là vậy, này đạo hữu”.

“Cũng giống như vậy, này đạo hữu Yamaka, người phàm phu không được chỉ dạy (được ví như ‘ông gia chủ hay con trai của ông ta’ trong ví dụ trên), không phải là người nhìn thấy những bậc thánh nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thánh; không phải là người nhìn thấy những bậc thượng nhân, và không thiện khéo và không được rèn luyện trong Giáo Pháp của những bậc thượng nhân;

(I) a- *cứ* coi thân-sắc là **cái ‘ta’**, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc. (tức: không nhận ra và nhận lầm năm-uẩn, ví như ông gia chủ hay con trai ông không nhận ra và nhận lầm ‘kẻ sát hại mình’ là người thân của mình).

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là **cái ‘ta’** ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức.

b- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc (mang bản chất) **vô thường** là ‘thân-sắc vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’ ... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.¹²⁶

c- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc (mang bản chất) **khổ** là ‘thân-sắc khổ ... cảm-giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ ... nhận-thức khổ là ‘nhận-thức khổ’ ... những sự tạo-tác cố-ý khổ là ‘những sự tạo-tác cố-ý khổ’ ... thức khổ là ‘thức khổ’, đúng như nó thực là.

d- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc (mang bản chất) **vô ngã** là ‘thân-sắc vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô ngã là

‘những sự tạo-tác cố-ý vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

e- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc là **có điều-kiện** (mang bản chất hữu-vi) là ‘thân-sắc có điều-kiện’ ... cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ ... nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ ... những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện’ ... thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là.

f- “Người đó *không* hiểu được thân-sắc (mang bản chất) **sát hại** là ‘thân-sắc sát hại ... cảm-giác sát hại là ‘cảm-giác sát hại’ ... nhận-thức sát hại là ‘nhận-thức sát hại’ ... những sự tạo-tác cố-ý sát hại là ‘những sự tạo-tác cố-ý sát hại’ ... thức sát hại là ‘thức sát hại’, đúng như nó thực là. (‘năm uẩn’ được ví như ‘kẻ sát hại’ trong ví dụ trên).

g- “Người đó bị dính líu với thân-sắc, dính chấp vào nó, và nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’.¹²⁷ Người đó bị dính líu với cảm-giác ... với nhận-thức ... với những sự tạo-tác cố-ý ... với thức, dính-chấp vào nó, và nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’. Chính năm uẩn bị dính-chấp này dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho người đó, bởi người đó bị dính líu với chúng và dính chấp vào chúng.

(II) a- “Nhưng, (**ngược lại**), này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy, là người nhìn thấy những bậc thánh nhân ... thì *không* coi thân-sắc là **cái ‘ta’**, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc nghĩ thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thân-sắc.

“Người đó cũng *không* coi cảm-giác là **cái ‘ta’** ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc nghĩ thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc cái ‘ta’ ở trong thức.

b- “Người đó *hiểu được* thân-sắc (mang bản chất) **vô thường** là ‘thân-sắc vô thường’ ... cảm-giác vô thường là ‘cảm-giác vô thường’

... nhận-thức vô thường là ‘nhận-thức vô thường’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô thường là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô thường’ ... thức vô thường là ‘thức vô thường’, đúng như nó thực là.

c- “Người đó *hiểu được* thân-sắc **khổ** là ‘thân-sắc khổ ... cảm-giác khổ là ‘cảm-giác khổ’ ... nhận-thức khổ là ‘nhận-thức khổ’ ... những sự tạo-tác cố-ý khổ là ‘những sự tạo-tác cố-ý khổ’ ... thức khổ là ‘thức khổ’, đúng như nó thực là.

d- “Người đó *hiểu được* thân-sắc **vô ngã** là ‘thân-sắc vô ngã ... cảm-giác vô ngã là ‘cảm-giác vô ngã’ ... nhận-thức vô ngã là ‘nhận-thức vô ngã’ ... những sự tạo-tác cố-ý vô ngã là ‘những sự tạo-tác cố-ý vô ngã’ ... thức vô ngã là ‘thức vô ngã’, đúng như nó thực là.

e- “Người đó *hiểu được* thân-sắc là **có điều-kiện** (hữu-vi) là ‘thân-sắc có điều-kiện ... cảm-giác có điều-kiện là ‘cảm-giác có điều-kiện’ ... nhận-thức có điều-kiện là ‘nhận-thức có điều-kiện’ ... những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện là ‘những sự tạo-tác cố-ý có điều-kiện’ ... thức có điều-kiện là ‘thức có điều-kiện’, đúng như nó thực là.

f- “Người đó *hiểu được* thân-sắc **sát hại** là ‘thân-sắc sát hại’ ... cảm-giác sát hại là ‘cảm-giác sát hại’ ... nhận-thức sát hại là ‘nhận-thức sát hại’ ... những sự tạo-tác cố-ý sát hại là ‘những sự tạo-tác cố-ý sát hại’ ... thức sát hại là ‘thức sát hại’, đúng như nó thực là. (‘năm uẩn’ được ví như ‘kẻ sát hại’ trong ví dụ trên).

g- “Người đó *không* bị dính líu với thân-sắc, không dính chấp vào nó, không nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’. Người đó không bị dính líu với cảm-giác ... với nhận-thức ... với những sự tạo-tác cố-ý ... với thức, không dính chấp vào nó, không nương dựa vào nó như ‘bản-ngã của ta’. Chính năm uẩn bị dính-chấp này *không* dẫn tới sự nguy-hại và khổ-đau dài lâu cho người đó, do người đó *không* dính líu với chúng và *không* dính chấp vào chúng.

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, đúng thật là như vậy đối với những quý thầy có được những huynh đệ đầy bi mãn và nhân từ trong đời sống thánh thiện để khuyên răn và chỉ dẫn cho họ. Và giờ tôi đã được nghe ‘sự chỉ dạy này Giáo Pháp’ này của Thầy Xá-lợi-phất, tâm tôi được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp.”

Trên đây là lời thầy Xá-lợi-phất đã nói. Thầy Yamaka hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của thầy Xá-lợi-phất.¹²⁸

(SN 22:85)

86 (4) Ngài A-nậu-lâu-đà

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Vesālī (Tỳ-xá-li) trong khu Rừng Lớn (Đại Lâm) trong Sảnh Đường Mái Nhọn. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài A-nậu-lâu-đà (Anurādha) đang trú trong một cái chòi trong rừng cách không xa chỗ đức Thế Tôn. Rồi một số du sĩ giáo phái khác đến gặp thầy A-nậu-lâu-đà, và chào hỏi với thầy. Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, họ ngồi xuống một bên và nói với thầy ấy:¹²⁹

“Này bạn hữu A-nậu-lâu-đà, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—thì Như Lai có mô tả về Như Lai *theo* bốn trường hợp sau đây: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết’, hay ... ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy A-nậu-lâu-đà đã nói với các du sĩ đó như vậy: ‘Này các bạn, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng—thì Như Lai mô tả về Như Lai *khác với* bốn trường hợp sau đây: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện

hữu sau khi chết’, hay ... ‘Nhu Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’.”

Sau khi điều này được nói ra, các du sĩ đã nói với thầy A-nậu-lâu-đà rằng: ‘Vị Tỷ kheo này chắc mới được thụ giới, chưa xuất gia lâu; hoặc nếu vị này có là một trưởng lão lâu năm thì chắc ông chỉ là một người ngu đần thiếu năng.’”

Rồi những du sĩ giáo phái khác đó, sau khi đã lăng mạ thầy A-nậu-lâu-đà bằng những từ ngữ như “mới được thụ giới” và “ngu đần”, đã đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và bỏ đi.

Rồi, không lâu sau khi những du sĩ đó bỏ đi, ý nghĩ này đã xảy đến với thầy A-nậu-lâu-đà: “Nếu những du sĩ khác giáo phái đó mà hỏi ta thêm nữa, thì ta sẽ trả lời theo cách nào để nói đúng điều đã được đức Thế Tôn nói ra và không trình bày sai ý của đức Thế Tôn bằng những gì trái với điều (đức Thế Tôn đã nói) đó? Và theo cách nào ta giảng giải cho đúng theo Giáo Pháp, và không để tạo ra cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình?”

Rồi, thầy A-nậu-lâu-đà đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và kể lại với đức Thế Tôn chuyện đã xảy ra với các du sĩ, và hỏi rằng: “Nếu những du sĩ khác giáo phái đó mà hỏi con thêm nữa, thì con sẽ trả lời theo cách nào ... để sau đó không tạo ra cơ sở có lý nào để bị (họ) phê bình?”

(1) “Này A-nậu-lâu-đà, thầy nghĩ sao, thầy có coi *thân-sắc* là *Nhu Lai* hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn” – “Thầy có coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là *Nhu Lai* hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn.”

(2) “Này A-nậu-lâu-đà, thầy nghĩ sao, thầy có coi *Nhu Lai* là ở trong *thân-sắc* hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn” – (3) “Thầy có coi *Nhu Lai* là khác với *thân-sắc* hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn” – “Thầy có coi *Nhu Lai* là ở trong cảm-giác hay không? *Nhu Lai* là khác

với cảm-giác hay không? Như Lai là ở trong nhận-thức hay không? Như Lai là khác với nhận-thức hay không? Như Lai là ở trong những sự tạo-tác cố-ý hay không? Như Lai là khác với những sự tạo-tác cố-ý hay không? Như Lai là ở trong thức hay không? Như Lai là khác với thức hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn”.

(4) “Này A-nậu-lâu-đà, thầy nghĩ sao, thầy có coi thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức [hợp lại với nhau, *nām-uẩn*] là *Như Lai* hay không?” – “Không, thưa Thế Tôn”.

(5) “Này A-nậu-lâu-đà, thầy nghĩ sao, thầy có coi *Như Lai* là ‘người’ không có thân-sắc, không có cảm-giác, không có nhận-thức, không có những sự tạo-tác cố-ý, và không có thức?” – “Không, thưa Thế Tôn”.

“Nhưng, này A-nậu-lâu-đà, trong khi Như Lai không được thầy coi là có-thực và có-thật ở đây ngay trong kiếp này, (và nếu thầy đã hiểu theo kiểu như vậy) thì đâu có hợp lý khi thầy lại tuyên bố rằng: ‘Này các bạn, khi một Như Lai đang mô tả một Như Lai—loại người cao nhất, bậc tối thượng, bậc chứng ngộ sự chứng ngộ tối thượng— thì Như Lai có mô tả về Như Lai *khác với* bốn trường hợp sau đây: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết’, hay ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết’, hay ... ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết’?”

“Không (hợp lý), thưa Thế Tôn”.

“Tốt, tốt, này A-nậu-lâu-đà! Này A-nậu-lâu-đà, trước đây và bây giờ cũng vậy, ta chỉ tuyên bố (chỉ dạy, tuyên tuyền, làm cho biết) về sự khổ và sự chấm dứt khổ.”¹³⁰

(SN 22:86)

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bày Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Vakkali đang trú trong chái kho của một lò gốm; thầy ấy bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết.¹³¹ Rồi thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình:

“Này các đạo hữu, hãy nhân danh ta đến gặp và kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của Người, và thưa với đức Thế Tôn: ‘Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết; thầy ấy chuyển lời kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của Đức Thế Tôn.’ Rồi thưa: ‘Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn đến gặp (thăm) thầy Vakkali vì lòng bi-mẫn.’”

“Được, này đạo hữu”, các Tỳ kheo đáp lại, và họ đi gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn và ngồi xuống một bên, và chuyển lại lời của thầy Vakkali. Đức Thế Tôn đồng ý trong im lặng.

Rồi, đức Thế Tôn mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi gặp thầy Vakkali. Thầy Vakkali nhìn thấy đức Thế Tôn đi tới từ xa và cử động thân mình trên giường bệnh. Đức Thế Tôn đã nói với thầy ấy: “Đủ rồi, này Vakkali, thầy đừng cử động trên giường nữa. Có sẵn mấy chỗ ngồi ở đây, ta sẽ ngồi xuống đây.”¹³²

Rồi đức Thế Tôn ngồi xuống chỗ ngồi đã được chuẩn bị, và nói với thầy Vakkali:

“Ta hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, này Vakkali, ta hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Ta hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, sẽ được mau thấy.”

“Thưa Thế Tôn, con đang không chịu đựng nổi, con đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong con,

không phải đang lảng lẩn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lảng lẩn, càng lúc càng thấy rõ.”

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy không bị bận tâm bởi sự ân hận và hối tiếc nào.”

“Thưa Thế Tôn, thực đúng là, con có khá nhiều sự ân hận và hối tiếc.”

“Này Vakkali, ta hy vọng thầy không có gì để tự trách bản thân mình về mặt đức-hạnh (giới-hạnh).”

“Thưa Thế Tôn, con không có gì để tự trách bản thân về mặt đức-hạnh.”

“Này Vakkali, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân về mặt đức-hạnh, vậy thì tại sao thầy lại bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, bởi từ lâu con đã muốn đến gặp đức Thế Tôn, nhưng con không đủ khỏe mạnh để làm được việc đó.”

“Đủ rồi, này Vakkali! Tại sao thầy lại muốn nhìn thấy cái thân ô uế này làm gì? *Ai nhìn thấy Giáo Pháp là nhìn thấy ta; ai nhìn thấy ta (năm uẩn này) là nhìn thấy Giáo Pháp.* Bởi khi nhìn thấy Giáo Pháp, này Vakkali, là nhìn thấy ta; và khi nhìn thấy ta, là nhìn thấy Giáo Pháp.

“Này Vakkali, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Do vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: “*Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.*”

Rồi đức Thế Tôn, sau khi đã ban sự khởi xướng (giáo huấn) cho thầy Vakkali, đứng dậy khỏi chỗ ngồi, và quay về Đỉnh Núi Kền Kền.

Rồi, không lâu sau khi đức Thế Tôn ra về, thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình như vậy:

“Này các đạo hữu, hãy khiêng tôi trên tấm giường này và đưa tôi tới chỗ (được gọi tên là) Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili; (đó cũng là nơi Ngài Godhika đã tự kết liễu thân mình).¹³³ Làm sao người như tôi có thể thích nằm chết giữa khu nhà cửa đông đúc như vậy?”

“Được, đạo hữu”, những Tỳ kheo đó đáp lại, và sau khi khiêng thầy Vakkali trên tấm giường đó, họ đã đưa thầy ấy tới chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili.

Đức Thế Tôn trải qua phần còn lại của ngày và đêm hôm đó trên Đỉnh Núi Kèn Kèn. Rồi, khi đêm đã qua khuya, có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn, chiếu sáng hào quang cả vùng Núi Kèn Kèn.... Sau khi đứng qua một bên, một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải phóng”.¹³⁴ Thiên thần thứ hai thì nói:

“Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo.”¹³⁵

Đây là điều hai thiên thần đó đã nói. Sau khi nói xong, họ kính chào đức Thế Tôn, và giữ hướng đức Thế Tôn phía bên phải, họ biến mất tại đó. Rồi khi đêm đã trôi qua, đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, hãy đến gặp Tỳ kheo Vakkali và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Vakkali, hãy lắng nghe lời của đức Thế Tôn và hai thiên thần. Này đạo hữu, tối qua, khi đêm đã qua khuya, có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải phóng”. Thiên thần kia thì nói: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo”. Và đức Thế Tôn thì (chuyển lời) nói với thầy rằng: “Đừng sợ hãi,

Vakkali, đừng sợ hãi gì! Cái chết của thầy không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của thầy không phải là một sự tồi tệ.”

“Đạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ đi gặp thầy Vakkali, và nói lại với thầy ấy: “Này đạo hữu Vakkali, hãy lắng nghe lời nói của đức Thế Tôn và hai thiên thần.”

Rồi, (ngay khi đó) thầy Vakkali đã nói với những người chăm sóc mình: “Này các đạo hữu, hãy khiêng tôi xuống khỏi giường. Làm sao một người như tôi có thể nghĩ mình lắng nghe lời dạy của đức Thế Tôn khi mình đang nằm [ngồi] ở trên [giường, chỗ] cao như vậy.”

“Được, thưa đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ khiêng thầy xuống khỏi giường.

“Này đạo hữu Vakkali, tối qua có hai thiên thần với vẻ đẹp huy hoàng đã đến gặp đức Thế Tôn. Một thiên thần đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali đang ý định giải phóng”. Thiên thần kia thì nói: “Chắc là vậy rồi, thưa Thế Tôn, thầy ấy sẽ được giải thoát như một bậc được giải-thoát một cách thiện khéo”. Và đức Thế Tôn thì (chuyên lời) nói với thầy rằng: “Đừng sợ hãi, Vakkali, đừng sợ hãi gì! Cái chết của thầy không phải là một cái chết tồi tệ. Sự qua đời của thầy không phải là sự tồi tệ.”

“Được rồi, này các đạo hữu, hãy nhân danh tôi đến cúi đầu xuống chân của đức Thế Tôn để kính lễ, và thưa: ‘Thưa Thế Tôn, Tỳ kheo Vakkali bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết; thầy ấy kính lễ đức Thế Tôn với đầu cúi xuống chân của Đức Thế Tôn.’ Rồi nói: ‘Thân-sắc là vô thường’: con không còn lờ-mờ về điều đó, thưa Thế Tôn; con không còn nghi-ngờ rằng: ‘mọi thứ vô thường đều là khổ’. Con không còn nghi-ngờ rằng: ‘đối với thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, con đã không còn tham-muốn, nhục-dục, hay luyến-ái (cảm-tình) ... (đối với nó). ‘Cảm-giác là vô thường ... ‘Nhận-thức là vô thường ... ‘Những sự tạo-tác cố-ý là vô thường ... ‘Thức là vô thường’: con không còn lờ-

mờ về điều đó, thưa Thế Tôn; con không còn nghi-ngờ rằng: ‘mọi thứ vô thường đều là khổ’. Con không còn nghi-ngờ rằng: ‘đối với thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, con đã không còn tham-muốn, nhục-dục, hay luyến ái (đối với nó)’.”

“Được, này đạo hữu”, các Tỳ kheo đó đáp lại, và họ ra về. Rồi, không lâu sau khi họ ra về, thầy Vakkali đã dùng dao. (tức: tự kết liễu thân bệnh đau đớn của mình)¹³⁶

Rồi các Tỳ kheo đã về đến gặp đức Thế Tôn ... và chuyển lại lời của thầy Vakkali. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, chúng ta hãy đến chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili, nơi có người họ tộc Vakkali vừa mới dùng dao.”

“Dạ, thưa Thế Tôn”, các Tỳ kheo đó đáp lại. Rồi đức Thế Tôn, cùng với một số Tỳ kheo, đã đi đến chỗ Đá Đen, trên Sườn Núi Isigili. Từ xa đức Thế Tôn đã nhìn thấy thầy Vakkali đang nằm trên giường với vai quắp lại. Bây giờ, vào lúc đó có một làn khói nhẹ, một cuộn khí đen, đang phồng vọt về phía đông, rồi phía tây, phía bắc, phía nam, vọt lên, vọt xuống, và rồi vọt khắp hướng xen giữa các hướng. Đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo như vậy:

“Này các Tỳ kheo, các thầy có nhìn thấy một làn khói nhẹ, một cuộn khí đen, đang vọt về phía đông, rồi phía tây, phía bắc, phía nam, vọt lên, vọt xuống, và rồi vọt khắp hướng xen giữa các hướng?”

“Dạ có, thưa Thế Tôn”

“Này các Tỳ kheo, đó là Ma-vương Ác Ma đang tìm kiếm thức của người họ tộc Vakkali, (hắn) đang thắc mắc: ‘Thức của người họ tộc Vakkali đã được lập thành ở đâu?’. Tuy nhiên, này các Tỳ kheo, với thức chưa được lập thành (để còn tái sinh), người họ tộc Vakkali đã chứng ngộ Niết-bàn cuối cùng (bát niết-bàn).”

(SN 22:87)

88 (6) Ngài Assaji

Tôi nghe như vậy. Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiếm Ăn của Bảy Sóc. Bấy giờ, vào lúc đó có Ngài Assaji đang trú tại Khu Vườn (của thầy) Ca-Diếp (Kassapa), thầy ấy bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết. *[Tiếp tục lời kinh giống hệt như bài kinh SN 22:87 kể trên, cho đến:]*

- “Này Assaji, nếu thầy không có gì để tự trách bản thân mình về mặt đức-hạnh, vậy tại sao thầy bị bận tâm với sự ân hận và hối tiếc?”

“Thưa Thế Tôn, trước đây khi con bị bệnh con liên tục làm lắng lặn những sự tạo-tác thuộc thân (thân hành), nhưng [bây giờ] con không đạt định được.¹³⁷ Khi con không đạt định được, điều này xảy đến với con: ‘Ta sẽ (cố) không bị rớt ra!’” (tức: cố gắng để khỏi bị rớt khỏi định, khỏi bị thất định)

(1) “Này Assaji, những tu sĩ và bà-la-môn nào coi (đề cao) sự định-tâm là cốt lõi, và đồng hóa sự định-tâm với đời sống sa-môn, thì khi không đạt định được họ cứ lo nghĩ: ‘Chúng ta sẽ cố không bị rớt ra!’¹³⁸

(2) “Này Assaji, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” –

“Do vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.

(4) “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn *tham* thích nó’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm

giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn *sân* bực nó’. Khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính [không khổ không sướng], người đó hiểu: ‘Nó là vô thường’; người đó hiểu: ‘Không còn nắm giữ nó’; người đó hiểu: ‘Không còn *si* mờ về nó’.

(5) “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác sướng, người đó cảm nhận tách ly với nó; khi người đó cảm nhận một cảm-giác khổ, người đó cảm nhận tách ly với nó; khi người đó cảm nhận một cảm-giác trung tính, người đó cảm nhận tách ly với nó.

(6) “Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu (kết thúc, chấm dứt) cùng với thân, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân.’ Khi người đó cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng mạng sống, người đó hiểu: ‘Ta cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với mạng sống’. Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn-dứt mạng sống, tất cả (mọi cảm-giác) đều được cảm nhận, nhưng không còn tham thích, sẽ nguội tắt ngay tại đây.’

- “Này Assaji, cũng như ngọn đèn dầu cháy tùy thuộc vào dầu và tim, và khi dầu cạn tim hết, nếu nó không được tiếp liệu thêm nữa, nó sẽ bị tắt ngấm do không còn nhiên liệu; cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo cảm nhận một cảm-giác đang kết liễu cùng với thân ... đang kết liễu cùng với mạng sống ... Người đó hiểu: ‘Khi thân tan rã, theo sau là sự cạn-dứt của mạng sống, tất cả (mọi cảm-giác) đều được cảm nhận, nhưng không còn được tham thích, đều trở thành nguội mát ngay tại đây.’”

(SN 22:88)

89 (7) Ngài Khemaka

Trong một lần có một số Tỳ kheo trưởng lão đang sống tại Kosambī trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Ghosita. Bảy

giờ, vào lúc đó có Ngài Khemaka đang sống trong Vườn Cây Táo Ta, đang bị bệnh, đau đớn, bệnh nặng gần chết.

Rồi, vào buổi chiều, những Tỳ kheo trưởng lão đó ra khỏi chỗ ẩn tu, và nói với Ngài Dāsaka như vậy:

(1) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, chúng tôi hy vọng thầy đang chịu đựng tốt, chúng tôi hy vọng thầy đang đỡ hơn (tốt hơn, khỏe lại). Chúng tôi hy vọng những cảm-giác đau đớn của thầy đang lắng lặn và không gia tăng, và rằng sự lắng lặn của chúng, không phải sự gia tăng, sẽ được mau thấy.’”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Này các đạo hữu, tôi đang không chịu đựng nổi, tôi đang không đỡ hơn. Những cảm-giác đau đớn nặng đô đang gia tăng trong tôi, không phải đang lắng lặn, và sự gia tăng của chúng, không phải sự lắng lặn, đang càng lúc càng thấy rõ.”

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka:

(2) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn bị dính-chấp, đã từng được đức Thế Tôn chỉ dạy; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp, uẩn cảm-giác bị dính chấp, uẩn nhận-thức bị dính chấp, uẩn những sự tạo-tác cố-ý bị dính chấp, uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn bị dính-chấp đó, thầy Khemaka có coi (nhìn nhận) cái nào là cái ‘ta’, hoặc nghĩ nó thuộc cái ‘ta’ hay không?’”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Năm uẩn bị dính-chấp đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp ... uẩn thức bị dính chấp. Trong năm uẩn bị dính-chấp đó, tôi không coi cái nào là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’ nào cả.”

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka:

(3) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu, năm uẩn bị dính-chấp đã được nói bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp ... uẩn thức bị dính chấp. Nếu thầy Khemaka không coi cái nào trong số năm uẩn bị dính-chấp đó là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’, vậy thì thầy là đã một bậc thánh A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm.’”

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Năm uẩn bị dính-chấp đã được dạy bởi đức Thế Tôn; đó là: uẩn thân-sắc bị dính chấp ... uẩn thức bị dính chấp. Tôi không coi cái nào trong năm uẩn bị dính-chấp đó là cái ‘ta’ hay thuộc cái ‘ta’, nhưng tôi không phải là một A-la-hán, người đã diệt sạch mọi ô-nhiễm. Này các đạo hữu, [cái quan niệm] cái ‘ta’ [ta là] vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, nhưng tôi không coi [bất kỳ uẩn nào] là cái ‘Đây là ta’.”¹³⁹

Rồi thầy Dāsaka trở về gặp các Tỳ kheo trưởng lão và báo lại điều thầy Khemaka đã trả lời. Họ lại nói với thầy Dāsaka:

(4) “Này đạo hữu Dāsaka, hãy đi gặp Tỳ kheo Khemaka và nói với thầy ấy: ‘Này đạo hữu Khemaka, các trưởng lão nói với thầy rằng: Này đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái ‘ta’ như vậy— thì đó là cái gì mà thầy nói về nó là cái ‘ta’? Có phải ý thầy nói về thân-sắc là cái ‘ta’ hay ý thầy nói về một cái ‘ta’ khác với thân-sắc? Có phải ý thầy nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái ‘ta’ hay

ý thầy nói về một cái ‘ta’ khác với thức? Nay đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về một cái ‘ta’ như vậy, cái gì là cái mà thầy nói là cái ‘ta’?

“Được, các đạo hữu”, thầy Dāsaka đáp lại, và thầy lại đi gặp thầy Khemaka và chuyển lại lời nhắn. [Thầy Khemaka trả lời:]

- “Đủ rồi, nay đạo hữu Dāsaka! Tại sao cứ phải chạy đi chạy về như vậy? Hãy gọi người chăm sóc của của ta đến đây, nay đạo hữu. Ta sẽ tự thân đi đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó.”

Rồi thầy Khemaka, nương dựa vào (sự dìu dắt của) người chăm sóc phụ cận của mình, đã đến gặp các Tỳ kheo trưởng lão đó, chào hỏi qua lại với họ, và ngồi xuống một bên. Rồi các Tỳ kheo trưởng lão nói với thầy ấy: “Nay đạo hữu Khemaka, khi thầy nói về cái ‘ta’ như vậy ... cái gì là cái mà thầy nói là cái ‘ta’?”

- “Nay các đạo hữu, tôi không nói thân-sắc là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với thân-sắc. Tôi không nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức. Nay các đạo hữu [quan niệm] cái ‘ta’ vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, nhưng tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là cái ‘Đây là ta’.”

- “Nay các đạo hữu, giả sử có mùi hương của hoa sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng. Liệu có ai nói đúng mà nói rằng: ‘Mùi hương thuộc cánh hoa’, hay ‘Mùi hương thuộc cuống hoa’, hay ‘Mùi hương thuộc nhị hoa’?”

“Không thuộc cái nào cả, nay đạo hữu”.

- “Nay các đạo hữu, vậy nếu ai trả lời đúng là trả lời theo cách nào?”

“Nay đạo hữu, nếu trả lời đúng thì người đó nên trả lời rằng: ‘Mùi hương thuộc bông hoa.’”

- “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, tôi không nói thân-sắc là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với thân-sắc. Tôi không nói cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái ‘ta’, tôi cũng không nói cái ‘ta’ là khác với cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức. Này các đạo hữu, mặc dù [cái quan niệm] cái ‘ta’ vẫn chưa biến mất trong tôi trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, nhưng, tôi vẫn không coi [bất kỳ uẩn nào] là cái ‘Đây là ta’.

- “Này các đạo hữu, mặc dù một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn (hạ phần kiết sử), nhưng, trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, vẫn còn dính lại trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’ [‘ta là’], một tham-muốn cái ‘ta’, một khuynh-hướng tiềm-ân (tùy miên) cái ‘ta’ vẫn chưa được bứng-sạch. Nhiều lúc sau đó người đó sống quán xét (quán niệm, thiền quán) về sự lên và xuống (hiện và lặn, khởi sinh và biến mất) trong năm uẩn bị dính-chấp, như vậy: ‘Này là thân-sắc, này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó; này là cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, này là sự khởi-sinh của nó, này là sự biến-diệt của nó.’ Khi người đó sống quán xét như vậy về sự lên và xuống của năm uẩn bị dính-chấp, thì chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’, tham-muốn cái ‘ta’, khuynh-hướng tiềm-ân cái ‘ta’ trước giờ chưa được bứng-sạch— giờ sẽ được bứng-sạch.

- “Này các đạo hữu, giả như có một tấm vải bị dính đất và bị dơ bẩn, và người chủ đưa cho người giặt đồ. Người giặt đồ sẽ vò nó bằng muối tẩy, bằng nước (kiềm) giặt đồ, hoặc bằng phân bò, và sau đó xỏ sạch nó trong nước sạch. Mặc dù tấm vải đó đã được tinh tẩy và sạch sẽ, nhưng, nó vẫn còn lại chút tàn dư của mùi muối tẩy, thuốc giặt, hoặc phân bò vẫn chưa hoàn toàn biến mất. Rồi người thợ giặt mang giao tấm vải cho người chủ. Rồi người chủ mang cất vào một học tử đầy mùi thơm (chẳng hạn: có để hương thơm, nước hoa, long não...), thì phần

tàn dư của mùi muối tấy, thuốc giặt, hoặc phân bò trước đó chưa biến mất— rồi sẽ biến mất hoàn toàn.¹⁴⁰

- “Cũng giống như vậy, này các đạo hữu, mặc dù mặc dù một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ năm gông-cùm thấp hơn, nhưng, trong mối liên hệ với năm uẩn bị dính-chấp này, vẫn còn dính lại trong người đó một chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’ [‘ta là’], một tham-muốn cái ‘ta’, một khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) cái ‘ta’ vẫn chưa được bùng-sạch.... Khi người đó sống quán xét như vậy về sự lên và xuống của năm uẩn bị dính-chấp, thì chút tàn dư hơi hướng của cái ‘ta’, tham-muốn cái ‘ta’, khuynh-hướng tiềm-ẩn cái ‘ta’ trước giờ chưa được bùng-sạch— giờ sẽ được bùng-sạch.

Khi lời này được nói ra, các Tỳ kheo trưởng lão đã nói với thầy Khemaka:

“Chúng tôi không (có ý) hỏi những câu hỏi để làm phiền Thầy Khemaka, mà (thực lòng) chúng tôi nghĩ rằng Thầy Khemaka có khả năng giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý của đức Thế Tôn một cách chi tiết. Và (thực vậy) Thầy Khemaka đã giảng giải, chỉ dạy, tuyên thuyết, thiết lập, khai mở, phân tích, và làm rõ giáo lý.”

Trên đây là điều mà Ngài Khemaka đã nói ra. Các Tỳ kheo hài lòng và vui mừng với lời tuyên thuyết của Ngài Khemaka. Và trong khi bài thuyết giảng đang được nói ra như vậy, tâm của sáu mươi vị Tỳ kheo trưởng lão đó đã được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp.

(SN 22:89)

90 (8) Ngài Channa

Trong một lần có một số Tỳ kheo đang sống ở xứ Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ở vùng Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi

các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi chiều, Ngài Channa ra khỏi chỗ ẩn tu, và mang theo chìa khóa của mình, đi tới từng chỗ trú của các Tỷ kheo và nói với họ như vậy:

“Các bậc trưởng lão hãy khởi xướng cho tôi, các bậc trưởng lão hãy chỉ dạy cho tôi, các bậc trưởng lão hãy nói Giáo Pháp cho tôi theo một cách để tôi có thể nhìn thấy Giáo Pháp.”¹⁴¹

Khi điều này được nói ra, các Tỷ kheo trưởng lão đã nói với thầy Channa:

“Này đạo hữu Channa, thân-sắc là vô thường, cảm-giác là vô thường, nhận-thức là vô thường, những sự tạo-tác cố-ý là vô thường, thức là vô thường. Thân-sắc là vô ngã, cảm-giác là vô ngã, nhận-thức là vô ngã, những sự tạo-tác cố-ý là vô ngã, thức là vô ngã. Tất cả mọi sự tạo-tác (chư hành) đều là vô thường; tất cả mọi hiện-tượng (chư pháp) đều là vô ngã.”¹⁴²

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Channa: “Ta cũng nghĩ theo cách này: ‘Thân-sắc là vô thường ... thức là vô thường. Thân-sắc là vô ngã ... thức là vô ngã. Tất cả mọi sự tạo-tác đều là vô thường. Tất cả mọi hiện-tượng đều là vô ngã.’ Nhưng tâm của ta không phát huy tới sự làm lắng-lặn tất cả mọi sự tạo-tác, sự từ-bỏ tất cả mọi sự dính-chấp (chấp thủ), sự tiêu-diệt dục-vọng, sự chán-bỏ, sự chấm-dứt, Niết-bàn; nó cũng không có được niềm tin, không an bài, và không nhất quyết theo hướng đó. Thay vì vậy, (hễ khi có) sự khích-động (do lo sợ này nọ...) và sự dính-chấp (những quan-điểm này nọ...) khởi sinh và (thì) tâm quay lưng lại, nghĩ ngợi rằng: ‘Nhưng ai là cái ‘ta’ (ngã) của ta?’ Nhưng điều (ý nghĩ, ý niệm) như vậy thì không xảy ra đối với người nhìn thấy Giáo Pháp. Vậy ai có thể chỉ dạy cho ta Giáo Pháp theo cách để ta có thể nhìn thấy Giáo Pháp?”

Rồi ý nghĩ này xảy đến với thầy Channa: “Ngài Ānanda này đang sống tại Kosambī trong khu Tịnh Xá Ghosita, và thầy ấy đã được khen

ngợi bởi đức Thế Tôn và được kính trọng bởi những đạo hữu huynh đệ của mình trong đời sống thánh thiện. Thầy Ānanda có khả năng chỉ dạy Giáo Pháp cho ta theo một cách để ta có thể nhìn thấy Giáo Pháp. Bởi ta đã có nhiều sự tin tưởng vào thầy Ānanda, vậy ta nên đi gặp thầy ấy.”

Rồi thầy Channa thu dọn chỗ ở, mang bình bát và cà sa, và đi đến Tịnh Xá Ghosita ở Kosambī, ở đó thầy ấy đã gặp thầy Ānanda, và chào hỏi qua lại với thầy Ānanda. Sau khi họ xong phần chào hỏi thân thiện, thầy ấy ngồi xuống một bên, và kể cho thầy Ānanda về mọi chuyện đã xảy ra với mình, và nói thêm: “Mong thầy Ānanda khởi xướng (giáo huấn) cho tôi, thầy hãy chỉ dạy tôi, thầy hãy nói cho tôi Giáo Pháp theo một cách để tôi có thể nhìn thấy Giáo Pháp.”

- “Cho đến nước này (tình trạng này), tôi vẫn rất vui lòng với thầy Channa. Có lẽ thầy Channa đã khai mở bản thân mình và đã phá vỡ sự trơ-cản của mình (căn cỗi, không phát triển).¹⁴³ Nay đạo hữu Channa, hãy lắng tai nghe, thầy có khả năng hiểu được Giáo Pháp đó mà.”

Rồi ngay lập tức một niềm khoan khoái cao độ và sự hoan hỷ đã khởi sinh trong tâm thầy Channa khi thầy ấy nghĩ rằng: “Dường như mình cũng có khả năng hiểu được Giáo Pháp.”

[Rồi thầy Ānanda nói:] “Khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe điều này, nay đạo hữu Channa, khi có mặt đức Thế Tôn tôi đã nghe nhận được lời khởi xướng mà đức Thế Tôn đã nói cho Tỳ kheo Kaccānagotta như vậy:¹⁴⁴

“Này Kaccāna, hầu hết trong thế gian này (trừ các bậc thánh nhân) đều phụ thuộc vào hai mặt quan điểm ... *[tiếp tục toàn bộ lời bài kinh SN 12:15 được thầy Ānanda đọc lại ở đây ...]* ... Đó là sự *chấm-dứt* của toàn bộ đồng khổ này.”

“Này đạo hữu Ānanda, đúng thật là như vậy đối với những quý thầy có-được những huynh đệ đầy bi mẫn và nhân từ trong đời sống thánh thiện để khuyên răn và chỉ dạy cho họ. Và giờ tôi đã được nghe

sự chỉ dạy Giáo Pháp này từ Ngài Ānanda, tôi đã làm-được sự đột-phá (chứng ngộ) vào Giáo Pháp.”¹⁴⁵

(SN 22:90)

91 (9) Ngài Rāhula (1)

Ở Sāvathī.¹⁴⁶

Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự tự-ta (tự ngã, ta-đây) không còn xảy ra ở bên trong (tâm)?”

“Này Rāhula, mọi thân-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố-ý ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một người nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Này Rāhula, khi một người biết và thấy như vậy, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả mọi dấu-hiệu bên ngoài, thì sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo ra sự tự-ta không còn xảy ra ở bên trong.”

(SN 22:91)

92 (10) Ngài Rāhula (2)

Ở Sāvathī.¹⁴⁷

Lúc đó Ngài Rāhula đến gặp ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm loại bỏ hết sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tự ngã, ta-đây), (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?”

“Này Rāhula, mọi thân-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần— sau khi đã nhìn thấy mọi thân-sắc đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’, người tu được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp.

“Mọi cảm-giác ... Mọi nhận-thức ... Mọi sự tạo-tác cố-ý ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại ... xa hay gần— sau khi nhìn thấy tất cả mọi cảm-giác ... mọi thức đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’, người tu được giải thoát nhờ sự không còn dính-chấp.

“Khi một người biết và thấy như vậy, này Rāhula, thì đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu bên ngoài, tâm loại bỏ cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và sự ‘tự-ta’, (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo.”

(SN 22:92)

NHÓM 5

NHÓM ‘HOA’

(*Puppha-vagga*)

93 (1) Dòng Sông

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một dòng sông chảy xuống từ trên núi, chảy xa với một dòng chảy xiết. Nếu hai bên bờ sông có cỏ *kāsa* hay cỏ *kusa* mọc, chúng cũng mọc nhô ra từ bờ; nếu có những cây bấc, lau sậy, hay cây cối khác mọc, chúng cũng mọc nhô ra từ bờ. Nếu một người đang bị cuốn trôi bởi dòng chảy đó cố (chụp, bám) nắm lấy cỏ *kāsa*, thì cỏ sẽ bị đứt gãy và do vậy người đó sẽ gặp phải tai-nạn và thảm-họa; nếu người đó nắm lấy những cây bấc, lau sậy, hay cây cối khác, thì chúng cũng bị đứt gãy và do vậy người đó sẽ gặp phải tai-nạn và thảm-họa;

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy ... *cứ* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thân-sắc. Rồi thân-sắc đó tan rã và do vậy người đó gặp phải tai-nạn và thảm-họa.

“Người đó *cứ* coi cảm-giác là cái ‘ta’ ... nhận-thức là cái ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là cái ‘ta’ ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ cái ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Rồi cảm-giác ... thức đó tan rã và do vậy người đó gặp phải tai-nạn và thảm-họa.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” ... –

“Do vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ ... Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’”.

(SN 22:93)

94 (2) Hoa

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta không tranh chấp với thế gian [tức: thế giới chúng sinh]; mà ngược lại, thế gian tranh chấp với ta. Một người chủ trương theo Giáo Pháp thì không tranh chấp với bất cứ ai trong thế gian này. Những gì trong thế gian người có trí đồng ý là không-có (không tồn tại, không phải, không đúng, không thực), thì ta cũng nói đó là không-có. Và những gì người có trí đồng ý là có, ta cũng nói đó là có.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ người có trí đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó là không-có? *Thân-sắc* là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi: điều này người có trí đã đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó không-có. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi: điều này người có trí đã đồng ý là không-có, và ta cũng nói đó là không-có.

“Này các Tỳ kheo, đó là điều những người có trí trong thế gian đồng ý là không-có, ta cũng nói đó là không-có.

(2) Và, này các Tỳ kheo, cái gì là thứ người có trí đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có? *Thân-sắc* là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: điều này người có trí đã đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi: điều này người có trí đã đồng ý là có, và ta cũng nói đó là có.

“Này các Tỳ kheo, đó là điều những người có trí trong thế gian đồng ý là có, ta cũng nói đó là có.

(3) “Này các Tỳ kheo, có một hiện-tượng thế giới (pháp thế gian) trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá (chứng ngộ). Sau khi

đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó.¹⁴⁸

“Và cái gì là hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá? Nay các Tỳ kheo, *thân-sắc* là một hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Trong khi nó đang được Như Lai giảng giải như vậy ... làm rõ như vậy, nếu có ai không biết được và không thấy được thì ta đâu còn biết làm gì hơn đối với người phàm phu ngu dại đó, mù quáng và không thấy gì, là những người không biết và không thấy?

“*Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là một hiện-tượng thế giới trong thế giới mà Như Lai đã giác ngộ và đột phá. Sau khi đã làm được như vậy, Như Lai đi giảng giải nó, chỉ dạy nó, tuyên bố nó, thiết lập nó, khai mở nó, phân tích nó, làm rõ nó. Trong khi nó đang được Như Lai giảng giải như vậy ... làm rõ như vậy, nếu có ai không biết được và không thấy được thì ta đâu còn biết làm gì hơn đối với người phàm phu ngu dại đó, mù quáng và không thấy gì, là những người không biết và không thấy?

“Nay các Tỳ kheo, cũng giống như một bông sen xanh, sen đỏ, hay sen trắng được sinh ra trong nước và lớn lên trong nước, nhưng sau khi vượt khỏi mặt nước, nó không còn bị dính nhiễm bởi nước (bùn, dơ, ô nhiễm); cũng giống như vậy, Như Lai đã được sinh ra trong thế gian [tức: thế giới địa lý, địa cầu này, trần gian này] và lớn lên trong thế gian, nhưng sau khi đã vượt trên thế gian, Như Lai sống không còn bị dính-nhiễm bởi thế-gian [tức: bởi thế giới của những sự tạo-tác]”¹⁴⁹

(SN 22:94)

Trong một lần đức Thế Tôn đang sống ở xứ Ayojjhā bên bờ sông Hằng. Ở đó đức Thế Tôn đã nói với các Tỳ kheo:¹⁵⁰

(1) “Này các Tỳ kheo, giả sử con sông Hằng này đang chảy mang theo một đồng bọt-nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra đồng bọt-nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng đồng *bọt-nước* đó chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì (chắc chắn) bên trong đồng bọt-nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *thể-sắc* dù là loại nào, là quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần—một Tỳ kheo kiểm tra thể-sắc, suy xét nó, và điều tra kỹ càng nó, và người đó có thể thấy rằng thể-sắc chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong thể-sắc đó đâu?¹⁵¹

(2) “Này các Tỳ kheo, giả sử lúc mùa thu, khi trời đang mưa và những giọt mưa lớn đang rơi xuống, một bong-bóng nước nổi lên và vỡ tan trên mặt nước. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra một bong-bong nước, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *bong-bóng* nước chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong bong-bóng nước đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *cảm-giác* dù là loại nào, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra cảm-giác, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng cảm-giác chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì chắc chắn bên trong cảm-giác đó đâu?¹⁵²

(3) “Này các Tỳ kheo, giả sử lúc cuối tháng mùa nóng, vào lúc trưa nắng gắt, một ảo-ảnh lung linh xuất hiện (đăng xa, trên mặt đường...). Một người có mắt sáng có thể kiểm tra ảo-ảnh, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *ảo-ảnh* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong ảo-ảnh đó đâu?

Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *nhận-thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra nhận-thức, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng nhận-thức chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong nhận-thức đó đâu?¹⁵³

(4) “Này các Tỳ kheo, giả sử có người đang cần gỗ lõi, đang tìm kiếm gỗ lõi, đang đi tìm gỗ lõi, người đó lấy một rìu bén và đi vô rừng. Người đó nhìn thấy một cây chuối lớn, thẳng, tươi, không có cùi buồng chuối.¹⁵⁴ Người đó đốn gốc hạ cây xuống, chặt bỏ phần lá, và lột bẹ chuối. Khi người đó lột bẹ chuối, người đó không tìm thấy thậm chí một chút phần gỗ mềm, nói chi tới phần gỗ lõi. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra thân-cây-chuối, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng *thân-cây-chuối* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì (chắc chắn) bên trong thân cây chuối đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *sự tạo-tác cố-ý* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra những sự tạo-tác cố-ý, suy xét chúng, và điều tra kỹ càng về chúng, và người đó có thể thấy rằng những sự tạo-tác cố-ý chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong những sự tạo-tác cố-ý đó đâu?¹⁵⁵

(5) “Này các Tỳ kheo, giả sử có một nhà ảo thuật [hay người thợ phó của ông] có thể biểu diễn một trò ảo-thuật ở một ngã tư đường. Một người có mắt sáng có thể kiểm tra trò ảo-thuật, suy xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng màn *trò-ảo-thuật* chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong trò ảo thuật đó đâu? Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, mọi *thức* dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, trội hay xấu, xa hay gần— một Tỳ kheo kiểm tra thức, suy

xét nó, và điều tra kỹ càng về nó, và người đó có thể thấy rằng thức chỉ là trống không, trống rỗng, và không thực chất. Bởi vì có thực chất gì bên trong thức đó đâu?¹⁵⁶

“Này các Tỳ kheo, sau khi nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, ghê-sợ đối với *cảm-giác*, ghê-sợ đối với *nhận-thức*, ghê-sợ đối với *những sự tạo-tác cố-ý*, ghê-sợ đối với *thức*. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải thoát.’ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại (tái sinh vào) trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

Đây là điều đức Thế Tôn đã nói. Sau khi nói xong điều này, bậc Phúc Lành, vị Sư Thầy, đã nói thêm như vậy:

“Thân-sắc chỉ như đồng bọt-nước,
Cảm-giác chỉ như bong-bóng nước;
Nhận-thức chỉ như ảo-ảnh,
Những sự tạo-tác chỉ như thân-cây-chuối,
Và thức chỉ như màn ảo-thuật,
Bậc Hậu Duệ của Thái Dương,
Đã thuyết giảng như vậy.

“Tuy vậy người nên suy xét nó,
Và điều tra nó kỹ càng,
Khi nhìn nó kỹ càng sẽ thấy:
Nó hiện vậy, nhưng trống rỗng trống không.

“Khi nói về thân này,
Bậc Trí Rộng đã dạy,
Dẹp bỏ được ba điều,

Sẽ thấy thân-sắc chỉ là đồ bỏ đi.

“Khi nguồn sống, nhiệt huyết, và thức
Rời bỏ thân xác này,
Nó chỉ còn như đồ bỏ đi:
Chỉ làm được thức ăn cho loài khác,
Đâu còn ý-chí (hành) nào ở đó.

“Sự liên tục (thân-sắc) là như vậy,
Sự ảo tưởng này, chỉ là kẻ lừa bịp những người ngu dại.
Chỉ là do phùng trộm cướp đặt ra;
Chứ đâu tìm thấy có thực chất gì trong đó.

“Một Tỳ kheo với sự nỗ-lực được phát khởi
Nên (thiền tập) quán xét về năm-uẩn như vậy,
Dù là ngày hay đêm,
Luôn rõ-biết, luôn có chánh-niệm như vậy.

“Vị đó nên phá bỏ mọi gông-cùm
Và tạo nên một chỗ nương-tựa cho chính mình;
Sống (tu liên tục cho kịp) như lửa đang cháy trên đầu,
Tâm nguyện đạt tới đến trạng thái bất-diệt (Niết-bàn).”

(SN 22:95)

96 (4) *Phân Bò*

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp ... Sau khi ngồi xuống một bên,
vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ *thể-sắc* (như thân-sắc, vật chất...) nào là
thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ nguyên

như chính sự bất diệt vậy? Thưa Thế Tôn, có thứ *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* nào là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy?”

“Này Tỳ kheo, không có thể-sắc (thân-sắc..) nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và vẫn giữ nguyên như chính sự bất diệt vậy. Không có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ luôn giữ nguyên như chính sự bất diệt vậy.”

Rồi đức Thế Tôn nhặt lên một chút xíu phân bò trong tay và nói với Tỳ kheo đó:

“Này Tỳ kheo, thậm chí không có được chút hữu thể [thể hiện hữu, vật thể] nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy. Nếu có chút hữu thể nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để hoàn toàn diệt khổ đâu được nhận thấy. Nhưng bởi vì không có được thậm chí một chút hữu thể nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, nên sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để hoàn toàn diệt khổ mới được nhận thấy. (Vì mọi thứ đều vô thường, và do đó khổ, nên mới có đời sống tu hành để làm lắng lặn mọi sự tạo-tác, để hoàn toàn diệt khổ)

“Này Tỳ kheo, trong quá khứ ta đã từng là một vị vua giai cấp chiến-sĩ [khattiya] được phong vương. Ta có 84.000 đô thành, kinh thành chính là kinh đô Kusāvati. Ta có 84.000 cung điện, cung điện chính là cung điện [có tên] Giáo Pháp [Dhamma]. Ta có 84.000 sảnh đường có mái nhọn, sảnh đường chính [có tên] là sảnh đường Đại Tràng (nghĩa: hàng, dãy, đoàn lớn; *Mahā-vyuuha*). Ta có 84.000 ghế dài làm bằng ngà voi, bằng gỗ lõi, bằng vàng và bạc, được phủ bằng tám trái bằng len dày, bằng tám trái được thêu những bông hoa, bằng tám trái

làm bằng da sơn dương, có dù che màu đỏ ở trên và hai gối màu đỏ ở hai đầu.

“Ta có 84.000 voi đực với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, đứng đầu là voi đực hoàng gia [có tên là] Bô-tát [Uposatha]. Ta có 84.000 ngựa chiến với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, đứng đầu là ngựa chiến hoàng gia [có tên] Valāhaka. Ta có 84.000 cỗ xe với những đồ trang trí bằng vàng và cờ xí bằng vàng, mình được bọc màn lưới sợi bằng vàng, dẫn đầu là xe ngựa [có tên] Vejayanta.

“Ta có 84.000 châu báu, đứng đầu là đá bảo-báu. Ta có 84.000 phụ nữ, đứng đầu là Hoàng hậu Subhaddā. Ta có 84.000 thần dân (hầu thần) thuộc giai cấp chiến-sĩ, đứng đầu là vị chỉ-huy-báu. Ta có 84.000 con bò với dây thừng làm bằng sợi đay mịn và những thừng đựng sữa làm bằng đồng thau. Ta có 84.000 thứ [koti] quần áo được làm từ vải đay mịn, lụa mịn, len mịn, bông vải mịn. Ta có 84.000 đĩa đựng thức ăn được dọn ra cho bữa ăn sáng và bữa ăn chiều.

“Này Tỳ kheo, trong 84.000 đô thành đó chỉ có một kinh thành ta ở vào thời đó: kinh đô Kusāvātī. Trong 84.000 cung điện đó, chỉ có một cung điện ta ở vào thời đó: cung điện [có tên] Giáo Pháp [Dhamma]. Trong 84.000 sảnh đường có mái nhọn đó, chỉ có một sảnh đường ta ở vào thời đó: sảnh đường [có tên] Đại Tràng. Trong 84.000 ghé dài đó, chỉ có một ghé dài ta dùng vào thời đó, ghé được làm từ ngà voi, hay gỗ lõi, hay vàng, hay bạc.

“Trong 84.000 con voi đó, chỉ có một con voi ta cỡi đi vào thời đó, đó là voi đực hoàng gia [có tên] Bô-tát [Uposatha]. Trong 84.000 ngựa chiến đó, chỉ có một ngựa chiến ta cỡi đi vào thời đó, đó là ngựa chiến hoàng gia [có tên] Valāhaka. Trong 84.000 cỗ xe đó, chỉ có một cỗ xe ta đi vào thời đó, đó là cỗ xe [có tên] Vejayanta.

“Trong 84.000 phụ nữ đó, chỉ có một người phụ nữ hầu cận ta vào thời đó, đó là một hầu nữ thuộc giai cấp chiến-sĩ hoặc hầu nữ thuộc lưỡng cấp *velāmika* (có cha thuộc giai cấp bà-la-môn, mẹ thuộc giai cấp chiến-sĩ, hay ngược lại). Trong 84.000 thứ [koti] quần áo, chỉ có một bộ quần-áo ta mặc vào thời đó, đó là bộ được làm từ vải đay mịn, hoặc lụa mịn, hoặc len mịn, hoặc bông vải mịn. Trong 84.000 đĩa đựng thức ăn, chỉ có một đĩa ta ăn trong đó chủ yếu là cơm và một món cà ri thích hợp.

“Vậy đó, này Tỳ kheo, tất cả những sự tạo-tác đó đều đã phai biến, chấm dứt, và thay đổi. Tất cả mọi sự tạo-tác đều thật là vô thường, thật là không chắc chắn, thật là không đáng dựa vào. Này Tỳ kheo, điều đó là quá đủ để (chúng ta) thấy ghê-sợ đối với tất cả mọi sự tạo-tác, quá đủ để trở nên chán-bỏ đối với chúng, quá đủ (để nỗ lực tu hành) để giải-thoát khỏi chúng.”

(SN 22:96)

97 (5) *Móng Tay*

Ở Sāvattthī.

Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ thể-sắc (như thân-sắc, vật chất...) nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và nó sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy? Thưa Thế Tôn, có thứ cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức nào là thường hằng, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy?”

“Này Tỳ kheo, không có thể-sắc nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và vẫn giữ nguyên giống như chính sự bất diệt vậy. Không có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ...

thức là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ luôn giữ nguyên giống như chính sự bất diệt vậy.”

Rồi đức Thế Tôn khươi ra một chút xíu đất trong móng tay và nói với Tỳ kheo đó:

“Này Tỳ kheo, thậm chí không có được chút xíu thể-sắc nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy. Nếu có được chút xíu thể-sắc nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để hoàn toàn diệt khổ đã không được nhận thấy. Nhưng bởi vì không có được thậm chí một chút thể-sắc nào như vậy là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên sự sống của đời-sống thánh-thiện để hoàn toàn diệt khổ mới được nhận thấy.

“Thậm chí không có được chút xíu cảm-giác nào ... nhận-thức nào ... những sự tạo-tác cố-ý nào ... thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt vậy. Nếu có được chút xíu cảm-giác nào ... thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, thì sự sống của đời-sống thánh-thiện để hoàn toàn diệt khổ đã không được nhận thấy. Nhưng bởi vì không có được thậm chí chút xíu cảm-giác nào ... thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, cho nên thì sự sống của đời-sống (tu hành) thánh-thiện để hoàn toàn diệt khổ mới được nhận thấy.

“Này Tỳ kheo, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn”.... – “Do vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 22:97)

98 (6) Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, vị Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, có thứ thể-sắc nào, cảm-giác nào, nhận-thức nào, những sự tạo-tác cố-ý nào, hay thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt, hay không?”

“Này Tỳ kheo, không có thể-sắc nào, không có cảm-giác nào, không có nhận-thức nào, không có những sự tạo-tác cố-ý nào, và không có thức nào là thường hằng, chắc chắn, bất diệt, không bị thay đổi, và sẽ trụ nguyên như chính sự bất diệt cả.”

(SN 22:98)

99 (7) Dây Xích (1)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.¹⁵⁷

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời đại dương cạn khô và nước bốc hơi hết, và đại dương không còn nữa;¹⁵⁸ ta nói, (cho dù có chấm dứt đại dương kia) nhưng vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới một thời núi Sineru (Tu-di), vua của các ngọn núi, bốc cháy và rụi tàn, núi không còn nữa; ta nói, (cho dù có

chấm dứt núi vua kia) nhưng vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.

- “Này các Tỳ kheo, rồi sẽ tới thời đại địa cầu này bốc cháy và rụi tàn, và trái đất không còn nữa; ta nói, (cho dù chấm dứt trái đất này) nhưng vẫn không chấm dứt nỗi sự khổ đau của những chúng sinh còn lang thang và trôi giạt (trong vòng luân hồi sinh tử) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng.”

“Này các Tỳ kheo, giống như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Cũng tương tự vậy, người phàm phu không được chỉ dạy *cứ coi thân-sắc là ‘ta’ ... cảm-giác là ‘ta’ ... nhận-thức là ‘ta’ ... những sự tạo-tác cố-ý là ‘ta’ ... thức là ‘ta’...* Người đó cứ chạy vòng quanh thân-sắc, chạy vòng quanh cảm-giác, chạy vòng quanh nhận-thức, chạy vòng quanh những sự tạo-tác cố-ý, vòng quanh thức.¹⁵⁹ Khi người đó cứ chạy vòng quanh chúng, người đó không giải thoát khỏi thân-sắc, không giải thoát khỏi cảm-giác, không giải thoát khỏi nhận-thức, không giải thoát khỏi những sự tạo-tác cố-ý, không giải thoát khỏi thức. Người đó không giải thoát khỏi sự sinh, già, chết; không giải thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; không giải thoát khỏi sự khổ, ta nói như vậy.”

(SN 22:99)

100 (8) Dây Xích (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, vòng luân hồi sinh tử này là không có điểm khởi đầu có thể nhận thấy được. Một thời điểm khởi đầu (của nó), từ lúc chúng sinh lang thang và trôi giạt (trong đó) do bị chướng ngại bởi vô-minh và bị trói buộc bởi dục-vọng, là không thể nhận biết được.

“Này các Tỳ kheo, ví như một con chó bị xích bằng một sợi dây cột chặt vào một cây trụ hay cột nhà. Nếu nó đi, nó cũng đi quanh quần bên trụ hay cột đó. Nếu nó đứng, nó cũng đứng quanh quần bên trụ hay cột đó. Nếu nó ngồi, nó ngồi quanh quần bên trụ hay cột đó. Nếu nó nằm, nó nằm cũng quanh quần bên trụ hay cột đó.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy *cư* coi thân-sắc như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’. Người đó *cư* coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’. Nếu đi, người đó đi quanh quần bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu đứng, người đó đứng quanh quần bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu ngồi, người đó ngồi quanh quần bên năm-uẩn bị dính-chấp. Nếu nằm, người đó nằm quanh quần bên năm-uẩn bị dính-chấp.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu (suy xét, quán niệm) trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô nhiễm bởi tham, sân, si’. Bởi có những ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh lọc.

“Này các Tỳ kheo, các thầy có thấy một bức họa được gọi là ‘Sự Trả Giá’ hay không?” (nghĩa như: trả nghiệp, giá phải trả)¹⁶⁰

“Có, thưa Thế Tôn”

“Ngay cả bức họa có tên ‘Sự Trả Giá’ đó được thiết kế trong sự đa dạng của nó bởi cái tâm, nhưng cái tâm còn đa dạng khác biệt nhiều hơn cả bức tranh được gọi là ‘Sự Trả Giá’ đó”.¹⁶¹

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu (suy xét, quán niệm) trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô nhiễm bởi tham, sân, si’. Bởi có những sự ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh lọc.

“Này các Tỳ kheo, ta không thấy có trật tự (hệ) chúng sinh nào mà đa dạng khác biệt như chúng sinh trong cõi súc sinh. Ngay cả những chúng sinh trong cõi súc sinh đó đã được phân biệt đa dạng bởi cái tâm,¹⁶² nhưng cái tâm còn đa dạng khác biệt nhiều hơn cả (số) chúng sinh trong cõi súc sinh.

“Vì vậy, này các Tỳ kheo, người tu nên quán chiếu (suy xét, quán niệm) trong tâm mình như vậy: ‘Đã từ lâu tâm này đã bị ô nhiễm bởi tham, sân, si’. Bởi có những ô-nhiễm của tâm nên chúng sinh bị ô nhiễm; với sự làm trong sạch cái tâm thì chúng sinh được thanh lọc.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một nghệ sĩ hay họa sĩ, dùng nước màu hoặc màu sơn cánh kiến hoặc màu nghệ vàng hoặc màu chàm hoặc màu đỏ thắm, để vẽ *thành hình* một người nam hay nữ trên mặt ván gỗ hay trên tường hay trên nền vải bạt.¹⁶³ Cũng giống như vậy, khi một người phạm phu không được chỉ dạy tạo tác ra thứ gì thì đó chỉ là thân-sắc người đó tạo ra; chỉ là cảm-giác người đó tạo ra; chỉ là nhận-thức người đó tạo ra; chỉ là những sự tạo-tác cố-ý người đó tạo ra; chỉ là thức người đó tạo ra.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn”.... –

“Do vậy ... Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 22:100)

101 (9) *Cán Rìu* (hay *Con Thuyền*)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta nói rằng sự tiêu diệt ô-nhiễm là cho người biết và thấy, không phải cho người không biết và không thấy. Cho người

biết cái gì, người thấy cái gì, mà xảy ra (có được, dẫn tới) sự tiêu diệt ô-nhiễm? ‘Này là thân-sắc, này là sự khởi sinh của thân-sắc, này là sự biến diệt của thân-sắc; này là cảm-giác ... này là nhận-thức ... này là những sự tạo-tác cố-ý ... này là thức, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức’: chính là cho người biết như vậy, cho người thấy như vậy, thì sự tiêu diệt ô-nhiễm sẽ xảy ra. (tức nhìn thấy năm uẩn chỉ là sinh diệt liên tục và vô thường)¹⁶⁴

(I) “Này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo không tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó có phát khởi ‘ý nguyện’ (thệ nguyện) trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho tâm tôi được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng đâu có được giải thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp như vậy. Vì lý do gì? Nên nói rõ: vì không chịu tu tập. Vì không chịu tu tập cái gì? Vì không chịu tu tập “Bốn nền tảng chánh-niệm” (tứ niệm xứ) ... “Bốn sự phân-đầu đúng đắn” (tứ chánh cần) ... “Bốn cơ-sở (để tạo) năng-lực tâm linh” (tứ thần túc) ... “Năm căn tâm linh” (ngũ căn) ... “Năm năng-lực” (ngũ lực) ... “Bảy yếu-tố giác ngộ” (thất giác chi) ... “Con đường Tám phần Thánh thiện” (Bát thánh đạo). (= 37 phần tu)¹⁶⁵

“Này các Tỳ kheo, giả sử có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng không chịu ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng (trứng) đúng cách. Cho dù nó có phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con dùng móng chân chột lủng vỡ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng không có khả năng dùng móng chân chột lủng vỡ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng không chịu ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng đúng cách.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo không tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó có phát khởi ‘ý nguyện’ (thệ nguyện) trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho tâm tôi được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!’ thì tâm người đó

cũng đâu có được giải thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp như vậy. Vì lý do gì? Nên nói rõ: vì không chịu tu tập. Vì không chịu tu tập cái gì? Vì không chịu tu tập “Bốn nền tảng chánh niệm” (tứ niệm xứ) ... “Con đường Tám phần Thánh thiện” (bát thánh đạo)

(II) “Này các Tỳ kheo, (ngược lại), khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó không phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho tâm tôi được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng được giải thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp như vậy. Vì lý do gì? Nên nói rõ: vì nhờ có sự tu-tập. Vì có sự tu-tập cái gì? Vì có tu tập “Bốn nền tảng chánh niệm”... “Con đường Tám phần Thánh thiện”.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có con gà mái với tám, mười, hay mười hai trứng có ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng (trứng) đúng cách.

Cho dù nó không phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho những đứa gà con dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn!’ thì những con gà con cũng có thể dùng móng chân chọt lủng vỏ trứng, dùng mỏ mổ ra và nở ra an toàn. Vì lý do gì? Vì con gà mái đó với tám, mười, hay mười hai trứng có ấp, ủ, và nuôi dưỡng chúng đúng cách.

“Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó không phát khởi ‘ý nguyện’ trong đầu như vậy: ‘Ôi, cầu cho tâm tôi được giải thoát khỏi mọi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp!’ thì tâm người đó cũng được giải thoát khỏi ô-nhiễm nhờ sự không còn dính-chấp như vậy. Vì lý do gì? Nên nói rõ: vì nhờ có sự tu-tập. Vì có sự tu-tập cái gì? Vì có tu tập “Bốn nền tảng chánh niệm”... “Con đường Tám phần Thánh thiện”.

(III) “Này các Tỳ kheo, khi một người thợ mộc hay người phụ việc của ông ta nhìn vào cán rìu, người đó nhìn thấy những dấu mòn vì những ngón tay và ngón tay cái, nhưng người đó không biết rằng: ‘Bữa

nay cán rìu đã mòn đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’ (mỗi ngày mòn đi một chút). Nhưng đến khi nó mòn-rõ đi thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng cán búa đã mòn-đi nhiều.

“Cũng giống như vậy, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì cho dù người đó (mỗi ngày) không biết rằng: ‘Bữa nay ô-nhiễm của ta đã bớt [mòn] đi một chút, hôm qua cũng vậy, hôm trước cũng vậy’, nhưng khi chúng đã bớt-rõ nhiều thì sự-biết mới xảy ra trong tâm người đó rằng những ô-nhiễm đã bớt-đi nhiều.

“Này các Tỳ kheo, giả sử có một con thuyền đi biển có những trang thiết bị (cột buồm, các loại dây căng buồm...) đã bị mòn hao trong nước biển qua sáu tháng. Rồi nó được kéo lên bờ khô trong mùa lạnh và những trang thiết bị đó lại bị tấn công thêm bởi gió và nắng. Rồi tới khi bị ngập ướt vì mưa rào, những trang thiết bị đó càng dễ dàng bị tàn mục và gãy rớt. Cũng giống như vậy, này các Tỳ kheo, khi một Tỳ kheo tận tụy hết mình cho sự tu-tập, thì (dần dần) những gông-cùm trói buộc của người đó sẽ dễ dàng tàn rụi và gãy rớt.”¹⁶⁶

(SN 22:101)

102 (10) Nhận Thức Về Sự Vô-Thường

Ở Sāvattthī.

(1) a- “Này các Tỳ kheo, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục muốn được hiện-hữu (hữu dục), nó sẽ loại bỏ tất cả vô-minh, nó sẽ bừng sạch tất cả sự ‘tự ta’ (ngã mạn).

b- “Này các Tỳ kheo, giống như vào mùa thu người cày ruộng cày xới bằng một lưỡi cày cắt đứt tất cả gốc rạ khi cày; (Ý nói: ‘nhận-thức về tính vô-thường’ nếu tu tập được sẽ cắt bỏ gốc rễ những gông-cùm, ô-nhiễm!); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được

tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục)

c- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như một người chặt phát cây cối chặt hạ một cây, túm ngọn của nó, quật nó xuống và quật ra và chông gốc lên quơ tới quơ lui (cho rễ sạch đất và chết tiệt); (*Ý nói: như kể trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục)

d- “Này các Tỳ kheo, giống như cuống của một chùm xoài đã bị cắt đứt, thì tất cả trái xoài dính vào cuống đó sẽ một-phát rớt hết; (*Ý nói: ‘nhận-thức về tính vô-thường’ nếu tu tập được sẽ một-phát cắt đứt hết các gông-cùm, ô-nhiễm!*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

e- “Này các Tỳ kheo, giống như những thanh xà dọc của một căn nhà có mái nhọn đều dẫn lên đỉnh chóp và hội tụ tại đỉnh chóp; tất cả sẽ bị dỡ bung một-phát khi cái đỉnh chóp bị gỡ đi; (*Ý nói: như kể trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

f- “Này các Tỳ kheo, giống như trong số những rễ cây có hương thơm, thì rễ cây ô-rít đen được cho là thơm đứng đầu; (*Ý nói: ‘nhận-thức về tính vô thường’ là quan trọng bậc nhất để phá bỏ các gông-cùm, ô-nhiễm!*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

g- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như trong số những gỗ lõi có hương thơm, thì gỗ chiên-đàn đỏ được cho là thơm đứng đầu; (*Ý nói: như kể trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

h- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như trong số những bông hoa có hương thơm, thì hoa lài được cho là thơm đứng đầu; (*Ý nói: như kể trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

k- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như tất cả những hoàng tử nhỏ đều là hạng chư thân của vị vua quay chuyên bánh xe (giáo pháp), thì vị vua quay chuyên bánh xe là người đứng đầu của họ; (*Ý nói: như kể trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

l- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như sự chiếu sáng của tất cả các vì sao (cộng lại) cũng không bằng 1/16 sự chiếu sáng của mặt trăng, nên sự chiếu sáng của mặt trăng (như: đối với mắt người đứng nhìn từ trái đất vào ban đêm) được cho là đứng đầu trong số đó; (*Ý nói: như kể trên*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham dục giác quan (nhục dục)

m- “Này các Tỳ kheo, cũng giống như vào mùa thu, khi trời quang và mây tạnh, mặt trời mọc lên xua tan tất cả màn đêm khỏi không gian khi nó phát sáng, tỏa sáng, và chiếu sáng; (*Ý nói: ‘nhận-thức về tính vô thường’ nếu tu tập được sẽ thành như một tia sáng cực mạnh và lớn để soi rọi và phá tan màn đêm vô-minh!*); cũng giống như vậy, khi ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng, nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục), nó sẽ loại bỏ tất cả tham-dục muốn được hiện-hữu (hữu dục), nó sẽ loại bỏ tất cả sự vô-minh, nó sẽ bừng sạch tất cả sự ‘tự ta’ (ngã mạn).

(2) - “Và, này các Tỳ kheo, theo cách nào thì ‘nhận-thức về sự vô-thường’ được tu tập và tu dưỡng để nó (có thể) loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục), loại bỏ tất cả tham muốn được hiện-hữu (hữu dục), loại bỏ tất cả sự vô-minh, và bừng sạch tất cả sự ‘tự-ta’ (ngã mạn)? ‘Này là *thân-sắc*, này là sự khởi sinh của thân-sắc, này là sự biến diệt

của thân-sắc; này là *cảm-giác* ... này là *nhận-thức* ... này là *những sự tạo-tác cố-ý* ... này là *thức*, này là sự khởi sinh của thức, này là sự biến diệt của thức'; (Ý nói: cách đó là quán xét, thiền quán, để thấy và biết mọi thứ [năm-uẩn] trong chúng ta đều chỉ là sinh-diệt, vô-thường!): đó là cách mà 'nhận-thức về sự vô-thường' được tu tập và tu dưỡng để nó (có thể) loại bỏ tất cả tham-dục giác quan (nhục dục), loại bỏ tất cả tham-dục muốn được hiện-hữu (hữu dục), loại bỏ tất cả sự vô-minh, và bừng sạch tất cả sự 'tự-ta' (tự ngã)."

(SN 22:102)

PHẦN III

‘NĂM MƯỜI KINH CUỐI’

NHÓM 1

NHÓM ‘CÁC PHẦN’

(*Anta-vagga*)

103 (1) Các Phần

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn phần này.¹⁶⁷ Bốn đó là gì? Phần danh-tính, phần nguồn gốc danh-tính, phần chấm dứt danh-tính, phần con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh-tính.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần* danh-tính? Nên nói rằng: đó là năm uẩn bị dính-chấp. Uẩn *thân-sắc* bị dính-chấp, uẩn *cảm-giác* bị dính-chấp, uẩn *nhận-thức* bị dính-chấp, uẩn *những sự tạo-tác cố-ý* bị dính-chấp, uẩn *thức* bị dính-chấp. Đây được gọi là phần danh-tính.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần nguồn gốc* của danh-tính? Chính là dục-vọng này dẫn tới tái hiện-hữu (tái sinh), có đi kèm bởi sự khoái-lạc và nhục dục, tìm kiếm khoái-lạc chỗ này chỗ nọ; đó là dục-vọng vì khoái-lạc giác-quan (nhục dục), dục-vọng muốn được hiện-hữu (hữu dục), dục-vọng muốn/vì bị hủy diệt (phi hữu dục). Đây được gọi là phần nguồn gốc của danh-tính.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần chấm dứt* danh-tính? Đó là sự phai biến sạch sẽ (không còn dấu vết) của chính dục-vọng đó, sự dẹp bỏ và từ bỏ nó, sự tự do khỏi nó, sự không phụ thuộc vào nó. Đây được gọi là phần chấm-dứt danh tính.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là *phần con-đường dẫn tới sự chấm dứt* danh tính? Đó là Con đường Tám phần Thánh thiện (Bát thánh đạo), đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là phần con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh-tính.

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn phần.”

(SN 22:103)

104 (2) *Khổ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.

(1) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là khổ? Nên nói rằng: đó là năm uẩn bị đánh-chấp. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị đánh-chấp.... Đây được gọi là sự khổ.

(2) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là nguồn-gốc khổ? Chính là dục-vọng này dẫn tới sự tái hiện-hữu (tái sinh).... Đây được gọi là nguồn-gốc khổ.

(3) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự chấm-dứt khổ. Đó là sự phai biến sạch sẽ và sự chấm dứt chính dục-vọng đó.... Đây được gọi là sự chấm-dứt khổ.

(4) “Và, này các Tỳ kheo, cái gì là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ? Đó là Con đường Tám phần Thánh thiện (Bát thánh đạo), đó gồm: cách-nhìn đúng đắn ... sự định-tâm đúng đắn. Đây được gọi là con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ.”

(SN 22:104)

105 (3) Danh Tính

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về danh-tính, nguồn gốc danh-tính, sự chấm dứt danh-tính, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt danh-tính.”

[Phần còn lại giống hết bài kinh kể trên, thay chữ ‘khổ’ bằng chữ ‘danh tính’.]

(SN 22:105)

106 (4) Nên Được Hiểu Hoàn-Toàn

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những điều nên được hiểu hoàn toàn, sự hiểu hoàn toàn, và người đã hiểu hoàn toàn.¹⁶⁸ Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những điều nên được hiểu hoàn-toàn (một cách đầy đủ, toàn diện, thấu suốt; liễu tri)? Này các Tỳ kheo, *thân-sắc* là thứ nên được hiểu hoàn toàn. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là thứ nên được hiểu hoàn toàn. Đây được gọi là những điều nên được hiểu hoàn toàn.

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là sự hiểu hoàn toàn? Đó là sự tiêu diệt *tham*, sự tiêu diệt *sân*, sự tiêu diệt *si*: đây được gọi là sự hiểu hoàn toàn. (sự tiêu diệt ba thứ này là niết-bàn)¹⁶⁹

“Và, này các Tỳ kheo, ai là người đã hiểu hoàn toàn? Nên nói rằng: đó là bậc A-la-hán, bậc được gọi với danh từ đó và tên họ tộc của mình (tức được đọc chữ A-la-hán trước tên họ, ví dụ: A-la-hán Xá-lợi-phát...). Đây được gọi là người đã hiểu hoàn toàn.”

(SN 22:106)

107 (5) Các Tu Sĩ (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp này. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính-chấp ... uẩn thức bị dính-chấp.

- “Này các Tỳ kheo, những tu sĩ [sa-môn] và bà-la-môn nào không hiểu được, đúng thực như chúng là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp này: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, do chưa tự mình chứng ngộ điều đó (sự thật đó) bằng trí-biết trực tiếp, nên trong kiếp này không chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ hay mục-tiêu của bà-la-môn.

- “Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những thứ đó đúng thực như chúng thực là, thì những người đó ta coi là tu sĩ trong số những tu sĩ và bà-la-môn trong những bà-la-môn, và những vị đó, bằng cách tự mình chứng ngộ điều đó bằng trí-biết trực tiếp, nên ngay trong kiếp này chứng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 22:107)

108 (6) Các Tu Sĩ (Sa-môn) (2)

[Giống hết kinh kể trên, chỉ thêm vào chữ “nguồn-gốc, sự biến-diệt”] ...

“Này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào không hiểu được, đúng thực như chúng là, nguồn-gốc, sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị

dính-chấp này: thì những người đó ta không coi là tu sĩ trong số những tu sĩ hay bà-la-môn trong những bà-la-môn....

“Nhưng, này các Tỳ kheo, những tu sĩ và bà-la-môn nào hiểu được những điều đó đúng như chúng thực là.... nên ngay trong kiếp này chúng nhập và an trú trong mục-tiêu của đời sống tu sĩ và mục-tiêu của bà-la-môn.”

(SN 22:108)

109 (7) *Người Nhập-Lưu*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có năm uẩn bị dính-chấp này. Năm đó là gì? Uẩn thân-sắc bị dính-chấp ... uẩn thức bị dính-chấp.

“Này các Tỳ kheo, khi *một người đệ tử thánh thiện* hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp này, thì người đó được gọi là một người Nhập-lưu (Dự Lưu, Tu-đà-hoàn; là người đã nhập vào dòng thánh đạo siêu thế; bậc thánh Nhập-lưu), không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích-đến của mình.”

(SN 22:109)

110 (8) *A-la-hán*

... “Này các Tỳ kheo, sau khi đã hiểu được, đúng như chúng thực là, nguồn-gốc và sự biến-diệt, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] năm uẩn bị dính-chấp này, *một Tỳ kheo* được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó được gọi là một Tỳ kheo là một A-la-hán, người đã tiêu diệt ô-nhiễm, người đã sống

đòi sống thánh thiện, đã làm xong những gì cần làm, đã hoàn toàn tiêu diệt những gông-cùm trói buộc vào sự hiện-hữu (tái sinh), người đã hoàn toàn giải-thoát nhờ (thông qua) trí-biết cuối cùng.”¹⁷⁰

(SN 22:110)

111 (9) *Đẹp Bỏ Tham Muốn (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, bất luận có tham-muốn nào đối với thân-sắc, bất luận có nhục-dục nào, khoái-lạc nào, dục-vọng nào (đối với thân-sắc)— hãy đẹp bỏ nó. Làm như vậy thì thân-sắc sẽ được đẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh lại trong tương lai. Cũng làm như vậy đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức.”

(SN 22:111)

112 (10) *Đẹp Bỏ Tham Muốn (2)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, bất luận có tham-muốn nào đối với thân-sắc, bất luận có nhục-dục nào, khoái-lạc nào, dục-vọng nào, sự dính-líu và dính-chấp nào, những quan-điểm thuộc tâm ý nào, những cố-chấp nào, những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) nào (đối với thân-sắc)— hãy đẹp bỏ nó. Làm như vậy thì thân-sắc sẽ được đẹp bỏ, bị cắt bỏ tận gốc, bị làm thành như gốc chết cây cọ, bị xóa sổ để nó không còn khởi sinh lại trong tương lai. Cũng làm giống như vậy đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức.”

(SN 22:112)

NHÓM 2

NHÓM ‘NGƯỜI THUYẾT PHÁP’

(*Dhammakathika-vagga*)

113 (1) Vô Minh

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong sự vô-minh?”

“Này Tỳ kheo, ở đây, người phàm phu không được chỉ dạy không hiểu được *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó không hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là người ta bị chìm đắm trong vô-minh.”¹⁷¹

(SN 22:113)

114 (2) Sự Hiểu Biết Đích Thực (minh)

Ở Sāvathī.

Lúc đó có một Tỳ kheo ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sự hiểu-biết đích thực (chân trí, minh), và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

“Này Tỳ kheo, ở đây, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy hiểu được *thân-sắc*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn gốc của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là người đã đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:114)

115 (3) Người Thuyết Pháp (I)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có một Tỳ kheo ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một người là người thuyết Pháp?”¹⁷²

“Này Tỳ kheo, (a) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. (b) Nếu ai đang tu tập vì mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (c) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với *thân-sắc*, thông qua sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

“Này các Tỳ kheo, (a) nếu ai chỉ dạy Giáo Pháp với mục đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, để dẫn tới sự phai-biến và sự chấm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một người thuyết Pháp. (b) Nếu ai đang tu tập vì mục

đích dẫn tới sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... thức, để dẫn tới sự phai-biến và sự chãm-dứt của nó, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đang tu tập đúng theo Giáo Pháp. (c) Nếu, thông qua sự ghê-sợ đối với cảm-giác ... thức, thông qua sự phai-biến và sự chãm-dứt của nó, người tu được giải-thoát nhờ sự không còn dính-chấp, thì người đó có thể được gọi là một Tỳ kheo đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này.

(SN 22:115)

116 (4) *Người Thuyết Pháp (2)*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có một Tỳ kheo ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘người thuyết Pháp, người thuyết Pháp’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào thì một người là người thuyết Pháp? Theo cách nào là một người đang tu tập đúng theo Giáo Pháp? Theo cách nào là một người đã chứng ngộ Niết-bàn ngay trong kiếp này?”

[Phần còn lại giống hết lời định nghĩa trong kinh kể trên.]

(SN 22:116)

117 (5) *Sự Ràng Buộc*

Ở Sāvattthī.

- “Ở đây, này các Tỳ kheo, người phạm phu không được chỉ dạy ... *cứ* coi *thân-sắc* là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu *thân-sắc*, hoặc *thân-sắc* là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong *thân-sắc*. Này các Tỳ kheo, đây được gọi là người phạm phu không được chỉ dạy là người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào *thân-sắc*, người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc bên trong và bên ngoài, người không nhìn thấy bờ gần và bờ xa (thủ nạn

và bị ngạn), là người lớn già trong sự ràng-buộc, người chết đi trong sự ràng-buộc, người ở trong sự ràng-buộc cứ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác (tức luôn bị tái sinh luân hồi).

“Người đó *cứ* coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là người phạm phu không được chỉ dạy là người bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào cảm-giác ... thức ... người ở trong sự ràng-buộc cứ đi từ cảnh giới này qua cảnh giới khác.

- “Nhưng, nay các Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy *không* coi thân-sắc là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thân-sắc, hoặc thân-sắc là ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thân-sắc. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào thân-sắc, người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc bên trong và bên ngoài, người nhìn thấy bờ gần và bờ xa, là người được giải-thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.

“Người đó *không* coi cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là cái ‘ta’, hoặc nghĩ ‘ta’ sở hữu thức, hoặc thức ở trong cái ‘ta’, hoặc ‘ta’ ở trong thức. Nay các Tỳ kheo, đây được gọi là người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy là người không bị trói buộc bởi sự ràng-buộc vào cảm-giác ... thức ... là người được giải-thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:117)

118 (6) *Chát Ván (I)*¹⁷³

Ở Sāvattihī.

“Nay các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, các thầy có coi *thân-sắc* như vậy không: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’?’”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! Thân-sắc nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Các thầy có coi *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* như vậy không: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’?”

“Không, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! Cảm-giác ... Thức nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 22:118)

119 (7) *Chát Ván* (2)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, các thầy có coi *thân-sắc* như vậy không: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải là ‘bản ngã của ta’?”

“Có, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! Thân-sắc nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Các thầy có coi *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* như vậy không: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Có, thưa Thế Tôn”

“Tốt, các Tỳ kheo! *Cảm-giác ... Thức* nên được nhìn thấy đúng như nó thực là, bằng trí tuệ chánh đúng, như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa’.”

(SN 22:119)

120 (8) Những Thứ Gong Cùm

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ gông cùm (trói buộc), và sự gông-cùm. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ gông cùm, và cái gì là sự gông-cùm? Này các Tỳ kheo, thân-sắc là một thứ gông cùm; tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự gông-cùm ở đó. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là một thứ gông cùm; tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự gông-cùm ở đó.

“Những (năm) thứ này được gọi là những thứ gông cùm, và đây chính là sự gông-cùm.”

(SN 22:120)

121 (9) Những Thứ Có Thể Bị Dính Chấp Vào Đó

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy những thứ (mình) có thể bị dính chấp vào đó và sự dính-chấp. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thứ (mình) có thể bị dính chấp vào đó, và cái gì là sự dính-chấp? Này các Tỳ kheo, thân-sắc là thứ mình có thể bị dính chấp vào nó; tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thứ mình có thể bị dính chấp vào nó; tham-muốn và nhục-dục đối với nó chính là sự dính-chấp ở đó.

“Những (năm) thứ này được gọi là những thứ (mình) có thể bị dính chấp vào đó, và đây chính là sự dính-chấp.”

(SN 22:121)

122 (10) Có Giới Hạnh

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākoṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi nơi ẩn tu, đến gặp thầy Xá-lợi-phất, chào hỏi, và nói:

(1) “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo có giới-hạnh* (đức hạnh) nên chú-tâm một cách kỹ càng (như lý tác ý)?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo có giới hạnh nên chú-tâm một cách kỹ càng tới năm uẩn bị dính-chấp là *vô thường, là khổ, như là căn bệnh, như ung nhọt, như một mũi tên, là sự thống khổ, là tai họa, như người dựng kẻ lạ, là đang tan rã, là trống không, là vô ngã* (vô ngã: không là gì cả, không phải là ‘ta’, không phải là ngã).¹⁷⁴ Năm đó là gì? Uẩn *thân-sắc* bị dính-chấp, uẩn *cảm-giác* bị dính-chấp, uẩn *nhận-thức* bị dính-chấp, uẩn *những sự tạo-tác cố-ý* bị dính-chấp, uẩn *thức* bị dính-

chấp. Một Tỳ kheo có giới hạnh nên chú-tâm một cách kỹ càng vào năm uẩn bị dính-chấp này là vô thường ... là trống không, là vô ngã. Nay đạo hữu, khi một Tỳ kheo có đức hạnh chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng người đó chứng ngộ được thánh quả Nhập-lưu.”

(2) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu ... (*cũng tác-y y như vậy*)¹⁷⁵ ... Nay đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Nhập-lưu chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả Nhất-lai.”

(3) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai ... (*cũng tác-y y như vậy*) ... Nay đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Nhất-lai chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả Bất-lai.”

(4) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai ... (*cũng tác-y y như vậy*) ... Nay đạo hữu, khi một Tỳ kheo là bậc thánh Bất-lai chú-tâm một cách kỹ càng như vậy vào năm uẩn bị dính-chấp này, thì có khả năng rằng người đó chứng ngộ được thánh quả A-la-hán.”

(5) “Nhưng, đạo hữu Xá-lợi-phất, cái gì là những thứ mà *một Tỳ kheo là một bậc thánh A-la-hán* nên chú-tâm một cách kỹ càng?”

- “Này đạo hữu Câu-hi-la, một Tỳ kheo là bậc thánh A-la-hán ... (cũng tác-ý y như vậy) ... Này đạo hữu, đối với một bậc thánh A-la-hán thì không còn gì để làm thêm nữa và cũng không cần lặp lại những gì đã làm xong. Tuy nhiên, khi những điều đó vẫn được tu tập và tu dưỡng (được tác-ý) như vậy, thì chúng sẽ dẫn tới một sự an trú lạc trú ngay trong kiếp này và dẫn tới sự chánh-niệm và sự thường rõ-biết (tỉnh giác).”¹⁷⁶

(SN 22:122)

123 (11) *Đã Được Chỉ Dạy*

[Giống hết bài kinh kể trên, chỉ khác là “một Tỳ kheo có đức hạnh” được thay bằng “một Tỳ kheo đã được chỉ dạy”.]

(SN 22:123)

124 (12) *Kappa (1)*

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có Ngài Kappa đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo nên sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây) không còn xảy ra ở bên trong?”

[Phần còn lại giống hết kinh **SN 22:71**, chỉ khác là người nghe được đổi thành thầy Kappa.]

(SN 22:124)

125 (13) Kappa (2)

Ở Sāvattihī.

Lúc đó có Ngài Kappa đến gặp ... và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người biết, theo cách nào một người thấy, để mà, đối với ‘thân có-thức’ này và đối với tất cả những dấu-hiệu (hình tướng) bên ngoài, tâm loại bỏ hết cái sự tạo-nên cái ‘ta’, sự tạo-nên cái ‘của-ta’, và khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) tạo nên sự ‘tự-ta’ (ngã mạn, ta-đây), (nó) đã vượt trên sự phân-biệt đối đãi, và được bình-an và được giải-thoát một cách khéo léo?”

[Phần còn lại giống hết kinh **SN 22:72**, chỉ khác là người nghe được đổi thành thầy Kappa.]

(SN 22:125)

NHÓM 3

NHÓM ‘VÔ MINH’

(*Avijjā-vagga*)

126 (1) *Thuộc Tính Khởi Sinh (1)*

Ở Sāvattthī.

(1) Lúc đó có một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn ... và thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

- “Ở đây, này Tỳ kheo, người phàm phu không được chỉ dạy *không* hiểu được *thân-sắc* là thuộc tính (bị, tùy thuộc, phải chịu, luôn có) khởi-sinh, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính khởi-sinh’ (hữu sinh). Người đó không hiểu được *thân-sắc* là luôn biến diệt, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính biến-diệt’ (hữu diệt). Người đó không hiểu được *thân-sắc* là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt’ (hữu sinh hữu diệt, sinh và diệt).

“Người đó không hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thức là thuộc tính khởi-sinh’ ... là thuộc tính biến-diệt ... là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt’.

- “Này Tỳ kheo, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(2) Sau khi điều này được nói ra, vị Tỳ kheo đó đã thưa với đức Thế Tôn: “Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (chân trí, minh). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sự

hiểu-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

- “Ở đây, này Tỳ kheo, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được *thân-sắc* là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính khởi-sinh’ (hữu sinh). Người đó hiểu được thân-sắc là luôn biến diệt, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính biến-diệt’ (hữu diệt). Người đó hiểu được thân-sắc là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thân-sắc là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt’ (hữu sinh hữu diệt, sinh và diệt).

“Người đó hiểu được *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức* là thuộc tính khởi-sinh, đúng như nó thực là như vậy: ‘Thức là thuộc tính khởi-sinh’ ... là thuộc tính biến-diệt ... là thuộc tính khởi-sinh và biến-diệt’.

- “Này Tỳ kheo, đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:126)

127 (2) Thuộc Tính Khởi Sinh (2)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất và Ngài Đại Câu-hi-la (Mahākoṭṭhita) đang sống ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Đại Câu-hi-la ra khỏi chỗ ẩn tu, đến gặp thầy Xá-lợi-phất ... và nói: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

[Phần còn lại giống hết nội dung đoạn (1) của kinh SN 22:126 kể trên.]

(SN 22:127)

128 (3) Thuộc Tính Khởi Sinh (3)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phát: “Này đạo hữu Xá-lợi-phát, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (chân trí, minh). Giờ, này đạo hữu, cái gì là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

[Phần còn lại giống hết nội dung đoạn (2) của kinh **SN 22:126** kể trên.]

(SN 22:128)

129 (4) Sự Thỏa Thích... (1)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phát: “Này đạo hữu Xá-lợi-phát, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

- “Ở đây, này đạo hữu, người phạm phu không được chỉ dạy *không* hiểu được, đúng như nó thực là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(SN 22:129)

130 (5) Sự Thỏa Thích... (2)

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai tại Isipatana (Isipatana có nghĩa: nơi các thiên thần hạ giới). Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Đại Câu-hi-la đã nói với thầy Xá-lợi-phất: “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (chân trí, minh). Giờ, này đạo hữu, cái gì là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

- “Ở đây, này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được, đúng như nó thực là, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:130)

131 (6) *Sự Khởi Sinh... (1)*

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ... “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

- “Ở đây, này đạo hữu, người phạm phu không được chỉ dạy *không* hiểu được, đúng như nó thực là, sự khởi-sinh (nguồn gốc) và sự biến-mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

(SN 22:131)

132 (7) *Sự Khởi Sinh... (2)*

Ở Bārāṇasī (Ba-la-nại) trong khu Vườn Nai ... “Này đạo hữu Xá-lợi-phất, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (chân trí, minh), và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

- “Ồ đây, này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy thì hiểu được, đúng như nó thực là, sự khởi sinh (nguồn gốc) và sự biến mất, sự thỏa-thích, sự nguy-hại, và sự thoát-khỏi đối với [trong trường hợp] cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Này đạo hữu, đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:132)

133 (8) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (1)

[Giống hết bài kinh **SN 22:129** và **SN 22:130** cộng lại, chỉ khác là lần này thì thầy Xá-lợi-phất lại hỏi và thầy Đại Câu-hi-la trả lời.]

(SN 22:133)

134 (9) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (2)

[Giống hết bài kinh **SN 22:131** và **SN 22:132** cộng lại, chỉ khác là lần này thì thầy Xá-lợi-phất lại hỏi và thầy Đại Câu-hi-la trả lời.]

(SN 22:134)

135 (10) Ngài Câu-hi-la (Koṭṭhita) (3)

[Tình huống cũng giống kinh trên]. Sau khi ngồi xuống một bên, thầy Xá-lợi-phất nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Này đạo hữu Câu-hi-la,

thường nghe nói ‘vô-minh, vô-minh’. Giờ, này đạo hữu, cái gì là vô-minh, và theo cách nào người ta bị chìm đắm trong vô-minh?”

- “Ồ đây, này đạo hữu, người phàm phu không được chỉ dạy *không* hiểu được, đúng như nó thực là, *thân-sắc*, sự khởi sinh của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó không hiểu được, đúng như nó thực là, *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, sự khởi sinh của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Này đạo hữu, đây được gọi là sự vô-minh, và theo cách như vậy là một người bị chìm đắm trong vô-minh.”

Sau khi điều này được nói ra, thầy Xá-lợi-phất đã nói với thầy Đại Câu-hi-la: “Này đạo hữu Câu-hi-la, thường nghe nói ‘sự hiểu-biết đích thực, sự hiểu-biết đích thực’ (chân trí, minh). Giờ, này đạo hữu, cái gì là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách nào một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực?”

- “Ồ đây, này đạo hữu, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy *thì* hiểu được, đúng như nó thực là, *thân-sắc*, sự khởi sinh của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Người đó hiểu được, đúng như nó thực là, *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, sự khởi sinh của nó, sự chấm dứt của nó, và con đường dẫn tới sự chấm dứt nó. Này đạo hữu, đây được gọi là sự hiểu-biết đích thực, và theo cách như vậy là một người đạt tới sự hiểu-biết đích thực.”

(SN 22:135)

NHÓM 4

NHÓM ‘THAN CHÁY ĐỎ’

(*Kukkula-vagga*)

136 (1) *Than Cháy Đỏ*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là than cháy đỏ ([*Ý nói: như sự đốt cháy = bản chất của sự khố*]), cảm-giác là than cháy đỏ, nhận-thức là than cháy đỏ, những sự tạo-tác cố-ý là than cháy đỏ, thức là than cháy đỏ. Này các Tỳ kheo, sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc ... sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ.... Người đó hiểu rằng: ‘*Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.*’”

(SN 22:136)

137 (2) *Vô-Thường (1)*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *tham-muốn* đối với bất cứ thứ gì là vô-thường. Và cái gì là vô thường? Thân-sắc là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ *tham-muốn* đối với nó. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là vô thường; các thầy nên dẹp bỏ *tham-muốn* đối với nó. Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *tham-muốn* đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”

(SN 22:137)

138 (3) Vô-Thường (2)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *nhục-dục* đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”...

[Phần còn lại giống *hệ kinh kế trên*, ngoại trừ chữ “*tham-muốn*” được thay bằng chữ “*nhục-dục*”.]

(SN 22:138)

139 (4) Vô-Thường (3)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *tham-muốn* và *nhục-dục* đối với bất cứ thứ gì là vô thường.”...

[Phần còn lại giống *hệ kinh 22:137 ở trên*, ngoại trừ chữ “*tham-muốn*” được thay bằng chữ “*tham-muốn và nhục-dục*”.]

(SN 22:139)

140 (5) Khổ (1)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *tham-muốn* đối với bất cứ thứ gì là khổ.”... (*lời kinh tương tự như kinh 137 ở trên*)

(SN 22:140)

141 (6) Khổ (2)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ *nhục-dục* đối với bất cứ thứ gì là khổ.”... (*lời kinh tương tự như kinh 138 ở trên*)

(SN 22:141)

142 (7) Khổ (3)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là khổ.”... (lời kinh tương tự như kinh **139** ở trên)

(SN 22:142)

143 (8) Vô-Ngã (1)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”... (lời kinh tương tự như kinh **137** ở trên)

(SN 22:143)

144 (9) Vô-Ngã (2)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”... (lời kinh tương tự như kinh **138** ở trên)

(SN 22:144)

145 (10) Vô-Ngã (3)

... “Này các Tỳ kheo, các thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là vô ngã.”... (lời kinh tương tự như kinh **139** ở trên)

(SN 22:145)

146 (11) Thâm Nhuận Trong Sự Ghê-Sợ

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, đối với một người họ tộc đã xuất gia (tu hành) vì niềm-tin, thì điều này là đúng theo Giáo Pháp: người đó nên sống thâm nhuận (miên man, miên mật) trong *sự ghê-sợ đối với thân-sắc*,

*cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức.*¹⁷⁷ Người đó sống thâm nhuần trong sự ghê-sợ đối với thân-sắc ... đối với thức, hoàn toàn hiểu được thân-sắc, cảm-giác, nhận-thức, những sự tạo-tác cố-ý, và thức. Người hoàn toàn hiểu được thân-sắc ... thức thì được tự do khỏi thân-sắc ... thức. Người đó thoát khỏi sự buồn sầu, than khóc, đau khổ, ưu phiền, và tuyệt vọng; người đó thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:146)

147 (12) Quán Xét Sự Vô-Thường¹⁷⁸

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, đối với một người họ tộc đã xuất gia vì niềm-tin, thì đây là điều đúng theo Giáo Pháp: người đó sống quán xét (quán niệm, thiền quán) *sự vô-thường trong thân-sắc ... thức ... [Tiếp tục giống hệt như lời bài kinh kể trên, ngoại trừ “sống thâm nhuần trong sự ghê-sợ đối với...” được thay bằng “sống quán xét sự vô-thường trong...”]* ... người đó thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:147)

148 (13) Quán Xét Sự Khổ

... “người đó sống quán xét *sự khổ trong thân-sắc ... thức ... [Tiếp tục giống hệt như lời bài kinh kể trên, ngoại trừ “sự vô thường trong...” được thay bằng “sự khổ trong...”]* ... người đó thoát khỏi sự khổ đau, ta nói vậy.”

(SN 22:148)

149 (14) Quán Xét Sự Vô-Ngã

... “người đó sống quán xét *sự vô-ngã trong thân-sắc ... thức ...*
[Tiếp tục giống hệt như lời bài kinh kể trên, ngoại trừ “sự khổ trong...”
được thay bằng “sự vô ngã trong...”] ... người đó thoát khỏi sự khổ
đau, ta nói vậy.”

(SN 22:149)

NHÓM 5

NHÓM ‘CÁCH NHÌN’

(*Diṭṭhi-vagga*)

150 (1) Ở Bên Trong

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính chấp (chấp thủ) vào cái gì, nên có sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

- “Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính chấp vào thân-sắc, nên có sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính chấp vào cảm-giác ... thức, nên có sự sống và khổ khởi sinh ở bên trong.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”

- “Thứ gì vô thường là khổ hay sướng?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu sướng và khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

- “Cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức là thường hằng hay vô thường?... Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu sướng và khổ có khởi sinh ở bên trong, hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:150)

151 (2) Đây Là “Của-Ta”

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, và do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên người ta coi các thứ là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

- “Khi có thân-sắc, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên người ta *cứ* coi các thứ là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên người ta *cứ* coi các thứ là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu người ta có thể coi thứ gì là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không?’”

“Không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:151)

152 (3) Cái ‘Ta’

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (quan điểm) như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi?’”¹⁷⁹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

- “Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi’. Khi có ... do dính chấp vào ... do cố chấp vào cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thể giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi’.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu cách-nhìn như vậy có thể khởi sinh hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:152)

153 (4) Nếu Điều Đó Không Là Vậy Đối Với Ta

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (quan điểm) như vậy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; ta sẽ không là vậy, [và] nó sẽ không là vậy đối với ta?’”¹⁸⁰

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

- “Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; ta sẽ không là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta’. Khi có ... do dính chấp vào ... do cố chấp vào cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Nếu ta đã không là vậy, và nếu điều đó không là vậy đối với ta; ta sẽ không là vậy, [và] nó sẽ không là vậy đối với ta’.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”...

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu cách-nhìn như vậy có thể khởi sinh hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:153)

154 (5) Cách Nhìn Sai Lạc (tà kiến)

Ở Sāvattihī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc (tà kiến)?”¹⁸¹

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

- “Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn sai lạc.

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”...

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu cách-nhìn (sai lạc) như vậy có thể khởi sinh hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:154)

155 (6) Cách Nhìn Danh Tính (thân kiến)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (có) danh-tính (thân kiến)?”¹⁸²

[Giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “cách-nhìn sai lạc” được thay bằng chữ “cách-nhìn danh tính”.]

(SN 22:155)

156 (7) Cách Nhìn Cái ‘Ta’ (ngã kiến)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (có) cái ‘ta’ (ngã kiến)?”¹⁸³

[Giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “cách-nhìn danh-tính” được thay bằng chữ “cách-nhìn cái ‘ta’”.]

(SN 22:156)

157 (8) Sự Cố Chấp (1)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh những gông-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc?”¹⁸⁴

[Giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “cách-nhìn cái ‘ta’” được thay bằng những chữ “những gông-cùm, những cố-chấp, và những xiềng-xích trói buộc”.]

(SN 22:157)

158 (9) Sự Cố Chấp (2)

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh những gông-cùm, những cố-chấp, và những còng-xích trói buộc, và sự nắm-giữ?”

[Giống hết bài kinh kể trên, chỉ thêm chữ “sự nắm-giữ”.]

(SN 22:158)

159 (10) Ānanda

Ở Sāvattthī. Lúc đó có Ngài Ānanda đến gặp đức Thế Tôn ... thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu Thế Tôn dạy cho con Giáo Pháp một cách ngắn gọn, để sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống (tu hành) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”¹⁸⁵

- “Này Ānanda, thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn”.

“Cảm-giác là thường hằng hay vô thường?” ... Nhận-thức là thường hằng hay vô thường?” ... Những sự tạo-tác cố-ý là thường hằng hay vô thường?” ... Thứ là thường hằng hay vô thường?” – “Vô thường, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?” – “Khổ, thưa Thế Tôn” – “Thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi thì có đáng được coi là như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’, hay không? – “Không, thưa Thế Tôn”.

- “Do vậy, này Ānanda, mọi thể-sắc dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại...

- “Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 22:159)

Chương 23

Liên Kết RĀDHA

(23 *Rādha-saṃyutta*)

(23 *Tương ứng Rādha*)

NHÓM 1

NHÓM ‘MA-VƯƠNG THỨ NHẤT’

(*Paṭhama-Māra-vagga*)

1 (1) *Ma Vương*

Ở Sāvathī.

Lúc đó có Ngài Rādha đến gặp đức Thế Tôn,¹⁸⁶ kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa đức Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào là như có Ma Vương?”¹⁸⁷

- “Này Rādha, khi có *thân-sắc* là như có Ma Vương, có kẻ giết, hay kẻ bị giết. Do vậy, này Rādha, hãy nhìn thân-sắc là Ma Vương, nhìn nó như kẻ giết, nhìn nó như kẻ bị giết. Hãy nhìn nó như căn bệnh, như ung nhọt, như một mũi tên, như sự thống khổ, như nỗi thống khổ thực sự. Ai nhìn thấy như vậy là nhìn thấy một cách đúng đắn.

“Này Rādha, khi có *cảm-giác* ... Khi có *nhận-thức* ... Khi có những *sự tạo-tác cố-ý* ... Khi có *thức*, là như có Ma Vương, có kẻ giết, hay kẻ bị giết. Do vậy, này Rādha, hãy nhìn cảm-giác ... thức là Ma Vương, nhìn nó như kẻ giết, nhìn nó như kẻ bị giết. Hãy nhìn nó như căn bệnh, như ung nhọt, như một mũi tên, như sự thống khổ, như nỗi thống khổ thực sự. Ai nhìn thấy như vậy là nhìn thấy một cách đúng đắn.”

“Thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự nhìn-thấy một cách đúng đắn đó?

- “Mục đích của sự nhìn-thấy một cách đúng đắn là (để dẫn tới) sự ghê-sợ.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự ghê-sợ?”

- “Mục đích của sự ghê-sợ là (để dẫn tới) sự chán-bỏ.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự chán-bỏ?”

- “Mục đích của sự chán-bỏ là (để dẫn tới) sự giải-thoát.”

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của sự giải-thoát?”

- “Mục đích của sự giải-thoát là (để dẫn tới) Niết-bàn.”¹⁸⁸

“Và, thưa Thế Tôn, cái gì là mục đích của Niết-bàn?”

- “Này Rādha, thầy đã đi quá giới hạn của sự hỏi.¹⁸⁹ Thầy (đã) chưa thể nắm được (chưa với tới được) giới hạn của sự hỏi. Bởi vì, này Rādha, đời sống thánh thiện (phạm hạnh) được sống với Niết-bàn là *nền-tảng* của nó, Niết-bàn là *đích-đến* của nó, Niết-bàn là *mục-tiêu cuối cùng* của nó.”

(SN 23:01)

2(2) Một Chúng Sinh

Ở Sāvangathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha đã thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘một chúng sinh, một chúng sinh’. Thưa Thế Tôn, theo cách nào một người được gọi là một chúng sinh?”

- “Này Rādha, người bị dính kẹt, bị mắc kẹt, trong sự tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng đối với *thân-sắc*; do vậy người đó được gọi là một chúng sinh.¹⁹⁰ Người bị dính kẹt, bị mắc kẹt, trong sự tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, và dục-vọng đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác cố-ý* ... đối với *thức*; do vậy người đó được gọi là một chúng sinh.

- “Này Rādha, giả sử có mấy đứa con trai hay con gái đang chơi đùa với lâu đài cát. Chừng nào chúng chưa dẹp bỏ tham-dục, tham-muốn, cảm-tình (luyến-ái), sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với những lâu đài cát, thì chúng vẫn còn yêu mến chúng, còn chơi với chúng, còn trân quý, và đối xử với chúng như là của-mình [theo một cách sở hữu]. Nhưng tới khi mấy đứa con trai hay con gái đó mất hết (không còn) tham-dục, tham-muốn, cảm-tình, sự thèm-khát, sự đam-mê, và dục-vọng đối với những lâu đài cát, thì chúng sẽ phá tan chúng bằng tay và chân, phá hủy chúng, phá vỡ chúng, và dẹp bỏ chúng ra khỏi trò chơi.

“Cũng giống như vậy, này Rādha, hãy phá tan thân-sắc, phá hủy nó, phá vỡ nó, dẹp bỏ nó ra khỏi cuộc chơi; hãy tu tập sự tiêu-diệt dục-vọng. Hãy phá tan cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, phá hủy nó, phá vỡ nó, dẹp bỏ nó ra khỏi cuộc chơi; hãy tu tập sự tiêu-diệt dục-vọng. Bởi vì, này Rādha, sự diệt-dục là Niết-bàn.”

(SN 23:02)

3(3) Đường Dẫn Tới Sự Hiện-Hữu

Ở Sāvattihī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘đường dẫn tới sự hiện-hữu, đường dẫn tới sự hiện-hữu’ ([tức: nguyên nhân tái sinh, luân hồi]). Thưa Thế Tôn, cái gì là đường dẫn tới sự hiện-hữu, và cái gì là sự chấm dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu?”

- “Này Rādha, sự tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ (tà kiến) của tâm ý, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn (tùy miên) đối với

thân-sắc:¹⁹¹ đây được gọi là đường dẫn tới sự hiện-hữu. Sự chấm-dứt những thứ đó là sự chấm dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu.

“Sự tham-muốn, nhục-dục, khoái-lạc, dục-vọng, sự dính-líu và dính-chấp, những quan-điểm này nọ của tâm ý, những cố-chấp, và những khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*: đây được gọi là đường dẫn tới sự hiện-hữu. Sự chấm-dứt những thứ đó là sự chấm dứt đường dẫn tới sự hiện-hữu.

(SN 23:03)

4(4) Nên Được Hiểu Hoàn Toàn

5(5) Tu Sĩ (Sa-môn) (1)

6(6) Tu Sĩ (Sa-môn) (2)

7(7) Bậc Nhập-Lưu

8(8) Bậc A-la-hán

9(9) Tham-Dục (1)

10 (10) Tham-Dục (2) - (SN 23:04—23:10)

[7 bài kinh này là giống hệt 7 kinh **SN 22:106—112**, chỉ khác là người nghe bây giờ là thầy Rādha.]

NHÓM 2

NHÓM ‘MA-VƯƠNG THỨ HAI’

(*Dutiya-Māra-vagga*)

11 (1) *Ma Vương*

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘Ma Vương, Ma Vương’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là Ma Vương?”

“Này Rādha, *thân-sắc* là Ma Vương. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là Ma Vương.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:11)

12 (2) *Sẽ Bị Ma Vương*

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ bị Ma Vương, sẽ bị Ma Vương’ ([tức: có thuộc tính chết, phải bị chết, ắt sẽ bị chết]). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì sẽ bị Ma Vương?”

“Này Rādha, *thân-sắc* là bị Ma Vương. *Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là bị Ma Vương.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:12)

13 (3) Vô Thường

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô thường, vô thường’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô thường?”

“Này Rādha, thân-sắc là vô thường ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:13)

14 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất vô thường, thuộc bản chất vô thường’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất vô thường?”

“Này Rādha, thân-sắc là thuộc bản chất vô thường ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thuộc bản chất vô thường.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:14)

15 (5) *Khổ*

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘khổ, khổ’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là khổ?”

“Này Rādha, thân-sắc là khổ ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:15)

16 (6) *Thuộc Bản Chất Khổ*

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất khổ, thuộc bản chất khổ’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất khổ?”

“Này Rādha, thân-sắc là thuộc bản chất khổ ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thuộc bản chất khổ.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:16)

17 (7) Vô-Ngã

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘vô ngã, vô ngã’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là vô ngã?”

“Này Rādha, thân-sắc là vô ngã ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:17)

18 (8) Thuộc Bản Chất Vô-Ngã

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘thuộc bản chất vô ngã, thuộc bản chất vô ngã’. Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là thuộc bản chất vô ngã?”

“Này Rādha, thân-sắc là thuộc bản chất vô ngã ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là thuộc bản chất vô ngã.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:18)

19 (9) *Sẽ Bị Hoại Diệt*

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ bị hoại diệt, sẽ bị hoại diệt’ (tức: có thuộc tính bị hoại diệt). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ bị hoại diệt?”

“Này Rādha, thân-sắc là sẽ bị hoại diệt ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ bị hoại diệt.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:19)

20 (10) *Sẽ Bị Biến Mất*

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ bị biến mất, sẽ bị biến mất’ (tức: thuộc tính bị biến mất). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ bị biến mất?”

“Này Rādha, thân-sắc là sẽ bị biến mất ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ bị biến mất.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:20)

21 (11) Sẽ Có Khởi Sinh

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ có khởi sinh, sẽ có khởi sinh’ (tức: có thuộc tính khởi sinh, có sinh, hữu sinh). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ có khởi sinh?”

“Này Rādha, thân-sắc là sẽ có khởi sinh ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ có khởi sinh.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:21)

22 (12) Sẽ Bị Chấm Dứt

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, thường nghe nói ‘sẽ bị chấm dứt, sẽ bị chấm dứt’ (tức: có thuộc tính chấm dứt, có diệt, hữu diệt). Giờ, thưa Thế Tôn, cái gì là sẽ bị chấm dứt?”

“Này Rādha, thân-sắc là sẽ bị chấm dứt ... Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ bị chấm dứt.

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:22)

NHÓM 3

NHÓM ‘YÊU CẦU’

(*Āyācana-vagga*)

23 (1) *Ma Vương*

Ở Sāvathī.

Sau khi ngồi xuống một bên, Ngài Rādha thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, sẽ tốt lành nếu đức Thế Tôn chỉ dạy Giáo Pháp cho con một cách ngắn gọn, dễ mà, sau khi nghe được Giáo Pháp từ đức Thế Tôn, con sẽ sống (tu) một mình, thu mình (lui về), chuyên cần, nhiệt thành, và kiên định.”

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muôn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham-muôn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là Ma Vương ([tức: cái chết, sự chết, có thuộc tính chết]). Và, này Rādha, cái gì là Ma Vương? *Thân-sắc* là Ma Vương.

“*Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức* là Ma Vương.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

(SN 23:23)

24 (2) *Sẽ Bị Ma Vương*

25 (3) *Vô Thường*

26 (4) *Thuộc Bản Chất Vô Thường*

27 (5) Khổ

28 (6) Thuộc Bản Chất Khổ

29 (7) Vô Ngã

30 (8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã

31 (9) Sẽ Bị Hoại Diệt

32 (10) Sẽ Bị Biến Mất

33 (11) Sẽ Có Khởi Sinh

34 (12) Sẽ Bị Chấm Dứt - (SN 23:24—23:34)

[11 kinh này có lời kinh giống hết bài kinh kể trên, ngoại trừ chữ “là Ma Vương” sẽ được được lần lượt thay bởi 11 tính từ: “sẽ bị Ma Vương”... “sẽ bị chấm dứt”, như sau:]

Ở Sāvattihī.

“... nhiệt thành, và kiên định.”...

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muôn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham-muôn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là sẽ bị Ma Vương ... bất cứ thứ gì là vô-thường ... thuộc bản chất vô-thường ... khổ ... thuộc bản chất khổ ... vô-ngã ... thuộc bản chất vô-ngã ... sẽ bị hoại-diệt ... sẽ bị biến-mất ... sẽ có khởi-sinh ... sẽ bị chấm-dứt. Và, này Rādha, cái gì là sẽ bị chấm-dứt. Thân-sắc là sẽ bị Ma Vương ... sẽ bị chấm-dứt.

“Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là sẽ bị Ma Vương ... sẽ bị chấm-dứt.”

“Sau khi đã nhìn thấy như vậy, người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt ... không còn quay lại trạng thái hiện-hữu này nữa.’”

NHÓM 4
NHÓM ‘NGỒI BÊN CẠNH’
(*Upanisinna-vagga*)

35 (1) Ma Vương

Ở Sāvattthī.

Đức Thế Tôn đã nói với Ngài Rādha khi thầy ấy đang ngồi bên cạnh:

“Này Rādha, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn, thầy nên dẹp bỏ nhục-dục, thầy nên dẹp bỏ tham-muốn và nhục-dục đối với bất cứ thứ gì là Ma Vương. Và, này Rādha, cái gì là Ma Vương?” ... [*tiếp tục như bài kinh SN 23:23 ở trên.*]

(SN 23:35)

36 (2) Sẽ Bị Ma Vương

37 (3) Vô Thường

38 (4) Thuộc Bản Chất Vô Thường

39 (5) Khổ

40 (6) Thuộc Bản Chất Khổ

41 (7) Vô Ngã

42 (8) Thuộc Bản Chất Vô Ngã

43 (9) Sẽ Bị Hoại Diệt

44 (10) Sẽ Bị Biến Mất

45 (11) Sẽ Có Khởi Sinh

46 (12) Sẽ Bị Chấm Dứt - (SN 23-36—23:46)

[11 bài kinh này có lời giống hết 11 bài kinh (**SN 23:24—23:34**) ở trên; chỉ khác ở chỗ trong 11 bài kinh này, câu mở đầu đều giống bài kinh dẫn đầu **NHÓM** này (**SN 23:35**): “Ở Sāvattthī. Đức Thế Tôn đã nói với Ngài Rādha khi thầy ấy đang ngồi bên cạnh.”]

Chương 24

Liên Kết CÁCH-NHÌN

(24 *Diṭṭhi-saṃyutta*)

(24 *Tương ứng Quan Kiến*)

NHÓM 1

NHÓM ‘NHẬP-LUÛ’

(*Sotāpatti-vagga*)

1 (1) Gió...

Ở Sāvathī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, trái tự nhiên; tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng yên như cây cột nhà?’” ([tức: như bất động, bất biến])

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn, được hướng dẫn bởi đức Thế Tôn, được nhờ dựa vào đức Thế Tôn. Thật tốt lành nếu Thế Tôn giảng giải cho chúng con ý nghĩa của điều đó. Sau khi nghe từ Thế Tôn, các Tỳ kheo sẽ ghi nhớ nó.”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính chấp vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc là thường hằng hay vô thường ... Thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

- “Thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận; được nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được bao quát bởi cái tâm: là thường hằng hay vô thường?”¹⁹²

“Vô thường, thưa Thế Tôn”.

- “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”.

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ (không biết chắc) trong sáu trường hợp này,¹⁹³ và, hơn nữa, khi người đó đã dẹp bỏ sự lờ-mờ về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:01)

2 (2) Đây Là ‘Của-Ta’

Ở Sāvattthī.

- “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

- “Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’. Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Đây là ‘của-ta’, đây là cái ‘ta’, đây là ‘bản ngã của ta’.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:02)

3 (3) Đây Là Cái ‘Ta’ (ngã, bản ngã)

Ở Sāvattihī.

- “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời (chết đi), ta sẽ là—thường hằng, ổn định (chắc chắn), bất diệt, không bị thay đổi.’”¹⁹⁴

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính chấp vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Cái là cái ‘ta’ (ngã) chính là thế giới; sau khi qua đời, ta sẽ là—thường hằng, ổn định, bất diệt, không bị thay đổi.’

- “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:03)

4 (4) Điều Đó Đã Không Là Vậy Đối Với Ta

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Lẽ ra điều đó đã không xảy ra; nó không nên xảy ra với ta (tức không nên là ‘của-ta’), [và giờ] điều đó sẽ không xảy ra; nó sẽ không xảy ra với ta.’”¹⁹⁵

“Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; Ta sẽ không là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta’. Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính chấp vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Ta đã không là vậy, và điều đó đã không là vậy đối với ta; Ta sẽ không là vậy, [và] điều đó sẽ không là vậy đối với ta.’

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:04)

5 (5) Không Có

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:¹⁹⁶ ‘Không có gì phải cho đi (vì không có phước quả từ việc cho đi, không cần phải bố thí), không có gì phải cúng dường, không có gì để hiến tặng hay hy sinh cho ai; không có nghiệp quả tốt và xấu cho những nghiệp (hành động) tốt và xấu; không có thế giới (đời) này, không có thế giới (đời) khác; không mẹ, không cha; không có những chúng sinh được tái sinh một cách tự động tự nhiên (theo nghiệp); không có những tu sĩ và bà-la-môn tốt và đức hạnh nào trong thế gian này đã từng tự mình giác-ngộ bằng trí-biết trực tiếp và tuyên bố lại trong thế gian này và thế giới khác.’ Cá-nhân này chỉ gồm có bốn yếu-tố lớn (tứ đại). Khi người chết, đất trở về và nhập lại với thể [thân]-đất; nước trở về và nhập lại với thể-nước; nhiệt trở về và nhập lại với thể-nhiệt; khí trở về và nhập lại với thể-khí; các căn (thuộc phần tâm thần, để cảm nhận, nhận biết, ý định, ý thức...) thì được chuyển qua hư-không. [Bốn] người đàn ông khiêng cái giá quan tài với một người chết nằm trong đó là năm. Lờn tọng cúng chảnh bay tới đâu xa hơn nghĩa địa; chỉ còn lại xương trắng; lễ thiêu xác kết thúc bằng tro tàn. Bố thí (cho đi) là triết lý của kẻ ngu. Khi có ai khẳng định triết lý là-có [sự cho đi, bố thí, cúng dường...] thì đó là lời sáo rỗng, giả dối. Kẻ ngu và người khôn gì rồi cũng đều bị cắt bỏ và diệt vong với thân tan rã; sau khi chết họ chẳng còn hiện-hữu.’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc... khi có cảm-giác ... có nhận-thức ... có những sự tạo-tác cố-ý ... có thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Không có gì phải cho đi sau khi chết họ chẳng còn hiện-hữu.’”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 23:05)

6 (6) *Hành Động* (nghiệp)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:¹⁹⁷ ‘Khi người ta tự làm hoặc khiến (xui, chỉ, ép, thông qua...) người khác làm, khi gây tổn hại hoặc khiến người khác gây tổn hại, khi hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, khi gây ra ưu buồn hoặc khiến người khác gây ưu buồn, khi áp bức hoặc khiến người khác áp bức, khi hăm dọa hoặc khiến người khác hăm dọa, khi người ta sát sinh hoặc lấy của không được cho, đột nhập nhà cửa, lấy cướp của cải, làm nghề trộm cắp, đi cướp đường, dụ dỗ vợ người khác, nói sai nói dối— thì làm vậy chẳng có gì là tội ác cả. Nếu, có lấy một bánh xe gấn dao bén, đem băm chém hết chỗ chúng sinh của trái đất này thành đồng thịt, thành đồng đồng thịt, thì do vậy cũng chẳng có gì là tội ác và chẳng có ác quả ác báo nào cả. Nếu người ta có đi dọc bờ nam sông Hằng sát sinh và tàn sát, gây tổn hại và khiến người khác gây tổn hại, hành hạ hoặc khiến người khác hành hạ, thì do vậy cũng chẳng có gì là tội ác và chẳng có ác quả ác báo gì cả. Nếu người ta có đi dọc bờ bắc sông Hằng bố thí (cho, tặng, cúng dường, giúp đỡ, chia sẻ...) hoặc khiến người khác bố thí, thì do làm vậy cũng chẳng có công đức gì và chẳng có đức quả phước quả gì cả. Có bố thí, có tu dưỡng bản thân, có tự chủ kiểm chế, có nói thật nói đúng, thì do vậy cũng chẳng có công đức gì hay đức quả phước quả gì cả.’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc.... khi có cảm-giác ... có nhận-thức ... có những sự tạo-tác cố-ý ... có thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Khi người ta làm hay khiến người khác làm cũng không có công đức hay đức quả phước quả gì cả.’”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:06)

7 (7) Nguyên Nhân (nhân)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:¹⁹⁸ ‘Không có nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) nào tạo nên sự ô-nhiễm của chúng sinh; chúng sinh bị ô nhiễm không phải do nhân duyên nào cả. Không có nhân duyên tạo nên sự trong-sạch của chúng sinh; chúng sinh được thanh lọc không phải do nhân duyên. [Không có nghiệp do mình, không có nghiệp do người khác, không có nghiệp của con người.]¹⁹⁹. Không có năng lực, không có năng lượng, không có sức mạnh của con người, không có nỗ lực của con người. Tất cả mọi người, tất cả chúng sinh, tất cả sinh vật, tất cả mọi linh hồn đều không có sự làm-chủ, không có quyền-lực, và không có năng-lực; tất cả đều đều được đúc khuôn bởi số phận, hoàn cảnh, và tự nhiên, họ ném trái sừng và khỏ trong sáu giai cấp’?”²⁰⁰

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc.... khi có cảm-giác ... có nhận-thức ... có những sự tạo-tác cố-ý ... có thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Không có nguyên-nhân và điều-kiện (nhân duyên) nào tạo nên sự ô-nhiễm của chúng sinh ... họ ném trái sừng và khổ trong sáu giai cấp.’”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:07)

8 (8) *Cách Nhìn Lớn Lao* (đại tà kiến)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy:²⁰¹ ‘Có bảy thân này là không được làm ra, không được tạo ra, không được sáng tạo ra, không có đáng sáng tạo, là căn trụ, vững chắc (thường trụ, đứng yên) như những đỉnh núi, vững chắc như những cột đá. Chúng không chuyển động hay thay đổi hay cản trở lẫn nhau. Chẳng cái nào có khả năng gây ra sừng hay khổ hoặc sừng-và-khổ cho cái khác. Bảy đó là gì? Đó là thân(thể)-đất, thân-nước, thân-nhiệt, thân-khí, sự sừng, sự khổ, và thứ bảy là linh-hồn. Bảy thân này là không được làm ra.... [Trong đó, không có người sát sinh, không người tàn sát, không người nghe, không người nói, không người biết, không người thông tin.]²⁰² Cho dù ai có cắt đầu người khác bằng kiếm sắc cũng không thực sự là lấy mạng ai; đơn giản chỉ là lưỡi kiếm cắt qua không gian giữa bảy thân này mà thôi. Có

1.400.000 chủng loài trong hệ chúng sinh, và thêm 6.000, và 600; có 500 loại nghiệp, và thêm năm loại nghiệp, và toàn nghiệp và bán nghiệp; có 62 đường lối, 62 tiểu kiếp, 6 giai cấp, 8 giai đoạn trong kiếp người, 4.900 loại khổ sĩ Ājīvaka, 49 loại du sĩ, 4.900 cõi (rộng, rắn) na-ga, 2.000 căn, 3.000 cảnh địa ngục, 36 cõi bụi trần, 7 cảnh xứ của chúng sinh có nhận thức, 7 cảnh xứ chúng sinh không có nhận thức, bảy cảnh xứ chúng sinh không có máu, 7 loại thiên thần, 7 loại con người, 7 loại quỷ thần, 7 loại hồ lớn, 7 loại có máu, thêm 700 loại có máu [khác], 7 vực núi, thêm 700 vực núi [khác], 7 loại mộng mơ, thêm 700 loại mộng mơ khác, 84 trăm ngàn đại kiếp trong (suốt thời gian) đó những kẻ ngu và kẻ trí lang thang và trôi giạt qua hết, sau đó tất cả đều chấm dứt hết khổ đau. Chẳng có gì là như vậy: “Với đức-hạnh này hay tâm-nguyện này hay sự kiểm-chế này hay đời sống thánh-thiện này, tôi sẽ làm chín muối nghiệp chưa chín muối hoặc xóa bỏ nghiệp đã chín muối bằng sự trải-nghiệm nó một cách tái tục”— làm gì có như vậy! Sương và khổ tự chúng bị tan biến; những giới-hạn của vòng luân-hồi đã được ấn định; không có chuyện làm ngăn lại hay kéo dài thêm hạn-định của nó, không có cái vụn tiến thêm hay lùi bớt gì cả. Cũng giống như, khi một trái chỉ cuộn (như trái len) được quăng ra thì nó chạy tháo bung chỉ ra; tương tự vậy, kẻ ngu và kẻ trí, cứ tháo bung (lang thang và trôi giạt) cho tới khi nào hết (luân hồi) thì xong, thì lúc đó (tất cả) đều giải-thoát khỏi sự sương và khổ’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỷ kheo, khi có thân-sắc, khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Có bảy thân này là không được làm ra tương tự như vậy, kẻ ngu và kẻ trí, cứ tháo bung (lang thang và trôi giạt) cho tới khi hết (luân hồi) thì xong, thì (tất cả) đều giải-thoát khỏi sự sương và khổ.’”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:08)

► [10 bài kinh tiếp theo (SN 24:09–18) lần lượt nói về “những cách-nhìn hay quan-điểm chưa được tuyên bố” (bởi Phật); và chúng được nói theo những góc-nhìn khác so với góc-nhìn trong các kinh thuộc các chương SN 33 và SN 44.] (263)

9 (9) Thế Giới Là Bất Diệt

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là bất-diệt?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc; tà kiến) như vậy: ‘Thế giới là bất-diệt.’ ...

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ trong sáu trường hợp này ... thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:10)

10 (10) Thế Giới Là Không Bất Diệt

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là không bất-diệt’?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:10)

11 (11) Thế Giới Là Hữu Hạn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là hữu-hạn’ (hữu biên)?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:11)

12 (12) Thế Giới Là Vô Hạn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Thế giới là vô-hạn’ (vô biên)?”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:12)

13 (13) Linh Hồn và Thể Xác Là Một

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Linh hồn và thể xác là một?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:13)

14 (14) Linh Hồn và Thể Xác Là Khác Nhau

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:14)

15 (15) Như Lai Còn Hiện Hữu

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:15)

16 (16) Như Lai Không Còn Hiện Hữu

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:16)

17 (17) Như Lai Vừa Hiện Hữu Vừa Không Hiện Hữu

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

“Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:17)

18 (18) Như Lai Không Còn Hiện Hữu Cũng Không Phải Không Còn Hiện Hữu

Ở Sāvattthī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có, do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết?’”

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn....”

- “Này các Tỳ kheo, khi có thân-sắc, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết.’ Khi có cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức, do dính chấp vào thức, do cố chấp vào thức, nên khởi sinh cách-

nhìn như vậy: ‘Như Lai không còn hiện hữu cũng không phải không còn hiện hữu sau khi chết.’

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”...

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu cách-nhìn đó có khởi sinh hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”

- “Thứ được nhìn thấy, được nghe thấy, được cảm nhận; được nhận biết, được đạt tới, được tìm kiếm, và được bao quát bởi cái tâm: là thường hằng hay vô thường?”²⁰³

“Vô thường, thưa Thế Tôn”.

- “Thứ gì vô thường là sướng hay khổ?”

“Khổ, thưa Thế Tôn”.

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

- “Này các Tỳ kheo, khi một người đệ tử thánh thiện đã dẹp bỏ sự lờ-mờ (không biết chắc) trong sáu trường hợp này,²⁰⁴ và, hơn nữa, khi người đó đã dẹp bỏ sự lờ-mờ về sự khổ, nguồn-gốc khổ, sự chấm-dứt khổ, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt khổ, thì người đó được gọi là một người đệ tử thánh thiện là một bậc Nhập-lưu, không còn bị ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 24:18)

NHÓM 2

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG HAI’²⁰⁵

(*Dutiya-Gamana-vagga*)

19 (1) Gió...

Ở Sāvathī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy (sai lạc, trái tự nhiên; tà kiến): ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’?” ([tức: như bất động, bất biến])

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính chấp vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

- “Như vậy, này các Tỳ kheo, khi có khổ, chính do dính chấp vào sự khổ, do cố chấp vào sự khổ (=dính chấp vào năm-uẩn, vì năm uẩn =

khô),²⁰⁶ nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

(SN 24:19)

20 (2) Đây Là ‘Của Ta’ — cho tới kinh 36 (18)

[Những bài kinh này lần lượt nói về những cách-nhìn (tà kiến) giống như trong các kinh từ **SN 24:02—SN 24:18** ở trên; ngoại trừ “khuôn mẫu” kinh trong **NHÓM** này là giống theo khuôn mẫu của dẫn đầu (**SN 24:19**) kể trên.]

37 (19) Một Cái ‘Ta’ Gồm Có Thân-Sắc

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, hiện hữu) ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc; tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ (ngã) gồm có thân-sắc, và không bị hư biến sau khi chết.’?” (tức không bị hư tổn, không bị biến đổi, không hư kém đi, vẫn như vậy)

(SN 24:37)

► [8 bài kinh tiếp theo này cũng nói về quan-điểm rằng cái ‘ta’ (ngã) là trường tồn bất-diệt sau khi chết; giống như cũng được nói trong kinh **DN I 31, 6-15** vậy.] (266)

38 (20) Cái ‘Ta’ Là Vô Sắc

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ là không có thân-sắc (vô sắc) và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:38)

39 (21) *Cái ‘Ta’ Vừa Có Thân-Sắc Vừa Không Có Thân-Sắc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ vừa có thân-sắc vừa không có thân-sắc, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:39)

40 (22) *Cái ‘Ta’ Không Có Thân-Sắc Cũng Không Phải Không Có Thân-Sắc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ không có thân-sắc cũng không phải không có thân-sắc, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:40)

41 (23) *Chỉ Có Sương*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ chỉ toàn sương, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:41)

42 (24) Chỉ Có Khổ

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ chỉ toàn khổ, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:37)

43 (25) Có Khổ và Sướng

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ có khổ và sướng, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:43)

44 (26) Không Sướng, Không Khổ

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, khi cái gì có ... nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Cái ‘ta’ là không sướng không khổ, và không bị hư biến sau khi chết?’”....

(SN 24:44)

NHÓM 3

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BA’

(*Tatiya-Gamana-vagga*)

45 (1) Gió...

Ở Sāvathī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy (sai lạc, trái tự nhiên; tà kiến): ‘Gió không thổi, sông không chảy, phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà?’” ([tức: như bất động, bất biến])

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính chấp vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

- “Như vậy, này các Tỳ kheo, thứ gì vô thường là khổ. Khi nó có (có mặt, hiện hữu), chính do dính chấp vào nó, do cố chấp vào nó, nên

khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

(SN 24:45)

► [Lưu Ý: Những bài kinh được thuyết lại trong **NHÓM 3** (‘Thuyết Lại Vòng Ba’) này chỉ tương ứng khác nhau với các bài kinh trong **NHÓM 2** (‘Thuyết Lại Vòng Hai’) ở chỗ đoạn cuối cùng này. Nhân tiện, cũng tương tự như vậy, các bài kinh trong **NHÓM 4** (‘Thuyết Lại Vòng Bốn’) cũng chỉ tương ứng khác nhau với các bài kinh trong **NHÓM 2** ở chỗ đoạn cuối mà thôi.] (267)

46 (2) Đây Là “Của-Ta” — cho đến 70 (26) ...

[Những bài kinh này lần lượt lặp lại những cách-nhìn (tà kiến) trong các bài kinh của **NHÓM 2** (‘Thuyết Lại Vòng Hai’); chỉ khác ở chỗ các lời kinh trong **NHÓM 3** này giống theo “khuôn mẫu” của bài kinh dẫn đầu (SN 24:45) kể trên; tức chỉ khác nhau đoạn cuối cùng.]

NHÓM 4

NHÓM ‘THUYẾT LẠI VÒNG BÓN’

(*Catuttha-Gamana-vagga*)

71 (1) Gió...

Ở Sāvattḥī.

(1) “Này các Tỳ kheo, khi cái gì có (có mặt, tồn tại), do dính chấp vào cái gì, do cố chấp vào cái gì, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: (sai lạc, trái tự nhiên; tà kiến) ‘Gió không thổi, những sông không chảy, những phụ nữ không sinh đẻ, mặt trăng và mặt trời không mọc và lặn mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà?’” ([tức: như bất động, bất biến])

“Thưa Thế Tôn, những giáo lý của chúng con đều bắt rễ từ đức Thế Tôn ...”

- “Này các Tỳ kheo, khi có *thân-sắc*, do dính chấp vào thân-sắc, do cố chấp vào thân-sắc, nên khởi sinh cách-nhìn (sai lạc, tà kiến) như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’ Khi có *cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, do dính chấp vào cảm-giác ... thức, do cố chấp vào cảm-giác ... thức, nên khởi sinh cách-nhìn như vậy: ‘Gió không thổi ... mà chỉ đứng-yên như cây cột nhà.’”

(2) “Này các Tỳ kheo, các thầy nghĩ sao, thân-sắc ... thức là thường hằng hay vô thường?”

“Vô thường, thưa Thế Tôn”....

- “Nhưng nếu không dính chấp vào thứ gì là vô thường, khổ, và luôn bị thay đổi, thì liệu có khởi sinh cách-nhìn như vậy hay không?”

“Không, thưa Thế Tôn”.

- “Như vậy, này các Tỳ kheo, mọi thân-sắc dù là loại gì ... Mọi cảm-giác dù là loại gì ... Mọi nhận-thức dù là loại gì ... Mọi sự tạo-tác

cố-ý dù là loại gì ... Mọi thức dù là loại gì, quá khứ, tương lai, hay hiện tại, bên trong hay bên ngoài, thô tế hay vi tế, xấu hay tốt, xa hay gần—tất cả mọi thân-sắc ... thức nên được nhìn thấy đúng thực như nó là, bằng trí tuệ chánh đúng như vậy: ‘Đây không phải là ‘của-ta’, đây không phải là cái ‘ta’, đây không phải ‘bản ngã của ta’.

- “Sau khi nhìn thấy như vậy, này các Tỳ kheo, một người đệ tử thánh thiện đã được chỉ dạy trải nghiệm sự ghê-sợ đối với thân-sắc, sự ghê-sợ đối với cảm-giác, sự ghê-sợ đối với nhận-thức, sự ghê-sợ đối với những sự tạo-tác cố-ý, sự ghê-sợ đối với thức. Sau khi trải nghiệm sự ghê-sợ, người đó trở nên chán-bỏ. Thông qua sự chán-bỏ, [tâm] người đó được giải-thoát. Khi tâm được giải thoát thì có sự biết: ‘Tâm được giải-thoát’. Người đó hiểu rằng: ‘Sinh đã tận diệt, đời sống thánh thiện đã được sống, những gì cần làm đã làm xong, không còn quay lại sự hiện hữu này nữa.’”

(SN 24:71)

72 (2) Đây là ‘Của-Ta’ — cho đến 96 (26) ...

[Những bài kinh này lần lượt lặp lại những cách-nhìn (tà kiến) trong các bài kinh của **NHÓM 2** (‘Thuyết Lại Vòng Hai’); chỉ khác ở chỗ lời kinh trong **NHÓM 4** này giống theo “khuôn-mẫu” của bài kinh dẫn đầu (**SN 24:71**) kể trên; tức hai đoạn cuối này khác so với đoạn cuối ở **NHÓM 2** và **NHÓM 3** ở trên.]

Chương 25

Liên Kết NHẬP-VÀO

(25 *Okkanti-samyutta*)

(25 *Tương ứng Nhập-Vào*)

1 Mắt...

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, mắt là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác. Tai ... Mũi ... Lưỡi ... Thân là vô thường, đang thay đổi, đang trở thành khác.

(1) “Người đặt niềm-tin vào những giáo lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (*người căn tín*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ (lộ trình) chân chính đã được định xong’ [*‘đạo lộ đã được định xong của sự chân chính’*] của sự chân chính’, đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt trên cảnh giới của những người phạm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cõi xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. (tức: chắc chắn chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu khi còn sống hay ngay khi chết).²⁰⁷

(2) “Người mà đã chấp nhận những giáo lý này như vậy sau khi đã suy xét (cân nhắc, quán xét, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí-tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (*người căn trí*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’ [*‘đạo lộ đã được định xong của sự chân chính’*], đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phạm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cõi xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

“Người mà biết và thấy những giáo lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”²⁰⁸

(SN 25:01)

2 Những Hình-Sắc...

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác (đang khác đi, đang diễn biến). Những âm-thanh ... Những mùi-hương ... Những mùi-vị ... Những đối-tượng chạm xúc ... Những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

(1) “Người đặt niềm-tin vào những giáo lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (*người căn tín*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’ người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

(2) “Người mà đã chấp nhận những giáo lý này như vậy sau khi đã suy xét chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (*người căn tri*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’ người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

“Người mà biết và thấy những giáo lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”

(SN 25:02)

3 Thức

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, thức-mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Thức-tai ... Thức-mũi ... Thức-lưỡi ... Thức-thân ... Thức-tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:03)

4 Tiếp-Xúc

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tiếp-xúc mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Tiếp-xúc tai ... Tiếp-xúc mũi ... Tiếp-xúc lưỡi ... Tiếp-xúc thân ... Tiếp-xúc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:04)

5 Cảm-Giác

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tai ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mũi ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc lưỡi ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc thân ... Cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:05)

6 Nhận-Thức

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, nhận-thức về những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Nhận-thức về những âm-thanh ... Nhận-thức về những mùi-hương ... Nhận-thức về những mùi-vị ... Nhận-thức về những đối-tượng chạm-xúc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:06)

7 Sự Cố-Ý (tr)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự cố-ý đối với những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Sự cố-ý đối với những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:07)

8 Dục-Vọng (ái)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, dục-vọng đối với những hình-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Dục-vọng đối với âm-thanh ...

Dục-vọng đối với những mùi-hương ... Dục-vọng đối với những mùi-vị ... Dục-vọng đối với những đối-tượng chạm-xúc ... Dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:08)

9 Các Yếu-Tố (giới)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo yếu-tố đất là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Yếu-tố nước ... Yếu-tố nhiệt ... Yếu-tố khí ... Yếu-tố không gian ... Yếu-tố thức là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.²⁰⁹

“Người mà biết và thấy như vậy ... với sự giác-ngộ là đích đến của người đó.”

(SN 25:09)

10 Các Uẩn

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, thân-sắc là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác. Cảm-giác ... Nhận-thức ... Những sự tạo-tác cố-ý ... Thức là vô thường, đang thay đổi, và đang trở thành khác.

(1) “Người đặt niềm-tin vào những giáo lý này và nhất quyết về chúng như vậy thì được gọi là người tu theo niềm-tin (*người căn tín*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’, đã nhập-

vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phạm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cõi xứ ma quỷ; người đó không chết đi mà không chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

(2) “Người mà đã chấp nhận những giáo lý này như vậy sau khi đã suy xét (quán xét, cân nhắc, suy nghiệm) chúng tới một mức độ đủ đầy bằng trí tuệ thì được gọi là người tu theo Giáo Pháp (*người căn tri*), là người đã nhập-vào ‘đạo lộ chân chính đã được định xong’, đã nhập-vào cảnh giới của những bậc thượng nhân, đã vượt-trên cảnh giới của những người phạm tục. Người đó không còn có thể làm điều gì mà vì nhân đó phải bị tái sinh trong địa ngục, trong cõi súc sinh, hay trong cõi xứ ma quỷ; người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.

“Người mà biết và thấy những giáo lý này như vậy thì được gọi là một bậc thánh Nhập-lưu, không còn ràng buộc với cõi dưới, đã định xong vận mệnh, với sự giác-ngộ là đích đến cuối cùng của người đó.”

(SN 25:10)

Chương 26

Liên Kết KHỞI-SINH

(26 *Uppāda-saṃyutta*)

(26 *Tương Ứng Sinh*)

1 Mắt...

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện (hiện thị, có mặt) của mắt là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết. (*)

“Sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tai ... của mũi ... của lưỡi ... của thân ... của tâm là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của mắt ... của tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:01)

►[Trong các bài kinh tiếp theo: mẫu đoạn kinh đầu (*) kể trên sẽ được **lần lượt** thay vào/ lập lại bằng các chủ-đề tương ứng như các chủ-đề trong chương kể trên (**Chương 25**). Nhân tiện, bài kinh **SN 26:09** hầu như giống y kinh **SN 14:36**, chỉ có thêm “yếu-tố không gian” và “yếu-tố thức”. Còn bài kinh **SN 26:10** thì hoàn toàn giống y kinh **SN 22:30**.]²¹⁰

2 Những Hình-Sắc...

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của những hình-sắc ... những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của những hình-sắc ... những hiện-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:02)

3 Thức

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của thức-mắt ... thức-tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của thức-mắt ... thức-tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:03)

4 Tiếp-Xúc

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của tiếp-xúc mắt ... tiếp-xúc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của tiếp-xúc mắt ... tiếp-xúc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:04)

5 Cảm-Giác

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc mắt ... cảm-giác được sinh ra từ tiếp-xúc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:05)

6 Nhận-Thức

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của nhận-thức về những hình-sắc ... nhận-thức về những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:06)

7 Sự Cố-Ý (tư)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những đối-

tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của sự cố-ý đối với những hình-sắc ... sự cố-ý đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:07)

8 Dục-Vọng (ái)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỷ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những đối-tượng thuộc tâm là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:08)

9 Các Yếu-Tố (giới)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỷ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của yếu-tố đất ... yếu-tố nước ... yếu-tố nhiệt ... yếu-tố khí ... yếu-tố không gian ... yếu-tố thức là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của yếu-tố đất ... yếu-tố thức là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:09)

10 Các Uẩn

Ở Sāvathī.

“Này các Tỷ kheo, sự khởi sinh, sự liên tục, sự sản sinh, và sự thể hiện của *thân-sắc* ... của *cảm-giác* ... của *nhận-thức* ... của *những sự tạo-tác cố-ý* ... của *thức* là sự khởi sinh của khổ-đau, sự liên tục của căn-bệnh, sự thể hiện của sự già-chết.

“Sự chấm dứt, sự lặn đi, sự biến mất của thân-sắc ... thức là sự chấm dứt khổ-đau, sự lặn đi của căn-bệnh, sự biến mất của sự già-chết.”

(SN 26:10)

Chương 27

Liên Kết Ô-NHIỄM

(27 *Kilesa-samyutta*)

(27 *Tương Ứng Phiền Nã*)

1 *Mắt...*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *mắt* là một sự suy đồi của tâm.²¹¹ Sự tham-muốn và nhục-dục đối với *tai ... mũi ... lưỡi ... thân ... tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này,²¹² thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng (dễ dùng, dễ uốn nắn, dễ tu dưỡng) đối với (cho, để đạt tới) những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.” (nghĩa là: tâm như vậy dễ dụng tu để chứng ngộ những điều (sự thật, chân lý, trạng thái) bằng trí-biết trực tiếp)²¹³

(SN 27:01)

2 *Những Hình-Sắc ...*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *những hình-sắc* là một sự suy đồi của tâm. Sự tham-muốn và nhục-dục đối với *những âm-thanh ... những mùi-hương ... những mùi-vị ... những đối-tượng chạm-xúc ... những hiện-tượng thuộc tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:02)

3 *Thức*

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *thức-mắt* ... *thức-tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:03)

4 *Tiếp-Xúc*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *tiếp-xúc* *mắt* ... *tiếp-xúc tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:04)

5 *Cảm-Giác*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *cảm-giác* *được sinh ra từ sự tiếp-xúc mắt* ... *cảm-giác được sinh ra từ sự tiếp-xúc tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:05)

6 *Nhận-Thức*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *nhận-thức về những hình-sắc ... đối với nhận-thức về những hiện-tượng thuộc tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:06)

7 *Sự Cố-Ý* (tư)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *sự cố-ý đối với những hình-sắc ... đối với những hiện-tượng thuộc tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:07)

8 *Dục-Vọng* (tư)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muốn và nhục-dục đối với *dục-vọng đối với những hình-sắc ... dục-vọng đối với những hiện-tượng thuộc tâm* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:08)

9 Các Yếu-Tố (giới)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *yếu-tố đất* ... *yếu-tố nước* ... *yếu-tố nhiệt* ... *yếu-tố khí* ... *yếu-tố không gian* ... *yếu-tố thức* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó ... sẽ trở nên dễ-dụng đối với những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:09)

10 Các Uẩn

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, sự tham-muôn và nhục-dục đối với *thân-sắc* ... đối với *cảm-giác* ... đối với *nhận-thức* ... đối với *những sự tạo-tác cố-ý* ... đối với *thức* là sự suy đồi của tâm. Khi một Tỳ kheo đã dẹp bỏ được sự suy đồi của tâm trong sáu trường hợp này, thì tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ. Một cái tâm được củng cố bằng sự từ-bỏ sẽ trở nên dễ-dụng đối với (cho, để đạt tới) những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp.”

(SN 27:10)

Chương 28

Liên Kết XÁ-LỢI-PHẬT

(28 *Sāriputta-saṃyutta*)

(28 *Tương Ứng Xá-lợi-phật*)

1 Được Sinh Ra Từ Sự Tách-Ly ... (Nhất thiên)

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phất đang sống ở Sāvathī (Xá-vệ) trong Khu Vườn (của thái tử) Jeta trong Tịnh Xá (được cúng dường bởi gia chủ) Cấp Cô Độc (Anāthapiṇḍika).

Lúc đó, vào buổi sáng, Ngài Xá-lợi-phất mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Sāvathī để khát thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi khát thực trong thành Sāvathī và đã trở về sau một vòng khát thực, sau khi ăn trưa, thầy ấy đi đến chỗ (được gọi là) Khu Vườn Người Mù để an trú ban ngày. Sau khi đi sâu vào Khu Vườn Người Mù, thầy ấy ngồi xuống một gốc cây để an trú ban ngày.

Rồi, vào buổi cuối chiều, thầy Xá-lợi-phất ra khỏi chỗ an trú đó và đi về chỗ Khu Vườn của thái tử Jeta, chỗ Tịnh Xá Cấp Cô Độc. Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, các giác quan (căn) của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phất đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?”²¹⁴

“Ở đây, này đạo hữu: Tách ly khỏi những khoái-lạc giác-quan (dục lạc), tách ly khỏi những trạng thái bất thiện, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ nhất (Nhất thiên), trạng thái có đi kèm ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), có niềm hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự tách ly. Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ nhất’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ nhất’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ nhất’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã bị búng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.”²¹⁵

(SN 28:01)

2 Không Còn Ý-Nghĩ (tâm)... (Nhị thiên)

Ở Sāvattthī.

... [như kinh kể trên] ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất, các giác quan (căn) của thầy tĩnh lặng, da dẻ thầy trong và sáng. Thầy Xá-lợi-phất đã trải qua ban ngày trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: Với sự lắng lặn của ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ hai (Nhị thiên), trạng thái có sự tự-tin bên-trong và sự hợp-nhất của tâm, không còn ý-nghĩ (tâm) và sự soi-xét (tứ), và có niềm sự hoan-hỷ (hỷ) và hạnh-phúc (lạc) được sinh ra từ sự định-tâm. Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ hai’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ hai’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã bị bứng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phất đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.”

(SN 28:02)

3 Sự Hoan-Hỷ (hỷ)... (Tam thiên)

Ở Sāvattthī.

... [như kinh trên] ... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: Với sự phai biến luôn của sự (yếu tố) hoan-hỷ (hỷ), tôi an trú buông-xả, và có chánh-niệm và sự rõ-biết (tỉnh giác), tôi trải nghiệm sự hạnh-phúc cùng với thân này; tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ ba (Tam thiền), trạng thái mà các bậc thánh nhân gọi là: ‘Người đó buông-xả, có chánh-niệm, là người an trú một cách hạnh phúc’. Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ ba’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ ba’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:03)

4 Sự Buông-Xả (xả)... (Tứ thiền)

Ở Sāvattihī.

... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phát đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phát như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: Với sự dẹp bỏ sự (yếu tố) sướng và sự khổ, và với sự phai biến của sự (yếu tố) vui và sự buồn, tôi đã chứng nhập và an trú trong tầng thiền định thứ tư (Tứ thiền), trạng thái không còn sự khổ hay sướng, và có sự tinh-khiết của sự chánh-niệm nhờ sự buông-xả (tức: sự chánh-niệm lúc này đã được thanh lọc tới mức tinh-khiết nhờ có sự buông-xả hoàn toàn trong Tứ thiền). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã chứng đắc tầng thiền định thứ tư’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi tầng thiền định thứ tư’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:03)

5 Cảnh Xứ Vô Biên Của Không-Gian (không vô biên xứ)

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: Với sự hoàn toàn vượt-trên những nhận-thức về thể-sắc, với sự phai-biến những nhận-thức về sự va-chạm giác quan, với sự không còn chú-tâm tới những nhận-thức về sự khác-biệt, (chỉ) ý thức rõ: ‘không gian là vô biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] vô biên của không-gian (không vô biên xứ). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc cảnh xứ vô biên của không-gian’, hay ‘Ta đã chứng đắc cảnh xứ vô biên của không-gian’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi cảnh xứ vô biên của không-gian’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:05)

6 Cảnh Xứ Vô Biên Của Thức (thức vô biên xứ)

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: Bằng sự hoàn toàn vượt-trên cảnh xứ vô biên của không-gian, (chỉ) ý thức rõ: ‘thức là vô-biên’, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] vô biên của thức (thức vô biên xứ). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ này đã không xảy đến với tôi: ‘Ta đang chứng đắc cảnh xứ vô biên của thức’, hay ‘Ta đã chứng đắc cảnh xứ vô biên của thức’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi cảnh xứ vô biên của thức’.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:05)

7 Cảnh Xứ Trống-Không (vô sở hữu xứ)

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phát đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phát như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phát ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: Bằng sự hoàn toàn vượt-trên cảnh xứ vô-biên của thức, ý thức rõ: ‘sự chẳng có gì’, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] của sự trống-không (vô sở hữu xứ). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc cảnh xứ trống-không’, hay ‘Ta đã chứng đắc cảnh xứ trống-không’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi cảnh xứ trống-không’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:07)

8 Cảnh Xứ Không Có Nhận-Thức Cũng Không Phải Không Còn Nhận-Thức (phi tướng phi phi tướng xứ)

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: Bằng sự hoàn toàn vượt-trên cảnh xứ trống-không, tôi đã chứng nhập và an trú trong cảnh xứ [cơ sở] không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức (phi tướng phi phi tướng xứ). Nhưng, này đạo hữu, ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức’, hay ‘Ta đã chứng đắc cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do ... không còn xảy đến với thầy ấy.”

(SN 28:07)

9 Chứng Đắc Sự Chấm-Dứt (diệt thọ tướng)

Ở Sāvattthī.

... Ngài Ānanda đã nhìn thấy thầy Xá-lợi-phất đi tới từ xa, và đã nói với thầy Xá-lợi-phất như vậy:

“Này đạo hữu Xá-lợi-phất ... trong sự an trú nào?”

“Ở đây, này đạo hữu: Bằng cách hoàn toàn vượt-trên cảnh xứ không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức, tôi đã chứng nhập và an trú trong sự chấm-dứt cảm-giác và nhận-thức (diệt thọ tướng). Nhưng, này đạo hữu, nhưng ý nghĩ như vậy: ‘Ta đang chứng đắc sự diệt thọ tướng’, hay ‘Ta đã chứng đắc sự chấm-dứt sự diệt thọ tướng’, hay ‘Ta đã thoát ra khỏi trạng thái diệt thọ tướng.’ đã không còn xảy đến với tôi.”

“Chắc hẳn là do cái sự tạo-nên cái ‘ta’ (ngã kiến), sự tạo-nên cái ‘của-ta’ (ngã chấp), và khuynh-hướng tiềm-ẩn tạo nên sự ‘tự-ta’ (tùy miên ngã mạn) đã bị búng sạch bên trong Ngài Xá-lợi-phát đã từ lâu, cho nên những ý nghĩ đó đã không còn xảy đến đối với thầy ấy.”

(SN 28:09)

10 Nữ Du Sĩ Sucimukhī

Trong một lần Ngài Xá-lợi-phát đang sống ở Rājagaha (Vương Xá), trong khu Rừng Tre (Trúc Lâm), ở (chỗ được gọi là) Chỗ Kiềm Ăn của Bầy Sóc. Lúc đó, vào buổi sáng, thầy Xá-lợi-phát mặc y áo, và mang theo bình bát và cà sa, đi vô thành Rājagaha để khát thực. Rồi, sau khi thầy ấy đã đi khát thực liên tục một vòng trong thành Rājagaha, thầy ấy ngồi ăn thức ăn khát thực, lưng dựa vào tường.

Lúc đó có một nữ du sĩ tên Sucimukhī đến gặp thầy Xá-lợi-phát và nói với thầy ấy:

“Này tu sĩ (sa-môn), ông ăn với mặt úp (xuống đất) phải không?”²¹⁶

“Thưa chị, tôi không ăn với mặt úp (xuống đất)”

“Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn với mặt ngửa (lên trời) phải không?”

“Thưa chị, tôi không ăn với mặt ngửa (lên trời)”

“Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn quay mặt nhìn các [bốn] hướng phải không?”²¹⁷

“Thưa chị, tôi không ăn quay mặt nhìn các [bốn] hướng.”

“Vậy thì, này tu sĩ, ông ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa (bốn hướng) phải không?”

“Thưa chị, tôi không ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa.”

“Khi ông được hỏi ‘Này tu sĩ, ông ăn với mặt úp phải không? ... ‘Ông ăn quay mặt nhìn các hướng xen giữa phải không?’ thì ông cứ trả lời: ‘Thưa chi, tôi không ăn như vậy’. Này tu sĩ, vậy ông ăn kiểu sao?”

“Thưa chi, (i) những tu sĩ và bà-la-môn kiếm sống bằng nghề bói đất bói hướng tầm phào²¹⁸—một cách kiếm sống sai trái (tà hạnh, đối với tu sĩ)—thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn úp mặt (xuống đất). (ii) Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng nghề bói sao bói trời tầm phào²¹⁹—một cách kiếm sống sai trái—thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn ngửa mặt (lên trời). (iii) Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng cách đi làm công việc người ta sai vật hoặc đưa tin báo tin²²⁰—một cách kiếm sống sai trái—thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn quay mặt nhìn đủ các [bốn] hướng. (iv) Những tu sĩ và bà-la-môn nào kiếm sống bằng nghề bói chỉ tay tầm phào²²¹—một cách kiếm sống sai trái—thì những người đó được gọi là những tu sĩ và bà-la-môn ăn quay mặt nhìn những hướng xen giữa.

“Thưa chi, tôi không kiếm sống bằng nghề bói đất tầm phào, hay nghề bói sao tầm phào, hay bằng cách làm những việc sai vật và đưa tin báo tin, hay bằng nghề bói chỉ tay tầm phào. Tôi tìm kiếm thức ăn bố thí một cách chân chính, và sau khi kiếm được thức ăn đó, tôi ăn nó một cách chân chính.”

Rồi nữ du sĩ tên Sucimukhī đó đã đi từ đường này tới đường kia và từ khu này tới khu kia trong thành Rājagaha tuyên bố rằng: “Những tu sĩ đi tu theo người con của họ tộc Thích-Ca (tức Phật) ăn thức ăn chân chính; họ ăn thức ăn không tội lỗi. Hãy cúng dường thức ăn cho những tu sĩ đi theo người con họ Thích-Ca.”

(SN 28:10)

Chương 29

Liên Kết RỒNG NĀGA

(29 *Nāga-samyutta*)

(29 *Tương Ứng Loài Rồng*)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài rồng (naga) [*nāga*].²²² Bốn đó là gì? (1) Rồng sinh ra từ trứng, (2) rồng sinh ra từ bào thai, (3) rồng sinh ra từ hơi ẩm, (4) rồng sinh ra tự nhiên tự phát (theo nghiệp).” (noãn sinh, thai sinh, ẩm sinh, và hóa sinh)

(SN 29:01)

2 Tốt Hơn

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài rồng [*nāga*]....

“Này các Tỳ kheo, trong đó (2), (3), và (4) là ưu việt hơn (tốt hơn, cao hơn) (1).²²³ Rồi (3) và (4) là ưu việt hơn (1) và (2). Rồi (4) là ưu việt (nhất) hơn (1), (2), và (3).

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu sinh sản của những loài rồng.”

(SN 29:02)

3 Uposatha (Bồ-tát) (1)

Ở Sāvathī.

Lúc đó một Tỳ kheo đến gặp đức Thế Tôn, kính chào đức Thế Tôn, ngồi xuống một bên, và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa đức Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do một số rồng naga được sinh từ trứng ở đây tuân giữ giới Bồ-tát [Uposatha] và (đến mức) từ bỏ [sự quan tâm đối với] thân thể của họ?”²²⁴

“Ở đây, này các Tỳ kheo, một số rồng naga được sinh từ trứng nghĩ như vậy: ‘Trong quá khứ chúng tôi hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Sau khi đã làm như vậy, khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi đã bị tái sinh trong chủng loài rồng naga được sinh từ trứng. Nếu ngày nay chúng tôi tu tập hành-vi tốt thiện (thiện hành) trong thân, lời-nói, và tâm, thì khi thân tan rã, sau khi chết, chúng tôi sẽ được tái sinh trong một nơi-đến hạnh phúc, trong một cõi trời. Nào bây giờ, chúng ta hãy tu tập hành-vi tốt thiện trong thân, lời-nói, và tâm.’”

“Này Tỳ kheo, điều này chính là nguyên nhân và lý do một số rồng naga được sinh từ trứng ở đây tuân giữ giới Bồ-tát và từ bỏ [sự quan tâm về] thân thể của chúng.”

(SN 29:03)

4 Uposatha (Bồ-tát) (2)

5 Uposatha (Bồ-tát) (3)

6 Uposatha (Bồ-tát) (4)

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay 03 chủng loài rồng naga còn lại cho ba bài kinh.]

7 Người Đói Đã Nghe (1)

Ở Sāvattthī.

.... ngài xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga được sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. *Người đó đã nghe*: ‘Loài rồng naga sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng!’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.”

(SN 29:07)

8 Người Đó Đã Nghe (2)

9 Người Đó Đã Nghe (3)

10 Người Đó Đã Nghe (4)

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay 03 chủng loại rồng naga còn lại cho ba bài kinh.]

11 — 20 Nhờ Sự Bố-Thí (1) (mà tái sinh...)

Ở Sāvattthī.

.... Ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài rồng naga sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, được nhiều hạnh phúc.’ Người đó

ngĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng!’ Người đó bố thí thức ăn.... Người đó bố thí thức uống.... Người đó bố thí quần áo.... Người đó bố thí một cỗ xe.... Người đó bố thí một vòng hoa.... Người đó bố thí một dầu thơm.... Người đó bố thí một thuốc cao.... Người đó bố thí một chỗ nằm.... Người đó bố thí một chỗ ở.... Người đó bố thí một đèn thắp. [mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ **11-20**.]²²⁵ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài rồng naga sinh từ trứng.”

(SN 29:11—20)

21 — 50 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh...)

[Nhóm (1): (kinh **11-20**) ở trên là nói về ‘chủng loại rồng naga sinh từ trứng’; ba nhóm còn lại (2), (3), (4) (từ kinh **21-50**) có lời kinh giống hệt như vậy; chỉ lần lượt thay 03 chủng loại rồng naga còn lại cho mỗi nhóm (2), (3), (4).]

(SN 29:21—50)

Chương 30

Liên Kết CHIM-THẦN

(30 *Supanna-samyutta*)

(30 *Tương Ứng Thần Điều*)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài chim-thần [supanna] (Ganuda, kim xí điểu). Bốn đó là gì? (1) Loài chim-thần được sinh từ trứng, (2) loài chim-thần được sinh từ bào thai, (3) loài chim-thần được sinh từ hơi ấm, (4) loài chim-thần được sinh một cách tự nhiên tự phát. Đây là bốn kiểu sinh sản của những loài chim thần.”

(SN 30:01)

2 Chúng Gấp Ròng Naga

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn kiểu sinh sản của những loài chim-thần....

“Này các Tỳ kheo, trong số này, chim-thần loại (1) chỉ gấp đi được rồng naga loại (1), nhưng không gấp được ba chủng loại còn lại. Chim-thần loại (2) chỉ gấp được rồng naga loại (1) và (2), nhưng không gấp được hai chủng loại còn lại. Chim-thần loại (3) gấp được rồng naga loại (1), (2), và (3), nhưng không gấp được chủng loại còn lại. Chim-thần loại (4) thì gấp được rồng naga thuộc cả bốn chủng loại. [Tức là: một chủng loài chim-thần chỉ gấp rồng naga thuộc chủng loài thấp hơn hoặc bằng chủng loài mình, chứ không thể gấp rồng naga thuộc chủng loài cao hơn chủng loài mình.]²²⁶

“Này các Tỳ kheo, đây là bốn kiểu sinh sản của những loài chim-thần.”

(SN 30:02)

3 Lãn Lộn Thiện-Ác (1)

Ở Sāvattthī.

.... ngồi xuống một bên và thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh vào chủng loài chim-thần sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lấn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó nghe: ‘Loài chim-thần sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó bị tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.

“Này các Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, bị tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.”

(SN 30:03)

4 — 6 *Lấn Lộn Thiện-Ác (2), (3), (4)*

[Giống hết bài kinh trên, chỉ lần lượt thay bằng 03 chủng loài chim-thần còn lại cho 03 bài kinh này.]

(SN 30:04—06)

7 — 16 *Nhờ Sự Bố-Thí (1)* (mà tái sinh...)

Ở Sāvattthī.

.... Ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài chim-thần được sinh từ trứng?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người hành vi một cách mâu thuẫn (lẫn lộn thiện, ác) trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Loài chim-thần sinh từ trứng sống lâu, đẹp đẽ, được nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng!’ Người đó bố thí thức ăn.... Người đó bố thí thức uống.... Người đó bố thí quần áo.... Người đó bố thí một cỗ xe.... Người đó bố thí một vòng hoa.... Người đó bố thí một dầu thơm.... Người đó bố thí một thuốc cao.... Người đó bố thí một chỗ nằm.... Người đó bố thí một chỗ ở.... Người đó bố thí một đèn thắp. [*Mỗi thứ bố thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ 7-16.*] Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong chủng loài chim-thần sinh từ trứng.”

(SN 30:07–16)

17 — 46 Nhờ Sự Bố-Thí (2), (3), (4) (mà tái sinh...)

[*Nhóm (1): (kinh 7-16) ở trên là nói về ‘chủng loại chim-thần sinh từ trứng’; ba nhóm còn lại (2), (3), (4) (kinh 17-46) có lời kinh giống như vậy; chỉ lần lượt thay 03 chủng loại chim-thần còn lại cho mỗi nhóm (2), (3), (4).*]

(SN 30:17–46)

Chương 31

Liên Kết CÀN-THÁT-BÀ

(31 Gandhabba-saṃyutta)

(31 Tương Ứng Càn-thát-bà)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về những thiên thần (chư thiên) thuộc loại Càn-thát-bà [*gandhabba*]. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà? Này các Tỳ kheo, có những thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lõi cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lớp gỗ mềm cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong vỏ cây hương thơm,²²⁷ những thiên thần sống trú trong chồi cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong lá cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong trái cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong nhựa cây hương thơm, những thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là những thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.”

(SN 31:01)

2 Hành Vi Thiện

Ở Sāvattthī.

.... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm.²²⁸ Người đó đã nghe: ‘Các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ,

khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà!’ Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.

“Này Tỳ kheo, đây là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần thuộc loại Càn-thát-bà.”

(SN 31:02)

3 Người Bồ Thí (1)

Ở Sāvattthī.

.... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành-vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm!’ *Người đó trở thành người bồ thí rễ cây hương thơm.* Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.

“Này Tỳ kheo, đây là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.”

(SN 31:03)

4 — 12 Người Bồ Thí (2)...(10)

[Giống hết bài kinh kể trên, chỉ lần lượt thay bằng mỗi loại thiên-thần: ‘các thiên thần sống trú trong lõi cây hương thơm’ ... ‘các thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm (theo thứ tự ghi trong bài kinh **31:01**). Mỗi loại người bồ thí tương ứng với thứ người đó bồ thí.]

(SN 31:04—12)

13 — 22 Nhờ Sự Bồ-Thí (1) (mà tái sinh...)

Ở Sāvattthī.

.... ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thừa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm?”

“Ở đây, này Tỳ kheo, có người tu tập hành-vi thiện lành trong thân, lời-nói, và tâm. Người đó đã nghe: ‘Các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm sống lâu, đẹp đẽ, và nhiều hạnh phúc.’ Người đó nghĩ: ‘Ồ, khi thân tan rã, sau khi chết, cầu mong ta được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm! Người đó bồ thí thức ăn.... Người đó bồ thí thức uống.... Người đó bồ thí quần áo.... Người đó bồ thí một cỗ xe.... Người đó bồ thí một vòng hoa.... Người đó bồ thí một dầu thơm.... Người đó bồ thí một thuốc cao.... Người đó bồ thí một chỗ nằm.... Người đó bồ thí một chỗ ở.... Người đó bồ thí một đèn thắp. [Mỗi thứ bồ thí lần lượt được ghi trong mỗi bài kinh từ **13-22**.] Rồi, khi thân tan rã, sau khi chết, người đó được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.

“Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có người ở đây, khi thân tan rã, sau khi chết, được tái sinh trong số các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm.”

(SN 31:13—22)

23 — 112 Nhờ Sự Bỏ-Thí (2) (mà tái sinh...)

[Nhóm (1) kể trên (kinh 13-22) là nói về loại ‘các thiên thần sống trú trong rễ cây hương thơm; nhóm (2) này (kinh 23—112) có lời kinh giống như vậy; chỉ lần lượt thay bằng mỗi loại Càn-thát-bà còn lại là: ‘các thiên thần sống trú trong gốc lõi hương thơm’ ... ‘các thiên thần sống trú trong mùi hương cây hương thơm’.]

(SN 31:23—112)

Chương 32

Liên Kết THIÊN THẦN MÂY

(32 *Valāhaka-saṃyutta*)

(32 *Tương Ứng Thiên Thần Mây*)

1 Bản Kinh Tóm Gọn (đơn giản)

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, ta sẽ dạy cho các thầy về những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây. Hãy lắng nghe điều đó....

“Và, này các Tỳ kheo, cái gì là những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây?²²⁹ Này các Tỳ kheo, có các thiên thần mây-mát, các thiên thần mây-ấm, các thiên thần mây-bão, và các thiên thần mây-mưa.

“Này các Tỳ kheo, đây được gọi là những thiên thần thuộc loại sống-trên-mây (thiên thần mây).”

(SN 32:01)

2 Hành Vi Thiện

[Giống hết bài kinh **SN 31:02**, chỉ khác là thay bằng câu “tái sinh trong số các thiên thần mây”.]

(SN 32:02)

3 — 12 Nhờ Sự Bô-Thí (1) (mà tái sinh...)

[Những bài kinh này được đúc theo “khuôn-mẫu” các kinh tương ứng từ **SN 31:13—SN 31:22**; chỉ khác là thay bằng câu “tái sinh trong số các thiên thần mây-mát”.]

(SN 32:03—12)

13 — 52 Nhờ Sự Bô-Thí (2) (mà tái sinh...)

[“Khuôn-mẫu” kinh của nhóm (1) (kinh **3—12**) kể trên là nói về sự “tái sinh trong số các thiên thần mây-mát”. Các kinh của nhóm (2) này (kinh **13—52**) này lặp lại giống hết như vậy cho từng loại thiên-thần

còn lại, lần lượt là: “tái sinh trong số thiên thần mây-ấm”, “tái sinh trong số thiên thần mây-bão”, “tái sinh trong số thiên thần mây-mưa”.]

(SN 32:13–52)

53 Các Thiên Thần Mây-Mát

Ở Sāvattthī.

.... Ngồi xuống một bên, Tỳ kheo đó thưa với đức Thế Tôn:

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên mát-mẻ?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là các thiên thần mây-mát. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên mát-mẻ. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên mát-mẻ.”

(SN 32:53)

54 Các Thiên Thần Mây-Ấm

Ở Sāvattthī.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên ấm-áp?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là các thiên thần mây-ấm. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên ấm-áp. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên ấm-áp.”

(SN 32:54)

55 Các Thiên Thần Mây-Bão

Ở Sāvattthī.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên bão-bùng?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là các thiên thần mây-bão. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên bão-bùng. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên bão-bùng.”

(SN 32:55)

56 Các Thiên Thần Mây-Gió

Ở Sāvattthī.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) trở nên nổi-gió?”

“Này Tỳ kheo, có thứ (chúng sinh) được gọi là các thiên thần mây-gió. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời trở nên nổi-gió. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời trở nên nổi-gió.”

(SN 32:56)

57 Các Thiên Thần Mây-Mưa

Ở Sāvattthī.

“Thưa Thế Tôn, cái gì là nguyên nhân và lý do có lúc trời (thời tiết) mưa?”

“Này Tỳ kheo, có những cái được gọi là các thiên thần mây-mưa. Khi ý nghĩ này xảy đến với họ: ‘Chúng ta hãy vui chơi trong niềm vui riêng của mình’, rồi, theo như ý muốn của họ, trời mưa. Này Tỳ kheo, điều này là nguyên nhân và lý do có lúc trời mưa.”

(SN 32:57)

Chương 33

Liên Kết VACCHAGOTTA

(33 Vacchagotta-saṃyutta)

(33 Tương Ứng Vacchagotta)

1 Do Không Hiểu-Biết (1)

Ở Sāvattthī.

Lúc đó có du sĩ tên là Vacchagotta đến gặp đức Thế Tôn và chào hỏi với đức Thế Tôn.²³⁰ Sau khi xong phần chào hỏi thân thiện, ông ta ngồi xuống một bên và nói với đức Thế Tôn:

“Thầy Cồ-Đàm, cái gì là nguyên nhân và lý do làm phát sinh những quan-điểm (cách-nhìn, quan-niệm) mang tính suy đoán (võ đoán, đoán mò) khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’; hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hay ‘Thế giới là hữu biên’; hay ‘Thế giới là vô biên’; hay ‘Linh hồn và thân thể là một’; hay ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau’; hay ‘N hư Lai hiện hữu sau khi chết’; hay ‘N hư Lai không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘N hư Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘N hư Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’?”

“Này Vaccha, do không hiểu-biết *thân-sắc* (sắc uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘N hư Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do nên phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian.”²³¹

(SN 33:01)

2 Do Không Hiểu-Biết (2)

Ở Sāvattthī....

“Này Vaccha, do không hiểu-biết *cảm-giác* (thọ uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do nên phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian.”

(SN 33:02)

3 Do Không Hiểu-Biết (3)

.... “Này Vaccha, do không hiểu-biết *nhận-thức* (tưởng uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”

(SN 33:03)

4 Do Không Hiểu-Biết (4)

.... “Này Vaccha, do không hiểu-biết *những sự tạo-tác cố-ý* (hành uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”

(SN 33:04)

5 Do Không Hiểu-Biết (5)

.... “Này Vaccha, do không hiểu-biết *thức* (thức uẩn), nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên

mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”

(SN 33:05)

6 — 10 Do Không Nhìn-Thấy (năm uẩn)

.... “Này Vaccha, do không nhìn-thấy *thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”²³²

(SN 33:06—10)

11 — 15 Do Không Đột-Phá Vào (năm uẩn)

.... “Này Vaccha, do không đột-phá vào (chúng ngộ) *thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian....”

(SN 33:11—15)

16 — 20 Do Không Nắm-Rõ (năm uẩn)

[Giống y hệt các kinh **11—15** kể trên; chỉ lần lượt thay “do không nhìn-thấy” bằng “do không nắm-rõ”.]

(SN 33:16—20)

21 — 25 Do Không Thâm-Nhập Vào

26 — 30 Do Không Nhận-Thấy Được

31 — 35 Do Không Phân-Biệt Ra [đối xử]

36 — 40 Do Không Phân-Biệt [sự khác nhau]

41 — 45 Do Không Soi-Xét

46 — 50 Do Không Soi-Xét Kỹ Càng

51 — 55 Do Không Trực Tiếp Nhận-Biết

.... “Này Vaccha, do không thâm-nhập vào do không trực tiếp nhận-biết *thân-sắc ... cảm-giác ... nhận-thức ... những sự tạo-tác cố-ý ... thức*, nguồn-gốc của nó, sự chấm-dứt của nó, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt nó nên mới phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’ ... hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’. Này Vaccha, đây là nguyên nhân và lý do làm phát sinh những quan-điểm mang tính suy đoán khác nhau như vậy trong thế gian: ‘Thế giới là bất diệt’; hay ‘Thế giới là không bất diệt’; hay ‘Thế giới là hữu biên’; hay ‘Thế giới là vô biên’; hay ‘Linh hồn và thân thể là một’; hay ‘Linh hồn và thân thể là khác nhau’; hay ‘Như Lai hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai vừa hiện hữu vừa không hiện hữu sau khi chết’; hay ‘Như Lai không hiện hữu cũng không phải không hiện hữu sau khi chết’.”

(SN 33:21—55)

Chương 34

Liên Kết THIÊN-ĐỊNH

(34 *Jhāna-Saṃyutta*)

(34 Tương Ứng *Thiên Định*)²³³

1 Chứng-Đắc tương quan với Định-Tâm

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên thiện khéo về (kỹ năng) định-tâm²³⁴ trong tu thiên định [đối với sự định-tâm],²³⁵ nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) chứng-đắc (chứng nhập tầng thiên định) trong tu thiên định.

(2) “Ở đây, một người thiên là thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định, nhưng không thiện khéo về định-tâm trong tu thiên định.

(3) “Ở đây, một người không thiện khéo về định-tâm trong tu thiên định, cũng không thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định.

(4) “Ở đây, một người vừa thiện khéo về định-tâm, vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiên (4) thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò cái có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, người thiên (4) vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:01)

2 Duy-Trì tương quan với Định-Tâm

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về định-tâm ... nhưng không thiện khéo về duy-trì²³⁶ ... (duy-trì: là kỹ năng nhập định bao lâu các tầng thiền định theo ý mình muốn và đã quyết định trước khi nhập thiền).

(2) “Ở đây, một người thiện là thiện khéo về duy-trì ... nhưng không thiện khéo về định-tâm ...

(3) “Ở đây, một người không thiện khéo về định-tâm ... cũng không thiện khéo về duy-trì ...

(4) “Ở đây, một người vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về duy-trì ...

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (4) vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiền định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa ... từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, người thiện vừa thiện khéo về định-tâm vừa thiện khéo về duy-trì ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:02)

3 Thoát-Ra tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay cụm chữ “thiện khéo về duy-trì” bằng “thiện khéo về thoát-ra”.]²³⁷

(SN 34:03)

4 Mềm-Dẻo tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về sự mềm-dẻo”.]²³⁸

(SN 34:04)

5 Đối-Tượng tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về đối-tượng”.]²³⁹

(SN 34:05)

6 Phạm-Vi tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về phạm-vi”.]²⁴⁰

(SN 34:06)

7 Quyết-Tâm tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “thiện khéo về quyết-tâm”.]²⁴¹

(SN 34:07)

8 Chu-Đáo tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “là một người làm chu-đáo” (trong tu thiên định).]²⁴²

(SN 34:08)

9 Kiên-Trì tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “là một người làm kiên-trì”].²⁴³

(SN 34:09)

10 Thích-Hợp tương quan với Định-Tâm

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng “là một người làm điều thích-hợp”].²⁴⁴

(SN 34:10)

11 Duy-Trì tương quan với Chứng-Đắc

Ở Sāvathī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên thiện khéo về chứng-đắc trong tu thiên định, nhưng không thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định.

(2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên thiện khéo về duy-trì ... nhưng không thiện khéo về chứng-đắc ...

(3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên không thiện khéo về duy-trì ... cũng không thiện khéo về chứng-đắc ...

(4) “Ở đây, này các Tỳ kheo, người thiên thiện vừa thiện khéo về duy-trì vừa thiện khéo về chứng-đắc ...

“Trong đó, người thiên (4) vừa thiện khéo về chứng-đắc vừa thiện khéo về duy-trì trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người đó.

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa ... từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, người

thiền vừa thiện khéo về chứng-đắc vừa thiện khéo về duy-trì ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:11)

12 Thoát-Ra tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay cụm chữ “thiện khéo về duy-trì trong tu thiền định” bằng “thiện khéo về thoát-ra trong tu thiền định”]

(SN 34:12)

13 Mềm-Dẻo tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiền định”]

(SN 34:13)

14 Đối-Tượng tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về đối-tượng”]

(SN 34:14)

15 Phạm-Vi tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về phạm-vi”]

(SN 34:15)

16 Quyết-Tâm tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “thiện khéo về quyết-tâm”]

(SN 34:16)

17 Chu-Đáo tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “là một người làm chu-đáo”]

(SN 34:17)

18 Kiên-Trì tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “là một người làm kiên-trì”]

(SN 34:18)

19 Thích-Hợp tương quan với Chứng-Đắc

[Giống kinh kể trên, chỉ thay bằng cụm chữ “là một người làm điều thích-hợp”]

(SN 34:19)

20 Thoát-Ra tương quan với Duy-Trì

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?”

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên thiện khéo về (kỹ năng) duy-trì trong tu thiên định [đối với sự định-tâm], nhưng không thiện khéo về (kỹ năng) thoát-ra trong tu thiên định.

(2) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên thiện khéo về thoát-ra ... nhưng không thiện khéo về duy-trì ...

(3) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên không thiện khéo về duy-trì ... cũng không thiện khéo về thoát-ra ...

(4) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên vừa thiện khéo về duy-trì vừa thiện khéo về thoát-ra ...

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiên (4) vừa thiện khéo về duy-trì vừa thiện khéo về thoát-ra trong tu thiên định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:20)

21 — 27 *Mềm Dẻo tương quan với Duy-Trì...*

[07 bài kinh này đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “thoát-ra” được lần lượt thay bằng các 7 chữ “mềm-dẻo” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiên định”, một cách tương ứng giống như nhóm kinh **13—19**.]

(SN 21—27)

28 *Mềm-Dẻo tương quan với Thoát-Ra*

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên thiện khéo về (kỹ năng) thoát-ra, nhưng không thiện khéo về mềm-dẻo ...

(2) ... thiện khéo về sự mềm-dẻo, nhưng không thiện khéo về thoát-ra ...

(3) ... không thiện khéo về thoát-ra, cũng không thiện khéo về mềm-dẻo ...

(4) ... vừa thiện khéo về thoát-ra vừa thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về thoát-ra vừa thiện khéo về mềm-dẻo trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:28)

29 — 34 *Đôi-Tượng tương quan với Thoát-Ra...*

[06 bài kinh này đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “mềm-dẻo” được lần lượt thay bằng 6 chữ “đôi-tượng” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.]

(SN 29—34)

35 *Đôi-Tượng tương quan với Mềm-Dẻo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) mềm-dẻo, nhưng không thiện khéo về đôi-tượng ...

(2) ... thiện khéo về đôi-tượng, nhưng không thiện khéo về mềm-dẻo ...

(3) ... không thiện khéo về mềm-dẻo, cũng không thiện khéo về đôi-tượng ...

(4) ... vừa thiện khéo về mềm-dẻo vừa thiện khéo về đối-tượng trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa thiện khéo về mềm-dẻo vừa thiện khéo về đối-tượng trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:35)

36 — 40 Phạm-Vi tương quan với Mềm-Dẻo...

[05 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “đối-tượng” được lần lượt thay bằng 5 chữ “phạm vi” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.]

(SN 36—40)

41 Phạm-Vi tương quan với Đối-Tượng

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền thiện khéo về (kỹ năng) đối-tượng, nhưng không thiện khéo về phạm-vi ...

(2) ... thiện khéo về phạm-vi, nhưng không thiện khéo về đối-tượng ...

(3) không thiện khéo về đối-tượng, cũng không thiện khéo về phạm-vi ...

(4) ... vừa thiện khéo về đối-tượng vừa thiện khéo về phạm-vi trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (4) vừa thiện khéo về đối-tượng vừa thiện khéo về phạm-vi trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:35)

42 — 45 Quyết-Tâm tương quan với Đối-Tượng...

[04 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “phạm-vi” được lần lượt thay bằng 4 chữ “quyết-tâm” ... “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.]

(SN 42—45)

46 Quyết-Tâm tương quan với Phạm-Vi

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiện này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiện thiện khéo về (kỹ năng) phạm-vi, nhưng không thiện khéo về quyết-tâm ...

(2) ... thiện khéo về quyết-tâm, nhưng không thiện khéo về phạm-vi ...

(3) ... không thiện khéo về phạm-vi, cũng không thiện khéo về quyết-tâm ...

(3) ... vừa thiện khéo về phạm-vi vừa thiện khéo về quyết-tâm trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiện (4) vừa thiện khéo về phạm-vi vừa thiện khéo về quyết-tâm trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiện đó.”

(SN 34:46)

47 — 49 Chu-Đáo tương quan với Phạm-Vi...

[03 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “quyết-tâm” được lần lượt thay bằng 3 chữ “là một người làm chu-đáo trong tu thiên định”, “là một người làm kiên-trì trong tu thiên định”, và “là một người làm điều thích-hợp trong tu thiên định”.]

(SN 47—49)

50 Chu-Đáo tương quan với Quyết Tâm

Ở Sāvattihī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên thiện khéo về (kỹ năng) quyết-tâm, nhưng không phải là một người làm chu-đáo ...

(2) ... là một người làm chu-đáo, nhưng không thiện khéo về quyết-tâm ...

(3) ... không thiện khéo về quyết-tâm, cũng không là một người làm chu-đáo ...

(4) ... vừa thiện khéo về quyết-tâm vừa là một người làm chu-đáo trong tu thiên định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiên (4) vừa thiện khéo về quyết-tâm vừa là một người làm chu-đáo trong tu thiên định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

(SN 34:50)

51 — 52 Chu-Đáo tương quan với Phạm-Vi...

[02 bài kinh này được đúc theo khuôn-mẫu bài kinh kể trên; chỉ có chữ “là một người làm chu-đáo trong tu thiền định” được lần lượt thay bằng 2 chữ “là một người làm kiên-trì trong tu thiền định”, “người làm điều thích-hợp trong tu thiền định”.]

(SN 51—52)

53 *Kiên-Trì tương quan với Chu-Đáo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiền là một người làm chu-đáo, nhưng không phải là một người làm kiên-trì ...

(2) ... là một người làm kiên-trì, nhưng không phải là một người làm chu-đáo ...

(3) ... không phải là một người làm chu-đáo, cũng không phải là một người làm kiên-trì ...

(4) ... vừa là một người làm chu-đáo vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiền định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiền (4) vừa là một người làm chu-đáo vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiền định ... là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiền đó.”

(SN 34:53)

54 *Thích-Hợp tương quan với Chu-Đáo*

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiền này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên là một người làm chu-đáo, nhưng không phải là người làm điều thích-hợp trong tu thiên định.

(2) ... (3) ... (4)... ”

(SN 34:54)

55 Thích-Hợp tương quan với Kiên-Trì

Ở Sāvattthī.

“Này các Tỳ kheo, có bốn loại người thiên này. Bốn đó là gì?

(1) “Ở đây, này các Tỳ kheo, một người thiên là một người làm điều thích-hợp, nhưng không phải là một người làm kiên-trì ...

(2) ... là một người làm kiên-trì, nhưng không phải là một người làm điều thích-hợp ...

(3) ... không phải là một người làm điều thích-hợp, cũng không phải là một người làm kiên-trì ...

(4) ... vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiên định.

“Trong đó, này các Tỳ kheo, người thiên (4) vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

“Này các Tỳ kheo, giống như từ con bò mới có sữa, từ sữa có sữa đông, từ sữa đông có bơ đục, từ bơ đục có bơ trong, và từ bơ trong có váng kem được coi là tốt nhất trong tất cả; cũng tương tự vậy, người thiên vừa là một người làm điều thích-hợp vừa là một người làm kiên-trì trong tu thiên định là hàng đầu, là tốt nhất, là bậc nhất, là cao nhất, là xuất sắc nhất trong bốn loại người thiên đó.”

—HẾT QUYỂN 3—
(QUYỂN NĂM-UÂN)

BẢNG VIẾT TẮT

I. BỘ KINH & CHÚ GIẢI CHÍNH:

Be: *phiên bản Miến Điện của SN*

Ee: *phiên bản tiếng Anh của SN (ấn bản PTS)*

Se: *phiên bản Sinhala (Tích Lan cổ) của SN*

* **SN**= Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Tương Ứng Kinh Bộ)

Spk (Be) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

Spk (Se) = Sāratthappakāsinī: *Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala).*

Spk-pt = Sāratthappakāsinī-purāṇa-ṭīkā: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Miến Điện)*

SS = Sinhala-script: *Tiểu Chú Giải bộ kinh SN (phiên bản Sinhala)*

CDB = Connected Discourses of Buddha: *bản dịch Pāli-Anh SN bởi Tỳ Kheo Bồ-Đề*

SC = trang SuttaCentral: *bản dịch Pāli-Anh của các bộ kinh Nikaya bởi nhà sư Ajahn Sujato.*

► Lưu Ý: trong bản dịch Việt này dựa theo bản dịch của TKBD, các chú giải **Spk** thì mặc nhiên là của phiên bản Miến Điện (**Be**). Chỗ nào ghi **Spk (Be)** và **Spk (Se)** chỉ khi có sự khác nhau về về câu chữ được ghi trong hai phiên bản.

II. NHỮNG KINH SÁCH PĀLI KHÁC:

Abhi = Abhidhamma Pitaka: *Vi Diệu Pháp Tạng*

* **AN** = Aṅguttara Nikāya: *Bộ Kinh Theo Số Tăng* (Tăng Chi Kinh Bộ)

As = Atthasālinī (Dhammasaṅgaṇī-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Dhs*

Dhp = Dhammapada: *tập Kinh Pháp Cú* (thuộc **KN**)

Dhp-a = Dhammapada-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Dhp*

Dhs = Dhammasaṅgaṇī: **Bộ Pháp Tụ** (thuộc **Abhi**)

* **DN** = Dīgha Nikāya: *Bộ Kinh Dài* (Trường Kinh Bộ)

It = Itivuttaka: *tập Kinh Phật Tụ Thuyết* (thuộc **KN**)

It-a = Itivuttaka-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập It*

Ja = Jātaka: *tập kinh Chuyện Tiền Thân Của Đức Phật* (thuộc **KN**)

Khp = Khuddakapāṭha: *tập Kinh Tiểu Tụng* (thuộc **KN**)

* **KN** = Khuddaka Nikaya: *Bộ Kinh Ngắn* (Tiểu Kinh Bộ)

Mil = Milindapanha: *tập kinh Milinda Vấn Đáp* (thuộc **KN**)

* **MN** = Majjhima Nikāya: *Bộ Kinh Vừa* (Trung Kinh Bộ)

Mp = Manorathapūraṇī: *Chú Giải bộ AN*

Nett = Nettippakaraṇa: (thuộc **KN**)

Nidd I = Mahā-niddesa: *tập Đại Diễn Giải* (Đại Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Nidd II = Cūḷa-niddesa: *tập Tiểu Diễn Giải* (Tiểu Nghĩa Tích) (thuộc **KN**)

Paṭis = Paṭisambhidāmagga: *tập Con Đường Phân Biệt* (Vô Ngại Giải Đạo) (thuộc **KN**)

Paṭis-a = Paṭisambhidāmagga-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Paṭis*

Peṭ = Peṭakopadesa: (thuộc **KN**)

Pj II = Paramatthajotikā, Phần II (Suttanipāta-aṭṭhakathā): *Chú Giải tập Sn*

Pp = Puggalapannatti: *bộ Phân Định Cá Nhân* (Nhân Thi Thuyết Luận) (thuộc **Abhi**)

Pp-a = Puggalapannatti-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Pp*

Ps = Pāpāncasūdanī (Majjhima Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ MN*

Pv = Petavatthu: *tập Chuyện Quỷ Đói* (Ngạ Quỷ Sự) (thuộc **KN**)

* **SN** = Saṃyutta Nikāya: *Bộ Kinh Liên Kết* (Trương Ứng Kinh Bộ)

Sn = Suttanipāta: *tập Kinh Tập* (thuộc **KN**)

Sp = Samantapāsādikā (Vinaya-aṭṭhakathā): *Chú Giải Luật Tạng*

Sv = Sumaogalavilāsini (Dīgha Nikāya-aṭṭhakathā): *Chú Giải bộ kinh DN*

Sv-pt = Sumaogalavilāsini-purāṇa-ṭīkā (Dīgha Nikāya-ṭīkā) (Be): *Tiểu Chú Giải bộ kinh DN* (phiên bản Miến Điện)

Th = Theragāthā: *tập kinh Trưởng Lão Thi Kệ* (thuộc **KN**)

Th-a = Theragāthā-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Th*

Thī = Therīgāthā: *tập kinh Trưởng Lão Ni Kệ* (thuộc **KN**)

Thī-a = Therīgāthā-aṭṭhakathā (1998): *Chú Giải tập Thī* (bản 1998)

Ud = Udāna: *tập kinh Phật Đã Nói Như Vậy* (thuộc **KN**)

Ud-a = Udāna-aṭṭhakathā: *Chú Giải tập Ud*

Vibh = Vibhaṅga: *Bộ Phân Tích* (thuộc **Abhi**)

Vibh-a = Vibhaṅga-aṭṭhakathā (Sammohavinodanī): *Chú Giải bộ Vibh*

Vibh-mṭ = Vibhaṅga-mūlaṭīkā (Be): *Tiểu Chú Giải tập Vibh* (phiên bản Miến Điện)

Vin = Vinaya: *Luật Tạng* (Rõ Luật)

Vism = Visuddhimagga: *Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo)

III. NHỮNG BẢN DỊCH CỦA CÁC BỘ KINH, TẬP KINH:

BL= Buddhist Legends: *Những Huyền Thoại Phật Giáo* (của học giả Burlingame)

CMA = A Comprehensive Manual of Abhidhamma: *Cẩm Nang Vi Diệu Pháp* (của Tỳ Kheo Bô-Đề)

EV I = Elders' Verses I: *Trưởng Lão Thi Kệ I* (của Norman)

EV II = Elders' Verses II: *Trưởng Lão Thi Kệ II* (của Norman)

GD = Group of Discourse: *tập Kinh Tập II* (của Norman)

Germ Tr = *Bản dịch SN tiếng Đức* (của Geiger)

KS = Kindred Sayings: *Bản dịch tiếng Anh của SN* (bởi Rhys Davids, Woodward)

LDB = Long Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của DN* (bởi học giả Walshe)

MLDB = Middle Length Discourses of the Buddha: *bản dịch Pāli-Anh của MN* (bởi nhà sư dịch giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

Ppn = Path of Purification: *bản dịch Con Đường Thanh Lọc* (Thanh Tịnh Đạo) [= Vism] bởi nhà sư học giả Tỳ Kheo Nāṇamoli)

SN-Anth = “Saṃyutta Nikāya: An Anthology”: *Tuyển tập các kinh thuộc SN* (của các học giả Ireland, Nāṇananda, Walshe)

IV. CÁC NGUỒN THAM CHIẾU KHÁC:

CPD = Critical Pāli Dictionary: *Tự Điển Pāli Phê Bình* (của Viện Khoa Học & Văn Chương Đan Mạch)

CSCS = A Comprehensive Study of the Chinese Saṃyuktāgama: *Nghiên Cứu Tổng Quát về Tương Ứng A-hàm Hán Tạng* (của Enomoto)

DPPN: *Tự Điển Danh Từ Riêng Pāli* (của Malalasekera)

MW = Monier-Williams' Sanskrit-English Dictionary: *Tự Điển Phạn-Anh* (của Monier-William)

PED = Pāli-English Dictionary: *Tự Điển Pāli-Anh* (của PTS)

V. CÁC CHỮ VIẾT TẮT KHÁC:

BHS = Buddhist Hybrid Sanskrit: *Chữ Lai Phạn trong Phật giáo*

BPS = Buddhist Publication Society: *Hội Ấn Hành Phật Giáo Tích-Lan*

C.Rh.D = C.A.F. Rhys Davids (tiền sĩ học giả dịch giả Rhys Davids)

PTS = Pāli Text Society (Hội Kinh Điển Pāli)

Skt = Sanskrit: tiếng Phạn

VĀT = Vanarata Ānanda Thera: *Trưởng Lão Vanarata Ānanda*

► Lưu Ý: Những số hiệu của các kinh Pāli được so chiếu và trích dẫn trong phần chú thích (của TKBD) là ghi *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**. Còn các số hiệu kinh **DN**, **MN**, và **Ja** kèm theo *số kinh* sau đó là chỉ toàn bộ kinh đó. Các số trang dẫn chiếu tới **Vism** cũng được ghi kèm theo bằng *số chương* và *số đoạn* của **Ppn**. Mặc dù những số hiệu tham chiếu về các luận giảng cũng theo *số quyển* và *số trang* của ấn bản **PTS**, có lúc tôi phải quyết định chọn ghi bằng cách chuyển đổi từ **Be** hay **Ce** thông qua bảng chuyển đổi tương ứng của các giảng luận Pāli của PTS (*Pāli Aṭṭhakathā Correspondence Tables*)

CHÚ THÍCH

¹ (Trong bản dịch Việt tất cả các kinh, chữ “*kính chào*” là chữ **dịch chung**, đồng nghĩa với các chữ: “*lễ chào, đánh lễ, kính lễ, kính lạy, lạy chào, xá chào, hay cúi chào...*” tùy theo mỗi tình huống khác nhau, thường là với hai tay chắp lại đặt lên trán, trên sống mũi, hay trên ngực. Còn nếu có tình huống là “*quỳ lạy*” thì chỗ đó sẽ dịch rõ tư thế “*quỳ lạy*”.)

² [*Nakulapitā* có nghĩa là ‘*cha của Nakula*’, vợ ông là *Nakulamātā* nghĩa là ‘*mẹ của Nakula*’. Phật tuyên bố vợ chồng ông là *đệ nhất về sự tin-tưởng* trong những đệ tử tại gia; (coi thêm kinh **AN 1:157** và chú thích ở đó)] (1)

³ [Đoạn kinh ở đây nêu ra 20 loại quan-điểm có một danh-tính (thân kiến, *sakkāyadiṭṭhi*); 20 cách nhìn là do đặt cái ‘*ta*’ (ngã) theo 04 cách trong liên quan với 05 uẩn cấu thành nên một danh tính ‘*con người*’ [về *danh-tính: sakkāya*; coi thêm kinh **SN 22:105**]. Quan điểm thân-kiến là một trong ba công-cùm cần phải được bứng bỏ trước khi chứng nhập vào dòng thánh đạo (Nhập-lưu).

- **Spk**: Người đó *cứ coi thân-sắc là ‘ta’* (*rūpaṃ attato samanupassati*): bằng cách coi thân-sắc và cái ‘*ta*’ là một, như coi ngọn lửa đèn dầu và màu của nó là một vậy. Người đó *coi cái ‘ta’ là sở hữu thân-sắc* (*rūpavantaṃ attānaṃ*): người đó lấy thứ vô sắc [như tâm hay những yếu tố thuộc tâm] là cái ‘*ta*’ sở hữu thân-sắc, giống như kiểu một cái cây sở hữu bóng cây vậy; *thân-sắc nằm trong cái ‘ta’* (*attani rūpaṃ*): người đó lấy thứ vô sắc [tâm] là cái ‘*ta*’ mà thân-sắc nằm trong đó, kiểu như mùi hương nằm trong một bông hoa vậy; *cái ‘ta’ ở trong thân-sắc* (*rūpasmiṃ attānaṃ*): người đó lấy thứ vô sắc [tâm] là cái ‘*ta*’ nằm trong thân-sắc, kiểu như một viên ngọc nằm trong cái hộp vậy. *Người đó bị ám muội bởi những quan-niệm “Ta là thân-sắc, thân-sắc là của-ta”*: người đó nuốt những ý tưởng đó với dục-vọng và những quan-điểm (tà-kiến), người đó đứng dựa trên chúng, và nắm giữ chấp thủ theo chúng.

- **Spk** ghi rằng việc nhận lấy mỗi uẩn là cái ‘*ta*’ chính là cách-nhìn của tư tưởng tự-hủy-diệt (*ucchedadiṭṭhi*, đoạn kiến), còn những cách-nhìn khác là những biến tấu của tư tưởng bất-diệt (*sassatadiṭṭhi*, thường kiến); như vậy có 05 loại

tư tưởng tự-diệt và 15 loại tư tưởng bất-diệt. Theo tôi [TKBĐ] điều này không thể chấp nhận được, vì những quan-điểm bất-diệt rõ ràng có được bằng cách lấy mỗi uẩn thuộc tâm (cảm-giác, nhận-thức...) là cái ‘ta’. Tôi cũng nghi vấn tại sao phải bắt buộc quan-điểm cái ‘ta’ (thân kiến) là phải lấy một uẩn hay nhiều uẩn làm cái ‘ta’; bởi vì nếu quan-điểm cái ‘ta’ có ý nghĩa hay nội dung gì thì nó chỉ cần có một mối quan hệ giữa một cái ‘ta’ giả định đó và các uẩn mà thôi, chứ nó đâu cần phải nhận lấy uẩn nào là cái ‘ta’. Theo Đức Phật, tất cả những giả định (về thân kiến) như vậy đều sụp đổ khi phân tích ra. Coi thêm phần “*những suy xét về cái ‘ta’*” trong kinh *Đại Duyên (Mahānidāna Sutta)* (**DN II 66–68**) được dịch và giảng luận bởi TKBĐ trong quyển “*Đại Duyên*”, trang **53–55, 92–98.**] (5)

⁴ [Theo luận giảng, bụi cây này được người dân uốn mọc thành vòm che mát như một cái lều để ngồi dưới đó cho khỏi nắng....] (11)

⁵ [Xuất ngoại (*nānāverajjagatam*) ở đây nghĩa là: từ xứ này qua xứ khác, bang này qua bang khác (ngay cả trong cùng một vương quốc).] (12)

⁶ [Mẫu lời kinh này có xuất hiện nhiều chỗ trong bộ kinh SN này, gần giống hay hơi khác nhau chút ít, như trong **SN 12:24, 12:25, 12:26, 22:02, 22:86, 35:81, 42:13, 44:02, và 45:5.**]

⁷ [Chữ “yếu-tố” (*dhatu*, giới) ở đây = “uẩn” (*khandha*): cách dùng này rất hiếm, chỉ có trong một số kinh như kinh này và các kinh **SN 22:45, 53, 54...**] (18)

⁸ [Lưu ý: ở đây không có ‘*yếu-tố thức là nhà của thức*’: để tránh nhầm với nhiều loại thức nghiệp, thức quả trước và sau...; ‘nhà’ ở đây có nghĩa là một ‘điều kiện’ (duyên) của thức.] (19)

⁹ [Lưu ý: ở đây có lại ‘*yếu-tố thức là nhà của thức*’: mục đích để chỉ ‘sự dẹp-bỏ ô-nhiễm’, bởi *sự loại bỏ hết ô-nhiễm* là không chỉ đối với 4 uẩn kia, mà đối với tất cả năm uẩn] (21)

¹⁰ [Sự thân tình và dính líu như vậy với người tại gia được cho là không phù hợp với một Tỷ kheo; coi thêm **SN 9:07** và **SN 35:241.**] (24)

¹¹ [Đoạn này cũng có trong kinh **SN 56:09**, cũng có trong kinh **DN I 8,9–16**, và một số chỗ khác.] (26)

¹² [Chữ gốc là: *paṭisallāna*. **Spk**: Đức Thế Tôn nhìn thấy những Tỳ kheo đó đã rớt khỏi *sự tách-ly về thân* (*kāyaviveka*) nên đã nói với họ như vậy, bởi vì Phật biết sự thiên tập của họ chỉ thành công nếu họ có được *sự tách-ly về thân* (tức sự ăn dật, sự ăn tu, sự tránh giao lưu gặp gỡ hay ở chung).

- (Còn *sự tách-ly về tâm* là sự tách ly khỏi những ý-nghĩ tham, sân, si ...).] (31)

¹³ [Một đoạn gần như giống hệt như vậy có trong kinh **MN 138** (III 227,25–229,9). Trong **MN** ghi các cụm chữ là *anupādā paritassanā* và *anupādāya paritassati* là do lỗi ghi chép từ xa xưa trước cả thời có những luận giảng, nên có những chú giải sai xấu so với nghĩa gốc. Mấy cụm chữ này trong **MN** nên được sửa đúng như trong **SN** này] (32)

¹⁴ [**Spk** giải nghĩa cụm chữ *paritassanā dhammasamuppādā* là một mệnh đề kết hợp cặp đôi đồng đẳng (*dvanda*): *taṇhāparitassanā ca akusaladhammasamuppādā ca* (*sự khích-động của dục-vọng và một đồng/mớ/nhiều trạng thái bất thiện*). Cụm kết hợp dài này cũng có thể được hiểu là một chữ ghép theo nghĩa chính-phụ (*tappurisa*) nên được dịch là (*một đồng/mớ/ nhiều/ những trạng thái của tâm [đã khởi sinh từ, có kết nối với] sự lo-âu*). Cả **Spk** và **Spk-pt** đều hiểu chữ *paritassanā* theo nghĩa của dục-vọng, nhưng đối với tôi (TKBĐ) thì lời kinh nhấn mạnh nghĩa *bhaya-paritassanā* (sự âu-lo do sợ-hãi). Về cách mà chữ *paritassanā* đã mang hai nghĩa, mời coi chú thích ở kinh **SN 12:51** (Quyển 2), chú thích số đuôi (137).] (33)

¹⁵ [Học giả Collins dịch chữ *bhārahāra* là “*sự mang gánh nặng*” vì cho rằng chữ *hāra* ở đây nên được hiểu là một danh từ chỉ hành-động chứ không phải danh từ chỉ tác-nhân (trong phần *Những Người Vô-ngã* (*Selfless Persons*), trang 165). Tuy nhiên, MW liệt kê “*người mang, người khuân vác*” là nghĩa của chữ *hāra*, và nghĩa này có vẻ đúng với ngữ cảnh bài kinh ở đây.] (35)

¹⁶ [**Spk**: Theo nghĩa nào ‘*nắm uẩn bị dính-chấp*’ (nắm thủ uẩn) được gọi là *gánh nặng*? Theo cái nghĩ phải ‘*mang nó*’ để duy trì (sự sống của nó). Để duy trì nó, phải nâng nó lên (đứng), di chuyển nó (đi), đặt nó xuống (ngồi, nằm, nghi), làm vệ sinh cho nó (tắm, rửa), và nuôi dưỡng nó (cho ăn)...—đó là thứ phải được *cuu mang* như vậy; do vậy chúng được gọi là *gánh nặng* theo nghĩa phải được *cuu mang* để duy trì.] (36)

¹⁷ [Những trường phái duy-nhân (*puggalavāda*) chủ trương có sự tồn tại của ‘*cá nhân*’ hay ‘*người*’ (*puggala*) đã lấy đoạn kinh này để làm bằng chứng về sự

tồn tại của ‘cá nhân’ hay ‘người’ như một thực thể thực chất (có tự tính), ‘người’ đó không phải là năm-uẩn cũng không khác năm-uẩn. Họ tuyên bố đó chính là cái ‘người’ (*puggala*) luôn tồn tại qua những thay đổi, qua những tái sinh, và cuối cùng chứng đắc Niết-bàn. Lý lẽ này đã bị bác bỏ bởi những trường phái Phật giáo khác là những người nhìn thấy lý lẽ đó là chỉ một phiên bản nguy trang một cái ngã (*ātman*), là cái ngã được chủ trương bởi những triết lý phi Phật giáo. Để coi thêm những tranh luận, mời đọc quyển “*Những Nhánh Phái Phật Giáo Ở Ấn Độ*” (*Buddhist Sects in India*), trang 184–206, bởi học giả Dutt. Còn những trường phái chính của Phật giáo đều cho một ‘người’ chỉ là cách gọi quy ước (*vohāra*) hay khái niệm (*paññatti*) phát sinh từ (*upādāya*) năm-uẩn, chứ cái ‘người’ đó không phải là một thực-thể thực chất.

- **Spk**: Do vậy, sự diễn tả ‘người mang gánh nặng’ Phật chỉ ra đó chỉ là cái ‘người’ do quy ước (của thế gian đã gọi). Được gọi là cái ‘người’ mang gánh nặng’ vì nó ‘nhận mang’ gánh nặng năm-uẩn ngay lúc tái sinh, duy trì (sự sống của) gánh nặng đó bằng những việc tắm, cho ăn, cho ngồi, cho nằm... suốt tiến trình sự sống, rồi thả bỏ nó lúc chết; chỉ ‘nhận mang’ gánh nặng năm-uẩn khác vào lúc tái sinh.] (37)

¹⁸ [Sự mang gánh nặng (*bhārādāna*). Công thức mô tả này giống hệt với định nghĩa của diệu-đế thứ hai (nguồn-gốc khổ) [coi kinh **56:11** (Quyển 5)]. Cũng giống như vậy, sự đặt xuống gánh nặng (*bhāranikkhepa*) thì giống định nghĩa của diệu-đế thứ ba (sự chấm-dứt khổ).

- **Spk** giải thích: “Tìm kiếm sự khoái-thích chỗ này chỗ nọ (*tatratatrābhinandini*): nghĩa là có thói quen (tập khí, quán tính) tìm kiếm khoái-lạc ở nơi tái sinh hoặc trong đủ loại đối-tượng, chẳng hạn những hình-sắc... Dục-vọng khoái-lạc giác quan (*kāmatanhā*) là nhục-dục muốn có được năm dây khoái-lạc giác quan. Dục-vọng muốn được hiện-hữu (*bhavatanhā*) là tham muốn được (tái sinh trong) cõi sắc-giới và cõi vô-sắc giới (muốn được tái sinh lên cõi trời), đó là sự dính tham các tầng thiên định, và dục-vọng muốn bị hủy-diệt (*vibhavatanhā*) là mong muốn bị diệt vong.”

- Cách giải thích 2 loại dục-vọng sau dường như hơi hẹp nghĩa. Đúng hơn là, dục-vọng muốn được hiện-hữu được hiểu là tham muốn được tiếp tục hiện hữu (bất kể vì quan-điểm nào); dục-vọng muốn bị hủy-diệt là mong muốn kết thúc hoàn toàn sự hiện-hữu (không nhất thiết đây là một quan-điểm) để kết thúc cái ‘Ta’ người đó cho là có thực.] (38)

¹⁹ [**Spk**: tất cả những ‘sự’ này đều là những cách để chỉ Niết-bàn. Vì nó (niết-bàn) là phụ thuộc vào điều này (*taṃ hi āgamma*) đó là dục-vọng phai biến sạch sẽ, chấm dứt, được buông bỏ, được từ bỏ, và được tự do khỏi nó (dục-vọng); và ở đây không còn sự lệ thuộc vào những những khoái-lạc giác quan (nhục dục) hay những cách-nhìn này nọ (kiến chấp). Vì lý do đó nên Niết-bàn được gọi với những ‘sự’ như vậy.] (39)

²⁰ (*Bạc Phúc Lành* là dịch chữ Pali “*sugata*” theo một cách của thầy TKBD; nghĩa đen của chữ này là “*đi qua (bờ giải thoát) một cách thiện khéo*”, hay “*đã đi tới trạng thái thiện lành*”) nên còn được dịch (HV) là *bạc Thiện Thệ* (thiện: thiện khéo, thệ: đi qua.)

²¹ [**Spk**: Gốc rễ của dục-vọng là vô-minh. Người tu bừng nhỏ dục-vọng cùng với gốc rễ vô-minh ở chặng thánh đạo A-la-hán. (Con đói thèm, con khát, hay sự thèm khát đều là những chữ chỉ dục-vọng).] (40)

²² [Cách giải thích về *sự hoàn-toàn hiểu (pariññā)* theo những *sự tiêu-diệt tham-dục (rāgakkhaya)* ... ban đầu nghe có vẻ hơi khó hiểu, nhưng coi kinh **MN I 66–67**, trong đó chữ *pariññā* đã được dùng như một từ đồng nghĩa mô phỏng của chữ *pahāna*. **Spk** đặc tả chữ *pariññā* ở đây là *accantapariññā (sự dẹp-bỏ tột cùng)*, chữ này lại được giải nghĩa là *samatikkama (sự vượt trên, sự siêu thoát)*, và nhận định đó là Niết-bàn. Rõ ràng chữ ghép *accantapariññā* là khác biệt so với cách dùng thông thường của chữ *pariññā*, để thấy điều đó mời coi chú thích kế tiếp] (41)

²³ [Các chữ *anabhijānam* ... là những phân từ hiện tại, được giải nghĩa lần lượt là *anabhijā nanto* ... **Spk**: bằng *sự “trực-tiếp biết” (abhijānam)* chỉ ra *sự hoàn-toàn hiểu điều đã biết (ñātapariññā)*; bằng *sự “hoàn-toàn hiểu” (parijānam)* chỉ ra *sự hoàn-toàn hiểu nhờ xem xét kỹ (tīraṇapariññā)*; bằng *sự “trở nên chán-bỏ”* và *sự “dẹp-bỏ”* chỉ ra *sự hoàn-toàn hiểu là sự dẹp-bỏ (pahānapariññā)*. Về 03 loại *sự hoàn-toàn hiểu* này, mời coi thêm chú thích số đuôi (36) trong Quyển 1 của **SN**.

- Trong kinh này, sự khác biệt giữa chữ *abhijānāti (trực-tiếp biết, liễu tri)* và *parijānāti (hoàn-toàn hiểu, thắng tri)* được nhìn thấy rõ rệt hơn trong các giảng luận. Trong các kinh, chữ *abhijānāti* và những chữ đồng loại phái sinh của nó biểu thị ‘*sự trực-tiếp biết về những hiện-tượng theo đúng khuôn mẫu của Bốn Diệu Đế*’. Sự-biết này đều có trong những bậc học-nhân và A-la-hán. Nhưng ngược lại, chữ *parijānāti* (và những đồng loại phái sinh của nó) thì thường chỉ

được dùng liên quan với bậc A-la-hán, và nó biểu nghĩa cho đỉnh-cao của trí-biết được phát khởi bằng trí *abhiñānāti* (thắng trí). Lấy ví dụ kinh *Mūlapariyāya Sutta* (MN I 4,7–34) nhấn mạnh rằng bậc học-nhân “*đã trực-tiếp biết*” (*abhiññāya*) từng mỗi của 20 cơ-sở nhận biết, nhưng họ vẫn còn tu tập thêm *để hoàn-toàn hiểu chúng* (*pariññeyyaṃ tassa*). Chỉ có bậc A-la-hán là được cho là “*đã hoàn-toàn hiểu chúng*” (*pariññātaṃ tassa*).] (42)

²⁴ [Ba bài kinh kế tiếp được ghi theo mẫu kinh của các kinh SN 14:31–33. Ngay dưới đây, các kinh SN 22:29–30 là tương ứng với các kinh SN 14:35–36. Spk giải thích ba bài kinh trước là nói về Bốn Diệu Đế; hai kinh sau đó là nói về vòng luân hồi và sự chấm dứt luân hồi. Phiên bản song hành với kinh SN 14:34 đã được gắn vào trong kinh SN 22:60.] (43)

²⁵ (Tức là, sự sống trong sự hiện-hữu này là sống trong những rào-cản, đó là: (i) rào cản là những ô-nhiễm và (ii) rào cản là vòng luân-hồi.)

²⁶ [*Sự thống-khổ* là tạm dịch chữ *agha*. Spk nói chữ này là đồng nghĩa *dukkha* (sự khổ, khổ đau).] (44)

²⁷ [Chữ *pabhaṅga* được giải nghĩa là *pabhijjanasabhāva* (phải bị tan rã). Spk: Đây là chỉ đặc tính của vô-thường.] (45)

²⁸ [Đoạn song hành tương tự trong kinh MN I 140,33–141,19 có thêm chữ *dīgharattaṃ* (trong một thời gian dài, đã lâu); Kinh song hành SN 35:101 (Quyển 4) cũng bỏ đi chữ này. Spk nói rằng sắc uẩn và những uẩn khác được dẹp bỏ bằng cách dẹp bỏ tham và sân; điều này cũng được xác bởi kinh SN 22:25 and 22:111 (Quyển 3).] (46)

²⁹ [Nguyên văn câu này: *Yaṃ kho bhikkhu anuseti tena saṅkhaṃ gacchati*. Động từ *anuseti* (có khuynh hướng, có tiềm tàng) hàm chỉ những khuynh-hướng tiềm-ẩn (*anusaya*, tùy miên), gồm 07 loại [coi kinh 45:175 (Quyển 5)], hoặc, nói cho gọn đó 03 khuynh-hướng tiềm-ẩn *tham, sân, si* [coi kinh 36:03 (Quyển 4)]. Spk: Nếu người có một khuynh-hướng tiềm-ẩn đối với thân-sắc thể hiện bằng cách nhục-dục ... thì người đó được ‘*được coi, được quy theo*’ tính chất của khuynh-hướng tiềm-ẩn đó như *tham dục* ... Nhưng khi khuynh-hướng tiềm-ẩn đó không có, người đó ‘*được quy theo*’ là *không tham dục* ...] (47)

³⁰ (*Sự biến-đổi của chúng khi đang tồn tại* (đang trụ, đang có mặt) = *sự biến-đổi liên tục của mọi sự mọi thứ* (mọi pháp hữu-vi), bởi vì mọi sự mọi thứ đều ‘tồn tại’ dưới dạng “đang biến đổi”, cho nên có thể hiểu đó là sự biến-đổi khi nó đang hiện hành (đang có mặt, đang tồn tại, đang trụ). Tức sự hiện hành hay tồn tại của nó là dựa trên sự biến-đổi; hay nói cách khác, sự hiện hành của nó chính là sự biến-đổi liên tục. Vì không có một sự nào, thể nào, hay pháp nào tồn tại dưới dạng ‘thường trụ bất biến’ cả.)

³¹ [*Sự khởi-sinh, sự biến-mất, sự biến-đổi* (*uppāda, vaya, thitassa aññathattaṃ*). Trong kinh **AN** (?) chúng được gọi là ba đặc tính hữu-vi (có điều-kiện, do điều kiện) của những thứ hữu-vi (*tṭhi saṅkhatassa saṅkhatalakkhaṇāni*). Những giảng luận nhận dạng đây là 03 tiểu khoảng-khắc (sát-na) trong khoảng-khắc sống của một pháp (*dhamma*) đó là: khởi sinh (*uppāda*), có mặt hay trụ (*thiti*), và tan rã (*bhaṅga*). [Đọc thêm vấn đề này ở **CMA 4:6**]. **Spk** giải thích cụm chữ *thitassa aññathatta* là sự già-đi (hay tàn hoại) của một danh-thể đang tồn tại sống (*dharamānassa jīvamānassa jarā*), đó là, sự già-đi của các căn mạng sống. Nhà luận giải cũng đề cập ý kiến của những sư thầy rằng: không thể nào xác định một khoảng-khắc tàn-hoại (sát-na hoại) trong trường hợp những hiện-tượng (như cảm-giác ...). [**Spk-pt** nói thêm: do tính ‘biến-nhanh cực kỳ’ của khoảng-khắc đó, nên sự tàn-hoại cũng nhanh chóng bị choáng chỗ bởi sự tan-rã (nên không thể kịp nhận biết)], nhưng ông đã bác bỏ quan-điểm này dựa trên cơ sở chính bài kinh. **Spk-pt** đưa ra một luận điểm hợp lý cho tiểu khoảng-khắc có-mặt (sát-na trụ): “Như một giai-đoạn tan-rã khác biệt với giai-đoạn khởi-sinh đã được công nhận, vì nếu không là một danh-thể tan-rã (diệt) ngay lúc khởi-sinh, do vậy chúng ta phải công nhận rằng, khác với giai-đoạn tan-rã (sát-na diệt), có một giai-đoạn một danh-thể ‘đối đầu với sự tan-rã của chính nó’ (*bhaṅgābhimukhāvattā*); bởi vì một thứ không thể tan-rã nếu nó không đối đầu với sự tan-rã của chính nó.”.] (50)

³² [Những lời kinh này là giống hệt trong lời chỉ thị cuối cùng nổi tiếng của Phật được nói cho Ngài Ānanda trong kinh *Đại Bát Niết-bàn* (*Mahāparinibbāna Sutta*, **DN II 100,20–22**), và cũng có ghi trong các kinh **SN 47:09, 13, 14** (Quyển 5).] (53)

³³ [Câu này có lẽ ghi như trong **Se** là đúng nhất: *yoni yeva upaparikkhitabbā*. **Be** ghi bỏ chữ *yeva* và **Ee** ghi chữ *yoni* như một danh từ giống đực. **Spk** giải nghĩa chữ *yoni* là *kāraṇa* (nguyên nhân) và đề cập tới kinh **MN III 142,23–24** ghi là: *yoni h’ esā Bhūmija phalassa adhigamāya* (*Này Bhūmija, vì điều này*

là căn-bản đối với sự thành tựu quả). Mời coi thêm kinh **SN 35:239** (Quyển 4). **Spk-pt** thì đưa ra nguyên từ học là: *yavati etasmā phalaṃ pasavatī ti yoni*.

Ở kinh **SN 22:95** bên dưới chúng ta lại thấy cụm chữ *yoniso upaparikkhati* (điều tra một cách kỹ càng, như lý trạch pháp) và điều đó hoàn toàn có khả năng rằng chữ *yoniso* là chữ ghi nguyên gốc nguyên thủy của lời kinh.] (54)

³⁴ [TKBĐ: “về phương diện đó” tức là chỉ về phần đó, nghĩa là: hết-dục về phần thân-sắc. Trạng thái hết-dục này có thể gần như Niết-bàn, nhưng vẫn chưa hẳn đồng nghĩa với ‘Niết-bàn’, tức chưa thể đồng nghĩa là ‘người đó đã niết-bàn về phương diện đó’.] (56)

³⁵ [**Spk**: “nhìn thấy bằng trí-tuệ chánh đúng” (*sammappaññāya*) là trí-tuệ của phần thánh đạo cộng với minh-sát tuệ. Tâm trở nên chán-bỏ (*virajjati*) trong thời thánh đạo, và được giải-thoát (*vimuccati*) trong thời thánh quả.] (58)

³⁶ [**Spk**: Nó ổn định (*thitam*) bởi vì không còn phải làm gì nữa; và hài lòng (*santussitam*) bởi vì những gì cần chứng ngộ đã được chứng ngộ.] (18)

³⁷ [Hai thứ “những quan-điểm này nọ liên quan tới quá khứ” (*pubbāntānudiṭṭhiyo*) và “những quan-điểm này nọ liên quan tới tương lai” (*aparāntānudiṭṭhiyo*) đã được đề cập rõ ràng trong kinh dài **DN 1** (kinh *Lưới Trời, Phạm Võng*) trong đó mô tả 62 quan-điểm nổi tiếng do suy đoán, gồm 18 cái về quá khứ và 44 cái về tương lai. **Spk** xác nhận điều này, và cũng giải thích chỗ này nói về thánh đạo Nhập-lưu [**Spk-pt**: bằng cách chỉ ra sự dẹp-bỏ những quan-điểm này nọ (tà kiến)]. Đoạn tiếp theo chỉ ra ba thánh đạo và thánh quả cao hơn; hay, nói cách khác, đoạn đầu chỉ ra sự dẹp-bỏ những tà-kiến chri bằng sự minh-sát, đoạn tiếp theo chỉ ra 04 thánh đạo đi cùng với minh-sát. Còn chữ “sự dấn-chấp hay chấp-thủ dai dẳng”, **Se** ghi *thāmasā parāmāso* có vẻ tốt hơn **Be** ghi là *thāmaso parāmāso* và **Ee** ghi là *thāmaso parāmāso*. **Spk** giải nghĩa chữ “sự dấn-chấp dai dẳng” là sự dai dẳng (cứng đầu, khó buông, khó trị) của những tà-kiến (*diṭṭhithāmaso*).] (60)

³⁸ [Tôi coi câu nói ngắn này là mô tả tiến trình tái-sinh xảy ra dựa trên sự có-mặt của sự si về một cái ‘ta’ cá thể. Chữ *góc-gác* (*avakkanti*)—của thức, của phần danh-sắc—là chỉ sự khởi đầu của một sự hiện-hữu mới [như trong kinh **SN 12:39, 58, 59**]. **Spk**: Khi còn nhóm các ô-nhiễm này thì còn sự tạo ra năm giác-quan do tác động (duyên) bởi những ô-nhiễm và nghiệp.] (62)

³⁹ [Tôi dịch cả đoạn này như một sự chứng tỏ về cách ‘*giai đoạn hiện-hữu do nghiệp chủ động*’ bắt đầu thông qua sự tái-phát sự nhìn nhận theo cái ý niệm ‘*ta-là*’ và những quan-điểm do suy đoán về cái ‘*ta*’ (ngã).]

- **Spk** nhận dạng chữ *tâm* (*mano*) ở đây là tâm-do-nghiệp (*kammamano*) và những hiện-tượng thuộc tâm (*dhammā*, các tâm pháp) là những đối-tượng của nó; hoặc *tâm* ở đây là *bhavaṅga* và thức theo đó. Sự tiếp-xúc (còn) vô-minh (*avijjāsamphassa*) là sự tiếp-xúc cùng có/ đi kèm với sự vô-minh (*avijjāsampayuttaphassa*). Sự vô-minh là điều-kiện nền tảng nhất nằm bên dưới tiến trình này, và khi nó được kích hoạt bởi cảm-giác thì nó khởi lên một ý niệm ‘*ta-là*’ [là sự thể hiện của dục-vọng và sự tự-ta (ngã mạn)]. Cái ý tưởng “*Ta là này*” khởi sinh tiếp theo đó, khi cái ‘*ta*’ trống rỗng đó được đưa vào nội dung bằng cách bị nhận lầm là một uẩn này hay uẩn nọ. Rốt cuộc, những quan-điểm ‘*bất-diệt*’ và quan-điểm ‘*diệt-vong*’ đều đã khởi sinh khi có một cái ‘*ta*’ do tưởng tượng được cho là sẽ ‘*sống hoài*’ truyền kiếp (bất diệt) hay sẽ ‘*bị tận diệt*’ (diệt vong) khi chết. Do vậy đoạn này trình bày cho chúng ta một phiên bản khác của ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’, trong đó “*cách nhìn nhận các thứ*” và ý niệm về cái ‘*ta-là*’ là thuộc về phía nhân chủ động của sự hiện-hữu quá khứ; *năm căn* là phía quả của sự hiện-hữu hiện tại; và sự tái phát ý niệm về cái ‘*ta-là*’ đối với phía nhân của sự hiện-hữu hiện tại. Đến lượt cái này lại tạo ra sự tái hiện-hữu trong tương lai.] (63)

⁴⁰ [Đây là ba dạng của sự ‘*tự-ta*’ (ngã mạn).] (66)

⁴¹ [**Spk**: sự tiêu diệt tương hỗ khoái-lạc (*nandi*) và nhục-dục (*rāga*) được nói như vậy để hàm chỉ rằng không có sự khác biệt giữa chúng. Hoặc, nói cách khác, một người đẹp bỏ khoái-lạc bằng cách trải nghiệm sự chán-bỏ (*nibbidānupassanā*); một người đẹp bỏ nhục-dục bằng cách trở nên không còn mê-thích thông qua sự thiền quán về sự chán-bỏ (*virāgānupassanā*). Đến mức độ này là, sau khi đã thiết lập sự minh-sát, [**Spk-pt** nói: bằng cụm chữ “*sự tiêu diệt khoái-lạc nên có sự tiêu diệt nhục-dục*” nó hoàn thành chức năng của minh-sát], bằng cụm chữ “*với sự tiêu diệt nhục-dục nên có sự tiêu diệt khoái-lạc*” Phật đã chỉ ra *con đường đạo* (cái lý tu); và bằng cụm chữ “*với sự tiêu diệt khoái-lạc và nhục-dục, tâm được giải-thoát*” Phật chỉ ra thánh quả (kết quả của lý tu đó).] (68)

⁴² [Tôi đọc theo **Be** và **Se** là *upayo*, khác với **Ee** ghi là *upāyo*. Ở đây có vẻ danh từ đang được dùng như một hiện tại phân từ ảo (mô phỏng). **Spk**: còn *dính lúu*:

người đó đã tiếp cận (*upagato*) năm-uẩn theo cách của dục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm này nọ (ái, ngã mạn, tà kiến.)] (69)

⁴³ [**Be** và **Ee** bỏ mất mấy câu trong ngoặc [...] về cảm-giác và nhận-thức. Kinh này và kinh kế tiếp có thể so sánh với kinh **SN 12:38–40, 12:64, và 22:3.**] (70)

⁴⁴ [Bị cắt bỏ bởi vì/thông qua sự thiếu-mất khả năng kết tủa nên sự tái-sinh.] (71)

⁴⁵ [**Be, Se** ghi là: *Anabhisankhacca vimuttaṃ*; **Ee** ghi là : *anabhisankhāraṅca vimuttaṃ*. *Thức không tạo phát* là thức không tạo ra những sự tạo-tác cố-ý (các hành, *saṅkhāra*). **Spk** nói nó được ‘giải-thoát’ vì nó không tạo ra sự tái-sinh.] (72)

⁴⁶ [**Spk**: năm loại *mām-giống* (*bīja*) thực ra là năm phương tiện truyền phát, truyền bá. **Spk** dẫn ra năm loại từ **Vin IV, 35.**] (73)

⁴⁷ (Bốn *trạm-trú của thức* là tạm dịch chữ *viññāṇaṭṭhitiyo*. Mời quý vị coi, đối chiếu với nghĩa của chữ này trong kinh **AN 7:44** và chú thích của nó, trong đó chữ *những trạm-trú* hàm nghĩa chỉ những ‘*cánh giới của thức*’.)

⁴⁸ [Coi thêm ví dụ hạt giống trong kinh thi kệ **SN 05:09** (Quyển 1).] (74)

⁴⁹ (Coi chú thích thứ hai, số đuôi (71), của kinh kế trên về câu này.)

⁵⁰ [**Spk** chú giải như vậy: Đức Thế Tôn đã tự thốt ra những lời này do đang được phát khởi niềm hoan-hỷ mạnh mẽ cao độ trong khi quán chiếu về ‘tính giải-thoát’ (*niyyānikabhāva*) của Giáo Pháp.

- Năm gông-cùm thấp hơn (*pañc’ orambhāgiyāni samyojanāni*) là gồm: tham, sân, cách-nhìn có danh-tính (thân kiến), sự nghi-ngờ, và sự dính-chấp các giới-cấm, nghi lễ cúng bái, và thệ nguyện (*sīlabbatupādāna*, giới cấm thủ).

- Ở đây tôi dịch nguyên chữ nghĩa của luận giảng **Spk**, dịch những câu bỏ đề theo ý chú giải của nó, như vậy: “*Nếu ta đã không là vậy, thì nó đã không là vậy đối với ta*: (nghĩa là) *Nếu ta đã không là vậy (sace ahaṃ na bhaveyyam), thì cũng đã không có những thứ của-ta như vậy (mama parikkhāro)*. Hoặc cách khác: Nếu trong quá khứ không không có sự tạo nghiệp (*kammābhi-saṅkhāro*, sự tạo-tác thành nghiệp), thì giờ (quả đối với ta) là năm-uẩn này. *Ta sẽ không là vậy, (và) điều đó (nghiệp quả) sẽ không là vậy đối với ta*: (nghĩa là) Giờ ta

sẽ phán đầu để cho sẽ không có sự tạo nghiệp nào của ta sinh ra năm-uẩn trong tương lai; khi (năm-uẩn) không có, thì sẽ không có sự tái-sinh đối với ta.”

- Ở đây tôi dịch nguyên chữ nghĩa của luận giảng **Spk** như vậy: “*Nếu ta đã không là vậy, thì nó đã không là vậy đối với ta: (nghĩa là) Nếu ta đã không là vậy (sace aham na bhavessam), thì cũng đã không có những thứ của-ta như vậy (mama parikkhāro). Hoặc cách khác: Nếu trong quá khứ không không có sự tạo nghiệp (kammābhi-saṅkhāro, sự tạo-tác thành nghiệp), thì giờ đã không có (quả đối với ta) là năm-uẩn này. Ta sẽ không là vậy, (và) điều đó (nghiệp quả) sẽ không là vậy đối với ta: (nghĩa là) Giờ ta sẽ phán đầu để cho sẽ không có sự tạo nghiệp nào của ta sinh ra năm-uẩn trong tương lai; khi (năm-uẩn) không có, thì sẽ không có sự tái-sinh đối với ta.*”

- Dựa trên cơ sở (đã so chiếu về chữ nghĩa và ý nghĩa...), tôi muốn diễn dịch ý nghĩa của những câu đó như sau: “Năm-uẩn có thể bị kết thúc, và thế giới được hiện diện bởi chúng có thể được kết thúc. Tôi sẽ phán đầu để cho năm-uẩn sẽ được kết thúc, (và) để cho thế giới được bày hiện bởi chúng sẽ được kết thúc.” Nói theo cách khác, chữ “nó” thứ nhất có thể coi là chỉ dục-vọng, và chữ “nó” thứ hai là chỉ năm-uẩn đã khởi sinh vì dục-vọng. Hơn nữa, điều khoản thêm vào “*cái hiện hữu, cái đã ắt sẽ xảy đến*” là hàm chỉ cái sự kết hợp năm-uẩn hiện đang hiện hữu, nó đang được dẹp bỏ thông qua sự dẹp bỏ nguyên-nhân làm tiếp tục tái-hiện của chúng, đó là dục-vọng (dục-vọng chính là nguyên nhân tạo ra sự tái-hiện của cái năm-uẩn này)....

Cách tôi hiểu đoạn kinh lời kinh như vậy là nhờ phần lớn sự thảo luận với VĀT và Tỷ kheo Nāṇatusita. Tôi cũng biết ơn Peter Skilling vì đã gửi thông tin về giảng luận **Skt** và phiên bản Tây Tạng của những câu bồ đề này.] (75)

⁵¹ [*Thân-sắc là sẽ bị hủy diệt (Rūpaṃ vibhavissati) ... vân vân. Spk* giải nghĩa là: *rūpaṃ bhijjissati* (thân-sắc sẽ tan rã) và **Spk-pt** giải nghĩa là: *rūpaṃ vinasissati* (thân-sắc sẽ diệt vong). Những luận sư dường như đã hiểu chữ “*sự hủy diệt, sự diệt sạch*” ở đây là sự chấm-dứt không ngừng trong từng khoảng-khắc (sát-na) của các uẩn, nhưng tôi tin rằng động từ ở đây chỉ sự chấm-dứt cuối cùng của các uẩn bằng sự chứng đắc trạng thái *anupādisesanibbānadhātu*. Nghĩa này sẽ hợp hơn với câu thán mở đầu, và cũng được ủng hộ bởi Trường Lão Kệ **Th 715cd**: *saṅkhārā vibhavissanti, tattha kā paridevanā* ((chỉ) những sự tạo-tác sẽ bị hủy diệt ...).] (76)

⁵² [Ở đây “*sự tiêu diệt ô-nhiễm*” là đã chỉ thánh quả A-la-hán, nên dường như vị Tỷ kheo này đang hỏi ‘liệu một người tu có thể chứng ngộ thánh quả A-la-hán trực tiếp, mà không cần phải qua giai đoạn Bất-lai?’.

- **Spk** giải thích rằng: có hai loại *sự chứng ngộ lập-tức (anantara)*, đó là loại ‘kế cận’ và loại ‘xa’. Minh-sát tuệ là nguyên nhân lập-tức *kế cận* đối với thánh-đạo [bởi thánh đạo siêu thế khởi sinh khi tuệ minh-sát đã đạt tới đỉnh điểm của nó], và là nguyên nhân lập-tức *từ xa* đối với thánh-quả [bởi thánh quả trực tiếp theo sau thánh đạo]. Do vậy, Tỷ kheo này đã hỏi theo nghĩa là: “*Theo cách nào một người biết và thấy, bằng tuệ minh-sát là nguyên nhân lập-tức, để chứng ngộ thánh quả A-la-hán được gọi là ‘sự tiêu diệt ô-nhiễm’ [?].*” (78)

⁵³ (Coi chú thích (71) của kinh **SN 22:53** ở trên về câu này.)

⁵⁴ (Coi chú thích (72) của kinh **SN 22:53** ở trên về câu này.)

⁵⁵ [“*Catuparivaṭṭa*” nghĩa gốc là: bốn lượt, bốn phiên chuyển, bốn vòng quay; tức ứng dụng *Bốn Diệu Đế* cho mỗi uẩn.] (80)

⁵⁶ [Đoạn (a) này là chỉ bậc học-nhân (*sekha*), là người đã trực tiếp biết Bốn Diệu Đế và đang tu tập để chứng ngộ Niết-bàn—đó là sự chấm-dứt tội cùng của năm-uẩn. Vì lý do này những bậc học-nhân được cho là “*đã đạt có-được chỗ-đứng (gādhanti) trong Giáo Pháp và Giới-luật này*”, chứ chưa phải là những bậc toàn-vẹn đã hoàn thành mục tiêu A-la-hán (chú thích kế dưới).] (82)

⁵⁷ [Đoạn (b) này mô tả những bậc vô-học nhân (*asekha*), tức những A-la-hán. **Spk** giải thích: Họ đã *khéo được giải-thoát (suvimuttā)* bằng sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán; *những người toàn-vẹn (kevalino)* là họ đã hoàn thành, đã làm hết toàn bộ những bỗn phận (tu) của mình. *Không có vòng luân-hồi nào để mô tả họ (vaṭṭam tesam natthi paññāpanāya)*: là không còn vòng luân-hồi nào nữa [không còn tái hữu, tái sinh] để mô tả về họ. Nói cách khác, “vòng luân hồi” có nghĩa là cơ sở (*kāraṇa*), vậy là không có cơ sở nào để mô tả. Chỗ này là chỉ cảnh giới của bậc vô-học nhân (*asekha-bhūmi*, tức A-la-hán).

Về “*người toàn-vẹn*” mời coi thêm chú thích số đuôi (446) trong *Quyển 1*. Về ý nghĩa “*A-la-hán là vượt trên sự mô-tả hay vượt khỏi sự quy-tính*”, mời coi lại kinh **22:35** ở trên và chú thích số đuôi (47) của nó. Lời diễn đạt *vaṭṭam tesam natthi paññāpanāya* cũng có ghi trong kinh **SN 44:6** (Quyển 4); coi thêm

kinh dài **DN II 63,30–64,1**. Cụm chữ này cũng có thể được dịch là “*Không còn vòng luân hồi cho sự hiện-thị (hiện thân, thể hiện) của họ*”.] (83)

⁵⁸ [*Cha cetanākāyā*. Ở đây chữ “*sự cố-ý*” (tư) đã được dùng để gọi những sự tạo-tác cố-ý (hành)!. Ở đây sự khác nhau giữa tên của uẩn này [tức những sự tạo-tác cố-ý; tức hành-uẩn (*saṅkhāra-kkhandha*)] và thuật ngữ “*sự cố-ý*” (tư; *cetanā*). Sự cố-ý đã được dùng trong định nghĩa về hành-uẩn; điều đó cho thấy uẩn này (hành-uẩn) có tầm (phạm vi) rộng lớn hơn 04 uẩn kia. Trong phần Giáo Pháp Cao Học (Vi Diệu Pháp Tạng) và trong các luận giảng thì hành-uẩn được coi là một “*phạm vi bao trùm*” cho việc phân loại tất cả những yếu-tố thuộc tâm trong các bài kinh, trừ cảm-giác (thọ) và nhận-thức (tuồng). Sự cố-ý (tư) đã được nói ra trong định nghĩa này bởi vì nó là yếu-tố quan trọng nhất của uẩn này theo định nghĩa này, chứ không phải vì đó là một thành phần riêng biệt của uẩn này.] (85)

⁵⁹ [Thật ý nghĩa chỗ này là: trong khi sự tiếp-xúc là điều-kiện (duyên) kế cận sinh ra cảm-giác, nhận-thức, và những sự tạo-tác cố-ý thì chỉ một mình phần danh-sắc là điều-kiện kế cận sinh ra thức. Điều này đã gói gọn thành một ý, như đã được ghi trong kinh **22:03** ở trên, rằng bốn uẩn kia là “nhà” của thức. Coi thêm sự liên kết này trong kinh **12:65** và **12:67**.] (86)

⁶⁰ [*Người điều tra theo ba cách (tividhūpaparikkhī)*. Theo ba cách có thể được hiểu là theo cách của những yếu-tố (giới) như đã được trình bày trong chương **SN 14** (*Liên-kết Các Yếu-Tố, Dhātu-saṃyutta*), theo cách của sáu cơ-sở cảm nhận (xú) như được nói trong chương **SN 35** (*Liên-kết Sáu Cơ Sở Cảm Nhận, Saḷāyatana-saṃyutta*), và theo cách ‘sự khởi sinh tùy thuộc’ (lý duyên-khởi) như được nói trong chương **SN 12** (*Liên-kết Nhân Duyên, Nidāna-saṃyutta*).

Coi thêm kinh **MN 115**, trong đó kỹ năng về những yếu-tố (giới), những cơ-sở cảm-nhận (xú), và ‘sự khởi-sinh tùy thuộc’ (lý duyên khởi) được giảng giải một cách chi tiết, tăng cường thêm kỹ năng biết về điều có-thể và điều không-thể.] (88)

⁶¹ [TKBĐ: Ở đây, chữ ‘*người được giải thoát nhờ trí-tuệ*’ ở cuối câu này có lẽ là nghĩa chung để chỉ tất cả các A-la-hán chứ không phải để phân biệt với những A-la-hán được giải thoát bằng ‘*sự giải-thoát của-tâm*’ hay ‘*sự giải-thoát về cả hai phương diện*’ (giải-thoát của tâm sạch-nhiễm và sự giải-thoát nhờ trí-

tuệ). Không như kinh **MN I 477–778** thì giảng giải về sự khác-biệt của ba loại giải-thoát đó. Coi thêm chú thích kinh **SN 12:58.**] (89)

⁶² [“*Đặc tính vô-ngã*” (vô-ngã tướng) là tên *bài thuyết giảng thứ hai* Phật đã khai giảng (cho nhóm năm người bạn tu khổ hạnh với Phật trước đó, có ngài Kiều-trần-như), theo ghi chép trong luận giảng **Vin I 13–14** về sự nghiệp truyền dạy Giáo Pháp của Phật. Năm vị Tỳ kheo đó là năm người đệ tử xuất gia đầu tiên của Đức Phật, những người đó lúc đó vẫn còn là những người đang tu học, tức còn là học-nhân (sekha). Đức Phật đã giảng bài kinh này để dẫn họ đạt tới sự giác ngộ thánh quả A-la-hán.] (90)

⁶³ [Trong kinh “*Kết Quả Của Đời Sống Tu Sĩ*” (*Sāmaññaphala Sutta*, Sa-môn Quả) thì quan-điểm “*phi nhân duyên*” (*ahetukavāda*) này được gán cho vị thầy của Kỳ-na giáo là Makkhali Gosāla [**DN I 53**]. Cũng trong kinh trên, giáo lý về sự “*phi nghiệp quả*” (*akiriyavāda*) được cho là của Pūraṇa Kassapa; [**DN I 52–53**], [kinh **SN 24:06** cũng có nói nhưng không nói là của ai]. Còn trong kinh **SN 46:56** thì một giáo lý “*phi nhân duyên*” khác cũng được cho là của Pūraṇa Kassapa.] (92)

⁶⁴ [Coi thêm kinh **SN 14:34.**] (93)

⁶⁵ [Kinh này như một phiên bản ‘rút gọn’ của bài *Kinh Lửa nổi tiếng* (**SN 35:28**) dùng ẩn dụ ‘bóc cháy’ đối với mười hai cơ-sở cảm-nhận bên trong và bên ngoài (sáu giác-quan và sáu đối-tượng giác quan). Có lẽ kinh **SN 22:61** này đã được soạn ra từ khuôn của *Kinh Lửa* đó rồi thay vào bằng năm-uẩn, và rồi ‘nén’ thật ngắn lại để làm cho nó không giống hay ngang bằng bài *Kinh Lửa* rất nổi tiếng kia, bài thuyết giảng thứ ba của Đức Phật.] (94)

⁶⁶ [**Spk**: ở đây cả ba đều đồng nghĩa; bản thân chữ nghĩa hay ngôn ngữ là đường lối, vì nó là phương tiện để giao tiếp, biểu nghĩa.] (95)

⁶⁷ [**Spk** giải thích chữ *ukkalā* là người xứ Ukkala [còn được gọi là Okkala, theo **CPD** thì xứ này là xứ Orissa ngày nay]. **Spk** ghép tên của hai người này thành tên như một cặp-đôi (*vasabhaññā* như một *dvanda*; *vasso ca bhañño ca*) và giải thích cả hai đều nắm giữ 03 tà-kiến như được nói trong kinh **24:05–07.**] (96)

⁶⁸ [**Spk**: sự *dính-chấp* hay *chấp-thủ* (*upādiyamāno*): sự nắm giữ, nắm chặt, bám chặt, chấp giữ (điều gì) do dục-vọng, sự tự-ta, và những quan-điểm sai lạc

(ái, ngã mạn, tà kiến). Trong hai kinh kế tiếp, *sự nhìn-nhận* (*mañña- māno*) và *sự tìm-kiếm khoái-lạc* (*abhinandamāno*) cũng được giải thích theo ba lý do chính này.] (97)

⁶⁹ [Kinh này giống hệt kinh **SN 18:21** (và **SN 22:91**). Toàn bộ chương **SN 23** là các kinh nói về Ngài Rādhā.] (98)

⁷⁰ (Kinh này giống hệt **SN 18:22** (và **SN 22:92**); chỉ khác nhau tên Tỳ kheo.)

⁷¹ [*Chín cõi của chúng sinh* (*sattāvāsa*) được liệt kê trong kinh **AN IV 401** (= **DN III 263**). (*) (tức = kinh **AN 9:24** trong bản dịch Việt). *Đỉnh cao của sự hiện-hữu* (*bhavagga*) được cho là cảnh xứ ‘không có nhận-thức cũng không phải không còn nhận-thức’ (phi tưởng phi phi tưởng xứ), là cõi cao nhất của sự hiện-hữu hữu tình. Chữ này được dùng theo nghĩa này cũng có trong **Vibh 426,8** và thường thấy trong các luận giảng.

- (*) (► [1] Những số hiệu kinh **AN** đã được so chiếu và trích dẫn trong những chú thích trong bản dịch của thầy TKBD đều là các số hiệu theo bản dịch tiếng Anh của **PTS**. Do vậy, nên người dịch Việt phải dùng máy tính để tra lại với bản dịch Việt của **AN**, nếu tìm thấy sẽ dẫn ra cho quý vị đối chiếu. [2] Và những số hiệu kinh **DN**, **MN** được so chiếu và trích dẫn (ví dụ như **MN I 301**, 17-29 trong chú thích này) cũng là các số hiệu theo bản dịch tiếng Anh của **PTS**: và do hai bộ kinh này chưa được dịch Việt trong khi đang dịch bộ kinh **SN** này và bộ kinh **AN**, nên người dịch Việt không thể tra chiếu, tuy nhiên vẫn giữ nguyên những số hiệu mà thầy TKBD đã dẫn ra. Đây là một sự áy náy đáng tiếc của người dịch Việt khi dịch những chú thích trong bộ kinh **AN** và bộ kinh **SN** này!).] (99)

⁷² [Sự quấy-động = dục-vọng, vì vậy “bất-động” ở đây = không còn bị quấy động bởi dục-vọng.] (100)

⁷³ [*Bảy phẩm-hạnh*, gồm: niềm-tin, sự biết xấu-hổ về mặt đạo đức, sự biết sợ-hãi việc làm sai trái, sự học-hiểu, sự nỗ-lực (tinh tấn), sự chánh-niệm, và trí tuệ. Coi thêm kinh **MN I 356,1-21**; **DN III 252,10-12**.] (101)

⁷⁴ [*Bảy châu-báu*: bảy yếu tố giác ngộ (thất giác chi); coi thêm **SN 46:42**. *Ba-phần tu-tập* gồm: phần giới-hạnh bậc cao, phần (định-)tâm bậc cao, và phần trí-tuệ bậc cao.] (102)

⁷⁵ [*Mười yếu-tố*: gồm tám phần Bát Thánh Đạo đã hoàn thiện cộng với sự hiểu-biết đúng đắn, và sự giải-thoát đúng đắn. Đặc biệt chúng được gọi là “mười” (phẩm chất) của một người tu đã vượt trên sự tu-học và đã thành bậc vô-học nhân [asekha]. Coi thêm kinh **MN I 446,29–447,6, II 29,2–12**, vân vân. Về chữ ‘con rồng’ [nāga], coi chú thích chi tiết ở kinh **SN 1:37**, thi kệ 122.] (103)

⁷⁶ [**Spk**: ba sự phân-biệt đối đãi: ba ý niệm này nọ về cái ‘ta’ như: “Tôi tốt hơn”, “Tôi bằng”, “Tôi kém hơn”.] (104)

⁷⁷ [Đoạn này cũng có ở kinh **SN 12:21**, coi thêm chú thích của nó. **Spk** tham chiếu theo kinh **SN 22:56** để giải thích về sự sinh và diệt của năm-uẩn.] (106)

⁷⁸ [**Spk**: “hầu hết họ” (yebhuyyena) nghĩa là tất cả họ ngoại trừ những thiên thần là những thánh đệ tử (như Nhất-lai, Bất-lai)... “Bị nằm trong cái danh-tính này” (sakkāyapariyāpannā): tức nằm trong năm-uẩn này. Như vậy Đức Phật đã dạy cho họ Giáo Pháp được ấn chứng bởi ba đặc-tính (vô thường, khổ, vô ngã), chỉ ra cho thấy những nhược điểm của vòng luân hồi hiện-hữu, và sự sợ-hãi và khiếp-sợ khi biết rằng mình đang ở trong cái vòng đó.] (107)

⁷⁹ [**Spk**: Mặc dù chỗ này nói về sự trống-không, nhưng chưa nói tới đặc tính trống-không hay tính-không (suññatālakkaṇa). Đoạn kinh này được đưa vào để chỉ cái tính-không đó. **Spk-pt**: Bởi vì sắc, cảm-giác... không phải là cái ‘ta’ hay ‘thuộc về cái ta’ nào cả, nó không có tự-tính và chủ-thể nào cả, nó là trống không, tức không có cái ‘ta’ hay ‘bản ngã’ nào cả. Bản chất của nó là sự trống không, đặc tính của nó là “luôn bị biến dạng, biến sắc, biến thể, biến đổi...”.] (109)

⁸⁰ [...**Spk** nói thêm rằng sự “bị biến dạng” là đặc tính riêng (paccattalakkhaṇa) của thân-sắc, khác với đặc tính của cảm-giác và các uẩn còn lại; nhưng tất cả năm uẩn đều có một đặc tính chung (sāmaññalakkhaṇa) là “vô-thường, khổ, vô-ngã”.] (110)

⁸¹ [**Spk**: Chính cái cảm-giác nó cảm nhận, không phải có ‘ai’ hay ‘người nào’ cảm nhận.] (111)

⁸² [Nguyên văn câu này: Saṅkhatam abhisankharontī ti bhikkhave tasmā saṅkhārā ti vuccanti. Không may tiếng Anh là phương tiện nghèo nàn không đủ để ‘bắt’ được sự tương quan nối kết của câu này trong tiếng Pāli, với vị ngữ (saṅkhatam), động từ (abhisankharontī), và chủ ngữ (saṅkhārā) đều xuất thân

từ cùng một gốc từ. (Coi thêm phần thảo luận của tôi về chữ *saṅkhārā* trong phần Giới Thiệu Chung (của bản dịch Pāli-Anh, CDB, trang 44-47). Để cho giống tiếng Pāli chúng ta có thể dịch nghĩa câu này là: ‘*Chúng tạo tác thứ được tạo tác, do vậy chúng được gọi là những sự tạo-tác cố-ý*’, cho dù cách dịch này có phần xa lạ so với câu chữ gốc. Cũng là sự trùng hợp không may rằng “*những sự tạo-tác cố-ý*” (cách tôi đã dịch chữ *saṅkhārā*, hành) lại liên quan tới chữ “*sắc, thể-sắc*” (cách tôi dịch chữ *rūpa*). Trong tiếng In Pāli không có sự nói kết về mặt từ-nguyên giữa hai chữ *rūpa* và *saṅkhārā*. Để ‘bắt’ được mấy hàm nghĩa của động từ *abhisankharoti* có lẽ chúng ta phải tự cho mình sự tự do để dịch nó, trong đoạn này, bằng 02 động từ là: (i) “*tạo ra, phát sinh*” để chuyển tải cái nghĩa rằng *những sự tạo-tác cố-ý* thực sự sản sinh ra các uẩn khác [coi chú thích kế dưới], và (ii) “*tạo thành, tạo lập, tạo tác*” để chuyển tải ý nghĩa tương ứng với danh từ “*những sự tạo-tác*”.

- Đoạn này cho thấy vai trò chủ động của *cetanā* (sự cố-ý, tư) trong việc tạo lập ra thực-tại được trải nghiệm. Sự cố-ý ảnh hưởng nội dung khách quan của sự trải nghiệm, mà nó còn định hình cho cơ chế tâm-vật lý mà nó đã khởi sinh trong đó, và, thông qua vai trò của nó là nghiệp (kamma), nó định hình những cấu hình trong tương lai của năm uẩn được sản sinh bởi nghiệp. Trong sự kết nối này như thấy trong kinh SN 35:146 (Quyển 4), về sáu cơ-sở cảm-nhận là “*nghiệp cũ*”.] (112)

⁸³ [Tất cả 03 phiên bản của SN đều ghi câu này là: *rūpam rūpattāya saṅkhatam abhisankharonti*, và tương tự như vậy đối với các uẩn khác, ngoại trừ uẩn thức (*viññāṇa*) thì **Ee** ghi là *viññāṇatthāya*; tuy nhiên, do **Ee** không có chú giải về chỗ này, nên hầu như chắc chắn đây chỉ là lỗi do ghi chép. **Spk** [của **Se** và **Ee**] ghi là *rūpatthāya* trong bổ đề của nó, hàm ý rằng đuôi chữ *-atthāya* đều được áp dụng cho mỗi uẩn, và rõ ràng chữ Sinhala cổ *mss* của SN đã có cách ghi này. Tuy nhiên, **Spk** [của **Be**] lại ghi là *rūpattāya*. Sự chú giải trong luận giảng **Spk** đều có lý trong cả hai cách ghi này của SN.

Ở đây tôi làm theo **Spk** của **Be** ghi là: “Giống như một người nói là nấu cháo là cháo, làm bánh là bánh, nó [**Spk-pt**: một đồng những trạng thái dẫn đầu bởi sự cố-ý] xây dựng, xây lên, tạo thành đồng, tạo thành uẩn (*abhisankharoti āyūhati sampiṇḍati*) thân-sắc—được gọi là “có điều-kiện” (hữu vi) bởi vì nó được làm bởi một sự kết hợp những điều-kiện— nên nó trở thành “*thân-sắc có điều-kiện*” đúng theo bản chất đích thực của nó, do cái thể sắc của nó (*tathattāya rūpabhāvāya*); ý nghĩ là nó sản sinh ra nó (*nipphādeti ti attho*). Nghĩa vắn tắt là vậy: Nó tạo dựng, sản sinh sự tạo nên thể sắc cùng với chính

nó và đi kèm với cảm-giác... Ở đây đức Thế Tôn cũng chỉ ra đặc tính riêng biệt của *những sự tạo-tác cố-ý*, đặc tính của nó chính là *sự cố-ý* (tư). [**Spk-pt**: Điều này được nói bởi vì *sự cố-ý* là thứ dẫn đầu của những trạng thái thuộc *đồng những sự tạo-tác cố-ý* (hành uẩn).]”.] (113)

⁸⁴ [Về tám vị, coi thêm kinh **SN 47:08**.] (114)

⁸⁵ [Coi phân kết các kinh **SN 22:09–11**.] (115)

⁸⁶ [Tôi dịch đoạn này với sự trợ giúp của **Spk**; **Spk** giải nghĩa 02 cặp chữ sau như vậy: *Visineti na ussineti ti vikirati na sampiṇḍeti; vidhūpeti na sandhūpeti ti nibbāpeti na jālāpeti* [một số kinh ghi là *visineti, usseneti*]; so sánh AN II 214–16. Đoạn này mô tả bậc học-nhân, người vẫn còn trong tiến trình tu để óá bỏ vòng luân-hồi.] (117)

⁸⁷ [**Spk**: Đoạn này chỉ bậc A-la-hán (vô-học nhân), người an trú sau khi đã phá bỏ vòng luân-hồi.] (118)

⁸⁸ [**Spk** cho rằng sau khi bài kinh này được nói ra, có 500 Tỷ kheo đã chứng thánh quả A-la-hán.] (119)

⁸⁹ (Lưu ý: Thích-Ca [Sakya] là một xứ, một vương quốc của họ tộc Thích-Ca; họ tộc Thích-Ca gồm có nhiều dòng họ khác sống trong vương quốc hay xứ Thích-Ca đó. Ví dụ: Phật thuộc họ tộc Thích-Ca, họ gia đình của Phật là Cồ-đàm [Gotama].)

⁹⁰ [*‘Lý do rõ ràng’*: khi Phật dẫn đoàn Tỷ kheo tới thành Kapilavattu, những người họ tộc Thích-Ca đã cúng dường nhiều thứ cho đoàn Tăng, rồi các Tỷ kheo đã tranh cãi việc phân chia những vật phẩm cúng dường..., cho nên Phật đã bỏ họ đi, như muốn dạy cho họ một bài học về mục-tiêu đích-thực của sự tu-hành và sự từ-bỏ là gì...] (120)

⁹¹ [Đoạn kinh tương tự cũng có trong kinh **MN I 457–459**, nhưng trong kinh đó thì trước tiên những người họ Thích-Ca đã xin Phật tha thứ lỗi cho các Tỷ kheo đã cãi nhau, tiếp theo là vua trời Brahmā Sahampati cũng đã hiện ra thỉnh cầu Phật tha lỗi và chỉ dạy Giáo Pháp cho họ. Trong bản kinh **MN** thì thứ tự của hai ví dụ được đảo ngược lại.] (121)

⁹² [**Spk**: nếu đi thành đoàn hay nhóm lớn thì có vẻ không kính trọng Phật hoặc không thể chú tâm nghe nhận Giáo Pháp; họ đi riêng lẻ và từng cặp là thể hiện sự kính trọng và có thể nghe nhận lời dạy Giáo Pháp]. (122)

⁹³ (Ví dụ như người ta thường chửi nhục người khác là “Đồ ăn mày”. [**Spk** người thời đó thường chửi nhục đối thủ hay người mình khinh ghét bằng cau như “Ông chỉ còn cách kiếm cái áo cà sa mặc rồi đi lang thang mà xin ăn thôi.”]) (123)

⁹⁴ [*Sự định-tâm vô dấu-hiệu* hay *định vô-tướng* (*animitta-samādhī*). **Spk**: tức là chỉ *sự định-tâm minh-sát* (*vipassanā-samādhī*); nó được gọi là vô dấu-hiệu vì trạng thái đó đã loại bỏ những dấu-hiệu của sự thường-hăng, sừng, hũu-ngã...

- Để đọc thêm những chú giải về *sự định-tâm vô dấu-hiệu*, mời coi thêm các chú thích trong *Quyển 4*: chú thích số đuôi (280) ở kinh **SN 40:09**, (312) ở kinh **SN 35:18**, (368) ở kinh **SN 43:04**.] (124)

⁹⁵ [**Spk**: *cách-nhìn có hiện-hữu* (*bhavadit̐thi*, hữu kiến) là tư tưởng bất-diệt (*sassatadit̐thi*, thường kiến); *cách-nhìn có sự tận-diệt* (*vibhavadit̐thi*) là tư tưởng (sẽ bị) diệt-vong (*ucchedadit̐thi*, đoạn kiến). Đoạn này được đưa vào ở đây để chỉ rằng *sự định-tâm vô dấu-hiệu* không chỉ loại bỏ 03 loại ý-nghĩ bất thiện nói trên mà cũng loại bỏ tư tưởng bất-diệt và tư tưởng diệt-vong.] (125)

⁹⁶ [Ở đây Phật nói kết *sự dính-chấp* (chấp thủ) [nó khởi sinh dựa trên cơ sở năm-uẩn vốn được coi là cái ‘ta’] với phần cuối của công thức ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ (duyên khởi), như vậy cho thấy sự dính-chấp hiện tại là nhân duy trì sự liên-tục của vòng luân-hồi. Có nguyên đoạn kinh song hành giống vậy ở kinh MN, coi **MN I 511,30–512,2**.] (126)

⁹⁷ [**Spk**: sau khi bài kinh được nói xong, 500 Tỷ kheo đã chứng thánh quả A-la-hán cùng với *những trí-biết mang tính phân tích* (*paṭisambhidā*, vô ngại giải trí).] (127)

⁹⁸ [**Spk** cho rằng: kinh này là lúc xảy ra vụ tranh cãi của các Tỷ kheo ở Tịnh Xá Ghosita. Và sau ba lần cố hòa giải các bên tranh cãi không xong, Phật đã bỏ đi. Toàn bộ câu chuyện này, coi thêm **Vin I 337–357**; quyển ‘*Cuộc Đời của*

Đức Phật của nhà sư Nāṇamoli, trang 109–119.] (Coi thêm quyển “*Giáo Trình Phật Học*” của Chan Khoon San, chương cuối “*Cuộc Đời Đức Phật*”). (128)

⁹⁹ [**Spk**: Những cư dân ở Pārileyyaka đã xây một túp lều bằng lá cây cho đức Thế Tôn trong một khu rừng được bảo vệ gần thị trấn của họ. Một cây sa-la diêm lành (*bhadda*) đã mọc ở đây. Trong thời gian sống nhờ vào thị trấn đó, đức Thế Tôn an trú dưới một gốc cây gần túp lều bằng lá đó. **Spk** đã liên hệ chỗ này với câu chuyện con voi đực đến để chờ hầu Đức Phật; coi kinh **Ud 41–42** và trong Luật Tạng **Vin I 352–53**.] (129)

¹⁰⁰ [**Spk**: ‘*nhóm Tỳ kheo*’ này không phải là các Tỳ kheo tranh cãi đó. Mà đoàn này gồm tới 500 Tỳ kheo đến từ nhiều vùng khác nhau, sau kỳ an cư mùa mưa.] (130)

¹⁰¹ [**Spk**: nghĩa là, làm cách nào để chứng ngộ lập-tức thánh quả cao nhất A-la-hán. Coi lại kinh **SN 22:55** và chú thích chỗ này của nó.] (131)

¹⁰² [**Spk**: *Vicayasō*: một cách phân biệt, một cách phân giải. **Spk** giải nghĩa chữ này là *vicayena* và chú giải nghĩa là: “*Sau khi đã phân định (phân giới) bằng trí-biết có khả năng phân biệt bản chất thực của những hiện-tượng khác nhau.*” Và theo sau là 37 phần trợ giúp giác-ngộ (*bodhipakkhiyā dhammā*, 37 bồ-đề phần).] (132)

¹⁰³ [**Spk** giải nghĩa chữ “*sự nhìn nhận đó*” (*sā sasamanupassanā*) là một *sự tạo-tác cách-nhìn (ditṭhi-saṅkhāra*, kiến hành). Tôi hiểu chữ *saṅkhāra* ở đây có nghĩa là thứ bị điều-kiện hơn là lực chủ động tạo tác, chẳng hạn: là chữ *saṅkhata-saṅkhāra* của các luận giảng hơn là chữ *abhisaṅkharāṇa-saṅkhāra* là *hành động* của sự tạo-tác cố-ý. Về “*sự tiếp-xúc (còn) vô-minh*” (*avijjāsamphassa*) là sự tiếp-xúc khởi sinh cùng có mặt/đi kèm với sự vô-minh; coi lại chú thích cuối của kinh **SN 22:47** ở trên, chú thích số đuôi (63)] (133)

¹⁰⁴ [Quan-điểm này, vốn đặc ra *danh tính của cái ‘ta’ và thế giới (so attā so loko)*, dường như xuất phát từ Upaniṣads (*Áo Nghĩa Thư*) của bà-la-môn giáo. Lạ thay là luận giảng **Spk** đã im lặng bỏ cái quan-điểm này, và luận giảng **Ps** [khi chú giải kinh **MN I 135,37**] chỉ giải nghĩa bằng một từ tối nghĩa. Để thảo luận thêm về chỗ này, mời đọc học giả Wijesekera, quyển “*An*

Aspect of Upaniṣadic fitman and Buddhist ‘Anattā’”, phần *Nghiên Cứu Phật Giáo và Vệ-đà*, trang 261–63.] (134)

¹⁰⁵ [(Tức nghĩa là: *Nếu ta đã không tạo tác nghiệp, thì đã không có năm-uẩn hiện tại này của ta. Nếu ta sẽ không tạo tác nghiệp tạo ra năm-uẩn, thì sẽ không có năm uẩn tương lai (không còn tái sinh)...*)]

- Ở đây tôi (TKBĐ) đọc theo **Se** và **Ee** là: *no c’ assaṃ no ca me siyā, na bhavissāmi na me bhavissati*. **Be** ghi động từ thứ ba bị phủ định là *nābhavissam*. **Spk** giải nghĩa những câu này là: “*Nếu tôi đã không là vậy, thì đã không có những thứ của-tôi; nếu tôi sẽ không là vậy trong tương lai, thì cũng không có cái của-tôi*”. Để coi phần chú giải đầy đủ hơn về những câu này, mời coi lại chú thích đầu tiên ở kinh **22:55** ở trên, chú thích số đuôi (75).] (135)

¹⁰⁶ [**Spk**: Ngay cả khi *sự nghi-ngờ* (*vicikicchā*) không tồn tại trong các tâm (*citta*) dính với dục-vọng, thì ‘*sự tạo-tác sự nghi-ngờ*’ vẫn khởi sinh bởi vì dục-vọng chưa được dẹp bỏ. Vì *sự nghi-ngờ* vẫn còn khởi sinh trong người chưa trừ bỏ dục-vọng.] (136)

¹⁰⁷ [Như vậy, bài kinh này giải thích, *bằng 23 trường hợp*, về sự minh-sát dẫn tới đỉnh cao là thánh quả A-la-hán.] (137)

¹⁰⁸ [Toàn bộ lời bài kinh này cũng nằm trong kinh **MN 109**.] (138)

¹⁰⁹ [*Ime ... pañcupādānakkhandhā chandamūlakā*. **Spk** giải nghĩa chữ *chandamūlakā* (*bắt rễ từ tham muốn*) là *taṇhā-chandamūlakā* (*bắt rễ từ tham muốn và dục vọng*). Về cách năm-uẩn bắt nguồn từ dục-vọng, coi lại kinh **SN 22:05** và chú thích số đuôi (30) của nó.] (139)

¹¹⁰ [Phần hỏi đáp này cũng có trong kinh **MN I 299,33–300,3**; coi thêm kinh **SN 22:121** ở dưới.

- **Spk**: “*Sự dính-chấp không phải là một với năm uẩn bị dính chấp*”: bởi vì năm-uẩn đơn giản đượj quy gọn thành tham-muốn và nhục-dục; “*nhưng sự dính-chấp cũng không phải khác với năm uẩn bị dính chấp*”: bởi vì không có sự dính-chấp nào khác ngoài các uẩn là một yếu-tố đồng sinh hay một đối-tượng. Khi một tâm (*citta*) có dính dục-vọng xảy ra, thì thể sắc được sinh ra bởi tâm đó là thuộc về sắc-uẩn, và những trạng thái tâm còn lại là thuộc về 4 uẩn kia: như vậy không có sự dính-chấp nào nằm ngoài các uẩn như những

yếu-tố đồng sinh (với uẩn). [Ngoại trừ dục-vọng, bởi vì dục-vọng là cái dính chấp theo các uẩn, và một yếu-tố thuộc tâm không thể tự dính chấp vào chính nó]. Rồi, tương tự, cũng không có sự dính-chấp nào nằm ngoài các uẩn như một đối-tượng, bởi vì khi sự dính-chấp khởi sinh nó lấy một uẩn làm đối-tượng, chẳng hạn như sắc-uẩn.] (140)

¹¹¹ [“Cho sự thể-hiện của uẩn thân-sắc” (*rūpakkhandhassa paññāpanāya*). Có lẽ nên dịch câu này là “cho sự mô-tả về năm uẩn”. Chữ *paññāpana* nghĩa gốc là sự “làm cho biết, làm cho thấy” và thứ “được làm cho biết, được làm cho thấy” bằng cách thể hiện ra hay bằng cách được mô tả (để người ta biết hay thấy).] (141)

¹¹² [**Spk** thì không giải thích chỗ này; nhưng **MA** cho rằng vị Tỳ kheo này đã trượt qua tư tưởng trường tồn bất-diệt (đã giải định có một cái ‘ta’).] (142)

¹¹³ [Kinh **MN 109** kết luận rằng, trong khi bài thuyết giảng này đang được nói ra, tâm của 60 vị Tỳ kheo đã được giải-thoát khỏi mọi ô-nhiễm. Còn **Spk** thì ghi rằng, vào lúc kết thúc mỗi bài kinh trong NHÓM kinh này có 500 Tỳ kheo đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán! Phần thi kệ cuối kinh này chỉ có trong phiên bản **Be** và **Ee**, nhưng không có trong **Se** và tròn kinh **MN**.] (144)

¹¹⁴ [Thầy Phú-lâu-na được Phật cho là bậc đệ nhất về thuyết pháp, coi kinh **AN 1:196**. Về thầy Phú-lâu-na, coi thêm kinh **SN 14:15**.] (145)

¹¹⁵ [Chữ *upādāya* có một nghĩa kép nên rất khó ‘bắt’ được nghĩa khi dịch. Khi ở thể tuyệt đối là *upādiyati* nó có nghĩa là “đã dính chấp vào/theo” (cái gì), nhưng nó cũng có nghĩa thành ngữ là “xuất thân từ, có từ, tùy thuộc vào” như trong cách diễn đạt của câu *catunnañ ca mahābhūtānaṃ upādāya rūpaṃ*, “sắc xuất thân từ bốn yếu tố tứ-đại”. Ngay chỗ này thì tôi dịch là “bằng sự dính-chấp vào” với giả định nghĩa đen này là nghĩa chính, nhưng **Spk** thì cứ nhấn mạnh nghĩa thành ngữ của nó bằng lời chú giải như vậy: *Upādāyā ti*

āgamma ārabhha sandhāya paṭicca; trong đó “chữ *upādāya*: phụ thuộc vào, dựa trên, dựa trên căn bản, tùy thuộc vào (mà có)”. Ví dụ cái gương có thể ủng hộ đã nghĩa này, và cả hai nghĩa đều có lẽ có ý nói rằng: Một người trẻ soi nhìn hình ảnh của mình (trong gương) bằng sự quan-tâm tới diện mạo của cá nhân mình [“với sự dính-chấp”] và hình ảnh trở nên hiện thị tùy thuộc vào/ dựa

vào cái gương (mà có). Cũng giống như vậy, một người nhìn nhận cái ‘*ta-là*’ với *sự dính-chấp* vào các uẩn như những thứ đối chiếu khách quan, cho nên cái ý-niệm về cái ‘*ta-là*’ khởi sinh (tức còn chấp theo các uẩn là còn có cái ‘*ta*’ (tự ngã) khởi sinh). Coi thêm kinh **22:151**, ở đó lại tiếp tục có sự chơi chữ với nghĩa kép của chữ *upādāya*.] (146)

¹¹⁶ [**Spk** giải thích: nghĩa là thầy ấy đã thâm nhập *Bốn Diệu Đế* bằng trí-tuệ và chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.] (147)

¹¹⁷ [Coi kinh **SN 21:09**.] (148)

¹¹⁸ [Đoạn mô tả trạng thái một Tỳ kheo như vậy cũng có trong các kinh khác, ví dụ trong kinh **SN 47:09** và **47:13** (Quyển 5).

- **Spk** không giải thích từ-nguyên của chữ *madhurakajāto*, chỉ giải thích câu đầu theo nghĩa là “*Thân đã trở nên khó dụng, cứ nặng nề.*” *Madhuraka* có nghĩa là “ngọt, dễ chịu, quyến rũ”, nhưng tôi đã dịch theo ý chú giải của **PED** là “*như uống nước ngọt ngào mà có tâm độc*”. Câu “*mọi thứ đều không rõ ràng đối với tôi*” là dịch câu *dhammā pi maṃ na paṭibhanti*. **Spk** coi chữ *dhammā* là “*những giáo lý*” và nó lý giải là: “*Ngay cả những giáo lý không còn rõ ràng đối với tôi; những gì tôi học và nghiên cứu giờ không hiện ra*”. Có thể chữ *dhammā* (viết thường) ở đây chỉ mang nghĩa chung là những thứ, những sự (các pháp) chứ không chỉ riêng những giáo lý. Vì vậy ở đây dịch nghĩa chung là “*mọi thứ không còn rõ ràng đối với tôi*”.] (149)

¹¹⁹ [**Spk** nói: Thầy ấy không chỉ hài lòng, mà sau khi có được sự yên-ủi từ Đức Phật, thầy ấy đấu tranh và phấn đấu (tinh cần), và thời gian sau thầy cũng được thiết lập trong thánh quả A-la-hán.] (150)

¹²⁰ [TKBĐ: Lập trường của thầy này không hẳn là giống tư tưởng diệt-vong khi chết, bởi thầy ấy không cho rằng mọi chúng sinh đều bị hủy diệt sau khi chết. Đường như thầy ấy có (i) quan-điểm trường tồn bất-diệt đối với những chúng sinh không giác ngộ [do họ có một bản ngã trường tồn di chuyển từ kiếp này sang kiếp khác] và (ii) quan-điểm tự diệt-vong đối với A-la-hán [do A-la-hán hoàn toàn tịch diệt sau khi chết].

- **Spk** nói: nếu ý của thầy ấy là “*Những sự tạo-tác cố-ý* (hành) sinh rồi diệt; đó là một tiến trình đơn giản của những sự tạo-tác đạt tới sự không-còn xảy ra”, thì đó không phải là một quan-điểm (*diṭṭhigata*) mà là một sự hiểu-biết đúng

theo Giáo Pháp. Nhưng do thầy ấy nghĩ “*Một chúng sinh sẽ bị tiêu diệt và hủy diệt*”, ý này là một quan-điểm.

- Phần tiếp tục của kinh là song hành tương ứng với kinh **MN I 130–31** and **I 256–57.**] (151)

¹²¹ [03 mệnh đề khả dĩ đầu tiên—*coi từng uẩn là Như Lai, Như Lai là ở trong các uẩn, và Như Lai là khác với các uẩn*—là tương ứng với 03 kiểu nhìn-nhận trong kinh *Mūlapariyāya Sutta* (**MN I 1**), chúng được nói trong liên hệ với *những cơ-sở cảm-nhận* ở kinh **35:30, 35:31**. Mệnh đề thứ tư (4) thì *coi sự kết hợp năm-uẩn là Như Lai*; thứ năm (3) là *coi Như Lai là vượt trên, không liên hệ gì các uẩn*. Những kiểu nhìn-nhận này có thể cũng liên quan với 20 loại quan-điểm về danh-tính.] (153)

¹²² [Nguyên văn câu này: *Diṭṭh’ eva dhamme saccato thetato tathāgato anupalabbhiyamāno*. So sánh với câu trong kinh **MNI 138,5–6**: *Attani ca bhikkhave attaniye ca saccato thetato anupalabbhamāne*; và trong **MN I 140,6–7**: *Diṭṭh’ evāhaṃ bhikkhave dhamme tathāgataṃ ananuvejjo ti vadāmi*.] (154)

¹²³ (Toàn bộ chỗ này nghĩa là: cái ‘năm-uẩn’ không phải là ‘bản thân’ hay cái ‘ta’. Không có ‘bản thân’ (bản ngã, danh tính) nào của Như Lai, Tỳ kheo Ala-hán bị tiêu hủy và hủy diệt cả khi chết cả, chỉ có cái sự ‘năm-uẩn’ khi hợp có, khi hết hợp thì tan.)

¹²⁴ [Y hệt chú thích cuối kinh **22:83** ở trên: (**Spk**: thầy ấy đã thâm nhập *Bốn Diệu Đế* bằng trí-tuệ và chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu).] (155)

¹²⁵ [Đoạn này có thể đọc như một sự giải nghĩa về câu cách-ngôn nổi tiếng của Phật: “*Ta chỉ cho thấy (dạy về) sự khổ và sự chấm-dứt khổ*”, coi cuối kinh **SN 22:86.**] (156)

¹²⁶ [04 đoạn b, c, d, e cũng có trong kinh **SN 22:55** ở trên.] (159)

¹²⁷ [Chỗ này mời coi lại chỗ **SN 12:15** (Quyển 2) với các chú thích số đuôi (31) và (32) của nó.] (160)

¹²⁸ [Câu cuối cùng này không có trong phiên bản **Be.**] (161)

¹²⁹ [Lời bài kinh này cũng có trong **SN 44:02**, ghi đầy đủ những các vấn-đáp [kinh này **SN 22:86** này ghi tóm lược hơn]. (Lưu ý: ngài Anurādha dễ bị đọc nhầm là ngài Anurudha (A-nậu-lâu-đà).] (162)

¹³⁰ [Câu cách-ngôn của Phật có thể được diễn dịch ở 02 mức độ. (1) Ở mức độ nông cạn hơn: có thể hiểu Phật không tuyên bố để trả lời những câu hỏi siêu hình như về kiếp sau... mà Phật chỉ dạy về con đường tu tập thực dụng để đạt tới sự chấm-dứt khổ ở đây và bây giờ. Tuy nhiên, sự diễn dịch này lại không kết nối cách-ngôn này với lời tuyên bố trước đó của Phật rằng Như Lai là không ‘nắm bắt’ được ngay trong kiếp này. (2) Để kết nối được chỗ này, chúng ta phải đưa ra sự diễn dịch thứ hai theo đó “Như Lai” chỉ đơn thuần là một danh từ quy ước được dùng để chỉ một sự kết-hợp của những sự tạo-tác vô thường, sự kết-hợp đó là “khô” bởi chúng không có một bản-thể thường hằng nào cả. Chúng chỉ có mặt khi Như Lai còn sống, và chúng chỉ chấm dứt khi Như Lai qua đời. (Chứ không có cái ‘Như Lai’ nào trở thành này thành nọ sau khi chết). Ngữ cảnh trong kinh **MNI 140,14–15** cũng ủng hộ cách diễn dịch thứ hai này.] (165)

¹³¹ [Thầy Vakkali được Phật coi là đệ nhất về niềm-tin bất thối chuyển (*etadagam saddhādhimuttānam*) như trong kinh **AN 1:208**.] (166)

¹³² [Cử động, cựa mình, muồn ngời dậy là để tỏ lòng kính trọng và chào đón khi có người (Phật) đến thăm mình; chú thích này và lời đoạn kinh tiếp theo cũng giống lời trong kinh **SN 35:74** (Quyển 4).] (167)

¹³³ [Chỗ đó cùng chỗ Ngài Godhika đã tự kết liễu thân mình, và niết-bàn, như kinh **SN 4:23**.] (169)

¹³⁴ [(Tức: giải thoát khỏi thân, bằng cách tự kết liễu thân bệnh đau đớn của mình). *Ý định giải phóng: vimokkhāya ceteti*. **Spk** giải thích: là để đạt tới sự giải-phóng của đạo (*magga-vimokkhatthāya*). Mặc dù chữ *vimokkha* và *vimutti* đều có cùng có tiếp đầu ngữ (*vi + muc*) những chúng thường xuất hiện trong những ngữ cảnh khác nhau. Để khỏi lẫn lộn, tôi (TKBĐ) dịch chữ trước là “sự giải phóng” và chữ sau là “sự giải thoát”. Trong lời kinh ở đây chúng là đồng nghĩa.] (170)

¹³⁵ [(Tức: giải thoát, và lập tức chứng thánh quả A-la-hán). Nguyên văn cụm chữ: *svimutto vimuccissati*. **Spk**: nghĩa là thầy ấy sẽ được giải thoát bằng sự giải-thoát của thánh quả A-la-hán. Những thiên thần đã nói như vậy bởi vì họ

biết “Dù thầy ấy phát khởi minh-sát theo cách thức nào, thầy ấy sẽ lập tức chứng quả A-la-hán.”] (171)

¹³⁶ [TKBĐ: khi đã nhờ thừa với Phật bằng những lời như trên, thầy Vikkali chứng tỏ mình đã chứng ngộ thánh quả A-la-hán; mặc dù **Spk** không khẳng định lúc đó thầy ấy đã là vậy, nhưng dựa theo lời kinh thì khó mà nói giảng luận **Spk** là đúng. So sánh với các câu chuyện về các Tỳ kheo khi tự kết liễu bản thân đã nghĩ mình là một A-la-hán, như kinh **SN 35:87** này. Godhika trong kinh **SN 4:23** (và coi thêm các chú thích của nó) đã tự sát vì sự tuyệt vọng với sự bệnh đau quá sức chịu đựng của thân. Thầy ấy cũng chứng thánh quả A-la-hán ngay khi chết.] (172)

¹³⁷ [TKBĐ: tôi đọc câu này theo **Be**: *gelaññe passambhetvā passambhetvā kāyaṣaṅkhāre viharāmi, so ’ham samādhim nappaṭilabhāmi*. Ở đây, ‘những sự tạo-tác thuộc thân’ chính là “sự thở-vào và thở-ra” (*assāsa-passāsa*); coi thêm kinh **MN I 56,20–22** và **MN I 301,20–21** (tức = **SN 41:06**).

- **Spk**: người đó duy trì sự lảng lạn của sự ‘thở vào-thở ra’ khi người đó đang an trú trong tầng thiền định thứ tư, trong trạng thái đó hơi-thở đã ngưng thở [**SN 36:11**]. Do người đó bị rớt ra khỏi tất cả các trạng thái tầng thiền định mà mình đã từng chứng nhập trước đó, nên người đó cứ lo nghĩ “*Ta sẽ bị không rớt khỏi Giáo Pháp này.*”] (173)

¹³⁸ [**Spk**: Như Phật đã từng nói: “*Trong Giáo Pháp của ta, đó [sự định-tâm] không phải là cốt lõi; cốt lõi là minh-sát, thánh-đạo, và thánh-quả.*” (*Samādhisāraṅkā samādhisāmaññā ti samādhim yeva sārāṇ ca sāmāññaṇ ca maññanti.*)] (174)

¹³⁹ [Đoạn này nêu rõ sự khác-nhau thiết yếu giữa bậc học-nhân (*sekha*) và A-la-hán. Bậc học-nhân đã loại bỏ cái *quan-điểm có danh-tính* (thân kiến) và do vậy không còn nhìn nhận bất kỳ uẩn nào là cái ‘ta’, nhưng họ vẫn chưa loại bỏ vô-minh, vô-minh còn duy trì tàn dư hơi hướng của sự tự-ta (ngã mạn) và sự tham muốn cái ‘ta’ (*anusahagato asmi ti māno asmi ti chando*) trong liên quan với năm uẩn. Ngược lại, bậc A-la-hán thì đã nhỏ sạch vô-minh, là gốc rễ của mọi quan niệm sai lầm, và do vậy không còn dung dưỡng ý tưởng nào về cái ‘ta’ hay ‘của-ta’. Những trưởng lão kia rõ ràng chưa chứng ngộ tầng giác-ngộ nào và do vậy không hiểu được sự khác-nhau này; nhưng Ngài Khemaka chắc chắn đã chứng ngộ ít nhất thánh quả Nhập-lưu [**Spk**-pt: một số người cho rằng ngài đã là bậc thánh Bất-lai, số khác cho rằng ngài là Nhất-lai] và do vậy ngài

đã biết rõ sự loại bỏ *quan-điểm về danh-tính* chưa hẳn là đã loại bỏ hết cái cảm-nhận về ‘danh-tính cá nhân’ của mình. Ngay cả đối với bậc thánh Bất-lai thì “cái mùi chủ-thể” dựa trên năm uẩn vẫn còn phảng phất trong khắp sự trải nghiệm của mình.] (176)

¹⁴⁰ [Spk: Tiến trình tâm của người phàm phu giống như một tấm vải dính đất bụi, dơ bẩn. Ba phần tu thiền quán [về tính vô thường, khổ, vô ngã] thì giống như ba loại chất tẩy giặt tẩy những thứ dơ bẩn ô nhiễm đó. Tiến trình tâm của bậc thánh Bất-lai thì giống như tấm vải đã được giặt tẩy bằng ba loại chất tẩy [và bậc ấy đang tu tiếp chặng thánh đạo A-la-hán để tiến tới chứng ngộ thánh quả A-la-hán]. Toàn bộ ô-nhiễm đã được tẩy sạch bởi chặng thánh đạo A-la-hán, chỉ còn lại chút tàn dư hơi hướng giống như mùi của nước tẩy hay xà bông còn phảng phất trên tấm vải đã sạch. Còn trí-biết ở chặng thánh đạo A-la-hán thì giống như một ngăn tủ thơm tho mùi thơm, và tiến trình diệt sạch mọi ô-nhiễm bằng chặng thánh đạo này giống như sự phai biến dần dần và sạch mất cái mùi của các chất tẩy còn vương trên tấm vải; sau một thời gian nó được đặt vào ngăn tủ nó sẽ dần dần biến sạch luôn.”. (Sự biến sạch cái tàn dư hơi hướng của cảm-nhận về cái ‘ta’ chính là sự chứng đắc thánh quả A-la-hán).] (178)

¹⁴¹ [Spk nhận diện thầy Channa chính là người lái xe ngựa của Đức Phật (lúc còn là thái tử) đã đưa Phật ra khỏi kinh thành vào cái đêm thực hiện cuộc xuất-gia mãi mãi của Phật. Channa đã thụ giới thành Tỳ kheo, nhưng do ý vào mối quan hệ thân cận của mình với Phật, thầy ấy thường tự cao tự đại, thị uy và ăn nói gắt gỏng với các Tỳ kheo khác. Không lâu trước khi Phật bát-niết-bàn, Phật đã chỉ dụ cho Tăng Đoàn áp đặt hình phạt *brahma-danda* [một hình thức cảnh cáo im lặng; coi kinh **DN II** 154,18–23]. (Theo nhà sư W. Rahula, “*brahma*” là thuộc bậc Trời, cao quý; ‘-*danda*’ có nghĩa là cây gậy, gậy gộc, hình phạt. “*Brahma-danda*” có nghĩa là hình phạt dành cho các bậc cao quý). Giờ, khi Channa nhận ra mình bị Tăng Đoàn coi là thành phần bất-xứng, thầy ấy thấy run sợ bởi *sự cảm-nhận cấp-bách* (*saṃvega*) phải mau chóng tu tập mới có thể giác ngộ. Đó là hoàn cảnh của bài kinh khi thầy ấy bắt đầu đi thỉnh cầu những bậc trưởng lão chỉ giáo cho mình tu tập.] (179)

¹⁴² [Spk: Mọi sự tạo-tác trong ba cõi/cảnh giới (*sabbe tebhūmakā saṅkhārā*) là vô thường; mọi hiện-tượng trong bốn cõi (*sabbe catubhūmakā dhammā*) đều vô ngã. Vì sao các Tỳ kheo không đề cập luôn đặc tính “khổ”? Do họ nghĩ “Channa là người hay tranh cãi. Nếu nói tới “khổ” thầy ấy sẽ cãi và có thể nói ngang kiêu như: ‘Nếu sắc uẩn, thọ uẩn... đều là khổ thì đạo và quả cũng là khổ, vậy người tu chẳng chứng đắc được gì ngoài sự khổ...’ Do vậy

họ chỉ nói về vô thường và vô ngã để khỏi bị bắt bẻ.

- Coi thêm kinh **MN I** 228,10–14, 230,5–8, trong đó chỉ đề cập về tính “vô thường” và “vô ngã” trong bối cảnh mọi người rõ ràng đang tranh cãi. Luận giảng về đoạn kinh đó cũng đưa ra giải thích tương tự như trên về lý do không nhắc đến “khổ”.] (180)

¹⁴³ [*Sự cần-cối (khiḷam pabhindī)*; có năm loại sự trơ-cần của tâm (*cetokhila*) theo kinh **MN I 101**, vấn đề của Channa có lẽ thuộc loại thứ năm, bởi trước giờ Channa thường hay ‘cao ngạo và khinh thường’ đối với các Tỷ kheo khác] (do ý mình từng là người lái xe ngựa của Phật khi Phật còn là thái tử).] (182)

¹⁴⁴ [Thầy Ānanda chọn kinh *Kaccānagotta Sutta* là rất thích hợp, vì kinh này dạy về cách ‘*sự khởi-sinh tùy thuộc*’ đối ngược với 02 quan-điểm cực đoan là tư tưởng bất-diệt và tư tưởng diệt-vong, và thay thế cách-nhìn có cái ‘ta’ (ngã kiến) bằng sự chứng ngộ lẽ-thực rằng ‘*chỉ có khổ sinh và khổ diệt mà thôi*’.] (183)

¹⁴⁵ (Như chú thích câu này trong các kinh trước: nghĩa là thầy Channa đã thâm nhập *Bốn Diệu Đế* bằng trí-tuệ và chứng luôn thánh quả Nhập-lưu.)

¹⁴⁶ [Bài kinh này là tương ứng giống hệt kinh **SN 18:21** và **22**.] (184)

¹⁴⁷ [Bài kinh này là tương ứng giống hệt kinh **SN 22:71** và **72**.] (141)

¹⁴⁸ [**Spk**: ‘*hiện-tượng thế giới*’ hay ‘*pháp thế gian*’ ở đây là chỉ: năm-uẩn; ‘*trong thế giới*’: là trong thế giới của những sự tạo-tác, thế giới các hành (*saṅkhāra-loka*). Năm uẩn = hiện-tượng thế giới hay pháp thế gian. **Spk**: Năm uẩn được gọi như vậy do bản chất của chúng là tan rã (*lujjanasabhāvattā*). Chữ *loka* xuất phát từ chữ *lujjati* như đã nói trong kinh **SN 35:82**. Về mặt từ nguyên thì không chấp nhận suy theo nghĩa đen như vậy, nhưng ở đây chỉ dùng cho mục đích sư phạm (dùng để chỉ dạy)] (186)

¹⁴⁹ [**Spk**: Kinh này có 03 loại ‘*thế giới*’ hay ‘*thế gian*’ được nói đến (cùng một chữ *loka*). Khi nói “Ta không tránh chấp với thế gian”, đó là *thế giới của chúng sinh (sattaloka)*. “Một hiện-tượng thế giới”: đây là chỉ *thế giới của những sự tạo-tác (saṅkhāraloka)*. “*Như Lai đã được sinh ra trong thế gian*”: đây là chỉ *thế giới địa lý, địa cầu (okāsaloka)*, địa cầu này. **Ee** đã bỏ chữ *loke jāto*, chắc hẳn là do vô ý, địa cầu này.] (187)

150 [**Spk**: lúc này Phật ra khỏi chỗ ẩn cư là ‘Hương Thất’ và đến ngồi bên bờ sông Hằng...] (188)

151 [**Spk** chú giải rất dài về cách thể sắc (thân-sắc, thân thể) giống như một đồng bọt-nước (*phenapiṇḍa*). Tôi chỉ dẫn ra những câu chính: vì đồng bọt-nước không có thực chất (*sāra*) gì, thân người cũng không có thực chất nào là thường hằng, chắc chắn, ổn định, hay một thực ngã; vì đồng bọt-nước có đầy lỗ rỗng và nứt nẻ và làm nơi trú ẩn cho nhiều vi thứ vi sinh (ấu trùng, vi trùng nằm trong đó), thân người cũng giống vậy; vì đồng bọt-nước tới lúc giãn ra cũng là tan vỡ, thân người cũng giống vậy, cũng bị nghiền nát trong miệng của thần chết. Sự chú giải của **Spk** cũng có trong **Vibh-a 32–35.**] (189)

152 [**Spk**: Một bong-bóng nước (*bubbuḷa*) là yếu ớt mong manh và không thể nắm bắt được, vì nó sẽ vỡ tan ngay khi đụng vào; cũng giống như cảm-giác là yếu ớt mong manh và không thể nắm bắt được như thứ gì thường hằng và chắc chắn. Khi bong-bóng nước khởi sinh là lập tức vỡ tan khi có giọt mưa rơi xuống nó, cũng giống như cảm-giác: 100,000 *koṭi* cảm-giác khởi sinh và chấm dứt trong khoảng khắc bằng một cái búng ngón tay [1 *koṭi* = 10 triệu]. Vì bong-bóng nước khởi-sinh tùy thuộc vào những điều-kiện (duyên), cảm-giác cũng khởi-sinh tùy thuộc vào một cơ-sở cảm-nhận (giác quan), một đối-tượng, những ô-nhiễm, và sự tiếp-xúc.] (190)

153 [**Spk**: Nhận-thức giống như ảo-ảnh (*marīcikā*) theo cái nghĩa nó là không có thực chất, bởi vì không thể nắm lấy một ảo-ảnh để uống hay tắm hay đổ vào bình. Vì ảo-ảnh đánh lừa, nhận-thức cũng đánh lừa gấp bội lần như vậy, nó dụ dỗ người ta có ý nghĩa đó là một đối tượng đầy màu sắc, đẹp đẽ, đáng thích, và thường (mà thực ra là ngược lại.)] (191)

154 [Nguyên văn chữ cuối: *akukkukajātaṃ*. **Spk**: Không có lỗi cứng phát triển ở bên trong (*anto asaṅjātaghanadaṇḍakaṃ*.)] (192)

155 [Ví dụ *thân-cây-chuối* này cũng được dùng trong kinh **MN I 233** nhưng để diễn đạt một giáo lý khác. **Spk**: Vì một thân cây-chuối (*kadalikkhandha*) chỉ là một sự lắp-ráp nhiều lớp lớp vỏ xơ mềm, mỗi lớp mỗi đặc tính, cũng như tập-hợp những sự tạo-tác cố-ý (hành uẩn) chỉ là một sự lắp-ráp nhiều hiện-tượng, mỗi hiện-tượng mỗi đặc tính.] (193)

156 [**Spk**: Thức giống như màn ảo thuật (*māyā*) theo nghĩa nó là không thực, không thực chất, và không thể nắm bắt được. Thức thậm chí còn biến đổi và

biến nhanh hơn cả ảo thuật hay ảo tưởng. Vì nó tạo cảm tưởng rằng một người đến đi, đứng ngồi, với cùng một cái tâm, nhưng thực ra trong mỗi hành vi đến, đi, đứng, ngồi... mỗi tâm khác nhau. Thức đánh lừa gấp muôn vàn lần hơn cả màn ảo thuật.

- Mời đọc thêm một bài luận hiện đại giảng giải một cách song hành như vậy về bản chất đánh lừa của thức, cũng giải thích bằng ví dụ này, trong quyển “*Ảo Thuật Gia của Tâm*” của nhà sư Ñāṇananda, trang 5–7.] (194)

¹⁵⁷ [Lời kinh quen thuộc này giống trong các kinh **SN 15:01**... trong chương/liên-kết “*Vô-Thủy*”.] (203)

¹⁵⁸ [Về sự hủy diệt thế giới bằng lửa, coi **Vism 414–17 (Ppn 13:32–41)**.] (204)

¹⁵⁹ [Ví dụ con chó bị xích này cũng có trong kinh **MN II 232,24–233,4**. **Spk**: Người phạm phu ngu tối giống như con chó; cách-nhìn của họ giống như sợi dây xích; cái ‘ta’ danh-tính (*sakkāya*) của họ giống như cái cột. Sự chạy quanh cái cột của con chó bởi bị xích dây cũng giống như sự chạy quanh cái ‘danh-tính’ con người do bị trói buộc bởi dục-vọng và những kiến-chấp này nọ.] (205)

¹⁶⁰ [*Carañam nāma cittaṃ*. *Citta* ở đây là tương đương chữ *citra* trong tiếng Phạn, nghĩa là bức họa. Ý nghĩa chính xác của cái tên của bức họa là không rõ ràng. **Spk** giải nghĩa đó là *vicaraṇacitta* (bức họa lang thang), [**Spk-pt** thì nói: bởi họ mang nó và lang thang trôi giạt cùng với nó], nhưng chữ *carāṇa* ở đây có nghĩa là ‘hành vi, cách hành xử’ như trong những ngữ cảnh khác. **Spk** diễn dịch: Saṅkha là một giáo phái dị giáo của những bà-la-môn. Họ dùng những tấm vải và cho vẽ những bức họa về những nơi-đến tốt và xấu để minh họa cho sự thành công và thất bại, rồi họ mang nó theo mình đi lang thang khắp nơi. Họ đưa cho người ta coi và giải thích “Nếu ai làm điều này sẽ lãnh hậu quả này; nếu ai làm việc kia sẽ lãnh hậu quả kia.”] (206)

¹⁶¹ [Nguyên văn cả câu: *Tam pi ... carañam nāma cittaṃ citten’ eva cittaṃ, tena pi ... carāṇena cittaṇa cittaññeva cittaṭaram*. Có những cách chơi chữ ở đây nên khó chuyển dịch thành công (ngay cả trong tiếng Phạn về vấn đề đó). *Citta* vừa là *tâm* (như trong tiếng Phạn) vừa là *bức họa* (= *citra* tiếng Phạn). *Cittita* [**E** ghi là: *cintita*] vừa có nghĩa là *đã nghĩ ra* [liên quan chữ *citta*, *tâm*] vừa có nghĩa là *đa dạng* [liên quan chữ *citra*, *bức họa*]. Tôi đã dùng câu cụm chữ “*được thiết kế trong sự đa dạng của nó*” để ‘bắt’ được’ cả 02 hàm nghĩa.

Luận giảng **As 64–65** đã trích dẫn đoạn này để thảo luận cách cái tâm thiết kế thế giới (của nó.) (207)

¹⁶² [Nguyên văn cả câu này: *Te pi ... tīracchānagatā pāṇā citten’ eva cittitā, tehi pi ... tīracchānagatehi pāṇehi cittaññeva cittataram*. Đây cũng lại là một loạt những sự chơi chữ. Cái lý ở đây là: sự đa dạng của những sinh vật trong trong cảnh súc-sinh phản ảnh sự đa dạng của nghiệp quá khứ gây ra sự tái sinh thành (đa dạng, đủ loài, đủ loại...) súc-sinh, và đến lượt sự đa dạng của nghiệp xuất thân từ sự đa dạng của sự cố-ý (*cetanā*, tư), là một thành-tố của tâm. Luận giảng **As 64–65** thảo luận rất dài về đoạn này.] (208)

¹⁶³ [Ví dụ này cũng có ở kinh **SN 12:64**. Coi thêm chú thích số đuôi (173) trong kinh đó.] (209)

¹⁶⁴ [Đoạn thứ nhất này giống hệt đoạn thứ nhất của kinh **SN 12:23** (Quyển 1). Phần còn lại cho đến hết kinh thì giống hệt kinh **AN 7:71**.] (210)

¹⁶⁵ [Chỗ này liệt kê lại tổng cộng 37 phần tu trợ giúp dẫn tới sự giác-ngộ (tức 37 phần bờ-đề, hay 37 phần trợ đạo trong đạo Phật).] (211)

¹⁶⁶ [Ví dụ này giống ví dụ trong kinh **SN 45:158** (Quyển 5).] (214)

¹⁶⁷ [**Spk** giải nghĩa chữ *antā* [nghĩa gốc là: *đầu cuối, biên*] là *koṭṭhāsā* và giải thích kinh này diễn dịch năm uẩn theo cách *Bốn Diệu Đế*.] (217)

¹⁶⁸ [**Spk** giải nghĩa chữ *pariññeyya* là *samatikkamitabba* và chữ *pariññā* là *samatikkama*; coi lại chú thích ở kinh **SN 22:23** ở trên, chú thích số đuôi (41). “*Người đã hoàn-toàn hiểu*” (*pariññātāvī*) là cách diễn đạt theo quy ước; coi lại chú thích ở kinh ở kinh **SN 22:22** ở trên, chú thích số đuôi (37), đoạn (2).] (218)

¹⁶⁹ [**Spk nói**: sự tiêu diệt tham, sân, si chính là Niết-bàn.] (219)

¹⁷⁰ [Đề ý: trong bài kinh kể trên (**SN 22:109**) nói về bậc “*Nhập-lưu*”, Phật đã định nghĩa và gọi bằng ‘*một người đệ tử thánh thiện*’: là người đã chứng ngộ vào dòng thánh đạo nhưng chưa diệt sạch những ô-nhiễm và gông-cùm trói buộc. Còn trong bài kinh (**SN 22:110**) này (và chỗ khác), thì bậc “*A-la-hán*” (cũng như các danh từ “*người đã giải thoát*”, “*người đã niết-bàn*”) thì Phật luôn định nghĩa và gọi bằng ‘*một Tỳ kheo*’.] (221)

¹⁷¹ (Đề ý: trong những kinh khác Phật cũng định nghĩa vô-minh là *sự không hiểu biết về Bốn Diệu Đế*. (NHÓM 3 bên dưới (‘NHÓM ‘VÔ MINH’) gồm một dãy kinh giải thích về vô-minh và minh (từ **22:126–22:135**).)

¹⁷² [Coi thêm kinh **SN 12:16**.] (222)

¹⁷³ [Tên kinh trong phiên bản Ee là *Parimucchita* (Giải Thoát), nó nên được sửa lại thành chữ *Paripucchita* (*Sự Vấn Hỏi, Sự Chất Vấn*)] (224)

¹⁷⁴ [Danh sách các tính từ này cũng được thấy trong các kinh khác của các bộ kinh [như trong **MN I 435,33–35**, **MN I 500,3–5**, và trong các kinh **AN ...**]. 11 một tính từ này lại được mở rộng thành 40 trong luận giảng **Paṭis II 238**, và được đề cập trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism 611–13 (Ppn 20:19–20)**.

- **Spk** thì thu chúng lại thành ba nhóm quán-niệm (thiền quán): “vô thường” và “tan rã” đại diện cho nhóm ‘*quán niệm tính vô-thường*’; “trống không” và “vô ngã” đại diện cho nhóm ‘*quán niệm tính vô-ngã*’; và số còn lại là đại diện cho nhóm ‘*quán niệm tính khổ*’.

- Tuy nhiên, **Vism 613** và **Ps III 146,13** thì đưa tính từ “như kẻ lạ” (*parato*) vào nhóm ‘*quán niệm tính vô-ngã*’, trông có vẻ đúng lý hơn.] (225)

¹⁷⁵ (Chỗ này người dịch Việt tóm lược. Kinh gốc chỉ tóm lược dãy 11 tính từ.)

¹⁷⁶ [Nguyên văn: *Natthi ... arahato uttarikaraṇiyam katassa vā paṭicayo*. **Spk** không bình luận về chỗ này, nhưng luận giảng **Mp** khi chú giải về kinh **AN** có giải thích: “*Không còn gì để làm thêm nữa*, là bởi vì vị ấy đã làm xong những bốn nhiệm vụ cần phải làm theo giáo pháp của *Bốn Diệu Đế*. (Coi thêm kinh **56:11** (Quyển 5)). *Và không cần lặp lại những gì đã làm xong*, bởi vì đạo đã tu tập xong không cần tu tập lại và những ô-nhiễm đã trừ bỏ xong không cần phải được trừ bỏ lại. Về “*sự an trú lạc ngay trong kiếp này*” ghi kể dưới, chú thích cuối kinh **SN 17:30** (Quyển 2) ghi [**Spk**: “*những trạng thái an trú lạc trú*” tức là trạng thái tầng thiền định...] (332)..] (226)

¹⁷⁷ [Giống lời trong kinh **SN 22:39**] (228)

¹⁷⁸ [03 bài kinh **SN 22:147, 148, 149** này là tương ứng với 03 kinh **SN 22:40, 41, 42**.] (229)

179 [Đây hoàn toàn là *tư tưởng trường tồn bất-diệt*; coi thêm kinh **SN 22:81** ở trên, đoạn **(vi)** và chú thích của nó, số đuôi (134).] (232)

180 [Đây là *tư tưởng diệt-vong*; coi thêm kinh **22:81** và chú thích số đuôi (135) của nó, và chú thích ở đoạn đầu kinh **22:55**, số đuôi (75).] (233)

181 [*Micchādiṭṭhi*: cách nhìn, quan điểm, kiến chấp sai lạc; tà kiến. Trong các bộ kinh có chỗ cũng coi đây là cách-nhìn của chủ nghĩa hư vô, ví dụ như trong kinh **MN I 287,12–18**. Coi thêm lời kinh như vậy trong kinh **SN 24:05**.] (234)

182 [*Sakkāyadiṭṭhi*: cách-nhìn (có) danh-tính, hay thân kiến, tức quan điểm cho rằng có một danh-tính cái ‘ta’. Coi chú thích ở kinh **22:01**, đoạn (I), (i), chú thích số đuôi (5).] (176)

183 [*Attānudiṭṭhi*. Ở luận giảng **Paṭis I 143** có định nghĩa công thức đối với 20 loại cách-nhìn danh-tính (thân-kiến).] (236)

184 [**Spk**-pt giải thích *những sự cố-chấp (abhinivesa)* là gồm 03 thứ: dục-vọng, sự tự-ta (ngã mạn), và những quan-điểm này nọ (tà kiến); và *những xiềng-xích (vinibandha)* là những xiềng xích thuộc tâm do không tránh bỏ nhục-dục đối với thân-sắc, cảm-giác... [coi thêm kinh **MN I 101,28–102,16**]. Còn trong bài kinh kế tiếp có thêm *sự nắm-giữ (ajjhosaṇa)* được định nghĩa bởi **Spk**-pt là gồm 02 thứ: dục-vọng và những quan-điểm này nọ (tà kiến).] (237)

185 [**Spk**: tình huống ở đây là: Thầy Ananda đã thấy các Tỷ kheo khác nhận lãnh từ Phật chủ-đề (đề mục) thiền quán về năm-uẩn và họ đã chứng đắc thánh quả A-la-hán và đã tuyên bố ‘trí-biết cuối cùng’ của mình trước mặt Phật. Vì vậy nên thầy đã đến gặp Phật muốn nhận lãnh chủ-đề thiền quán để làm được như họ. Phật biết thầy ấy sẽ không chứng đắc ba thánh quả cao hơn (cao hơn Nhập-lưu) trong thời gian Phật còn tại thế, nhưng Phật vẫn đưa ra những hướng dẫn thiền quán để làm thỏa lòng thầy Ananda. (Mỗi ngày) thầy Ananda sẽ chú tâm (thiền quán) vào chủ-đề thiền của mình một hay hai lần trước khi đến hầu cận Phật, và chính đó là một yếu-tố giúp thầy ấy sau này đã *dần dần chín-muồi tới sự giải-thoát*.] (238)

186 [**DPPN 2:730** giải thích thầy Rādhā trước kia là một bà-la-môn ở thành Rājagaha (Vương Xá), trở thành một Tỷ kheo khi tuổi đã già. Thầy Rādhā được tuyên bố là người thụ nhận được nhiều bài kinh mang tính hùng biện nhất từ Đức Phật, như trong kinh **AN 1:233**. Một cách khác, Phật tuyên bố thầy là đệ

nhất về năng-lực phát khởi tính biện-tài diễn đạt trong người khác (*etadaggamapaṭibhānakeyyāna*), (chẳng hạn thầy là người làm cho người khác (như Phật) phát khởi tính hùng biện để nói ra những bài thuyết giảng mang hùng biện nhất). Thầy Rādhā cũng được tả trong hai kinh thi kệ **Th 133–134** (= **Dhp 13–14**).

- **Spk**: Hễ khi Phật nhìn thấy vị trưởng lão này thì những chủ-đề (giáo lý) vi tế khởi lên trong Phật. Vì vậy Phật đã chỉ dạy cho thầy ấy Giáo Pháp theo nhiều cách khác nhau. Trong **Chương 23** này, có hai **NHÓM** kinh (*vagga*) được giảng dạy theo cách ‘*đặt câu hỏi*’; một **NHÓM** thứ ba thì theo cách ‘*thỉnh cầu*’, và một **NHÓM** thứ tư thì theo cách ‘*nói chuyện thân mật*’ (*upanisinnakakathā*: nghĩa gốc là “*nói chuyện khi ngồi gần nhau*”).] (239)

¹⁸⁷ [**Spk**: ở đây Ma Vương (*Māra*) là chữ ẩn dụ chỉ “cái chết và năm uẩn” (*māra-khandha, khandha-māra*)]. (240)

¹⁸⁸ [Nguyên văn câu này: *Vimutti kho Rādhā nibbānatthā*. **Spk** giải nghĩa: Sự “*Sự giải-thoát của thánh quả*” này là vì mục đích (dẫn tới) Niết-bàn không còn dính-chấp (*phalavimutti nāma esā anupādānibbānatthā*).] (242)

¹⁸⁹ [Đoạn vấn đáp này cũng có ở kinh **SN 48:42** và **MN I 304,20–22**. Phiên bản **Be** luôn đọc động từ *accayāsi* [là thể bất định của *atīyāti*]; **Se** thì đọc là *accasarā* [thể bất định của *atīsarati*]. Chữ *assa* ở đây và chữ *ajjhaparam* bên dưới chắc hẳn là do lỗi chính tả.

- Nguyên văn Pali của câu cuối là: “*Nibbānogadham hi Rādhā brahmacariyaṃ vussati nibbānaparāyanaṃ nibbānapariyosānaṃ*”. Nhiều dịch giả đã dịch chữ *nibbānogadha* nghĩa là ‘nhập Niết-bàn’, ‘nhập vào Niết-bàn’, ‘nhập thể Niết-bàn’, ‘nhập trong Niết-bàn’, hoặc ‘nhảy vào Niết-bàn’ bởi do các luận giảng đã gợi ý kết nối chữ *ogadha* với *ogāha*: nghĩa là sự nhảy vào, nhập vào (từ động từ *ogāhati*: nhảy vào, nhập vào, phóng vào). Nhưng thực chất thì chữ *ogadha* là chữ đồng dạng biến thể của chữ *ogādha* từ động từ *ogādhati* mà các luận giảng cho là đồng nghĩa với chữ *paṭiṭṭhahati*: có nghĩa là “*được thiết lập*”. Họ đã xác nhận mối liên kết này bằng cách mạnh tay giải thích *ogadha* = *paṭiṭṭhā*: có nghĩa là “*sự hỗ trợ*”; bởi vậy tôi mới diễn dịch theo nghĩa là “*nền tảng, căn cứ*”. Để tham khảo thêm, mời coi tự điển Pali **CPD**, các chữ *ogadha*, *ogādhati*, *ogāha*, và cách dùng chữ *gādha*, cả về nghĩa gốc và nghĩa ẩn dụ, trong Phần **I, v. 263** của nó. Còn **MW** thì định nghĩa chữ *gādha* (từ gốc từ

gādh: đứng vững, trụ chắc) là một căn cứ hay nền tảng để đứng chắc chân dưới nước, ở chỗ nước cạn, chỗ sông cạn.] (243)

¹⁹⁰ [Câu trả lời này dựa trên sự chơi chữ giữa chữ *satta* với chữ tương đương trong tiếng Phạn là *sattva* có nghĩa là “*chúng sinh*” và phân từ quá khứ của nó là *sajjati* (= tương đương trong tiếng Phạn là *sakta*) có nghĩa là “*bị ràng buộc, bị dính kẹt, mắc kẹt*”.] (244)

¹⁹¹ [Coi thêm, so sánh với kinh **SN 12:15**.] (247)

¹⁹² [Đây là bốn sự phân loại tất cả các đối tượng. Theo **Spk**: (1) *thứ được nhìn thấy* (*diṭṭha*) là cơ sở hình-sắc được nhìn thấy; (2) *thứ được nghe thấy* (*suta*) là cơ sở âm-thanh được nghe thấy; (3) *thứ được cảm nhận* (*muta*) là những đối tượng được ngửi, nếm, và chạm xúc; và (4) *thứ được nhận biết* (*viññāta*) là 07 cơ-sở khác (tức: gồm *sáu cơ-sở cảm nhận bên trong* (sáu giác quan, sáu nội xứ) và một *cơ sở hiện-tượng thuộc tâm ở bên ngoài* (pháp xứ). **Spk**: Những chữ “*được đạt tới, được tìm-kiếm, và được bao-quát bởi cái tâm*” (*pat-taṃ pariyesitaṃ anuvicaritaṃ manasā*) chỉ là lặp lại như đồng nghĩa và làm rõ hơn cho chữ thứ tư (4) kể trên mà thôi.

- Trong những kinh kế tiếp của **NHÓM** này, phần lời này được bỏ đi khi giản lược, nhưng phải được hiểu là chúng có đầy đủ trong các kinh.] (250)

¹⁹³ [**Spk** không giải thích ‘*sáu trường hợp*’ là gì. Dường như ‘sáu’ là gồm: 05 uẩn và 1 bộ [bộ gồm: bốn đối-tượng giác quan được gộp chung thành 01 bộ]. So sánh với kinh **MN I 135**, trong đó 1 bộ bốn đối-tượng giác quan này thực sự thay thế “*thức*” (*viññāṇa*) làm *cơ-sở tạo ra những cách-nhìn* (*diṭṭhiṭṭhāna*) là sai lạc và tà kiến.] (251)

¹⁹⁴ [(Đây *tư tưởng bất-diệt*; coi kinh **SN 22:18**, đoạn (**vi**), và chú thích của nó, số đuôi (134).]

¹⁹⁵ [Giống đoạn này trong kinh **SN 22:18**, đoạn (**vii**), coi thêm chú thích của nó.] (253)

¹⁹⁶ [Từ chỗ này trở xuống là toàn bộ thuyết ‘*hư vô*’ (*natthika-vāda*), còn gọi là thuyết ‘*sẽ bị hủy diệt*’ (*uccheda-vāda*), nó được cho là do khổ sĩ Ajita Kesakambalī nói ra.] (254)

¹⁹⁷ [Từ đây trở xuống là thuyết ‘không có hiệu lực của nghiệp’ hay ‘phi nghiệp quả’ (*akiriya-vāda*), được cho là do khổ sĩ Purana Kassapa nói ra.] (255)

¹⁹⁸ [Từ đây trở xuống là triết lý ‘không có nguyên nhân’ hay ‘phi nhân duyên’ (*ahetuka-vāda*), được cho là của Makkhali Gosala (theo kinh **DN I 53, 25-33**), một phần của nó cũng được cho là của khổ sĩ Purana Kassapa; những đệ tử của Makkhali Gosala được gọi là các *Ajivika*, họ đều theo thuyết này.] (256)

¹⁹⁹ [Câu trong ngoặc vuông này được lấy từ kinh dài **DN I 53, 28–29**, chứ không có trong **SN** hay phiên bản của nó trong **MN** là **MN I 516, 33–517, 3**] (*cũng* 256)

²⁰⁰ [*Sáu giai-cấp* (*chaḷabhijātiyo*)—đen, xanh, đỏ, vàng, trắng, và trắng tốt cùng—thể hiện 06 giai đoạn tu tập của những *ājīvika* đi tới sự hoàn-thiện; coi thêm bài viết của TKBD “*Những Kết Quả Của Đời Sống Tu Sĩ*” (Sa-môn Quả), trang 73–75. Trong kinh **AN**, thuyết này này được cho là của Pūraṇa Kassapa ...] (257)

²⁰¹ [Từ đây trở xuống là học thuyết ‘bảy-thân’ được cho là của Pakudha Kaccāyana.] (258)

²⁰² [Đoạn kinh trong ngoặc vuông [...] này được tôi [TKBD] chép từ **DN** và **MN**, vì dường như trong **SN** này đã bị mất đi đoạn này khi kết tập.] (259)

²⁰³ (Đoạn sau này giống hệt trong kinh đầu chương là **SN 24:01** ở trên, nên quý vị đọc lại chú thích chỗ này trong kinh đó).

²⁰⁴ (Dẫn lại chú thích chỗ này trong kinh đầu chương là **SN 24:01**, như vậy: [**Spk** không giải thích ‘*sáu trường hợp*’ là gì. Dường như ‘sáu’ là gồm: 05 uẩn và 01 bộ [bộ gồm: bốn đối-tượng giác quan được gộp chung thành 1 bộ]. So sánh với kinh **MN I 135**, trong đó 1 bộ bốn đối-tượng giác quan này thực sự thay thế “thức” (*viññāṇa*) làm *cơ-sở tạo ra những cách-nhìn* (*ditthiṭṭhāna*) là sai lạc và tà kiến.] (251).)

²⁰⁵ [Tôi dịch tên của 03 NHÓM kinh kế tiếp như trong **Be** ghi là: *Dutiyagamanavagga*, *Tatīyagamanavagga*, *Catutthagamanavagga*. Trong **Se**, NHÓM 3 và NHÓM 4 cũng được đặt tên giống vậy, những NHÓM 2 ở đó được gọi là *Gamana-vagga*. **Ee** gộp tất cả 18 kinh tiếp theo (từ kinh **24:19**) vào trong một nhóm thành NHÓM 2, rồi lại phân thành 4 Phân Nhóm được gọi là *gamana*.

Be đặt tên cho NHÓM 1 [18 kinh đầu] là *Purimagamana*, và NHÓM 2 [18 tiếp theo] là *Dutiyagamana*; còn NHÓM 3 và NHÓM 4 thì đặt tên giống như các phiên bản kia, nhưng không có chữ “-vagga” (NHÓM).

- Trong lời giới thiệu phần này [trang ix] học giả Feer đã đề nghị tính 18 kinh của NHÓM “*Nhập-Lưu*” (*Sotāpatti-vagga*) hai lần, và do vậy sẽ duy trì toàn bộ *Chương* 24 này gồm có 114 kinh [18 + 18 + (3 x 26)]. Tuy nhiên, cách này phải nhân đôi một cách không cần thiết [mà bản thân Feer cũng cho là rắc rối]. Như vậy, tốt nhất là làm theo cách sắp xếp của *Chương* 24 này của **Be** và **Se.**] (264)

²⁰⁶ [Điều này được nói bởi vì năm-uẩn chính là *dukkha* (sự khổ).] (265)

²⁰⁷ [*Người tu theo niềm-tin* hay *người căn-tín* (*saddhānusārī*) và *người tu theo Giáo Pháp* hay *người căn-trí* (*dhammānusārī*) là hai loại đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Hai loại người tu này là hàng thấp nhất trong cách phân loại chính thức về 07 hàng đệ tử, như trong kinh **MN I 477–479**. 07 hàng đệ tử cũng được định nghĩa, hơi khác một chút, trong **Pp 14–15 (§30–36)** và trong **Vism 659–60 (Ppn 21:74–78)**. Người căn-tín và người căn-trí cũng được phân biệt trong kinh **SN 55:24** và **SN 55:25**, mặc dù không được phân biệt trong kinh này. Trong các kinh **SN 48-12–17** thì hai loại người tu này đứng cuối danh sách những thánh nhân, ở hàng những đệ tử đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu. Và trong đó người căn-tín xếp dưới người căn-trí vì lý do căn-tín là thấp hơn căn-trí. Nói gọn, người căn-tín và người căn-trí chỉ khác nhau ở chỗ trọng căn của họ: người đầu dựa vào niềm-tin (tín) làm cỗ xe tu tiến, người sau dựa vào sự hiểu-biết (trí). Rồi khi họ chứng ngộ Nhập-lưu, người căn-tín được gọi là “*người được giải thoát nhờ niềm-tin*” (*saddhāvimutta*; coi thêm **MN I 478,29–34**), và người căn-trí được gọi là “*người đã đạt tới tâm-nhìn*” (*ditṭhippatta*); (coi thêm **MN I 478,18–23**).

- Về cụm chữ ‘*đạo lộ chân chính đã được định xong*’, dịch đúng nguyên văn là: ‘*đạo lộ đã được định xong của sự chân chính*’ (*sammattaniyāma*). **Spk** giải nghĩa *sammattaniyāma* chính là thánh đạo (*ariyamagga*).

- Về câu “*người đó không thể chết đi mà chưa chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu*”, **Spk** cho rằng một khi thánh đạo đã khởi sinh thì không còn trở ngại nào tới thánh quả. Trong **Pp 13 (§20)** có ghi câu này: “Người này phải là người đang tu tập để chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu, và phải đến lúc một đại kiếp cũng cháy rụi, (nhưng) một đại kiếp sẽ không cháy rụi cho đến khi người đó

chứng ngộ thánh quả Nhập-lưu.” (Ý nói người này là *đã chắc chắn sẽ chứng thánh quả Nhập-lưu.*) (268)

208 [Câu này làm rõ cách mà bậc Nhập-lưu khác biệt với những người tu khác đang trên đường tới Nhập-lưu. *Người căn-tín* chấp nhận những giáo lý dựa theo niềm tin tưởng của mình [cộng với ít nhiều sự hiểu chúng], *người căn trí* thì thông qua sự điều tra tìm hiểu; nhưng bậc Nhập-lưu thì *đã biết và thấy* một cách trực tiếp. Chỗ này tôi cũng đọc theo **Se** ghi là: *evam jānāti evam passati.*] (270)

209 [Chữ *yếu-tố thức* (*viññāṇa-dhātu*) bị mất trong phiên bản **Ee**, nhưng có trong cả **Be** và **Se**.] (271)

210 (272)

211 [*Cittass’ eso upakkilesa: sự suy đồi của tâm. Spk*: Sự suy đồi của tâm nào? Đó là tâm thuộc bốn cõi. Công nhận đó là tính chất của tâm trong ba cõi thế-tục, nhưng cách nào có sự suy đồi của tâm thuộc cõi siêu thế? Đó là bằng cách cản trở sự khởi sinh của nó. Sở dĩ nó là một sự suy đồi bởi vì nó không cho cái tâm (siêu thế) khởi sinh. Mặc dù chủ-đề của *Chương* này là *kilesa* được dịch là “ô-nhiễm”, nhưng lời bài kinh này lại dùng chữ *upakkilesa* nên tôi [TKBĐ] diễn dịch là “*sự suy đồi*”. Kinh **MN I 36–37** liệt kê 16 “*sự suy đồi của tâm*”, trong khi kinh **SN 46:33** lại áp dụng thuật ngữ này thành cách chỉ định *năm chương-ngại*.] (273)

212 [Về cụm chữ “*trong sáu trường hợp này*”, coi lại chú thích ở kinh **SN 24:01** ở trên.]

213 [**Spk** giải thích rằng: “*Tâm của người đó sẽ ngã theo hướng từ-bỏ*” (*nekkhammaninnaṃ c’assa cittaṃ hoti*): là cái tâm vắng-lặng (định) và minh-sát (tuệ) ngã hướng về 09 trạng thái siêu thế. “*Những điều sẽ được chứng ngộ bằng trí-biết trực tiếp*” (*abhiññā sacchikaraṇīyesu dhammesu*): là những điều thuộc 06 loại trí-biết trực tiếp (sáu trí, sáu minh). **Spk** không giải thích chữ *khāyati*, nhưng nghĩa gốc nó là ‘*xuất hiện, hiện ra*’.] (274)

214 [Giống lời trong kinh **SN 21:03**. Coi thêm chú thích số đuôi (18) trong **SN Quyển 1**.] (275)

215 [Mời quý vị coi lại chú thích ở đoạn đầu kinh **SN 18:21** (Quyển 2), chú thích số đầu (340).] (276)

216 [Tên của nữ du sĩ này có nghĩa là “*Khuôn Mặt Tinh Khiết*”. **Spk** giải thích rằng cô ấy tiếp cận trưởng lão Xá-lợi-phất với ý định chế giễu thầy ấy bằng những câu hỏi của cô ta và để kích động một cuộc tranh luận. Dưới đây, mỗi câu hỏi và trả lời đều mang có nghĩa đen và nghĩa ẩn ý thâm sâu.] (278)

217 [Chữ này là *disāmukha*. **Spk** giải nghĩa là: *Catasso disā olovento ti attho.*] (279)

218 [Chữ này là: *vatt huvijjā*. **Spk** giải thích nghề bói đất này là bói cuộc đất hay khu đất có tốt hay không để trồng trọt; còn **Sv I 93**,14–17 thì nói đây là khoa học quyết định khu đất hay cuộc đất có tốt hay không để cất nhà và chùa chiền, tu viện...] (280)

219 [Chữ này là: *nakkhattavijjā*. Về nghề bói sao, coi lại kinh dài **DN I 10**,10–31 có nói chi tiết.] (281)

220 [Cụm chữ này là: *dūteyya-paṇṇāgamanānuyoga*. Coi kinh dài **DN I 8**,20–25 có ghi chi tiết. Việc đi làm những việc vặt người khác nhờ hoặc làm việc chạy đi nghe tin báo tin này nọ là không phù hợp với một Tỷ kheo, vì người ta sẽ nghĩ Tỷ kheo làm ‘nghề’ đưa tin báo tin cho những người khác.] (282)

221 [Chữ này là: *aṅgavijjā*. Nghề này cũng được nói trong kinh dài **DN I 9**,7. **Spk** giải thích đây là một môn bói đoán thời vận tương lai của một người bằng cách coi những đường-nét (tương mạo, chỉ tay... chứ không riêng chỉ tay) của người đó. Có thể đồng nghĩa với nghề bói “tương số” ở các nước Đông Á như Việt Nam...] (283)

222 [Về những loài rồng naga (*nāga*) được nói trong *Chương* này và những loài chúng-sinh khác (*chim-thần, càn-thát-bà, thiên-thần-mây*) được nói trong 03 *Chương* tiếp theo, mời đọc lại phần *Giới Thiệu về Phần III* trong CDB (bản dịch Pali-Anh của bộ kinh này bởi TKBD), trang 850-851. *Bốn phương thức sinh sản hay bốn kiểu sinh (yonī)* được nói ra ở đây là chỉ *tất-cả các loài chúng sinh*; coi thêm **MN I 73**,3–15. Theo **Spk**, Đức Phật nói kinh này là để giải cứu các Tỷ kheo khỏi chí hướng muốn tái sinh thành những chủng loài rồng

(*nāgayonhi uddharaṇattham*, hay (**Se**): *ukkaṇṭhanattham*) như vậy, để làm cho họ chán ngán với những kiểu sinh thành rỗng và kiếp rỗng như vậy.] (284)

223 (Ở đây người dịch Việt đánh số và tóm lược để người đọc dễ đọc, khỏi bị vấp khi đọc nguyên văn các loài.)

224 [Nguyên văn: *Uposatham upavasanti vossatṭhakāyā ca bhavanti*. Theo cổ tích Phật giáo, những loài rồng naga có thể tuân giữ giới-hạnh trong ngày rằm Bồ-tát (*Uposatha*), và thậm chí có thể nhất tâm giữ giới-hạnh đó cho dù phải chết. Câu chuyện minh họa là *Chuyện Tiên Thân Campeyya* (*Campeyya Jātaka*; chuyện số 506), trong đó vị Bồ-tát được tái sinh thành vua rồng naga, long vương) đã duy trì sự giữ-giới ngay cả khi bị hành hạ tàn khốc bởi một con rắn bùa mê.

Spk-pṭ còn giải thích thêm: “*Từ bỏ thân thể chúng*”: khi chúng đã quyết tâm giữ-giới thì chúng từ bỏ thân thể với một cái tâm không quan tâm tới thân thể nữa, chúng chỉ nghĩ rằng: “Ai muốn da, máu, xương của ta thì cứ lấy”.] (285)

225 (287)

226 (288)

227 [Chữ *gandhabba* liên với những chất hương thơm, rõ ràng là vậy vì chữ này dựa trên gốc từ *gandha*, có nghĩa là *mùi hương*. **Spk**: Những càn-thát-bà trong những gốc cây hương thơm được sinh ra nhờ sự hỗ trợ của một *cây có gốc rễ thơm*, nhưng toàn bộ cây đó đều là nơi cư trú của những càn-thát-bà đó. Tương tự đối với những loại càn-thát-bà khác được sinh ra nhờ sự hỗ trợ của những bộ phận khác của cây...] (289)

228 [Sự tái sinh thành một *càn-thát-bà* được coi là tốt lành và đó là nghiệp quả trực tiếp từ những hành-vi thiện (thiện hành, thiện nghiệp); khác với sự tái sinh của rồng *nāga* và chim thần *supaṇṇa*, đó là sự hỗn hợp (tốt và xấu) và là nghiệp quả trực tiếp của những hành vi mâu-thuẫn (tức nghiệp thiện và bất thiện lẫn lộn).] (290)

229 [**Spk**: đây là những thiên thần sống trong không trung khởi sinh trong số những thiên thần sống-trên-mây, hay thiên thần mây.] (291)

230 [Đây là một du sĩ nổi tiếng trong tạng Kinh Pāli: ông xuất hiện 03 lần trong các kinh dài **MN 71, 71, 73**, và lần thứ ba ông đã trở thành Tỳ kheo và chứng

luôn thánh quả A-la-hán. Riêng trong bộ kinh **SN** này, ngoài chỗ này ra, ông cũng còn tái hiện trong các kinh **SN 44:07–11.**] (154)

²³¹ [Bài kinh này và các bài kinh tiếp theo đều sử dụng cùng khuôn mẫu “*Bốn Diệu Đế*”, (tức: *sự-thật, nguồn-gốc, sự chấm-dứt, và con-đường dẫn tới sự chấm dứt*) cho từng mỗi uẩn của năm uẩn. *Vô-minh* là sự không hiểu biết Bốn Diệu Đế, và các bài kinh này chỉ ra sự vô-minh là nguyên nhân nằm bên dưới “*10 quan-điểm mang tính suy đoán*” như vậy.] (295)

²³² [**Spk** cho rằng lý do “*do không nhìn-thấy*” cũng đồng nghĩa như lý do “*do không hiểu-biết*”.] (296)

²³³ [“*Liên-kết Thiên Định*” (*Jhāna-samyutta*) là tên **Chương 34** này, nhưng nó cũng là tên của **Chương 53** (Quyển 5). **Chương 53** thì nói về của bốn tầng thiên-định sắc-giới [jhāna] là những sự chứng-đắc. Còn **Chương 34** này thì nói về **tiền-trình** thiên tập hơn là những kết quả chứng đắc hay những tầng chứng đắc đó, nhưng tôi vẫn dịch tên chương giống nhau như vậy. **Chương 34** này đã được tạo ra như một *cỗ xe (cakka)* chỉ ra tất cả những sự hoán-đổi có thể giữa *11 kỹ-năng thiên-tập*. Mỗi cặp kỹ năng đều được so sánh thêm theo 04 trường hợp: **(i)** *có-được kỹ năng này nhưng thiếu kỹ năng kia*; **(ii)** *có-được kỹ năng kia nhưng thiếu kỹ năng này*; **(iii)** *không-có cả hai*; và **(iv)** *có-được cả hai*. Trường hợp cuối cùng **(iv)** là **tốt nhất**.

- **Spk** ghi rằng toàn bộ **Chương 34** này đã được giảng giải theo cách của *những tầng thiên định thế tục*.

- Một số những kỹ-năng cũng được nói đến trong những kinh khác, như: *06 kỹ năng* trong kinh **AN III 311,27–30** (?); *06 kỹ năng* này gần như được lặp lại trong kinh **AN III 427,25–428,4** (?); và *07 kỹ-năng* trong kinh **AN IV 34,5–9** (?).

- (Các số hiệu kinh này, như trong phần *Bảng Viết Tắt* ở cuối quyển đã ghi, là các số hiệu kinh theo **PTS** do thầy TKBD trích dẫn ra. Người dịch Việt đã cố rà tìm số kinh tương ứng trong bản dịch **AN** nhưng không nhìn ra rõ là các kinh nào. - Tuy nhiên, **AN** có một **NHÓM** các kinh chỉ giảng giải về *những tầng thiên định (jhāna)* (và *những tầng chứng đắc vô-sắc ...*): đó là **AN**, phần “*Năm Mười Kinh Đầu*”, **NHÓM 4 (NHÓM LỚN)**, gồm các kinh **AN 9:32–41**).

- Trong các kinh **SN** và **AN** nói về thiền-định thì các kinh **AN** bao gồm *tất cả mọi kỹ-năng thiền định*, ngoại trừ kỹ năng “*thiện khéo về đối-tượng*” (*ārammaṇakusala*) dường như chỉ có trong *Chương 34* này của **SN**.

- Các chú giải về thiền-định trong luận giảng **Mp** về **AN** [**Mp III** 354–55 (?)] và luận giảng **Spk** về **SN** là tương ứng giống nhau, chỉ có vài chỗ khác nhau đối chút sẽ được chỉ ra trong những chú thích kế tiếp dưới đây.] (297)

²³⁴ [**Spk**: *Thiện khéo về (sự) định-tâm (samādhikusala)*: (là giỏi về đạt-định); là thiện khéo về sự nhận định những yếu-tố như vậy: ‘Tầng thiền định thứ nhất có 05 yếu tố’, ‘Tầng thiền định thứ hai có 03 yếu-tố... *Nhưng không thiện khéo về (sự) chứng-đắc đối với sự định-tâm (Na samādhismiṃ samāpattikusala)*: nghĩa là, mặc dù người tu đã làm cho tâm mềm-dẻo bằng cách làm hoan-hỷ nó [**Spk-pt**] thì nói: bằng cách loại bỏ những trạng thái đối nghịch và thu thập những nhân hợp tác] những người đó không thể chứng đắc tầng thiền định.

- Luận giảng của **AN** là **Mp** [**Mp III** 354 (?)] khi chú giải về chữ *samāpattikusala* (*thiện khéo về sự chứng-đắc*) ghi rằng: “Sau khi đã thu thập thức ăn và khí hậu, người đó thiện khéo về sự chứng đắc sự định-tâm—khéo giỏi, có khả năng, và thành thực về việc đó.”

- Tôi (TKBĐ) thì nghi ngờ rằng những chú giải này không ‘bắt’ được nghĩa muốn nói của lời kinh, và tôi nghĩ ở đây sự “*chứng-đắc*” chỉ là đồng nghĩa với kỹ năng “*làm chủ sự chứng-đắc*” (*samāpattivasi*) được mô tả trong luận giảng **Paṭi I 100** như vậy: “*Người đó chứng đắc tầng thiền định thứ nhất (vân vân) ở đâu, khi nào, và trong bao lâu tùy ý mình; người đó không có khó khăn trong việc đó*”.] (298)

²³⁵ (Nguyên văn là chữ *samādhismiṃ*: *đối với sự định-tâm, về vấn đề định-tâm*. Nhưng người dịch Việt dùng cụm chữ là “*trong tu thiền định*” để người đọc dễ hiểu và để khỏi lẫn lộn với cái kỹ-năng định-tâm (*samādhi*) được ghi liên tục trong chương này).

²³⁶ [*Không thiện khéo về duy-trì (Na samādhismiṃ thitikusalo)*. **Spk**: là không giỏi khéo trong việc ổn định trong tầng thiền định, không thể nhập định ổn định trong một thời gian chỉ bằng bảy hay tám cái búng ngón tay.

- Kỹ năng này có thể tương ứng với kỹ năng “*làm chủ sự quyết-định*” (*adhiṭṭhānavasi*) được mô tả trong luận giảng **Paṭi I 100** như vậy: “*Người đó quyết định [khoảng thời gian nhập định] trong tầng thiền định thứ nhất (vân*

vân) ở đâu, khi nào, và bao lâu tùy ý mình; người đó không có khó khăn trong việc quyết định [khoảng thời gian nhập định].] (300)

237 [*Không thiện khéo về sự thoát-ra (Na vuttānakusalo)*]. **Spk**: là không thể thoát ra khỏi trạng thái tầng thiền định vào một thời điểm đã định trước. (Người thiền thành thực thì có thể định trước trong tâm thời gian nhập định bao lâu và thời điểm thoát ra khỏi tầng thiền định). Mời coi thêm định nghĩa về kỹ năng “*làm chủ sự thoát-ra*” (*vuttānavasī*) được mô tả trong luận giảng **Paṭis I 100**, theo cách tương tự như hai kỹ năng “*làm chủ sự chứng-đắc*” và “*làm chủ sự quyết-định*” mới nói trong hai chú thích kể trên.

- (Có lẽ ở đây có thể gồm cả kỹ năng *quán chiếu lại* những gì người thiền đã nhìn thấy trong trạng thái tầng thiền định, từ đó dẫn tới trí tuệ giác-ngộ...)] (301)

238 [*Không thiện khéo về sự mềm-dẻo (Na kallitakusalo)*]. **Spk**: là không giỏi làm cho tâm được mềm-dẻo (dễ uốn nắn, dễ dụng) bằng cách làm hoan-hỷ nó.] (302)

239 [*Không thiện khéo về đối-tượng (Na ārammaṇakusalo)*]. **Spk**: là không giỏi về đối tượng-thiền bằng vật thể, *kaṣiṇa*. Những *kaṣiṇa*, là đối-tượng của những chủ-đề (đề mục) thiền định khác nhau, được dùng để đạt được sự định-tâm: mời quý vị coi sự giảng giải trong Thanh Tịnh Đạo, **Vism 113 (Ppn 3:117)**.] (303)

240 [*Không thiện khéo về phạm-vi (Na gocarakusalo)*]. **Spk**: là không giỏi về phạm-vi (tâm, lĩnh vực, trú xứ) của chủ-đề thiền định [**Spk-pt** thì nói đó là: (không giỏi) về phạm-vi mà sự định-tâm được sản sinh, về cái nơi mà sự đạt-định xảy ra—‘nơi’ đó được biết là chủ-đề thiền (tức về phạm vi của chủ-đề thiền)] và không giỏi về phạm-vi (khu vực, chu vi) của vòng đi khát-thực [**Spk-pt**: do thiếu sự chánh-niệm và sự rõ-biết].

- Luận giảng **Mp** của AN [**Mp III 354 (?)**] thì luận giải hơi khác như vậy: “*Sau khi tránh những thứ không phù hợp là không hữu ích và theo đuổi những thứ phù hợp là hữu ích, người đó là khéo giỏi về phạm-vi (lĩnh vực, trú xứ) khi người đó biết ‘Sự định-tâm có một dấu-hiệu (nimitta, tâm ảnh) là đối-tượng, (tâm ảnh) này có đặc tính [vô thường, khổ, vô ngã] là đối-tượng.’*” Câu cuối

này đề cập tới sự phân-biệt giữa thiền-định (*samatha*, thiền vắng lặng) và thiền-quán (*vipassanā*, thiền minh-sát).] (304)

²⁴¹ [*Không thiện khéo về sự quyết-tâm (Na abhinīhāra kusalo)*. **Spk** không chú giải gì chữ này, nhưng **Spk-pt** thì nói: “Là không giỏi về sự quyết-tâm để nâng hạng chủ-đề thiền định để có thể có được sự khác-biệt (cao hơn) (*kammaṭṭhānam viśesabhā gīyatāya abhinīharitum akusalo*). Điều này nghĩa là không có khả năng (quyết tâm) nâng hạng từ tầng thiền định thứ nhất lên tầng thiền định thứ hai, thứ ba ...”.] (305)

²⁴² [*Không phải là một người làm việc chu đáo (Na sakkaccakārī)*. **Spk**: Là người đó không làm (thực hiện, tu tập) một cách kỹ càng đủ để chứng nhập tầng thiền định. (*Chu đáo* là chỉ sự làm một cách chu toàn kỹ càng đủ để chứng nhập vào tầng thiền định).] (306)

²⁴³ [*Không phải là một người làm kiên-trì (Na sātaccakārī)*.] (307)

²⁴⁴ [*Không phải là một người làm điều thích-hợp (Na sappāyakārī)*. **Spk**: là người đó không khả năng hoàn thiện những phẩm-chất để hữu ích, thích hợp cho sự định-tâm (không thích hợp để đạt-định).] (308)

(a) Về bản dịch, quý độc giả có sự thắc mắc, góp ý, sửa lỗi, hiệu đính, tra cứu, hoặc xin nhận bản in giấy ấn tống, liên hệ người dịch; email: lekimkha@gmail.com, hoặc nhắn tin/điện thoại: 0909503993, hoặc thư viện chùa Bửu Quang, Bình Triệu, Thủ Đức, điện thoại: 0918735176 (sư cô Quang Kiến); 0908475521 (chú Bính).

(b) Hoặc về kỹ thuật, liên hệ anh Huỳnh Văn Thịnh, email: huynhvanthinh@gmail.com, hoặc điện thoại: 0363316764.